**Ngày soạn:**

**BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Tri thức Ngữ văn (đề tài và chi tiết, tính cách nhân vật, văn bản tóm tắt, mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ) [4].

- Nhà văn Nguyễn Quang Thiều và văn bản “Bầy chim chìa vôi” [5].

- Tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn [6].

- Các chi tiết tiêu biểu trong văn bản “Bầy chim chìa vôi” [7].

- Nhận biết và phân tích được các chi tiết nói về nhân vật cũng như tính cách của nhân vật Mên và Mon trong văn bản “Bầy chim chìa vôi” [8].

- Viết được đoạn văn kể lại sự việc bằng NT1 (đóng vai nhân vật trong tác phẩm) [9].

- Xác định được thành phần trạng ngữ trong câu [10].

- Tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ [11].

***2. Về năng lực***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp [2].

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt [3].

***3. Về phẩm chất:***Yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng,...

+ Học liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

+ Phiếu học tập: Sử dụng các phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

**2. Học sinh.**

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong SGK; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 01: TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**  **(Chuẩn bị ở nhà)** | |
| 1. Kể tên các truyện ngắn và tiểu thuyết mà em đã học hoặc đã đọc. | …………………………………………………  ………………………………………………… |
| 2. Em hiểu thế nào là đề tài của tác phẩm văn học ? Cho ví dụ? Có những cách phân loại đề tài như thế nào? | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. |
| 3. Em hiểu thế nào là chi tiết trong tác phẩm văn học? Lấy ví dụ về một chi tiết truyện mà em ấn tượng, nêu ý nghĩa của chi tiết đó. | ………………………………………………….  …………………………………………………  …………………………………………………. |
| 4. Bằng cách nào tác giả làm bật được đặc điểm tính cách của nhân vật trong tác phẩm văn học? Cho ví dụ minh họa. | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………. |

- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Viết, Nói và Nghe, và thực hành bài tập SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Ngày dạy:**

**TIẾT: 1,2,3:**

**(Nguyễn Thị Thủy-THCS thị trấn Quế-Kim Bảng-Hà Nam-0358118592)**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Đọc văn bản 1: BẦY CHIM CHÌA VÔI**

**– *Nguyễn Quang Thiều* –**

**HOẠT ĐỘNG 1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý, tạo sự kết nối HS với chủ đề bài học.

**b. Nội dung:** HS nhìn tranh đoán chữ, chia sẻ suy nghĩ, GV kết nối vào bài học.

**c. Sản phẩm**: Gọi đúng tên bức tranh, những suy nghĩ, chia sẻ của bản thân.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV sử dụng kĩ thuậttổ chức cho HS chơi trò chơi **“NHÌN TRANH ĐOÁN CHỮ”. Hoặc Gv cho quan sát tranh rồi dẫn dắt vào bài**

**Bước 1.** GV phổ biến luật chơi: Có 7 dòng chữ hàng ngang tương ứng với tên gọi của 7 bức tranh. Lớp sẽ chia thành bảy nhóm, bốc thăm vào hình số nào sẽ đoán chữ tương ứng với hình đó. Sau khi tìm chính xác tên gọi của 7 bức tranh, sẽ hiện ra ô chữ hàng dọc. Đội nào đoán ra trước ô chữ hàng dọc, sẽ được thưởng giải đặc biệt là một cuốn sổ tay.

Bước 2. Hs chia nhóm sau đó thực hiện trò chơi.

Bước 3. Gv làm trọng tài, tuyên dương phát thưởng.

Gợi ý đáp án:

Hình 1: TẮM MƯA

Hình 2: ĐUA DIỀU

Hình 3: ĐUỔI BẮT

Hình 4: CHI CHI CHÀNH CHÀNH

Hình 5: OẲN TÙ TÌ

Hình 6: ĐÁNH CHUYỀN

Hình 7: KÉO CO

Ô CHỮ HÀNG DỌC: **TUỔI THƠ**







**GV sử dụng KT đặt câu hỏi:**

* Hãy chia sẻ với các bạn về những trải nghiệm của tuổi thơ em.
* Hs tự chia sẻ suy nghĩ.
* **GV dẫn vào bài học:**

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1. TÌM HIỂU GIỚI THIỆU BÀI HỌC**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS xác định rõ nội dung chủ đề và thể loại văn bản chính của bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ.

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **I. Giới thiệu bài học** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Làm việc cá nhân:  - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học (SGK/tr.9) và cho biết:  *1)* *Bài học 1 gồm những văn bản đọc chính nào?*  *2) Các VB đọc chính cùng thuộc thể loại gì?*  *3) VB đọc kết nối chủ đề thuộc thể loại gì?*  *4) Vì sao các VB đọc chính và VB3 (đọc kết nối chủ điểm) lại cùng xếp chung vào bài học 1?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trả lời câu hỏi của GV  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.  - GV dẫn dắt giới thiệu vào nội dung bài học. | **- VB đọc chính:**  **+** VB1: *Bầy chim chìa vôi* (Nguyễn Quang Thiều);  + VB 2: *Đi lấy mật* (Trích *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi);  + VB 4 thực hành đọc:  *Ngôi nhà trên cây* (trích *Tốt-tô-chan bên cửa sổ*, Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô).   * *Các VB đọc chính đều thuộc thể loại truyện.* * **VB 3 đọc kết nối chủ điểm** thuộc thể loại thơ: *Ngàn sao làm việc* (Võ Quảng). * Cả 4 VB đọc chính và đọc kết nối chủ điểm cùng xếp chung vào bài 1 vì đều viết về những kí ức, những trải nghiệm thời tuổi thơ của mỗi người. |

**Hoạt động 2.2. KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu**: Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện.

**b. Nội dung:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về một số yếu tố cơ bản của thể loại truyện.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số yếu tố cơ bản về thể loại truyện như: đề tài, chi tiết, nhân vật,…

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **II. Khám phá tri thức ngữ văn** | |
| **NV1: Tìm hiểu về đề tài và chi tiết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - GV yêu cầu HS đọc phần **Tri thức ngữ văn** trong SGK, tr.10.  - HS trao đổi theo cặp **Phiếu học tập 01** đã chuẩn bị trước tại nhà.  *1. Kể tên các truyện ngắn và tiểu thuyết mà em đã học hoặc đã đọc.*  *2. Em hiểu thế nào là đề tài của tác phẩm văn học ? Cho ví dụ? Có những cách phân loại đề tài như thế nào?*  *3. Em hiểu thế nào là chi tiết trong tác phẩm văn học? Lấy ví dụ về một chi tiết truyện mà em ấn tượng, nêu ý nghĩa của chi tiết đó.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọcphần **Kiến thức Ngữ văn** trong SGK và tái hiện lại kiến thức trong phần đó.  - HS thảo luận cặp đôi nội dung câu hỏi - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét và chuẩn kiến thức.  **Dự kiến sản phẩm của HS:**  \*Ví dụ về truyện ngắn :   * *Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh) * *Điều không tính trước* (Nguyễn Nhật Ánh) * *Chích Bông ơi* (Cao Duy Sơn)   \*Ví dụ về tiểu thuyết: *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi); *Những ngày thơ ấu* (Nguyên Hồng) | **1. Đề tài và chi tiết**  **a. Đề tài**  \****Khái niệm***: Đề tài là phạm vi đời sống được phản ánh, thể hiện trực tiếp trong tác phẩm văn học.  \****Cách phân loại đề tài:***  - Dựa vào phạm vi hiện thực được miêu tả: *đề tài lịch sử, đề tài chiến tranh, đề tài gia đình,…*  - Dựa vào loại nhân vật trung tâm của tác phẩm: *đề tài trẻ em, đề tài người nông dân, đề tài người lính,…*  \*Một tác phẩm có thể đề cập nhiều đề tài, trong đó có một đề tài chính.  ***\*Ví dụ***: Đề tài của truyện ngắn “*Bức tranh của em gái tôi*” (Tạ Duy Anh) là đề tài gia đình (xét theo phạm vi hiện thực được miêu tả) và là đề tài trẻ em (xét theo nhân vật trung tâm của truyện).  **b. Chi tiết**  ***\*Khái niệm***: Chi tiết là yếu tố nhỏ nhất tạo nên thế giới hình tượng (thiên nhiên, con người, sự kiện) nhưng có tầm ảnh hưởng quan trọng đặc biệt trong việc đem lại sự sinh động, lôi cuốn cho tác phẩm văn học.  ***\*Ví dụ:*** Trong truyện ngắn “*Bức tranh của em gái tôi*” (Tạ Duy Anh), chi tiết cuối truyện miêu tả lại diễn biến tâm trạng của người anh khi ngắm nhìn bức tranh cô em gái vẽ chính mình là một chi tiết tiêu biểu. Chi tiết này đã diễn tả những cung bậc cảm xúc của người anh đi từ ngạc nhiên, sung sướng hãnh diện, rồi thấy xấu hổ, hối hận khi nhận ra tấm lòng bao dung của em gái dành cho mình. Chi tiết cũng cho thấy sức mạnh cảm hoá của lòng nhân hậu. |
| **NV2: Tìm hiểu về tính cách nhân vật**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV kết hợp kĩ thuật động não và trình bày 1 phút yêu cầu cá nhân trả lời câu hỏi:  ? *Trong các truyện ngắn em đã học năm lớp 6, em yêu thích nhân vật nào? Nhân vật đó có đặc điểm nào trong tính cách ? Tính cách đó của nhân vật được bộc lộ qua yếu tố nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ cá nhân.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày cá nhân.  - Các HS khác nhận xét.  - GV góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS đánh giá  - GV nhận xét chuẩn kiến thức qua ví dụ về tính cách nhân vật trong một số tác phẩm truyện. | **2. Tính cách nhân vật**  - Tính cách nhân vật là những đặc điểm riêng tương đối ổn định của nhân vật, được bộc lộ qua mọi hành động, cách ứng xử, cảm xúc, suy nghĩ,…  - Tính cách nhân vật còn được thể hiện qua các mối quan hệ, qua lời kể và suy nghĩ của nhân vật khác.  **Ví dụ:**  **-** Trongtruyện ngắn *"Bức tranh của em gái tôi"* (Tạ Duy Anh): Nv người anh trai hiện lên là người ích kỉ, đố kị.  + Thể hiện qua suy nghĩ của người anh - người kể chuyện: ghen tị với em gái, thấy ghét em khi phát hiện ra tài năng của em,...  + Thể hiện qua hành động: Lén xem tranh của em gái, trút ra một tiếng thở dài; hay gắt gỏng với em, đẩy em ra..; miễn cưỡng đi xem buổi triển lãm tranh của em gái,...  + Thể hiện qua thái độ, cảm xúc: Khi đứng trư­ớc bức tranh đư­ợc giải của em gái: ngạc nhiên – hãnh diện, tự hào – xấu hổ, thấy ân hận,...  ... |

**Ngày dạy:**

**BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**Đọc văn bản 1: BẦY CHIM CHÌA VÔI**

**– *Nguyễn Quang Thiều* –**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà văn Nguyễn Quang Thiều và văn bản “Bầy chim chìa vôi”.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU BÀI HỌC**

1. Mục tiêu:

– HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.

– HS nắm được các khái niệm công cụ như đề tài, chi tiết, tính cách nhân vật.

2. Nội dung:

HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học và các tri thức công cụ.

3. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm.

4. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Giao nhiệm vụ:**  GV nêu nhiệm vụ: *Hãy chia sẻ một trải nghiệm đẹp của tuổi thơ mà em nhớ mãi. Ghi lại một số từ ngữ diễn tả cảm xúc của em khi nghĩ về trải nghiệm đó.*  **Thực hiện nhiệm vụ:**  – HS hoạt động cá nhân, kết nối với thực tế, nhớ lại những cảm xúc chân thật nhất về trải nghiệm của bản thân. Ghi chép ngắn gọn các nội dung theo yêu cầu.  – Lưu ý, nếu không nhớ trải nghiệm tuổi thơ thì có thể nhắc lại trải nghiệm mới nhất mà các em vừa trải qua.  **Báo cáo, thảo luận:**  Yêu cầu khoảng 4 HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân một cách ngắn gọn, súc tích. GV động viên các em phát biểu một cách tự nhiên, chân thật.  **Kết luận, nhận định:**  – GV cũng có thể (không nhất thiết) chia sẻ cùng HS về trải nghiệm tuổi thơ của chính mình, kết nối với bài học: *Qua việc đọc VB “Bầy chim chìa vôi” ở nhà, em có biết Mên và Mon có trải nghiệm tuổi thơ đáng nhớ nào không? Em có thích trải nghiệm đó không? Vì sao?*  – GV khơi gợi vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới. | Câu trả lời của mỗi cá nhân HS (tuỳ theo hiểu biết và trải nghiệm của bản thân). |

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản.  **HS** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV.  **Sản phẩm:** phiếu học tập câu trả lới của hs  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà trên nhóm zalo (hoặc Padlet) và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1   |  | | --- | | **Tìm hiểu về tác phẩm**  **- Hoàn cảnh sáng tác:**  **- Xuất xứ:**  **- Thể loại:**  **- Ngôi kể, bố cục:** |   (Phiếu học tập giao về nhà)  ? Trình bày những nét cơ bản về nhà văn Nguyễn Quang Thiều?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ lời thoại của Mên và Mon (đặc biệt là giọng điệu lo lắng của Mon và Mên).  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  ? Văn bản “Bầy chim chìa vôi” viết về đề tài gì?  ? Văn bản được trích dẫn từ tập truyện nào của nhà văn Nguyễn Quang Thiều?  ? Văn bản “Bầy chim chìa vôi” thuộc thể loại gì?  ? Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là nhân vật nào?  ? Ngôi kể được sử dụng trong văn bản là ngôi kể thứ mấy? Đó là lời kể của ai?  ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **1. Tác giả**  - Nguyễn Quang Thiều sinh 1957  - Quê: Hà Nội  - Những tác phẩm viết cho thiếu nhi của Nguyễn Quang Thiều thường chân thực, gần gũi với cuộc sống đời thường; thể hiện được tâm hồn trẻ thơ nhạy cảm; trong sáng, tràn đầy niềm yêu thương vạn vật.  **2. Tác phẩm**  a) Đọc và tóm tắt  - Cách đọc  - Tóm tắt  b) Tìm hiểu chung  - Đề tài: viết về trẻ em  - Xuất xứ: in trong tập “*Mùa hoa cải bên sông*”.  - Thể loại: truyện  - Nhân vật chính: Mên và Mon.  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - Bố cục: 3 phần  + P1: Từ đầu … “bắt đầu mùa sinh nở của chúng”  🡪 Cuộc trò chuyện của Mên và Mon ở đoạn 1  + P2: tiếp theo… “Vâng! Cứ lấy đò của ông Hảo mà đi”.  🡪 Cuộc trò chuyện của Mên và Mon ở đoạn 2  + P3: còn lại  🡪 Cảnh bầy chim chìa vôi bay lên vào buổi bình minh. |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| **1. Cuộc trò chuyện của Mên và Mon ở phần 1** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [7]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về cuộc trò chuyện của hai anh em Mên và Mon ở đoạn 1.  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.  **Sản phẩm:** câu trả lời trong giấy A0  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5.  - Thời gian: 7 phút   |  |  | | --- | --- | |  | **Chi tiết** | | **Thời gian** |  | | **Hoàn cảnh** |  | | **Nội dung cuộc nói chuyện** |  | | **Tâm trạng của Mên và Mon** |  | | **Nhận xét** |  |   \* GV gợi ý bằng cách chiếu lời của Mon lên màn hình.  - Anh bảo mưa có to không?  - Nhưng anh bảo nước sông lên có to không?  - Thế bãi cát giữa sông đã ngập chưa?  - Em sợ những con *chim chìa vôi* non bị chết đuối mất.  - Thế anh bảo chúng nó có bơi được không?  - Bố bảo chỉ có sông ở làng mình *chim chìa vôi* mới làm tổ như thế. Sao *nó* lại không làm tổ ở trên bờ hả anh?  1. Qua lời của Mon, những hình ảnh nào được nhắc đến? Nhà văn Nguyễn Quang Thiều đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì để diễn tả lời thoại của Mon?  2. Qua đó, em hãy cho biết về nội dung của cuộc trò chuyện giữa Mên và Mon?  3. Quan sát lời thoại của Mên và Mon, tìm những từ ngữ diễn tả tâm trạng của hai an hem?  4. Qua cuộc trò chuyện ấy, em thấy tâm trạng của Mên và Mon như thế nào?  5. Vì sao hai anh em Mên và Mon có tâm trạng như vậy?  ***Dự kiến tình huống khó khăn***: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 5.  **Tháo gỡ**: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em đọc đoạn văn: “*có lẽ bố chúng nói đúng… bắt đầu mùa sinh nở của chúng*”).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - Đọc đoạn văn: “*có lẽ bố chúng nói đúng… bắt đầu mùa sinh nở của chúng*”).  **GV** hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 (đặc biệt là đoạn văn: “*có lẽ bố chúng nói đúng… bắt đầu mùa sinh nở của chúng*”.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | |  |  | | --- | --- | | **Cuộc trò chuyện của Mên và Mon ở P1** | | |  | **Chi tiết** | | **Thời gian** | - Khoảng hai giờ sáng | | **Hoàn cảnh** | - Mưa vẫn to  - Tiếng nước sông dâng cao xiên xiết chảy | | **Nội dung cuộc nói chuyện** | - Mưa  - Nước sông lên to  - Bãi cát giữa sông  - Chim chìa vôi | | **Tâm trạng của Mên và Mon** | Mon: Em sợ  Mên: Tao cũng sợ | | **Nhận xét** | - **Nghệ thuật**: sử dụng ngôn ngữ bình dị, chân thật, gẫn gũi với đời thường.  - **Nội dung**: xoay quanh việc Mên và Mon lo sợ bầy chim chìa vôi non sẽ bị chết đuối trước nguy cơ bãi cát giữa sông bị ngập do trời mưa to.  🡪 Mên và Mon là hai cậu bé hồn nhiên, ngây thơ, có trái tim trong sáng, giàu tình yêu thương đối với loài vật. | | |
| **2. Cuộc trò chuyện của Mon và Mên ở phần 2** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [8]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về cuộc trò chuyện giữa Mên và Mon ở phần 2.  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm**: câu trả lời của hS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nọi dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **- Hỏi:** Ở phần 2, Mon nói với Mên về chuyện gì?  - Chia nhóm cặp đôi.  - Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  | | --- | --- | | **\* Giải cứu bầy chim chìa vôi** | | | Lời của Mon | Lời của Mên | |  |  | | 🡪 *Nghệ thuật*:  🡪 *Nội dung*: | | | **\* Giải cứu cá bống** | | |  | | | 🡪 NX | | |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **GV**:  - **Dự kiến KK**: HS khó đưa ra nhận xét về nhân vật Mon.  - **Tháo gỡ KK** bằng cách đặt câu hỏi phụ (Nếu ở phần 1, Mon chủ yếu là hỏi thì ở phần 2 Mon chủ yếu nói về nội dung gì? Qua nội dung đó em sẽ nhận xét được về nhân vật Mon).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau. | |  |  | | --- | --- | | **\* Giải cứu bầy chim chìa vôi** | | | Lời của Mon | Lời của Mên | | - Anh đã nhìn thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ bao giờ chưa?  - Tổ chim sẽ bị chìm mất.  - Hay mình mang chúng nó vào bờ.  …  - Tổ chim ngập mất anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ.  - Vâng, cứ lấy đò của ông Hảo mà đi. | - Chưa.  - Thế làm thế nào bây giờ?  - Bây giờ nước to lắm, làm sao mà lội ra đấy được.  - Đi bây giờ à? | | 🡪 *Nghệ thuật*: sử dụng ngôn ngữ đối thoại.  🡪 *Nội dung*: Thể hiện quyết tâm giải cứu bầy chim chìa vôi ở bãi cát giữa sông của hai đứa trẻ. | | | **\* Giải cứu cá bống** | | | - Mon trộm con cá bống của bố đem thả ra sông. | | | 🡪 Mon là cậu bé có trái tim nhân hậu. | | | |
| **3. Cảnh bầy chim chìa vôi cất cánh** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [7]; [8]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về hình ảnh bầy chim chài vôi cất cánh bay lên vào buổi bình minh.  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm**: câu trả lời của hS trong giấy A0  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV phát phiếu học tập số 4 (*phụ lục đi kèm*).    - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  **?** Tìm những chi tiết thể hiện hành động của Dế Mèn trước và sau khi trêu chị Cốc?  **?** Hành động của Dế Mèn đã gây ra hậu quả gì?  **?** Qua hành động đó, em có nhận xét gì về thái độ của Dế Mèn trước và sau khi trêu chị Cốc, đặc biệt là khi chứng kiến cái chết của Dế Choắt?  **?** Theo em Dế Mèn đã rút ra được cho mình bài học gì từ những trải nghiệm trên? Câu văn nào cho em thấy điều đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc vb và tìm chi tiết trong tác phẩm.  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS báo cáo, GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | - **Thời gian**: vào buổi sáng bình minh.  - **Khung cảnh bãi sông:** Dòng nước khổng lồ nuốt chửng phần còn lại cuối cùng của dải cát.  - **Cuộc cất cánh của bầy chim chìa vôi**:  + Một cảnh tượng như huyền thoại hiện ra. + Những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ...  + Cuối cùng bầy chim đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và kì vĩ nhất trong đời của chúng…  - **Tâm trạng của** **Mon và Mên khi chứng kiến cảnh bầy chim chìa vôi cất cánh**:  + Đứng không nhúc nhích  + Trên gương mặt tái nhợt của chúng hửng lên ánh ngày.  + Cả hai đã khóc tự lúc nào.  + Chúng cùng nhìn nhau và bật cười.  🡪 Nghệ thuật: miêu tả tâm lí nhân vật.  🡪 Lúc đầu, Mên và Mon căng thẳng, lo lắng. Sau khi bầy chim chìa vôi non cất cánh thì Mên và Mon sung sướng, hạnh phúc. | |
| **III. TỔNG KẾT** | | |
| **Mục tiêu**: [2]; [3]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung và những điều rút ra từ văn bản.  **HS** làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.  **Sản phẩm**: câu trả lời của hS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của Gv và HS** | **Nội dung** | |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Bầy chim chìa vôi”?  ? Sau khi học xong văn bản “Bầy chim chìa vôi”, em học tập được điều gì về cách lựa chọn đề tài, về cách kể chuyện và về việc lựa chọn chi tiết của tác giả khi kể chuyện?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt nội dung phần tổng kết lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung sau. | **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ đối thoại.  - Miêu tả tâm lí nhân vật.  **2. Nội dung**  - Kể về cuộc cất cánh của bầy chim chìa vôi non qua điểm nhìn của hai cậu bé Mên và Mon.  - Qua đó ca ngợi trái tim ngây thơ, tràn đầy tình yêu thương, nhân hậu của trẻ nhỏ.  **3. Những điều rút ra từ tác phẩm**  *a) Về cách lựa chọn đề tài khi kể*  - Đề tài gần gũi với cuộc sống của trẻ thơ ở chốn quê thanh bình.  *b) Về cách kể*  - Sử dụng ngôi kể thứ ba (người kể giấu mình, không xưng “tôi”).  - Ngôn ngữ đối thoại mộc mạc, gần gũi, tự nhiên.  - Ngôn ngữ kể tự nhiên.  *c) Về lựa chọn chi tiết để kể/tả.*  - Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để kể/tả. | |

**2.2 Viết kết nối với đọc (10’)**

**Mục tiêu**:[3]; [8]

**Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) kể lại một sự việc bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông bằng lời của một trong hai nhân vật Mên hoặc Mon (ngôi kể thứ nhất).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét…

**B4: Kết luận, nhận định (**GV)

- Nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

|  |
| --- |
| **Đoạn văn mẫu:**   *Khi ánh bình minh vừa đủ sáng để soi tỏ những hạt mưa thì cũng là lúc dòng nước khổng lồ nuốt chửng phần còn lại của bãi cát. Trước mắt tôi một cảnh tượng như huyền thoại hiện ra. Từ mặt nước loang loáng của dòng sông, những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ vụt bay lên. Tôi và anh Mên không ai nói một câu nào, chúng tôi cứ đứng như thế, khắp người tôi một hơi nóng tỏa ra ngùn ngụt. Bây giờ, khi mặt trời nhô lên cao thì cũng là lúc con chim nong nớt cuối cùng cất cánh an toàn đến lùm dứa dại bên kia bờ sông.* |

**Ngày dạy:**

**BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**TIẾT 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ, TỪ LÁY**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- KHBD, SGK, SGV, tài liệu tham khảo.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**2. Học sinh**

- SGK, Vở ghi, đồ dùng học tập,…

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong SGK.

**II. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ**

**1. Mục tiêu:** Xác định trạng ngữ của câu, so sánh trạng ngữ trong từng cặp câu và từ đó rút ra nhận xét vế tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ.

**2. Nội dung:** xác định trạng ngữ và tác dụng của trạng ngữ.

**3. Sản phẩm**: câu trả lời của học sinh.

**4. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| ***a. Chuyển giao nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân: Xác định TN trong 2 VD sau***  *+ Đêm, trời mưa như trút nước.*  *+ Đêm hôm qua, trời mưa như trút nước*  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc cá nhân  ***c. Báo cáo và thảo luận***  - HS trả lời cá nhân  - HS nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS (nếu cần).  ***d. GV kết luận, nhận định***  - Giáo viên chốt lại kiến thức và dẫn dắt vào bài mới. | *Đêm, trời mưa như trút nước.*  ***-> Trạng ngữ là 1 từ “Đêm”.***  *Đêm hôm qua, trời mưa như trút nước*  ***-> Trạng ngữ là một cụm từ “Đêm hôm qua”.***  **🡪 *Ở ví dụ 2 trạng ngữ được mở rộng và nhờ vậy nên trạng ngữ ở ví dụ 2 cung cấp thông tin cụ thể hơn về thời gian của sự việc trời mưa như trút nước.*** |

**HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP**

**1. Mục tiêu:** HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt: mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ, nêu tác dụng; xác định từ láy và nêu tác dụng của từ láy.

**2. Nội dung:** xác định trạng ngữ và tác dụng của trạng ngữ.

**3. Sản phẩm**: câu trả lời của học sinh.

**4. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bài tập 1:**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ:***  **- Xác định trạng ngữ trong câu a,b**  ***- Hãy thử rút gọn trạng ngữ trong mỗi câu và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi rút gọn thành phần trạng ngữ.***  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc nhóm đôi (theo bàn)  ***c. Báo cáo và thảo luận***  - Đại diện HS trả lời  - HS nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS (nếu cần).  ***d. GV kết luận, nhận định***  - Giáo viên nhận xét, chốt đặc điểm và tác dụng của TN  **Bài tập 2:**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ: So sánh các câu trong từng cặp câu của bài 2 và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ.***  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc nhóm đôi, thảo luận, chốt đáp án.  ***c. Báo cáo và thảo luận***  - HS cử đại diện trình bày  - HS nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS (nếu cần).  ***d. GV kết luận, nhận định***  - Giáo viên nhận xét, chốt tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ.  **Bài tập 3:**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ:***  ***- Hãy viết một câu có trạng ngữ là một từ.***  ***- Mở rộng trạng ngữ của câu thành cụm từ và nêu tác dụng của việc dùng cụm từ làm thành phần trạng ngữ của câu.***  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS làm việc cá nhân  ***c. Báo cáo và thảo luận***  - HS trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS (nếu cần).  ***d. GV kết luận, nhận định***  - Giáo viên nhận xét, chốt kĩ năng tạo lập câu văn mở rộng TN bằng cụm từ: Dùng trạng ngữ bằng 1 từ sau đó mở rộng trạng ngữ bằng một cụm từ (dựa trên từ chỉ trạng ngữ ban đầu).  **Bài tập 4:**  ***a. Chuyển giao nhiệm vụ:*** ***Tìm từ láy và nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy trong các câu của bài 4***  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thảo luận nhóm 4  ***c. Báo cáo và thảo luận***  - HS trình bày.  - HS nhận xét, bổ sung, rút kinh nghiệm  - Giáo viên nhận xét phần trình bày của HS (nếu cần).  ***d. GV kết luận, nhận định***  - Giáo viên nhận xét, chốt kĩ năng sử dụng từ láy và phân tích tác dụng của từ láy có trong câu. | **Bài tập 1:**  ***a) Khoảng hai giờ sáng / Mon tỉnh giấc.***  ***TN CN VN***  ***b) Suốt từ chiều hôm qua, /nước bắt đầu dâng***  ***TN CN VN***  ***lên nhanh hơn.***  => Trạng ngữ *suốt từ chiều hôm qua* không chỉ cung cấp thông tin về thời gian như trạng ngữ *hôm qua* mà còn cho thấy quá trình xảy ra sự việc: bắt đầu vào buổi chiểu ngày hôm qua và kéo dài.  **Bài tập 2:**  a.1 *Trong gian phòng*, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.  a.2 *Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng*  những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.  🡪 Ở ví dụ a.2, trạng ngữ được mở rộng hơn so với ví dụ ở a.1. Trạng ngữ *trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng* không chỉ cung cấp thông tin về địa điểm như trạng ngữ *trong gian phòng* mà còn cho thấy đặc điểm của căn phòng *(lớn, tràn ngập ánh sáng).*  b.1 *Thế là qua một đêm*, trời bỗng đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt  b.2 *Thế là qua một đêm mưa rào*, trời bỗng đổi gió bấc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.  (Thạch Lam – *Gió lạnh đầu mùa*)  🡪 Ở ví dụ b.2, trạng ngữ được mở rộng hơn so với trạng ngữ ở ví dụ ở b.1. Trạng ngữ *qua một đêm mưa rào* không chỉ cung cấp thông tin về thời gian như trạng ngữ *qua một đêm* mà còn cho thấy đặc điểm của đêm *(mưa rào).*  c.1 Trên nóc một lô cốt, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.  c.2 Trên nóc một lô cốt cũ kề bên một xóm nhỏ, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.  (Trần Hoài Dương *– Miền xanh thẳm)*  🡪 Ở ví dụ c.2, trạng ngữ được mở rộng hơn so với trạng ngữ ở ví dụ ở c.1. Trạng ngữ *trên nóc một lô cốt cũ kề bên một xóm nhỏ* không chỉ cung cấp thông tin về địa điểm như trạng ngữ *trên nóc một lô cốt* mà còn cho thấy đặc điểm và vị trí của lô côt *(cũ, kề bên một xóm nhỏ).*  **Bài tập 3:**  **2. Từ láy**  **Bài tập 4:**  *a. Trong tiếng mưa hình như có tiếng nước sông dâng cao, xiên xiết chảy.*  - Câu văn nói về cảm giác của Mên và Mon khi nghe tiếng mưa và tiếng nước sông dâng cao trong đêm.  - Hai đứa trẻ cảm nhận dòng nước xiết đang dâng dần lên và ẩn chứa sức mạnh ngầm, trong đó có sự nguy hiểm đang rình rập.  *b. Tấm thân bé bỏng của con chim vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát.*  - Nhà văn dùng từ láy *bé bỏng* để miêu tả những con chim chìa vôi bé nhỏ, mới được sinh ra nên còn non nớt, yếu ớt.  - Hình ảnh những con chim bé bỏng đang bay vào bờ đối lập với dòng nước khổng lổ dâng cao xiên xiết chảy cho thấy vẻ đẹp, bản lĩnh của đàn chim non.  - Hình ảnh này giúp người đọc cảm nhận được sự kì diệu và sức sống mãnh liệt của thế giới tự nhiên.  *c. Những đôi cánh mỏng manh run rẩy và đầy tự tin của bầy chim đã hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông.*  - Các từ láy *mỏng manh, run rẩy.*  + Từ láy *mỏng manh* miêu tả những cánh chim rất mỏng, nhỏ bé  + Từ láy *run rẩy* diễn tả sự rung động mạnh, liên tiếp và yếu ớt của đôi cánh.  =>Qua đó, câu văn nhấn mạnh sự nhỏ bé, non nớt của đàn chim non mới nở. Nhưng đàn chim ấy đã thực hiện thành công một hành trình kì diệu: bay lên khỏi dòng nước khổng lồ để hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

(Có thể hướng dẫn để HS làm ở nhà)

***1. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức đã học để tạo lập đoạn văn có mở rộng TN bằng cụm từ.

**2. Nội dung:** xác định trạng ngữ và tác dụng của trạng ngữ.

**3. Sản phẩm**: đoạn văn của học sinh.

**4. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| ***a. Chuyển giao nhiệm vụ:*** Viết đoạn văn (5 – 7 câu) miêu tả một cảnh đẹp mà em đã được trải nghiệm trong dịp nghỉ hè. Trong đoạn văn có mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ. Gạch chân và chú thích rõ.  - Yêu cầu HS đọc đề  - Để thực hiện yêu cầu của đề, đoạn văn của em cần đảm bảo các yêu cầu gì?  ***b. Thực hiện nhiệm vụ***  - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  - GV quan sát, hỗ trợ  ***c. Báo cáo và thảo luận***  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS lắng nghe nhận xét, bổ sung  ***d. GV kết luận, nhận định***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV khích lệ, động viên, nhận xét | - Dung lượng: 5 - 7 câu  - Bố cục: 3 phần (MĐ, TĐ, KĐ)  - Nội dung: miêu tả một cảnh đẹp mà em đã được trải nghiệm trong dịp nghỉ hè.  - Yêu cầu về tiếng Việt: có mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ.  - Gạch chân và chú thích rõ. |

**Ngày dạy:**

**BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**Đọc văn bản 2**

**TIẾT 5,6,7: ĐI LẤY MẬT**

**– *Đoàn Giỏi* –**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Tranh ảnh về nhà văn Đoàn Giỏi và truyện Đất rừng phương Nam, phim, nhạc về phương Nam

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập, Rubric.

- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

**PHIẾU HỌC TẬP 01:**

**NHIỆM VỤ CỦA CÁC NHÓM:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Nhóm 1** | **Nhóm 2** | **Nhóm 3** |
| **Nhiệm vụ** | **Nhân vật: tía nuôi An** | **Nhân vật Cò** | **Nhân vật An** |
| *1) Tìm các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ, cảm xúc, mối quan hệ với các nhân vật khác.* | **...............................** | **.....................** | **..........................** |
| *2) Nghệ thuật xây dựng nhân vật* | **..................................** | **.......................** | **.............................** |
| *3) Tính cách nhân vật* | **................................** | **......................** | **...........................** |

**PHIẾU HT SỐ 02**

**TÌM HIỂU DẤU ẤN NAM BỘ TRONG TÁC PHẨM**

**Nhiệm vụ:** Nêu ra một số yếu tố (ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sinh hoạt... trong văn bản để thấy tiểu thuyết của Đoàn Giỏi mang đậm dấu ấn Nam Bộ.

|  |  |
| --- | --- |
| **DẤU ẤN NAM BỘ THỂ HIỆN TRONG TÁC PHẨM** | |
| 1. Ngôn ngữ truyện | ......................................................................................  ........................................................................................ |
| 2. Phong cảnh | ......................................................................................  ....................................................................................... |
| 3. Tính cách con người | ........................................................................................  ...................................................................................... |
| 4. Nếp sống sinh hoạt | ......................................................................................  ....................................................................................... |

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối– tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS nghe nhạc, xem đoạn phim, chia sẻ cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

* GV tiến hành cho HS nghe ca khúc *Bài ca đất phương Nam* (<https://nhac.vn/bai-hat/bai-ca-dat-phuong-nam-phi-nhung-so4lW4>), và một đoạn trong phim *Đất phương Nam.*
* GV khích lệ HS:

*?Chia sẻ những ấn tượng, cảm xúc từ giai điệu bài nhạc và những hình ảnh trong phim;*

*?Kể thêm về những miền đất em đã từng đến thăm (ấn tượng về cảnh sắc thiên nhiên, con người và cuộc sống ở nơi đó).*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS chia sẻ cá nhân.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

* GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**🡺GV dẫn vào bài:** Nếu như ở truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi*, chúng ta được trải nghiệm vẻ đẹp kì diệu, sức sống mãnh liệt của thế giới tự nhiên cùng tình cảm đầy yêu thương, nhân hậu của hai anh em Mên và Mon thì bài học hôm nay thầy trò chúng ta sẽ về thăm vùng đất phương Nam qua tác phẩm *Đất rừng phương Nam*, một tiểu thuyết nổi tiếng của nhà văn Đoàn Giỏi. Tác phẩm sẽ dẫn chúng ta thăm một vùng đất vô cùng giàu có, hùng vĩ với những rừng tràm bạt ngàn, dòng sông mênh mông, sóng nước rì rầm…nơi đó có những con người bình dị, hào phóng, trung hậu, trí dũng. Trong đó, đoạn trích “*Đi lấy mật*” còn mang đến cho chúng ta một trải nghiệm thú vị về cách lấy mật ong rất đặc biệt ở vùng đất này.

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**2.1 Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản.  **HS** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV.  **Sản phẩm**: phiếu học tập của hs đã chuẩn bị bài ở nhà  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà trên nhóm zalo (hoặc Padlet) và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.  (Phiếu học tập giao về nhà)  ? Trình bày những nét cơ bản về nhà văn Đoàn Giỏi?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, (trình chiếu ảnh chân dung tác giả) chuyển dẫn sang mục sau  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ lời thoại của các nhân vật  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Sử dụng chiến lược theo dõi, tóm tắt, hình dung, so sánh.  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  ? Trích đoạn “Đi lấy mật” viết về đề tài gì?  ? Văn bản được trích dẫn từ tập truyện nào của nhà văn Đoàn Giỏi?  ? Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là nhân vật nào?  ? Ngôi kể được sử dụng trong văn bản là ngôi kể thứ mấy? Đó là lời kể của ai?  ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1.Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **1. Tác giả**  - Đoàn Giỏi (1925- 1989)  - Quê: Tiền Giang  - Nhà văn của miền đất phương Nam.  - Các tác phẩm của ông tập trung tái hiện vẻ đẹp trù phú của thiên nhiên, sự chất phác, thuần hậu, can đảm, trọng nghĩa tình của con người Nam Bộ.  - Các tác phẩm chính: Đường về gia hương, Cá bống mú, Đất rừng phương Nam  **2. Tác phẩm**  a) Đọc và tóm tắt  - Cách đọc  - Tóm tắt  - Tía nuôi An dẫn An và Cò đi lấy mật ong rừng;  - Trên đường đi, họ nghỉ chân, Cò đố An nhận biết được con ong mật. Bóng nắng lên, họ giở cơm ra ăn;  - Họ tiếp tục đi đến khoảng đất rộng, An reo lên khi nhìn thấy bầy chim. Gặp một kèo ong gác, An nhớ chuyện má nuôi kể về cách đặt gác kèo ong;  - An nhìn lên kèo ong nghĩ về cách “thuần hoá” ong rừng rất riêng biệt của người dân vùng U Minh. Rồi mọi người cùng ngồi ăn cơm dưới bụi cây râm mát.  b) Tìm hiểu chung  - Đề tài: thiên nhiên, con người phương Nam  - Xuất xứ: chương 9 trong truyện Đất rừng phương Nam  - Thể loại: truyện  - Nhân vật chính: An, Cò, tía nuôi  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất.  **Bố cục:**  + P1: Từ đầu đến “*trong các bụi cây*”: Đi lấy mật ong rừng;  + P2: Từ “*Lần đầu tiên…”* đến “…*màu xanh lá ngái*” Nghỉ chân ăn cơm và nhận biết con ong mật;  + P3: Từ “*Chúng tôi tiếp tục đi…..”* đến “…*thấy ghét quá*”: An nhớ chuyện má nuôi kể chuyện cách lấy mật ong;  + P4: Còn lại: An nghĩ về về cách “*thuần hoá*” ong rừng của người dân U Minh. |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| **1. Vẻ đẹp của con người phương Nam** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [7]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về các nhân vật An, Cò, tía nuôi  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.  **Sản phẩm**: câu trả lời của Hs trong phiếu học tập  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2, 3, 4 bằng cách trả lời các câu hỏi trong phiếu.  - Thời gian: 10 phút  \* GV gợi ý bằng cách hướng dẫn HS quan sát trích đoạn trong sgk trang 19, 20.  ***Nhân vật tía nuôi***  1. Tìm những chi tiết miêu tả ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói của nhân vật tía nuôi của An?  2. Qua những chi tiết vừa tìm được nêu cảm nhận của em về tía nuôi của An?  ***Dự kiến tình huống khó khăn***: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 1.  **Tháo gỡ**: (GV gợi ý HS bằng các câu hỏi bổ sung:   * Tía nuôi đã phát hiện ra An mệt bằng cách nào? * Khi An vẫn chưa quan sát, nhận ra bầy ong, tía nuôi có phản ứng ra sao?   ***Nhân vật Cò:***  1.Cò đi rừng như thế nào? (bỡ ngỡ, chậm chạp hay nhanh nhẹn, thành thạo)  2. Cò có những hiểu biết gì về sân chim, về rừng U Minh?  3. Cò đã giảng giải cho An những gì?  3. Từ những chi tiết trên, theo em, Cò là một cậu bé sinh ra và lớn lên ở đâu? Điều gì khiến em khẳng định như vậy?  ***Nhân vật An:***   1. An cảm nhận như thế nào về tía nuôi, má nuôi, về Cò? 2. An đã có những suy nghĩ gì khi nghe má nuôi kể về cách “ăn ong” của người dân U Minh? 3. Từ những chi tiết tìm được em có thể khái quát đặc điểm, tính cách của An? 4. Từ nhân vật An, Cò, tía nuôi em có cảm nhận như thế nào về người dân phương Nam?   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | |  |  | | --- | --- | | 1. **Nhân vật tía nuôi** | | |  | **Chi tiết** | | **Ngoại hình** | - Bên hông lủng lẳng chiếc túi, lưng mang gùi, tay cầm chả gạc | | **Cử chỉ, hành động** | - Đi trước, phạt ngang nhánh gai -> dọn đường | | **Lời nói** | - Bảo dừng nghỉ -> ăn cơm -> vì thấy An đã mệt (qua nghe tiếng thở)  *“tía nuôi tôi chỉ nghe tiếng thở đằng sau lưng ông thôi mà biết chứ ông có quay lại nhìn tôi đâu*”  -Kiên nhẫn chỉ cho An cách quan sát đường ong bay trong rừng | | **Nhận xét** | - **Hình dáng**: toát lên vẻ đẹp của một người lao động từng trải, can đảm: vóc dáng khỏe mạnh, vững chãi, cử chỉ mạnh mẽ, dứt khoát…  - **Lời nói, cách xư xử**: thể hiện sự quan tâm, yêu thương dành cho cậu con nuôi (nghe tiếng thở biết An mệt cần nghỉ chân, chú tâm chăm lo cho An hơn Cò vì biết An chưa quen đi rừng…)  Ông gác kèo cho ong rừng làm tổ rất giỏi và bảo vệ đàn ong, trân trọng sự sống.  🡪 Một người lao động dạn dày kinh nghiệm; tính cách mạh mẽ, giàu lòng nhân hậu, yêu thương con người và thiên nhiên. |  |  |  | | --- | --- | | 1. **Nhân vật Cò** | | |  | **Chi tiết** | | **Ngoại hình** | - Cặp chân như cặp giò nai lội suốt ngày trong rừng cũng chẳng nhằm nhò gì. | | **Cử chỉ, hành động** | - Đi rừng An chỉ quẩy tòn ten 1 cái gùi bé -> Cò đội cái thúng to tướng, trong thúng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm.  - Khi An đã thấm mệt thì Cò vẫn chưa nhằm nhò gì  -Khoát tay ra hiệu đi thật khẽ…. Tổ ong kìa! | | **Lời nói** | - Hỏi An: “Đố mày biết con ong mật là con nào?”  -Giải thích cho An cách quan sát để phát hiện đường ong bay “Bây giờ mày cứ nhìn kĩ vào khoảng trống giữa hai nhánh tràm cao kia. …Nhìn một chỗ trống ấy thôi nhá. Nó tới liền bây giờ.  -Khi An ồ lên vì thấy rất nhiều chim -> Cò: “Thứ chim này đẹp gì… Thứ đổ bỏ. Mày mà gặp “sân chim” thì mày sẽ biết” | | **Nhận xét** | 🡪 Cò là một cậu bé sinh ra, lớn lên ở vùng đất rừng phương Nam |  |  |  | | --- | --- | | 1. **Nhân vật An** | | |  | **Chi tiết** | | **Cử chỉ, lời nói, hành động** | - Quảy tòn ten một cái gùi bé  - “Chịu thua mày đó, tao không thấy con ong mật đâu cả”.  - “Chim đẹp quá Cò ơi! Ở đây nhiều chim quá!”  - “Sao biết nó về cây nào mà gác kèo?”  - “Kèo là gì hở má?”  - “Coi bộ cũng không khó lắm hở má?” | | **Cảm nhận về má nuôi, tía nuôi, về Cò** | - “Quả là tôi đã mệt thật.”  - Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết…  - Má nuôi tôi vò đầu tôi, cười rất hiền lành.  - Muốn hỏi Cò đủ thứ về rừng U Minh, về cách gác kèo, cách quan sát phát hiện bầy ong, về sân chim… | | **Suy nghĩ về cách “ăn ong” của người dân U Minh** | - So sánh cách nuôi ong của ngườ La Mã, người Ai Cập, người Mê Tây Cơ, ở Phi châu, ở xứ Tây Âu… để thấy được sự độc đáo của người dân U Minh trong cách “ăn ong”. | | **Nhận xét** | 🡪 Với tía nuôi, má nuôi: An rất yêu quý, luôn nghĩ về họ với những tình cảm gần gũi, thân thuộc, ấm áp.  🡪 Với Cò: có lúc An cảm thấy “ghen tị” vì Cò đi rừng thành thạo, biết nhiều về rừng U Minh; luôn ngạc nhiên, ngưỡng mộ trước sự hiểu biết về rừng U Minh của Cò  🡪 Với so sánh về cách thuần hóa ong của các dân tộc: An là người ham hiểu biết, thông minh. |   **Kết luận:**  -Từ các nhân vật như tía nuôi, Cò, An -> chân dung những người con phương Nam vừa gần gũi, bình dị, hồn nhiên, nhân hậu vừa mạnh mẽ, phóng khoáng…  **\*Nghệ thuật xây dựng nhân vật:**  - Sử dụng ngôi kể phù hợp giúp câu chuyện trở nên sinh động hơn, chân thực hơn.  - Tình huống truyện nhẹ nhàng, xen lẫn hồi ức.  - Ngôn ngữ đối thoại sinh động, miêu tả tinh tế. | |
| **2. Vẻ đẹp của rừng U Minh** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [8]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về vẻ đẹp của rừng U Minh  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm**: câu trả lời của hS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **- Hỏi:** Qua cái nhìn của An, thiên nhiên rừng U Minh hiện lên như thế nào?  - Chia nhóm cặp đôi.  - Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **GV**:  - **Dự kiến KK**: HS  - **Tháo gỡ KK** bằng cách đặt câu hỏi phụ  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau.  **NV 3:**  **a. Mục tiêu**: Học sinh nhận biết chất Nam Bộ thể hiện trong văn bản  **b. Nội dung**: HS làm việc cá nhóm tìm chi tiết nói về thiên nhiên được đề cập trong văn bản  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức hoạt động**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV SD kĩ thuật khăn trải bàn,yêu cầu hs trả lời câu hỏi:  ?Tìm các yếu tố về ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sống sinh hoạt... trong văn bản để thấy truyện của Đoàn Giỏi mang màu sắc Nam Bộ ?  **Cách thực hiện:**  Giáo viên chia lớp thành các nhóm học tập từ 4- 6 học sinh. Trao cho mỗi nhóm 1 tờ A0 (tượng trưng cho khăn trải bàn) thảo luận câu hỏi theo yêu cầu kĩ thuật khăn trải bàn:  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  B1. Trưởng nhóm chia sẻ khăn trải bàn  B2. Từng thành viên nhóm trình bày. Trưởng nhóm thể hiện ý kiến của từng người vào khăn theo từng cạnh của khăn.  B3. Sau 2-3 phút làm việc cá nhân , nhóm trao đổi thống nhất ý kiến cả nhóm  **Bước 3: Báo cáo , thảo luận**  Đại diện các nhóm treo khăn trải bàn và trình bày kết quả.  HS khác nghe và bổ sung  **Bước 4. Kết luận, nhận định**  HS đánh giá nhóm bạn trên cơ sở tiêu chí giáo viên cung cấp  **GV đánh giá nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS và khẳng định**: Ngoài những dấu ấn thiên nhiên, tính cách, nếp sống của người Nam Bộ thì dấu ấn Nam Bộ thể hiện rõ ở ngôn ngữ. Cả ngôn ngữ nhân vật và ngôn ngữ của người kể trong đoạn trích đều mang những đặc trưng đầy đủ về phương ngữ Nam Bộ ở cả các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và cả phong cách diễn đạt. Có những đoạn rất hay, biểu hiện cho lối “văn nói Nam Bộ”, lối văn chương gồm những câu ngắn gọn, có nhiều từ ngữ Nam Bộ trong giao tiếp bằng lời được thể thành văn viết và đi vào trang văn của Đoàn Giỏi thật tự nhiên, gần gũi như cách nói của người dân Nam Bộ. | |  |  | | --- | --- | | **2. Vẻ đẹp của rừng U Minh** | | |  | Chi tiết | | **Ánh sáng** | - Rừng yên tĩnh, không khí mát lạnh (không khí, sông ngòi, mương rạch, đất ẩm, thảo mộc thở ra từ bình minh.  -Ánh sáng trong vắt, hơi gợn chút óng ánh trên đầu hoa tràm rung rung … cảm giác như là nó bao qua 1 lớp thủy tinh. | | **Âm thanh, mùi hương** | -Rừng cây im lặng quá, một chiếc lá rơi cũng có thể khiến người ta giật mình. Chim chóc chẳng nghe con nào kêu.  -Bóng nắng lên, gió bắt đầu rao rao theo khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất….  -Một làn hơi đất nhè nhẹ tỏa lên …  - Chim hót líu lo  -Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất | | **Cảnh vật** | - Mấy con kỳ nhông nằm phơi mình  -Những loại cây và màu sắc của từng phiến lá  - Hàng ngàn con chim rừng vụt bay lên  - Những loài côn trùng bé nhỏ, kỳ lạ  - Thế giới đầy bí ẩn của loài ong.  **=>** **Rừng U Minh hiện lên với vẻ đẹp phong phú, hoang sơ, kì thú và đầy chất thơ** | | **Nhận xét** | - Qua cái nhìn của An, rừng U Minh hiện ra với vẻ đẹp kỳ thú, đầy chất thơ, vừa giàu có, hoang sơ:  + Bình minh yên tĩnh, trong vắt, mát lành.  + Buổi trưa tràn đầy ánh nắng, ngây ngất hương thơm của hoa tràm, rộn ràng tiếng chim, tiếng ong, tiếng côn trùng và rực rỡ sắc màu của cây, lá  -Bức tranh thiên nhiên ấy còn cho thấy An là cậu bé có khả năng quan sát tinh tế, có tâm hồn trong sáng biết phát hiện, cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên. |   **3.Tìm hiểu chất Nam Bộ thể hiện trong văn bản**  **- Ngôn ngữ**: giản dị đậm sắc thái địa phương Nam Bộ: Sử dụng từ địa phương, quán ngữ làm nổi bật nét riêng của người Nam Bộ  **-Phong cảnh** **thiên nhiên**: đặc trưng của miền sông nước Nam Bộ: Vùng thiên nhiên trù phú, hoang sơ:  + Sông nước  + Rừng tràm: Nhiều thú dữ, chim chóc (kì nhông, ong...) buổi hoang sơ  => Thiên nhiên xuất hiện thấp thoáng qua lời kể của nhân vật đã gợi vẻ đẹp của vùng sông nước với những rừng tràm trù phú, hoang sơ.  **Tính cách con người:** Bộc trực, thẳng thắn, dễ mến.  **Nếp sống** **sinh hoạt** : mang đậm dấu ấn địa phương Nam Bộ:  -> Tạo ấn tượng chung về con người, mảnh đất phương Nam | |
| **III. TỔNG KẾT** | | |
| **Mục tiêu**: [2]; [3]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung và những điều rút ra từ văn bản.  **HS** làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.  **Sản phẩm**: câu trả lời của hS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Đi lấy mật”?  ? Sau khi học xong văn bản “Đi lấy mật”, em học tập được điều gì về cách lựa chọn đề tài, về cách kể chuyện và về việc lựa chọn chi tiết của tác giả khi kể chuyện?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt nội dung phần tổng kết lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung sau.  **\*GV Lưu ý Cách đọc hiểu văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết:**  **- Đọc hiểu được hình thức văn bản:**  + Bối cảnh  + Nhân vật  + Ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể  - Ngôn ngữ vùng miền  **- Đọc hiểu nội dung:**  + Nắm được đề tài  + Chủ đề  + Ý nghĩa của văn bản | **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ đối thoại.  - Miêu tả tâm lí nhân vật.  **2. Nội dung**  - Kể về những trải nghiệm đi rừng, cách thuần hóa ong rừng, cách “ăn ong” của người dân U Minh.  **3. Những điều rút ra từ tác phẩm**  *a) Về cách lựa chọn đề tài khi kể*  - Đề tài gần gũi  *b) Về cách kể*  - Ngôn ngữ kể tự nhiên.  *c) Về lựa chọn chi tiết để kể/tả.*  - Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để kể/tả. | |

**2.2 Viết kết nối với đọc (10’)**

**Mục tiêu**:[3]; [8]

**Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong đoạn trích “Đi lấy mật”?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

-HS lựa chọn chi tiết tiêu biểu: chi tiết miêu tả thiên nhiên rừng U Minh (không khí trong rừng, loài cây, loài vật…); chi tiết khắc họa tính cách nhân vật (ngoại hình, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ…)

-HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét…

**B4: Kết luận, nhận định (**GV)

- Nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

**-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá, rút kinh nghiệm, đọc đoạn văn tham khảo:

**Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 câu. |  |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề:  *Cảm nhận của em về một chi tiết thú vị.* |  |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

|  |
| --- |
| **Đoạn văn mẫu 1:**   Trích đoạn “Đi lấy mật” không chỉ kể về chuyến đi rừng, tìm hiểu về cách “ăn ong” của người dân U Minh mà còn miêu tả vẻ đẹp phong phú, sống động của những cánh rừng phương Nam. “*Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng*”. Ba câu văn ngắn nhưng người đọc như được đánh thức các giác quan từ thính giác, thị giác đến khứu giác. Vẻ đẹp hoang sơ, huyền ảo của rừng U Minh khiến An lâng lâng trong cảm giác ngất ngây. Qua đó ta cũng nhận ra tài quan sát tinh tế, khả năng cảm nhận, phát hiện vẻ đẹp đầy chất thơ về rừng U Minh đại ngàn của An. |

**Đoạn văn tham khảo 2:**

Đọc văn bản “*Đi lấy mật*” trích trong tiểu thuyết “*Đất rừng phương Nam*” của nhà văn Đoàn Giỏi, em thấy chi tiết miêu tả dáng vẻ bề ngoài của An là chi tiết thú vị nhất. Chi tiết ấy được chính An kể lại: “*Tôi đã chen vào giữa, quảy tòn ten một cái gùi bé mà má nuôi tôi đã bơi xuồng đi mượn của nhà ai ngoài xóm bìa rừng từ chiều hôm qua*”, trong khi thằng Cò, là con đẻ của má lại phải “*đội cái thúng to tướng, trong thúng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm…*.”. Chi tiết này cho thấy An được gia đình Cò rất yêu thương và An cảm nhận được tình yêu thương vô bờ ấy. Má đã nuôi ra tận ngoài xóm bìa rừng mượn cái gùi nhỏ để An có món đồ mang đi rừng vừa với sức mình. Cả tía nuôi, má nuôi và Cò đã dành cho An sự “ưu tiên” vì biết An chưa quen với cuộc sống lao động vất vả và việc đi rừng không hề dễ dàng. Chi tiết ấy cũng thể hiện được cảm giác ấm áp, xúc động và lòng biết ơn của An khi nghĩ về má nuôi. Đọc chi tiết này, em thực sự trân trọng tấm lòng nhân ái của con người nơi đất rừng phương Nam.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.

- Tìm đọc thêm các chương khác của tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”.

- Chuẩn bị soạn bài thực hành tiếng Việt: “*Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ*”.

**Ngày dạy:**

**BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**TIẾT 8: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  + Cách 1: Gv trình chiếu các hình ảnh và yêu cầu học sinh chọn các đáp án phù hợp nhất  + Cách 2: Gv tạo tình huống bất ngờ (tùy vào tình hình thực tế trong lớp)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trao đổi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS tham gia trò chơi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  C1: Sau khi Hs chọn được 4 phương án phù hợp với bức tranh, Gv trình chiếu 4 câu phù hợp (là những câu đã mở rộng thành phần chính) và dựa vào đó để dẫn dắt vào bài  C2: Gợi ý tình huống: Gv nói  + Bạn nam đứng lên/ Bạn nữ đang nói chuyện…  Trong lớp sẽ xảy ra tình huống: Không bạn nam nào đứng lên hoặc không xác định được bạn nữ nào đang nói chuyện.  Gv tiếp tục nói:  + Bạn nam ngồi gần cửa lớp đứng lên/ Bạn nữ cột tóc hai bên đang nói chuyện  Lúc này đã chỉ đích danh học sinh, Gv dẫn dắt vào vấn đề: Đôi khi trong giao tiếp, chúng ta cung cấp không đủ thông tin dẫn đến việc nhầm lẫn hoặc khó hiểu. Để khắc phục vấn đề này, chúng ta sẽ học tiết “Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ” | **1.**  Tôi biết tại sao con chim nhốt trong lồng vẫn hót | Đọt Chuối Non  A. Con chim bị nhốt trong lồng  **B. Con chim màu vàng bị nhốt trong lồng**  **2.**  Khởi công cầu dây văng một mặt phẳng đầu tiên tại VN - Tuổi Trẻ Online  A. Cây cầu mới khánh thành  **B. Cây cầu dây văng mới khánh thành**  **3.**  Meo Meo Meo Rửa Mặt Như Mèo 💙Nhạc Thiếu Nhi Mèo Con Cho Bé - YouTube  A. Con mèo đáng yêu  **B. Những con mèo rất đáng yêu**  **4.**  Những hình ảnh trời nắng đẹp nhất  A. Trời nắng  **B. Trời nắng chói chang**  **=>**  Con chim màu vàng bị nhốt trong lồng  Cây cầu dây văng mới khánh thành  Những con mèo thật đáng yêu  Trời nắng chói chang |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu lí thuyết**

**a. Mục tiêu:**

- Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ

- Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV -–HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Từ kiến thức đã học, em hãy cho biết thế nào là thành phần chính trong câu?*  *+ Gv yêu cầu học sinh đặt câu có thành phần chính là một từ, sau đó mở rộng thành phần chính bằng cụm từ?Chỉ ra sự khác biệt giữa câu có thành phần chính là một từ và một cụm từ?*  *+ Chỉ ra tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ?*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Gv lấy thêm ví dụ:  Ví dụ 1:  + Trời mưa  + Trời mưa tầm tã  → Cụ thể mức độ của trận mưa.  Ví dụ 2:  Chiếc xe đang lao xuống dốc  Chiếc xe cà tàng đang lao xuống dốc  → Cụ thể sự cũ nát của chiếc xe | **I. Tìm hiểu lí thuyết**  - Thành phần chính của câu bao gồm chủ ngữ và vị ngữ, đây là thành phần bắt buộc phải có mặt trong câu.  - Có thể mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ  - Mở rộng thành phần chính bằng cụm từ có thể giúp câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **NV1: Bài tập 1,2**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *GV phát PHT số 1 (bài 1), số 2 (bài 2), hs làm theo nhóm đôi*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | |
| **Bài 1 :**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Chủ ngữ (cụm từ)** | **Chủ ngữ (cụm từ) sau khi rút gọn** | **Sự thay đổi nghĩa của câu sau khi chủ ngữ được rút gọn** | | a | Một tiếng lá rơi lúc này | - Tiếng lá rơi lúc này  - Một tiếng lá rơi  - Tiếng lá rơi  - Tiếng lá | Không xác định được địa điểm, thời gian, số lượng của tiếng lá rơi. | | b | Phút yên tĩnh của rừng ban mai | - Phút yên tĩnh của rừng  - Phút yên tĩnh | Không xác định được chủ thể của phút yên tĩnh. | | c | Mấy con gầm ghì sắc lông màu xanh | Mấy con gầm ghì | Không xác định được đặc điểm (màu lông) của mấy con gầm ghì. |   **Bài 2:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Vị ngữ (cụm từ)** | **Vị ngữ (cụm từ) sau khi rút gọn** | **Sự thay đổi nghĩa của câu sau khi chủ ngữ được rút gọn** | | a | vẫn không thể rời tổ ong lúc nhúc trên cây tràm thấp kia. | không thể rời tổ ong | Không xác định được vị trí của tổ ong ở đâu. | | b | im lặng quá | im lặng | Không biểu thị được thái độ của người nói. | | c | lại lợp, bện bằng rơm đủ kiểu, hình thù khác nhau... | lại lợp bằng rơm | Không cung cấp đầy đủ thông tin về các tổ ong ở Tây Âu. | | |
| **NV2: Bài tập 3,4**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Hs đọc làm thực hiện yêu cầu bài số 3,4*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Bài 3:**  Trong đoạn văn trên, Đoàn Giỏi đã sử dụng các câu mở rộng thành phần vị ngữ bằng cụm từ để miêu tả cảnh vật ở rừng U Minh. Tác dụng của việc mở rộng thành phần vị ngữ đó là:  + Câu (1): cụ thể hóa tiếng hót của chim.  + Câu (2): cụ thể hóa cảm giác về mùi thơm của hương hoa tràm.  + Câu (3): cung cấp thêm thông tin về hướng mà hương thơm lan tỏa.  + Câu (4): cung cấp thêm thông tin về vị trí mà tính chất màu da của đối tượng (con kì nhông).  **Bài 4:**  a. Gió bấc bắt đầu thổi mạnh.  b. Không khí buổi sáng thật trong lành.  c. Đàn ong mật đang bay vo ve. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(Có thể giao về nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **Nội dung** |
| **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV chuyển giao nhiệm vụ: Viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em, trong đó có sử dụng ít nhất 1 câu có thành phần chính là cụm từ*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | *Trải nghiệm đáng nhớ nhất của em cho đến thời điểm này là chuyến tham quan suối cá thần ở Cẩm Thủy. Ở dòng suối chỉ sâu khoảng nửa mét, rộng bốn đến năm mét,* ***hàng ngàn con cá / tung tăng bơi lội****. Mỗi con cá có thể nặng từ 2kg đến 8kg gồm các loài: cá dốc quý hiếm, cá chài, cá mại… với hình dáng lạ mắt, nhiều màu sắc, mỗi khi bơi thân cá lấp lánh ánh bạc rất đẹp. Tuy mật độ cá dày đặc nhưng nước suối không tanh. Đặc biệt,* ***nước ở suối cá thần/******lúc nào cũng trong vắt****, chỗ nào không bị đàn cá che khuất thì có thể nhìn rõ những viên sỏi và rong rêu. Em hi vọng sẽ có cơ hội trở lại đây vào một ngày không xa.* |

**Ngày dạy:**

**BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**TIẾT 9: Đọc văn bản 3**

**NGÀN SAO LÀM VIỆC**

**(Võ Quảng)**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

* Học liệu: sách giáo khoa, sách giáo viên, ngữ liệu tham khảo, phiếu học tập (PHT), tranh ảnh liên quan.
* Thiết bị: máy tính, máy chiếu, bảng phụ.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**  ***Mục tiêu:*** huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm hình thành vấn đề liên quan đến nội dung bài học. Tạo tâm thế, hứng thú học tập cho HS.  ***Nội dung***: HS xem, nhận diện, nêu ra được những suy nghĩ của bản thân, trải nghiệm của bản thân về vẻ đẹp của bầu trời (trong buổi hoàng hôn, trong đêm…) hoặc khung cảnh thiên nhiên (có thể là cảnh thiên nhiên về đêm).  ***Sản phẩm:*** HS trình bày được những cảm nhận của cá nhân. Từ đó, nhận thức được vẻ đẹp của thiên nhiên, đặc biệt là bầu trời đêm; ý thức được cần phải gìn giữ vẻ đẹp đó.  ***Tổ chức thực hiện:*** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ***  Trình chiếu hình ảnh/ đoạn phim về bầu trời sao (bầu trời đêm) và hỏi: **Em đã từng được quan sát bầu trời cao rộng lúc hoàng hôn hay khi đêm xuống chưa? Hãy chia sẻ cho các bạn những cảm nhận của em về khung cảnh đó.**  ***Thực hiện nhiệm vụ:*** hỗ trợ, hướng dẫn HS suy nghĩ, đưa ra ý kiến và trình bày (sản phẩm).  ***Báo cáo***: gọi HS trình bày, nhận xét, bổ sung.  ***Kết luận, nhận định***: Nhận xét, chốt kiến thức và vào bài mới  ***GV vào bài****: Cuộc sống ngày càng phát triển với những tiện nghi hiện đại thì con người dường như càng rời xa thiên nhiên. Chúng ta đôi khi quên mất rằng, con người chúng ta chính là một phần của thiên nhiên tươi đẹp đó. Các em hãy một lần thả hồn và hòa mình vào khung cảnh thiên nhiên để thêm yêu, thêm trân trọng thế giới tự nhiên xung quanh mình như nhân vật “tôi” của Võ Quảng trong bài thơ “***Ngàn sao làm việc***”.* |  |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  ***Mục tiêu:*** huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm hình thành vấn đề liên quan nội dung bài học  ***Nội dung***:   * HS nhận biết được một số đặc điểm của văn bản thơ. * HS nhận biết và nhớ được chủ đề của văn bản “***Ngàn sao làm việc***”. * HS nhận biết, xác định và phân tích được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại thơ qua văn bản “***Ngàn sao làm việc***”: thể thơ, nhân vật trữ tình, biện pháp tu từ, chi tiết gợi tả...   ***Sản phẩm:*** HS nhận diện được những đặc điểm của văn bản thơ; phân tích được văn bản thơ “***Ngàn sao làm việc***” theo đặc trưng thể loại qua các hoạt động học tập.  ***Tổ chức thực hiện:*** | |
| ***Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung về văn bản*** | |
| **Hoạt động của GV và HSSản phẩm** | **Nội dung** |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ:***  **Đọc mục “*Sau khi đọc*” và trình bày những nét chính về tác giả Võ Quảng**  PHIẾU HỌC TẬP: TÌM HIỂU CHUNG   |  |  | | --- | --- | | Văn bản: ….. | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Thể thơ |  | | Cách gieo vần |  | | Cách ngắt nhịp |  | | Phương thức biểu đạt |  | | Bố cục |  | | Mạch cảm xúc |  | | Ý nghĩa nhan đề |  |   ***Thực hiện nhiệm vụ:*** GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, tìm ý, trao đổi và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  ***Báo cáo***: GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  ***Kết luận, nhận định***: GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.  ***Chuyển giao nhiệm vụ:***  **Tổ chức đọc:** Khi đọc, chú ý ngữ điệu phù hợp với nội dung văn bản. Giọng đọc rõ ràng, diễn cảm.  Lưu ý trong quá trình đọc sử dụng chủ yếu 2 chiến lược đọc: *hình dung, tưởng tượng*. Chú ý các từ khó được giải thích: *Ngân Hà, Thần Nông, vó, nơm, Sao Hôm, Đại Hùng Tinh*.  **Trao đổi, trình bày:**   * Xuất xứ của văn bản “***Ngàn sao làm việc***”. * Thể thơ (thể loại), đề tài, bố cục của văn bản “***Ngàn sao làm việc***”.   ***Thực hiện nhiệm vụ:*** GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, trao đổi và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  ***Báo cáo***: GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  ***Kết luận, nhận định***: GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.  - Đề tài: Tuổi thơ và thiên nhiên (*hoặc:* Vẻ đẹp của bầu trời tuổi đêm qua con mắt trẻ thơ)  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1: Khổ 1, 2: Tâm trạng, cảm nhận chung về thời gian, không gian của nhân vật trữ tình “tôi”.  + Phần 2: Khổ 3, 4, 5, 6: Những ấn tượng, cảm nhận của nhân vật “tôi” về khung cảnh bầu trời đêm. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**:  -Võ Quảng:1920 – 2007  -Quê: Quảng Nam  -Một đời cầm bút, Võ Quảng dành trọn tình yêu, tài năng và tâm huyết cho trẻ em.  -Thơ viết cho thiếu nhi của ông giản dị, trong sáng, gợi nhiều liên tưởng bất ngờ, độc đáo.  - Phong cách sáng tác: viết nhiều truyện và thơ cho thiếu nhi với lối viết giản gị, trong sáng, gợi nhiều liên tưởng bất ngờ, độc đáo  - Một số tác phẩm tiêu biểu: *Nắng sớm (1965), Anh đom đóm (1970), Quê nội (1974)*...  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc – Chú thích**  **b. Xuất xứ**: trích “***Tuyển tập Võ Quảng, tập II***” (NXB Văn học, HN, 1998)  **c. Thể loại:** thể thơ năm chữ  - Cách gieo vần: Các câu thơ giữa khổ bắt vần với nhau, cụ thể gieo vần chân: rậm- thẳm, tỉnh- đỉnh….  Câu thơ cuối của khổ trước vần với câu thơ đầu khổ sau: mò- no, sao- nao….  - Cách ngắt nhịp: Câu thơ ngắn, Nhịp thơ đều đặn trong từng khổ. Có những khổ ngắt nhịp 3/2, có những khổ 2/3  - PTBĐ: biểu cảm  **d. Đề tài**: Tuổi thơ và thiên nhiên  **e. Bố cục:** 2 phần  -Mạch cảm xúc của bài thơ được sắp xếp theo trình tự thời gian: từ chiều đến tối rồi về đêm và kết thúc khi hừng đông. Cùng với đó là quá trình xuất hiện, tỏa sáng và tắt lặng của các vì sao trên bầu trời.  - Ý nghĩa nhan đề  Nhận xét chung:  Nhan đề giàu sức gợi hình gợi không gian trở nên minh mông thăm thẳm và lung linh như ánh sao. Khung cảnh vừa đẹp đẽ, thơ mộng, diệu kì.  Biện pháp tu từ nhân hóa:  Gợi lên những liên tưởng thú vị: sự vật giống như con người, xa xôi nhưng vô cùng gần gũi, khoảnh khắc nghỉ ngơi nhưng vẫn làm việc, giữa bóng tối mênh mông nhưng vẫn ngời lên ánh sáng. |
| ***Hoạt động 2.2: Tìm hiểu chi tiết***  **Mục tiêu**:  -Phát hiện và chỉ ra các chi tiết, từ ngữ để nhận biết thời gian, không gian được miêu tả.  -Cho biết nhân vật trữ tình “tôi” được nhắc đến trong bài thơ là ai, đang làm gì và tâm trạng của nhân vật được thể hiện như thế nào.  **Nội dung***:* xác định TG, KG, nhân vật trữ tình trong VB  **Sản phẩm:**  câu trả lời trong phiếu học tập của HS  **Tổ chức thực hiện**   |  |  | | --- | --- | | **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | | |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ:***  **Đọc khổ thơ 1, 2 và hoàn thành phiếu học tập theo các yêu cầu sau:**  -Phát hiện và chỉ ra các chi tiết, từ ngữ để nhận biết thời gian, không gian được miêu tả.  -Cho biết nhân vật trữ tình “tôi” được nhắc đến trong bài thơ là ai, đang làm gì và tâm trạng của nhân vật được thể hiện như thế nào. (*Gợi ý câu hỏi gợi mở để HS nhận diện được nhân vật trữ tình “tôi” là ai:* dựa vào các chi tiết, hình ảnh “*Trâu tôi đã ăn no*”, “*Trâu tôi đi đủng đỉnh*”; Nhân vật “tôi” đang làm gì? Công việc nhân vật “tôi” đang làm thường là của người lớn hay trẻ em? Nhân vật “tôi” có tâm trạng như thế nào – vui, thư thái, bình yên, hay buồn bã, lo lắng, vội vàng?)  (*câu hỏi 1, 2 mục* ***Sau khi đọc***)  Graphical user interface, text, application  Description automatically generated  ***Thực hiện nhiệm vụ:*** GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, tìm ý, trao đổi và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  ***Báo cáo***: GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  ***Kết luận, nhận định***: GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.  *Nhân vật trữ tình “tôi” là một bạn nhỏ sống ở làng quê. Trong hai khổ thơ đầu, nhân vật “tôi” xuất hiện với tâm trạng vui tươi, hạnh phúc. Bạn dắt trâu về nhà trong khung cảnh êm đềm, thơ mộng của đồng quê: bóng chiều tỏa, trời trở tối, người và trâu đi giữa trời đêm như “bước giữa ngàn sao”.*  ***Chuyển giao nhiệm vụ:***  **Đọc 4 khổ thơ cuối và trình bày:**  1. Những sự vật nào trên bầu trời đêm được nhân vật “tôi” quan sát và miêu tả?  2. Tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ nào trong 4 khổ thơ miêu tả khung cảnh bầu trời đêm?  ***Thực hiện nhiệm vụ:*** GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, tìm ý, trao đổi và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  ***Báo cáo***: GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  ***Kết luận, nhận định***: GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.  1. Những sự vật nào trên bầu trời đêm được nhân vật “tôi” quan sát và miêu tả: sông Ngân Hà, sao Thần Nông, những sao dọc ngang, sao Hôm, nhóm Đại Hùng Tinh, hừng đông.  2. Tác giả đã sử dụng những biện pháp tu từ trong 4 khổ thơ miêu tả khung cảnh bầu trời đêm là: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ.  ***Chuyển giao nhiệm vụ:***  **Đọc 4 khổ thơ cuối và hoàn thành phiếu học tập:**  1. Chỉ ra những hình ảnh so sánh, liên tưởng được nhà thơ sử dụng để miêu tả dải Ngân Hà và các ngôi sao dọc ngang, các chòm sao Thần Nông, sao Hôm, sao Đại Hùng.  2. Tìm và chỉ ra những nét chung của những hình ảnh so sánh, liên tưởng đó.  3. Nêu (rút ra) ấn tượng chung (những liên tưởng) về khung cảnh bầu trời đêm hiện lên qua trí tưởng tượng của nhân vật “tôi”.  4. Qua những liên tưởng thú vị về khung cảnh bầu trời đêm, em có cảm nhận như thế nào về tâm hồn của nhân vật “tôi” trong bài thơ?  ***Thực hiện nhiệm vụ:*** GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, tìm ý, trao đổi và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  ***Báo cáo***: GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  ***Kết luận, nhận định***: GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.  2. Nét chung của các hình ảnh so sánh, liên tưởng trong đoạn thơ là: hầu hết các chòm sao đều được so sánh, liên tưởng với những vật dụng lao động của người nông dân (*chiếc vó, chiếc nơm, đuốc đèn soi cá, chiếc gàu…*). Vì vậy, hình ảnh bầu trời đêm gợi liên tưởng đến khung cảnh lao động của người nông dân: rất quen thuộc, gần gũi, sống động, nhộn nhịp, tươi vui.  3. Nhân vật “tôi” có những ấn tượng chung về khung cảnh bầu trời đêm: khung cảnh rộng lớn, mênh mông và không khí tươi vui, rộn rã. Ngàn sao tỏa sáng, những chòm sao hiện lên sống động như những con người đang mải miết, cần mẫn, hăng say trong công việc lao động thường ngày…  4. Tâm hồn của nhân vật “tôi”: rộng mở, giao hòa với thiên nhiên, với vũ trụ; có sự quan sát tinh tế, sự cảm nhận sâu sắc; có tình yêu và sự gắn bó với quê hương.  Khoảnh khắc ngàn sao được nghỉ ngơi được miêu tả trong khổ thơ cuối như thế nào?    Nhận xét bức tranh lao động của ngàn sao?  + Khung cảnh bầu trời đêm hiện lên qua hình dung của nhân vật “tôi” vô cùng sinh động và phong phú. Đó là bức tranh lao động rộn ràng, tươi vui nhưng cũng hết sức gần gụi , bình dị của ngàn sao trên bầu trời đêm.  + Ta không chỉ thấy được tôi có một tâm hồn trẻ thơ hồn nhiên, trong sáng mà còn có tình yêu với thiên nhiên, sự quan sát tinh tế và trí tưởng tượng phong phú. Đồng thời qua đó ta cũng thấy được sự chăm chỉ, cần cù của người nông dân; tâm hồn mộc mạc, trong sáng, tinh thần lạc quan, vui tươi của những người lao động nơi làng quê. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Tâm trạng của nhân vật trữ tình “tôi” trong hai khổ thơ đầu**   * Thời gian: *bóng chiều, trở tối mò, ngàn sao.* * Không gian: *bờ bụi rậm, đồng quê đang xanh thẫm, trời yên tĩnh, ngàn sao*   🡺 Cánh đồng quê vào buổi chiều tối yên tĩnh, thanh bình.   * Nhân vật trữ tình “tôi”: * Là một bạn nhỏ sống ở làng quê. * Dắt trâu về giữa khung cảnh làng quê yên bình   🡺 Tâm trạng vui tươi, bình yên, hạnh phúc.  **2. Những ấn tượng về khung cảnh bầu trời đêm qua trí tưởng tượng của nhân vật “tôi” trong 4 khổ thơ cuối.**   * Dải Ngân Hà – dòng sông chảy giữa trời*.* * Sao Thần Nông – chiếc vó bằng vàng. * Những sao dọc ngang – tôm cua bơi lội * Sao Hôm – đuốc đèn soi cá * Nhóm Đại Hùng tinh – gàu tát nước bên sông.   🡪 Những ngôi sao được ví như những vật dụng, công cụ lao động của người nông dân  🡪 Khung cảnh thiên nhiên với ngàn sao rộng lớn, mênh mông; không khí tươi vui, rộn rã tựa như một ngày lao động hăng say của con người.  🡺 Tâm hồn nhân vật “tôi” rộng mở, giao hòa với thiên nhiên  + Bức tranh lao động của ngàn sao trong hình dung, liên tưởng của nhân vật “tôi”hiện lên vô cùng sống động, rộn xã tươi vui nhưng cũng bình dị, gần gũi.  + Gợi sự chăm chỉ của người nông dân và tâm hồn mộc mạc của những người lao động với làng quê. |
| ***Hoạt động 2.3: Tổng kết*** | |
| **Mục tiêu**: Khái quát giá trị ND và NT trong VB  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung và những điều rút ra từ văn bản.  **HS** làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.  **Sản phẩm**: câu trả lời của hS  **Tổ chức thực hiện**  ***Chuyển giao nhiệm vụ:***  **Đọc lướt nhanh nội dung bài học và tổng kết lại:**   * Các biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng trong bài thơ. * Nội dung chính của bài thơ “***Ngàn sao làm việc***”.   ***Thực hiện nhiệm vụ:*** GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, tìm ý, trao đổi và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  ***Báo cáo***: GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  ***Kết luận, nhận định***: GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời.  Đề tài: Khung cảnh thiên nhiên và cuộc sống làng quê. Chủ đề: Khung cảnh bình dị mà đẹp đẽ của bầu trời đêm và cuộc sống lao động hăng say, rộn rã của những người nông dân nơi làng quê. Tâm hồn trẻ thơ hồn nhiên trong sáng, yêu thiên nhiên sống hòa mình với thiên nhiên. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**   * Sử dụng thể thơ 5 chữ*.* * Kết hợp các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hóa), từ ngữ giàu sức gợi hình.   **2. Nội dung**  -Bài thơ gợi được vẻ đẹp của khung cảnh êm đềm và nhịp sống bình yên nơi đồng quê, của thiên nhiên, vũ trụ bao la mà vẫn gần gũi, thân thuộc.  -Qua đó, khơi gợi tình yêu với thiên nhiên trong mỗi người. |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, CỦNG CỐ**  ***Mục tiêu:*** huy động kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm đã được hình thành để trình bày củng cố lại kiến thức liên quan nội dung bài học.  ***Nội dung***: dựa vào phần đã tìm hiểu để chỉ ra những giá trị nghệ thuật và nội dung của một vài chi tiết đặc sắc trong bài thơ; trình bày bằng một đoạn văn ngắn.  ***Sản phẩm:*** HS nhớ và chỉ ra được chi tiết thơ có giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc; trình bày được bằng đoạn văn ngắn.  ***Tổ chức thực hiện:*** 10’ | |
| ***Chuyển giao nhiệm vụ:***  **Chọn phân tích một vài chi tiết gợi tả đặc sắc.**  (*ý c câu hỏi 4 mục* ***Sau khi đọc***)  **Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) phân tích nội dung và nghệ thuật một chi tiết gợi tả đặc sắc mà em ấn tượng trong bài thơ “*Ngàn sao làm việc*” của nhà thơ Võ Quảng.**  (Có thể lựa chọn các chi tiết về các hình ảnh so sánh, liên tưởng: dải Ngân Hà, sao Thần Nông, sao Hôm, sao Đại Hùng, hình ảnh “*hừng đông phe phẩy chiếc quạt hồng*”🡪 HS nêu được: những liên tưởng thú vị; thể hiện trí tưởng tượng phong phú và cái nhìn vui tươi, hồn nhiên, trong sáng của trẻ thơ đối với thế giới tự nhiên)  ***Thực hiện nhiệm vụ:*** GV hỗ trợ, hướng dẫn HS đọc, tìm ý, trao đổi và trình bày sản phẩm; chốt kiến thức vào vở.  ***Báo cáo***: GV gọi HS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  ***Kết luận, nhận định***: GV nhận xét tổng kết, đánh giá, bổ sung các câu trả lời. |  |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỞ RỘNG**  ***Mục tiêu:*** Biết vận dụng kiến thức của bản thân để đọc hiểu các văn bản thơ, chú ý các văn bản trong ***Sgk Ngữ văn 7***; biết phát hiện và phân tích được giá trị nội dung và nghệ thuật trong các chi tiết thơ. Biết cách giải quyết các tình huống đọc hiểu, từ đó có năng lực giải quyết tình huống đa dạng.  ***Nội dung***: HS làm việc cá nhân, thực hiện trả lời các câu hỏi gợi ý để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản, chú trọng văn bản thơ (thơ tự do).  ***Sản phẩm:*** HS đọc hiểu được các văn bản thơ; hoàn thành các bài tập đọc hiểu văn bản thơ theo đúng đặc trưng thể loại.  ***Tổ chức thực hiện:*** chuyển giao nhiệm vụ học tập (1’)   * Hoàn thành phần ***Luyện viết đoạn văn***. * Tìm đọc thêm những bài thơ hoặc tác phẩm văn học với đề tài “***Tuổi thơ với thiên nhiên***” * Tìm hiểu và thực hiện các yêu cầu trong phần nội dung “***Viết – Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài***” (sgk, 27 – 30).   Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân  Báo cáo kết quả: nộp lại bài soạn theo yêu cầu của GV  Kết luận, nhận định: GV có thể chấm chữa, nhận xét bài làm của HS. | |

**Ngày dạy:**

**BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**TIẾT 10,11,12: VIẾT**

**TÓM TẮT VĂN BẢN THEO NHỮNG YÊU CẦU KHÁC NHAU VỀ ĐỘ DÀI**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

- PHT.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU:**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: GVchuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã bao giờ tóm tắt một VB chưa?*  *? Hãy kề lại mục đích của việc tóm tắt VB và tình huống sử dụng VB tóm tắt đó.*  **Bước 2: HS** **tiếp nhận**, **thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  + HS trình bày  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá  *GV dẫn dắt vài bài.* |  |

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với văn bản tóm tắt**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của một văn bản tóm tắt

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân:  ? Văn bản khi tóm tắt cần đảm bảo những yêu cầu gì? Vì sao?   * **Dự kiến sản phẩm:**   **Yêu cầu:**  - Phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc.  -Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc.  - Sử dụng các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.  - Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt.  Vì: Tóm tắt để giúp người đọc, người nghe dễ nắm được nội dung chính của tác phẩm.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tìm hiểu SGk và ghi vào vở câu trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - 1 HS trình bày câu trả lời.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Kết nối với đề mục sau. | **1. Yêu cầu đối với văn bản tóm tắt.**  - Phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc.  -Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc.  - Sử dụng các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.  - Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài tóm tắt tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm của văn bản tóm tắt

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** phiếu học tập số 1.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Gọi học sinh đọc văn bản 1 và văn bản 2 tham khảo.  **GV** hỏi: Cả hai văn bản cùng tóm tắt câu chuyện nào?  - YC học sinh thảo luận theo nhóm các tiêu chí được thể hiện trong bài viết tham khảo qua việc thực hiện **phiếu học tập số 1.**  **GV** chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | *Chỉ ra các sự việc chính trong hai văn bản tóm tắt.* |  | | *Nhận xét về các yêu cầu VB tóm tắt 1 và 2* |  |  * **Dự kiến sản phẩm:**  |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | *Chỉ ra các sự việc chính trong hai văn bản tóm tắt.* | -Hùng Vương có người con gái xinh đẹp là Mị Nương.  -Sơn Tinh và Thuỷ Tinh cùng đến cầu hôn Mị Nương.  -Sơn Tinh đến trước lấy được Mị Nương.  - Thuỷ Tinh đến sau nổi giận, dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng năm nào cũng bị thua. | | *Nhận xét về các yêu cầu VB tóm tắt 1 và 2* | -Hai VB tóm tắt đều phản ánh trung thành nội dung của VB gốc. Trong hai VB tóm tắt, người tóm tắt không đưa vào những thông tin vốn không có trong VB gốc hay những đánh giá, nhận xét chủ quan về các sự việc trong cầu chuyện.  **-** Hai VB tóm tắt đã trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc.  **-** Đưa được một số từ ngữ quan trọng trong VB gốc được thể hiện trong VB tóm tắt như.- *Hùng Vương thứ mười tám, MỊ Nương Sơn Tinh - chúa miền non cao. Thuỷ Tinh - chúa miền nước thẳm, cầu hôn, lễ vật, nổi giận, thua,..*  -Đáp ứng yêu cầu về độ dài. |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  - Dựa vào kết quả làm việc nhóm, đại diện trình bày kết quả phân tích bài viết tham khảo trước lớp. GV dẫn dắt và tổng kết một số ý cơ bản để HS nắm được, ghi nhớ và vận dụng vào bài viết của mình.  **Gv chốt:** Tóm tắt văn bản ngắn hay dài thì phải đảm bảo được những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc và một số từ ngữ quan trọng trong VB gốc được thể hiện trong VB tóm tắt. | **2. Phân tích bài viết tham khảo**  **-**Hai VB tóm tắt đều phản ánh trung thành nội dung của VB gốc. Trong hai VB tóm tắt, người tóm tắt không đưa vào những thông tin vốn không có trong VB gốc hay những đánh giá, nhận xét chủ quan về các sự việc trong cầu chuyện.  **-** Hai VB tóm tắt đã trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc.  **-** Một số từ ngữ quan trọng trong VB gốc được thể hiện trong VB tóm tắt như.- *Hùng Vương thứ mười tám, MỊ Nương Sơn Tinh - chúa miền non cao. Thuỷ Tinh - chúa miền nước thẳm, cầu hôn, lễ vật, nổi giận, thua,..*  **-** VB 1 có dung lượng 4 câu, VB 2 có dung lượng 12 câu. VB 2 đã miêu tả sự việc kĩ hơn so với VB |

**Hoạt động 3: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Nêu được các bước tóm tắt một văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, đối tượng người đọc trước khi viết bài.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv yêu cầu HS thảo luận nhóm nhiệm vụ sau:  ? Trước khi tóm tắt, chúng ta cần thực hiện những thao tác nào? Nêu rõ nhiệm vụ của từng thao tác ấy.   * **Dự kiến sản phẩm:**   **-** Đọc kĩ văn bản gốc: để hiểu đúng nội dung, chủ đề của văn bản.  - Xác định nội dung chính cần tóm tắt  +Xác định nội dung khái quát, cốt lõi của toàn văn bản.  + Tìm ý chính của từng phần hoặc đoạn, xác định quan hệ giữa các phần hoặc các đoạn trong văn bản.  + Tìm các từ ngữ quan trọng của văn bản.  - Xác định yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt: Tuỳ theo yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt mà lựa chọn ý lớn hay ý nhỏ của văn bản gốc.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV: Căn cứ vào yêu cầu về độ dài của VB để lựa chọn ý lớn, ý nhỏ cho VB tóm tắt. GV lưu ý HS khi tóm tắt VB tự sự, để có VB tóm tắt ngắn gọn, cần chú ý lựa chọn các sự việc chính; còn để VB tóm tắt có dung lượng lớn hơn, cần mở rộng các sự việc bằng những chi tiết tiêu biểu trong VB gốc. | **3. Thực hành viết theo các bước**  **3.1Trước khi tóm tắt**  - Đọc kĩ văn bản gốc.  - Xác định nội dung chính cần tóm tắt.  -Xác định yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu một vài điểm lưu ý khi viết bài:  - Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lý.  - Dùng lời văn của em kết hợp với những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết văn bản tóm tắt.  - Chú ý đảm bảo yêu câu về độ dài của văn bản tóm tắt.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Hãy tóm tắt văn bản: Bầy chim chìa vôi khoảng 8 đến 10 câu.  Yêu cầu hs hoạt động cá nhân.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh ghi chép lại các yêu cầu  - Thực hành viết bài  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nộp sản phẩm, để chọn sản phẩm chỉnh sửa .  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về tinh thần, thái độ khi thực hành viết.  **a**) Gv cùng Hs chỉnh sửa chung một bài viết  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ :**  **-** Yêu cầu học sinh đọc **phiếu HT số 2**(Phiếu rà soát, chỉnh sửa bài viết)   |  |  | | --- | --- | | Yêu cầu | Gợi ý chỉnh sửa | | Nội dung đúng văn bản gốc | Lược bỏ các thông tin không có trong Vb gốc và những ý kiến bình luận của người tóm tắt. | | Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc. | Bổ sung những ý chính, những điểm quan trọng của VB gốc (nếu thiếu), lược bớt các chi tiết thừa (nếu có) | | Sử dụng những từ ngữ quan trọng của VB gốc. | Bổ sung những từ ngữ quan trọng của VB gốc (nếu thiếu) | | Đáp ứng những yêu cầu khác nhau về độ dài | Rút gọn hoặc phát triển Vb tóm tắt theo yêu cầu về độ dài. | | Bảo đảm về yêu cầu chính tả và diễn đạt | Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt. |   - GV chia nhóm Hs yêu cầu chỉnh sửa chung một bài viết (bài do gv chọn từ trước).  - GV làm mẫu 2 yêu cầu đầu tiên trong bảng chỉnh sửa bài viết trong SGK.  - GV Chia nhóm yêu cầu học sinh chỉnh sửa bài viết theo yêu cầu 3,4,5.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động theo nhóm để chỉnh sửa bài viết theo yêu cầu 3,4,5.  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày kết quả làm việc của nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Đánh giá về kết qủa hoạt động nhóm.  b) GV hướng dẫn Hs tự chỉnh sửa bài viết của mình.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tự chỉnh sửa bài viết.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân dùng bút khác màu mực để đánh dấu và chỉnh sửa bài viết của mình.  **B3: Báo cáo thảo luận**  -1,2 HS trình bày kết quả chỉnh sửa.  - HS khác góp ý.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Đánh giá tinh thần, thái độ, hiệu quả hoạt động chỉnh sửa.  - Giao về nhà tiếp tục chỉnh sửa bài viết để chuẩn bị cho tiết luyện nói. | **3.2. Viết văn bản tóm tắt**  - Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lý.  - Dùng lời văn của em kết hợp với những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết văn bản tóm tắt.  - Chú ý đảm bảo yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt.  **3.3 Chỉnh sửa bài viết** |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

**1. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

**2. Nội dung**: Chọn tình huống trong cuộc sống cần sử dụng thao tác tóm tắt

**3. Sản phẩm:** Nội dung bài tóm tắt của HS.

**4. Tiến trình hoạt động:**

Gv yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau ở nhà:

***Hãy chỉ ra tình huống thực tế trong cuộc sống mà cần sử dụng thao tác tóm tắt văn bản và thực hành tóm tắt bằng đoạn văn khoảng 8 đến 10 câu.***

-Hs thực hiện ở nhà và báo cáo giáo viện vào tiết học sau

…………………………………………………………………………………………………

**Ngày dạy:**

**BÀI 1: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**TIẾT 13: Nói và nghe:**

**TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ MÀ EM QUAN TÂM**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Chuẩn bị bài nói**

**Mục tiêu:** Học sinh biết được nhiệm vụ của nhóm mình, hiểu được các bước cần làm để chuẩn bị cho bài nói. Bước đầu, học sinh chuẩn bị được nội dung bài nói.

**Nội dung**: HS chuẩn bị nội dung bài nói

**Sản phẩm:** nội dung bài nói

**Tổ chức thực hiện**

**Nhiệm vụ 1: Xác định mục đích, đối tượng và nội dung bài nói**

***a. Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV đặt câu hỏi cho học sinh

|  |
| --- |
| **Nội dung:**  1. Mục đích của bài nói là gì?  2. Đối tượng tiếp nhận bài nói là gì?  3. Để chuẩn bị nội dung bài nói, chúng ta phải làm những nhiệm vụ gì?  4.Từ thực tiễn các bài “Nói và nghe”, chia sẻ các phương pháp luyện nói của con với các bạn. |

***b. Thực hiện nhiệm vụ***

- HS trả lời các câu hỏi được GV đặt ra.

|  |
| --- |
| **Sản phẩm:**  1. Mục đích của bài nói: Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm.  2. Đối tượng của bài nói: Thầy cô, các bạn, người thân có hiểu biết đến vấn đề mà em quan tâm.  3. Các bước cần làm để chuẩn bị bài nói  - Chọn vấn đề  - Tìm hiểu những thông tin xoay quanh vấn đề  - Xây dựng sườn ý cơ bản  - Xác định từ ngữ then chốt và giọng nói thích hợp.  4. Luyện nói trước gương, tự nhẩm lại nội dung bài nói, kể cho bố mẹ nghe trước, ghi âm bài nói rồi nghe lại... |

***c. Báo cáo và thảo luận***

- HS trả lời câu hỏi.

***d. GV kết luận, nhận định***

- Giáo viên nhận xét câu trả lời của học sinh

- Giáo viên chốt kiến thức: Để có thể chuẩn bị bài nói, học sinh cần xác định rõ mục đích bài nói và đối tượng bài nói để có cách xưng hô, kể chuyện phù hợp.

**2. Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị nội dung bài nói**

***a. Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV phân chia các nhóm học tập.

- GV giao các vấn đề cho các nhóm (đại diện các nhóm có thể bốc thăm vấn đề của nhóm mình)

|  |
| --- |
| **Nội dung:**  - Các nhóm tìm hiểu một trong các vấn đề sau đây:  + Nhóm 1: vấn đề thanh thiếu niên sử dụng mạng xã hội  + Nhóm 2: vấn đề an toàn giao thông  + Nhóm 3: vấn đề covid 19 và những nỗi lo  + Nhóm 4: vấn đề học sinh nói tục chửi bậy  - Thời gian kể: 7 phút/ nhóm |

- GV yêu cầu các nhóm học sinh hoạt động nhóm trong thời gian 20 phút và giao nhiệm vụ:

|  |
| --- |
| **Nội dung:**  1. Tìm hiểu những thông tin liên quan đến vấn đề được giao.  2. Cần giải thích những từ ngữ nào?  3. Vấn đề đó tích cực hay tiêu cực? Nó có tác động như thế nào đến đời sống con người?  4. Từ đó, em rút ra được bài học gì cho bản thân và những người xung quanh?  5. Nhóm dự định lựa chọn hình thức nói thế nào? (cả nhóm cùng chia sẻ hay chỉ thành viên nói tốt nhất/ có sử dụng poster hay slide để kể hay không...). |

***b. Thực hiện nhiệm vụ***

- HS thảo luận nhóm.

- HS thực hiện các nhiệm vụ giáo viên đã giao.

- Giáo viên hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn.

***c. Báo cáo và thảo luận***

Các nhóm trình bày nội dung thảo luận của nhóm mình.

HS trao đổi thêm những khó khăn trong quá trình lập ý để GV giải đáp, hỗ trợ.

***d. GV kết luận, nhận định***

- Giáo viên nhận xét tinh thần làm việc nhóm và sản phẩm của học sinh

- Giáo viên dặn dò các nhóm chuẩn bị kĩ bài nói để trình bày

***2. Hoạt động 2: Trình bày bài nói***

**Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng trình bày bài nói, nói về một vấn đề em quan tâm.

**Nội dung**: nội dung vấn đề em quan tâm.

**Sản phẩm:** HS trình bày bài nói của mình.

**Tổ chức thực hiện**

***a. Chuyển giao nhiệm vụ:***

- Giáo viên đưa ra các nhiệm vụ cho học sinh

|  |
| --- |
| Nội dung:  - Đối với nhóm trình bày bài nói:  + Thời lượng nói: 7 phút/ 1 nhóm  + Phong thái: Tự tin, thoải mái.  + Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói  + Nhập vai chính xác, xưng hô thống nhất, tập trung vào diễn biến câu chuyện  + Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói cho phù hợp  - Đối với học sinh lắng nghe bài nói: điền vào bảng kiểm bài nói nhập vai kể lại một cổ tích để học sinh đánh giá các bài nói trong lớp |

***b. Thực hiện nhiệm vụ***

- HS xem lại dàn ý, chuẩn bị trình bày bài nói.

- HS xem lại bảng kiểm để đánh giá bài nói.

- Các nhóm học sinh trình bày bài nói.

***c. Báo cáo và thảo luận***

- Một số học sinh khác nhận xét bài nói (có sử dụng bảng kiểm).

- Học sinh bình chọn nhóm có bài nói hay nhất.

***d. GV kết luận, nhận định***

- GV nhận xét bài nói

- GV chốt các nội dung bài học từ mỗi câu chuyện cổ tích

***3. Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói***

**Mục tiêu:** HS rút kinh nghiệm về bài nói, biết cách đánh giá bài nói của các bạn.

**Nội dung**: trao đổi nội dung bài nói.

**Sản phẩm:** HS trao đổi những vấn đề nói và nghe.

**Tổ chức thực hiện**

***a. Chuyển giao nhiệm vụ***

Giáo viên giao nhiệm vụ:

|  |
| --- |
| Nội dung:  Làm việc theo nhóm và trả lời các câu hỏi sau:  1. Hãy xem lại bảng kiểm và đưa ra các điểm mạnh, điểm yếu của lớp mình trong tiết nói  2. Hãy đề xuất một số giải pháp để bài “Nói và nghe” sau được tốt hơn. |

***b. Thực hiện nhiệm vụ***

- HS suy nghĩ và làm việc theo nhóm.

***c. Báo cáo và thảo luận***

- Các nhóm trình bày kết quả thảo luận

- Gv tổ chức hoạt động:

*Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn ? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*

*+ Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*

***d. GV kết luận, nhận định***

- GV chốt lại những yêu cầu và những lưu ý kĩ năng cần thiết để HS có thể củng cố và vận dụng tốt hơn.

**Bảng kiểm bài nói kể lại một vấn đề em quan tâm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| Bài nói có đầy đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  |
| Bài nói hấp dẫn, lôi cuốn và thuyết phục |  |
| Bài nói có làm rõ những chi tiết liên quan đến sự việc được kể |  |
| Các sự việc được kể theo trình tự hợp lí |  |
| Giọng kể to, rõ, mạch lạc, thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung câu chuyện |  |
| Người nói tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng kể, nét mặt, cử chỉ hợp lí |  |
| Sử dụng các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, video… |  |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kĩ năng nói để tham gia các buổi sinh hoạt câu lạc bộ, thi văn nghệ, giới thiệu sách với tiết mục kể chuyện do nhà trường tổ chức.

**b. Nội dung:** HS đăng kí tham gia các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức, đăng kí và chuẩn bị tiết mục dự thi, có thể kết hợp với các phương tiện kĩ thuật như âm thanh, ánh sáng, tranh ảnh cho sinh động…

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV** giao cho **HS** các nhiệm vụ như mục **Nội dung** và khuyến khích học sinh tham gia tích cực hoạt động giáo dục vận dụng kĩ năng nói.

**- HS** thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch của nhà trường.

**Ngày kí duyệt:**

**==============================**

**Ngày soạn:**

**Bài 2. KHÚC NHẠC TÂM HỒN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm nổi bật của thể thơ 4 chữ, 5 chữ.

- Nội dung chính trong một văn bản thơ.

- Ý nghĩa và tình cảm, cảm xúc thông qua các hình tượng nhân vật trong thơ và cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

- Đặc điểm và chức năng của các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hoá, nói giảm nói tránh, điệp.

- Nghĩa của từ được sử dụng trong câu văn, đoạn văn.

- Cách tự sáng tác một bài thơ theo thể thơ 4 chữ, 5 chữ.

- Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc).

**2. Năng lực**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**3. Phẩm chất:**

Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Tự hào và tôn trọng về những sự hy sinh của các thế hệ trước; biết ơn những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ bên ông bà, bố mẹ, bạn bè, người thân; bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước trong lòng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án: word + powerpoint ; sách giáo viên

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

- Các tài liệu tham khảo liên quan đến từng bài học.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Ngày dạy:**

**Tiết 14,15**

**GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Đọc văn bản 1: ĐỒNG DAO MÙA XUÂN**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ câu chuyện kỷ niệm của bản thân.

**c) Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đặt yêu cầu: *Hãy kể về một kỷ niệm đẹp mà em đã từng có với bố mẹ hoặc ông bà.*  - HS tiếp nhận yêu cầu.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động  - HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung và giới thiệu vào bài:  Các con ạ, trong cuộc sống hàng ngày học hành bận rộn, những kỷ niệm tươi đẹp của tuổi thơ giống như là một khúc nhạc, một lúc nào đó tự vang lên trong tâm hồn, vừa xua tan mệt mỏi, vừa có thể giúp ta có thêm niềm tin vào những điều tươi sáng trong hiện tại, và trong cả tương lai. Đến với *bài 2: Khúc nhạc tâm hồn*, chúng ta sẽ được thả mình chìm đắm vào những ký ức tươi đẹp về quê hương, về đất nước mình, về những điều xưa cũ vẫn còn nguyên giá trị. Trong bài học này, chúng ta sẽ thấy được các bài thơ được viết theo thể bốn chữ, năm chữ và một văn bản kết nối chủ đề đã làm nên những cung bậc, giai điệu khác nhau của khúc nhạc tâm hồn, góp phần nuôi dưỡng, bồi đắp những giá trị nhân văn cao cả trong cuộc sống. | HS suy nghĩ, đưa ra những câu chuyện kỷ niệm của cá nhân mình. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a) Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể thơ và về chủ đề của bài học.

**b) Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học và trả lời câu hỏi: Phần giới thiệu bài học muốn nói với chung ta điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ  - GV lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung và định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh  **+** Ý thứ nhất giới thiệu các VB được chọn đều gắn với chủ đề bài học, nhằm khẳng định: Những ký ức tươi đẹp của tuổi ấu thơ luôn là những thanh âm trong trẻo tưới mát tâm hồn mỗi người.  - - Thứ hai, bài học nhằm bước đầu hình thành cho HS ý niệm về thể thơ 4 chữ, 5 chữ, cùng với đó là biện pháp tu từ nói giảm nói tránh. Điều này sẽ được làm rõ qua hoạt động “Khám phá tri thức Ngữ Văn” | **I. Tìm hiểu giới thiệu bài học**  - Các văn bản trong chủ đề nhằm gợi ra cho chúng ta về những miền ký ức tươi đẹp của tuổi ấu thơ, về những năm tháng không thể nào quên của quê hương, của con người, của đất nước.  - Thể thơ 4 chữ, 5 chữ: là một thể thơ nhằm bộc lộ tình cảm, tâm trạng, cảm xúc của người viết gần gũi với người đọc, người nghe. |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức Ngữ Văn**

**a) Mục tiêu:**

- HS hiểu được khái niệm và các đặc điểm của thể thơ bốn chữ, năm chữ.

- HS nắm được khái niệm và đặc điểm, chức năng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh.

**b) Nội dung:**

- GV cho HS làm phiếu bài tập để hình dung rõ hơn về thể thơ bốn chữ, năm chữ.

- GV cung cấp tri thức về biện pháp tu từ nói giảm nói tránh.

**c) Sản phẩm:**

- Phiếu học tập đã được HS hoàn thành.

- Thái độ và sự tiếp nhận tri thức của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **Nội dung** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thể thơ 4 chữ, 5 chữ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS đọc SGK phần *“Tri thức Ngữ Văn”* để hoàn thành phiếu bài tập 1 theo hình thức cá nhân.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu bài tập số 1** | | | |  | **Thơ 4 chữ** | **Thơ 5 chữ** | | Khái niệm |  | | | Gieo vần |  | | | Ngắt nhịp |  |  | | Ứng dụng |  | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành suy nghĩ để hoàn thành phiếu bài tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trình bày phần bài làm của mình trong phiếu học tập  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét về các phần trình bày bài làm cũng như câu trả lời của HS, chốt kiến thức. | **II. Khám phá Tri thức Ngữ Văn:**  **Thể thơ bốn chữ, năm chữ:**  **a) Khái niệm:**  - Là những thể thơ được gọi tên dựa vào số chữ (tiếng) trong mỗi dòng thơ.  - Số lượng dòng trong mỗi bài không hạn chế.  - Có thể chia khổ hoặc không.  **b) Gieo vần:**  Các cách gieo vần có thể sử dụng:  + Vần chân: thường được đặt ở cuối dòng.  + Vần liền: gieo liên tiếp.  + Vần cách: gieo cách quãng.  + Vần hỗn hợp: kết hợp nhiều kiểu gieo vần trong cùng một bài.  **c) Ngắt nhịp:**   |  |  | | --- | --- | | **Thơ 4 chữ** | **Thơ 5 chữ** | | - Thường ngắt nhịp 2/2. | - Thường ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2. | | Nhịp thơ cũng có thể được ngắt linh hoạt, phù hợp với mạch cảm xúc của bài thơ. | |   **d) Ứng dụng:**  - Thường sử dụng trong các bài đồng dao, vè, thích hợp với việc kể chuyện, hình ảnh thơ thường dung dị, gần gũi. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và nhận diện thể thơ bốn chữ, năm chữ trong các văn bản.

**b) Nội dung:** Sưu tầm thơ ở ngoài sách giáo khoa.

**c) Sản phẩm:** Kết quả sưu tầm của HS ở buổi học tiếp theo.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV: Đọc một bài thơ 4 hoặc 5 chữ, sau đó chỉ ra yếu tố hình thức của thể thơ trên?

- GV giao bài tập về nhà cho HS: Sưu tầm 5 bài thơ bốn chữ, năm chữ dành cho thiếu nhi và chép 5 bài thơ tìm được vào vở.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày dạy:**

**Bài 2: KHÚC NHẠC TÂM HỒN**

**Đọc văn bản 1: ĐỒNG DAO MÙA XUÂN**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, máy chiếu, tranh ảnh, bài thơ, bài hát về anh bộ đội, chiến tranh, làng quê,...

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**Mục tiêu**: Giúp HS biết được chủ đề của bài học này là tình cảm yêu thương của con người đối với thế giới xung quanh. Tình cảm ấy bắt nguồn từ tình yêu gia đình, theo thời gian, lan toả, lớn lên thành tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước,... Thơ ca đã diễn tả những lời từ trái tim ấy thông qua một ngôn ngữ giàu nhạc tính, trở thành những khúc nhạc của tầm hồn.; Giúp HS nhận biết được đặc điểm cơ bản của thơ bốn chữ, đổng thời cũng khơi gợi hứng thú khám phá của HS

**Nội dung**: HS nghe và cảm nhận

**Sản phẩm:** HS biết được chủ đề của VB và thể loại

**Tổ chức thực hiện**:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

* Cho HS nghe bài hát về Nguyễn Viêt Xuân

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

Bài hát nói về ai? Nguyễn Viêt Xuân là người như thế nào? Em có cảm nghĩ gì về anh?

B3: Báo cáo, thảo luận: Nguyễn Viêt Xuân là người lính rất dũng cảm, yêu nước, căm thù quân giặc. Với khẩu hiệu: “ Nhằm thẳng quân thù mà bắn”, Nguyễn Viết Xuân sống mãi trong lòng người dân VN....Em rất ngưỡng mộ, tự hào và biết ơn anh.

B4: Kết luận, nhận định (GV): Nguyễn Viêt Xuân chỉ là một trong bao nhiêu tấm gương chiến đấu, hi sinh vì tổ quốc... VB “Đồng dao mùa xuân” nói về người lính như thế!

GV giới thiệu thêm: Hai VB đầu hướng tới mục tiêu giúp HS nhận biết được đặc điểm cơ bản của thơ bốn chữ và năm chữ.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| **Mục tiêu**: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm  **Nội dung**: Có thể bố trí câu hỏi trắc nghiệm về tác giả, tác phẩm hoặc yêu cầu 2 học sinh lên giới thiệu về tác giả tác phẩm ( Nếu GV đã giao nv ở nhà)  **Sản phẩm:** chuẩn bị phần giới thiệu về tác giả, tp  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả, tác phẩm  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**- Yêu cầu 2 học sinh lên giới thiệu về tác giả tác phẩm ( Nếu GV đã giao nv ở nhà)  **B3: Báo cáo, thảo luận**: Họ tên, năm sinh, phong cách. Tác phẩm nêu xuất xứ, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục  **B4: Kết luận, nhận định** | | **1. Tác giả:**  - Nguyễn Khoa Điềm, sinh năm 1943  - Quê: Thừa Thiên- Huế  - Thơ ông giàu chất suy tư, xúc cảm dồn nén, mang màu sắc chính luận  **2. Tác phẩm:**  **a. Xuất xứ**  - Viết năm 1994  - Trích Thơ Nguyễn Khoa Điềm, Tuyển tập 40 năm do tác giả chọn  **b. Bố cục:**  - Phần 1 (Khổ 1): giới thiệu hình ảnh và xuất thân người lính  - Phần 2 (Khổ 2): thông báo về việc đất nước hòa bình nhưng người lính không về nữa  - Phần 3 (Các khổ còn lại): tái hiện lại những khoảnh khắc, khía cạnh trong tâm hồn người lính nơi chiến trận  **c. Thể loại:**thơ bốn chữ  **d. Phương thức biểu đạt: biểu cảm**, tự sự và miêu tả |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VB** | | |
| **1. Đọc** | | |
| **Mục tiêu**: Rèn kĩ năng đọc VB  **Nội dung**: Gv hướng dẫn đọc, đọc mẫu, nhận xét, sửa cho HS  **Sản phẩm:** HS đọc  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **NỘI DUNG** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  B2: Thực hiện nhiệm vụ  -GV hướng dẫn HS đọc: Trước khi HS đọc VB, GV hướng dẫn HS *theo dõi* số tiếng trong mỗi dòng thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp để nắm được những yếu tố đặc trưng của thể thơ bốn chữ. Đồng thời, GV lưu ý HS *hình dung* được hình ảnh người lính trong "những năm máu lửa” và hình ảnh người linh nằm lại chiến trường xưa trong tưởng tượng của tác giả. Giọng đọc trầm buồn,  - Số tiếng: 4 tiếng.  - Gieo vần: vần cách (yêu - diều)  - Nhịp thơ: nhịp 2/2; 1/3 tùy theo từng câu.  - GV đọc mẫu, chú ý thể hiện được nhịp điệu của bài thơ, sau đó yêu cầu một số HS đọc toàn VB.  B3: Báo cáo, thảo luận: Gọi 1 vài HS đọc, GV sửa, nhận xét  B4: Kết luận, nhận định. |  | |
| **2. Tìm hiểu chi tiết VB**  **2.1. Giới thiệu về xuất thân của người lính:** | | |
| **Mục tiêu**: Giới thiệu của tác giả về xuất thân của người lính  **Nội dung**: Thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi 1 SGK  **Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của Gv và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đọc lại khổ 1,2. Yêu cầu HS nêu cách chia khổ của bài thơ đặc biệt ở chỗ nào? Tác dụng của cách chia khổ đó?  -Câu hỏi 2 đặt ra yêu cầu tìm hiểu những đặc điểm hình thức cúa bài thơ bốn chữ như số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận cặp đôi  -GV có thể gợi ý cho HS lập bảng rồi yêu cầu HS hoàn thiện. Bảng này có thể được thiết kế để trình chiếu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Đặc điểm** | **Tác dụng** | | **Số tiếng trong mỗi dòng** |  |  | | **Cách gieo vần** |  |  | | **Ngắt nhịp** |  |  |   -GV có thể tổ chức cho HS thi xác định cac dặc điểm của bài thơ: chia lớp thành hai đội, trong khoảng thời gian quy định, mỗi đội cử một thư kí ghi trên bảng cầu trả lời của các bạn trong đội. Hết giờ, GV yêu cẩu thành viên hai đội tự xác định câu trả lời đúng của đội bạn. GV làm trọng tài kết luận phương an trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**: GV gọi đại diện trả lời, nhận xét chéo giữa các cặp.  **B4: Kết luận, nhận định**:  -Bài thơ được chia thành chín khổ. Hầu hết các khổ đếu có bốn dòng. Tuy nhiên có hai khổ khác biệt với các khổ còn lại. Khổ một kể lại sự kiện người lính lên đường ra chiến trường, gồm ba dòng thơ, tạo nên một sự lửng lơ, khiến người đọc có tâm trạng chờ đợi được đọc cầu chuyện tiếp theo về anh...  -Khổ hai kể về sự ra đi của người lình chỉ vỏn vẹn trong hai dòng - diễn tả sự hi sinh bất ngờ, đột ngột giữa lúc tuổi xanh, thể hiện tâm trạng đau thương của nhà thơ, đồng thời gợi lên trong người đọc niềm tiếc thương sâu sắc.  -Nhịp thơ: Mỗi dòng thơ có bốn tiếng, rất ngắn gọn, như một nét chạm khắc rất dứt khoát, rất sắc nét, góp phần tạc vào kí ức độc giả hình tượng người lính đã anh dũng hi sinh vì Tổ quốc giữa lúc tuổi đang còn rất trẻ. | **2.1. Giới thiệu về xuất thân của người lính:**  Cách chia khổ của bài thơ đặc biệt ở chỗ:  - Hai khổ thơ đầu có khổ 2 câu, có khổ 3 câu. Từ khổ thứ 3 trở đi mỗi khổ thơ 4 câu.  => Cách chia phù hợp với nội dung và ý nghĩa bài thơ.  -Bài thơ sử dụng vần chân ở hầu hết các dòng thơ, ví dụ: *lính - bình, lửa - nữa.*  *Có một người lính*  *Đi vào núi xanh*  *Những năm máu lửa.*  *Một ngày hoà bỉnh*  *Anh không vê nữa.*  + Trên nền nhịp chẵn (2/2) được hình thành một cách tự nhiên (do tính bình ổn cua cảm xúc và thói quen ưa sự nhịp nhàng khi làm thơ của người Việt chi phối), nhà thơ đã dụng công tạo nên các biến tấu linh hoạt. Chẳng hạn, khi đọc năm dòng đẩu, người đọc có thể ngắt nhịp cụ thể như sau:  *Có / một người lính*  *Đi vào / núi xanh*  *Những năm / máu lửa.*  *Một ngày / hoà bình*  *Anh / không vẽ nữa.*  Nhịp 2/2 khiến bài thơ mang giọng điệu đồng dao. Những biến tấu rất tự nhiên ghi lại chân thực cảm xúc riêng của nhà thơ và truyền được đến độc giả cảm xúc đó. Nhịp 1/3 ở dòng một đã tách riêng động từ chỉ sự tổn tại *có,* khắc sâu ấn tượng về sự hiện diện của người lính, đối lập với dòng thơ thứ năm cũng có nhịp 1/3 nhấn mạnh sự *không về* của *anh.* Thế tương phản *có - không* nói lên sự mất mát, gợi cám xúc tiếc thương, bùi ngùi. | |
| **2.1. Hình ảnh người lính nơi chiến trận và tình cảm của đồng đội và nhân dân dành cho người lính** | | |
| **Mục tiêu**: **Hình ảnh người lính nơi chiến trận và tình cảm của đồng đội và nhân dân dành cho người lính**  **Nội dung**: Thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi 3,4 SGK  **Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  - Sắp xếp các sự việc cho đúng câu chuyện về cuộc đời người lính.  - Đọc khổ 3 đến hết và hoàn thành phiếu học tập ( Trả lời câu hỏi 4)  - Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi 5,6  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**:  - GV có thể gợi ý bằng cách yêu cẩu HS tìm những sự việc chính được tác giả đề cập đến trong bài thơ, dùng lời của mình để kể lại. Dể giúp HS tóm tắt những sự việc chính, GV có thể gợi ý các em điền vào ô trống trong sơ đồ trên phiếu học tập rồi trình bày.  Sự việc 1 Sự việc 2  GV cũng có thể đưa ra hệ thống sự việc đă dược đảo trặt tự, sau đó yêu cầu HS sắp xếp lại theo trật tự đúng.  -Các nhóm hoàn thành phiếu học tâp  **B3: Báo cáo, thảo luận** HS : HS trả lời câu 3, câu 4, câu 5  **B4: Kết luận, nhận định**:  -Câu 3,4: Có một người lính tuổi đời còn rất trẻ, còn mê thả diều như vừa qua tuổi thiếu niên. Theo tiếng gọi của Tổ quốc, anh lên đường ra mặt trận. Trong một trận chiến ác liệt, anh đã anh dũng hi sinh, vĩnh viễn nằm lại dưới những cánh rung đại ngàn. Những hình ảnh hào hùng mà cũng rất đỗi khiêm nhường, dung dị của anh còn mãi trong tâm trí “nhân gian”.  -Câu 5:  - Tình cảm đồng đội: Là sự đùm bọc, gắn bó của những người lính bên nhau giữa mưa bom, lửa đạn. Là sự sẻ chia khi cùng sát cánh chiến đấu, là sự tiếc nuối, bâng khuâng và vẫn dõi theo bạn bè khi lỡ hi sinh, tử trận  - Tình cảm của nhân dân: không thể hiện trực tiếp mà thể hiện gián tiếp qua những dòng thơ đầy giá trị cảm xúc => Chính tình cảm yêu mến, trân trọng của nhân dân đã khắc họa lên chân dung người lính đẹp đẽ và thơ mộng như vậy.  Câu 6: Tên bài thơ có ý nghĩa gì?   * Khúc đổng dao về tuổi thanh xuân của người lính, về sự bất tư cua hình anh người lính trẻ. Hình ảnh các anh còn sống mãi trong trái tim nhân dần như mùa xuân trường tồn cùng vũ trụ. Qua đó, nhà thơ ca ngợi những người anh hùng trẻ tuổi, bày tỏ sự ghi nhớ, biết ơn sự hi sinh của các anh. Tác giả sử dụng hình thức của đồng dao để lưu truyền mãi trong những thế hệ sau lời ngợi ca, lòng biết ơn những người lính trẻ đã dâng hiến mùa xuân cuộc đời mình kết thành những mùa xuân vĩnh cửu cho dân tộc, đất nước. | **a. Hình ảnh người lính nơi chiến trận**  - Chi tiết khắc họa người lính: Chưa một lần yêu; Mê thả diều; Nụ cười hiền lành; Mắt trong như suối biếc; Vai đầy núi non.  - Hình ảnh người lính hiện lên với các đặc điểm:  + Hồn nhiên, trong sáng: chưa từng yêu, còn mê thả diều.  + Hiền lành, nhân hậu: cái cười hiền lành.  + Anh hùng, sống lý tưởng: hình ảnh “mắt trong”, “vai đầy núi non” thể hiện lòng quyết tâm, phẩm chất anh hùng và lí tưởng sống vì đất nước, vì quê hương của người lính.    **b. Tình cảm của đồng đội và nhân dân dành cho người lính:**  - Tình cảm đồng đội: Đó là những tình cảm cao đẹp của người lính cụ Hồ trong chiến đấu.  - Tình cảm của nhân dân: Chính tình cảm yêu mến, trân trọng của nhân dân đã khắc họa lên chân dung người lính đẹp đẽ và thơ mộng như vậy.  **\*Ý nghĩa nhan đề:**  Nhan đề có ý nghĩa gợi lên khúc hát quen thuộc về sức sống diệu kì của con người, của vạn vật trước sự biến chuyển của thời gian. | |
| **III. TỔNG KẾT** | | |
| **Mục tiêu**: Tổng kết nội dung và NT toàn bài  **Nội dung:** Làm việc cá nhân  **Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Tổng kêt lại NT tiêu biểu và nội dung chính của bài thơ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **B4: Kết luận, nhận định** | **1. Nghệ thuật:**  **-**Thể thơ 4 chữ, cách chia khổ đặc biệt, sử dụng cách nói giảm nói tránh, ẩn dụ..  **2. Nội dung:**  **-** Bài thơ viết về người lính, dưới góc nhìn chiêm nghiệm của một con người thời bình. Đó là những người lính hồn nhiên, tinh nghịch, chưa một lần yêu, còn mê thả diền nhưng chính họ đã hi sinh tuổi xuân, máu xương của mình cho đất nước. | |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức

**b) Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm trong SBT

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời đúng

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Đưa ra các câu hỏi TN liên quan đến nội dung tiết học

B2: Thực hiện nhiệm vụ

B3: Báo cáo, thảo luận

B4: Kết luận, nhận định: Chốt đáp án đúng, cho điểm HS

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Rèn kĩ năng viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về người lính trong bài thơ

**b) Nội dung:** HĐ cá nhân

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 5- 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về người lính trong bài thơ

B2: Thực hiện nhiệm vụ

B3: Báo cáo, thảo luận

B4: Kết luận, nhận định: Chốt đáp án đúng cho điểm HS

Hình tượng người lính Việt Nam đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận cho các sáng tác thi ca nhạc họa. Nguyễn Khoa Điềm cũng đưa hình tượng ấy vào trong thơ của mình một cách tự nhiên và đầy cảm xúc với bài thơ: “Đồng dao mùa xuân”. Bài thơ viết về người lính, dưới góc nhìn chiêm nghiệm của một con người thời bình. Đó là những người lính hồn nhiên, tinh nghịch, chưa một lần yêu, còn mê thả diều nhưng chính họ đã hi sinh tuổi xuân, máu xương của mình cho Đất Nước. Họ đã nằm lại mãi nơi chiến trường để đất nước được vẹn tròn, để nhân dân được độc lập. Trong cảm nhận của Nguyễn Khoa Điềm, dù họ mãi mãi gửi thân xác nơi rừng Trường Sơn xa xôi nhưng anh linh của họ thì còn mãi. Bởi chính họ đã làm nên mùa xuân vĩnh hằng của đất nước hôm nay.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày dạy:**

**Tiết 16: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**HOẠT ĐỘNG 1: I. Nhận biết biện pháp tu từ nói giảm nói tránh**

**a**. **Mục tiêu**:

HS nhận biết về biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh và tác dụng của phép tu từ, nghĩa của từ

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cặp đôi để rút ra kiến thức, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đưa ra ví dụ và yêu cầu HS phân tích theo những câu hỏi gợi dẫn sau:  + Từ ngữ được in đậm trong câu văn trên nhằm diễn đạt điều gì?  + Tại sao người viết lại sử dụng cách diễn đạt đó?  + Em hãy tìm những từ ngữ khác cũng nói về cái chết.  VD:  (1)Anh bạn dãi dầu **không bước nữa**  Gục lên súng mũ **bỏ quên đời**  …  Áo bào thay chiếu anh **về đất**  Sông Mã gầm lên khúc độc hành.  (2)Thầy cô Pha chỉ chê có mỗi một câu: “Phải cái nhà nó **khí thanh bạch”** thì mẹ cô Pha kêu lên….  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ và suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS trả lời câu hỏi. Các HS khác trong lớp lắng nghe, nhận xét.  Dự kiến câu trả lời:  + Từ ngữ in đậm trong câu thơ (1) chỉ sự việc đã chết. (2) chỉ cái nghèo  + Người viết sử dụng cách diễn đạt này để làm giảm nhẹ tính đau thương, mất mát; giữ phép lịch sự  + Những từ ngữ khác cũng nói về cái chết*: về, quy tiên, từ trần, toi ,tỏi, ngỏm, hi sinh, mất...*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức và trình chiếu, ghi bảng.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  -Đọc những VD sau chỉ ra biện pháp tu từ nói giảm nói tránh.  -Nhận xét cách nói giảm nói tránh đó  a. Cụ ấy *chết* rồi. => Cụ ấy *quy tiên* rồi.  b. Kết quả học tập của con dạo này *kém* lắm. => Con *cần phải cố gắng nhiều hơn nữa* trong học tập.  c. Bông hoa này *xẩu* lắm. => Bóng hoa này *không đẹp.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ và suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời câu hỏi. Các HS khác trong lớp lắng nghe, nhận xét.  **B4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức và trình chiếu, ghi bảng. | **I. Nhận biết biện pháp tu từ nói giảm nói tránh**  **1. Nói giảm, nói tránh:**  **\*Khái niệm**  - Nói giảm nói tránh: Là biện pháp tu từ dùng cách nói giảm nhẹ quy mô, tính chất,…của đối tượng, hoặc tránh trình bày trực tiếp điều muốn nói để khỏi gây cảm giác đau buồn, ghê sợ hay để giữ phép lịch sự.  **\* Những cách nói giảm nói tránh thông dụng:**   * Dùng các từ đồng nghĩa, đặc biệt là từ Hán Việt   Ví dụ: Cụ ấy *chết* rồi. => Cụ ấy *quy tiên* rồi.   * Dùng cách nói vòng   Ví dụ: Kết quả học tập của con dạo này *kém* lắm. => Con *cần phải cố gắng nhiều hơn nữa* trong học tập.  • Dùng cách nói phủ định bằng từ trái nghĩa  Ví dụ: Bông hoa này *xẩu* lắm. => Bóng hoa này *không đẹp.* |

**HOẠT ĐỘNG 2: II. Thực hành**

1. **Biện pháp tu từ**

**Mục tiêu:** HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập vào phiếu.

**Nội dung**: BT trong SGK

**Sản phẩm**: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 1, trang 42 SGK, nêu yêu cầu của bài  HÌNH THỨC CÁ NHÂN  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, xác định yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  -Tìm từ nói giảm nói tránh  - Nêu tác dụng  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  Lưu ý, muốn tìm được từ nói giảm nói tránh thì ta phải hiểu thế nào là nói giảm, nói tránh.  Tìm được các ví dụ tương tự  **Yêu cầu HS làm các bài tập 1,2,3,4 cá nhân** | **Bài tập 1/tr 42**  Trong những dòng thơ: Một ngày hòa bình/ Anh không về nữa, nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ nói giảm nói tránh. Tác dụng của biện pháp tu từ: tránh cảm giác đau thương, mất mát, tạo cảm giác dễ tiếp nhận cho người đọc.  **Bài tập 2/tr 42**  - Ba lần tiễn con đi hai lần khóc thầm lặng lẽ. Các anh **không về** mình mẹ lặng im  - Có người lính, Mùa xuân ấy ra đi từ đó **không về**... (Lời bài hát Màu hoa đỏ - Thuận Yến).  - Sau cơn bạo bệnh, nội tôi đã **ra đi mãi mãi** và không về với anh em tôi nữa  **Bài tập 3/tr 42**  a.- Biện pháp tu từ nói giảm nói tránh: "nhắm mắt" được dùng để thay cho từ "chết".= > Tác dụng: Khiến cho cái chết trở nên nhẹ nhàng, thanh thản hơn, giống như một giấc ngủ.  - Biện pháp tu từ liệt kê: liệt kê những tính xấu của Dế Mèn “có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ”.  => Tác dụng: phép liệt kê trên nhằm nhấn mạnh những thói xấu trong tính cách của Dế Mèn, chính những thói xấu ấy đã gây nên nhiều tai họa.  - Biện pháp tu từ điệp từ: điệp từ “có”.  => Tác dụng: phép điệp từ nhằm làm cho câu văn có nhịp điệu, nhấn mạnh những thói xấu của Dế Mèn.  b. Biện pháp tu từ nói giảm nói tránh: "nghèo sức" được dùng để thay thế cho "yếu", "sức khỏe kém",...=> Tác dụng: Tạo cảm giác khiêm nhường, lịch sự đối với người nghe.  **Bài tập 4/tr 42**  - Biện pháp tu từ điệp ngữ trong bài thơ Đồng dao mùa xuân: Có một người lính; Một...; Anh ngồi...; xuân  - Tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ: giúp làm tăng nhịp điệu cho tác phẩm trên; nhằm nhấn mạnh và khẳng định vẻ đẹp của người lính trẻ cùng với sự trân trọng mà tác giả dành cho nhân vật. |

1. **Nghĩa của từ**

**Mục tiêu:** HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập vào phiếu.

**Nội dung:** BT trong SGK

**Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 5, trang 42, tìm yêu cầu của bài   * Thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 3 phút  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Núi xanh | Máu lửa | | Nghĩa của từ |  |  | | Căn cứ để xác định nghĩa |  |  |   Sự khác biệt về nghĩa của từ xuân?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, xác định 2 yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.   * Giải thích nghĩa của các từ * Căn cứ để xác định nghĩa của từ   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét .  Nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chú ý phân tích dựa vào nội dung của đoạn thơ để HS có thói quen nhận biết. | **Bài tập 5 tr 42**  - Nghĩa của từ:  + núi xanh: ngọn núi có nhiều cây cối màu xanh bao phủ.  + máu lửa: nói đến chiến tranh, bom đạn.  - Căn cứ vào nội dung của cả đoạn thơ để xác định như vậy.  **Bài tập 6 tr 42**  Sự khác biệt về nghĩa của từ xuân trong các cụm từ:  - Ngày xuân: ngày mùa xuân.  - Tuổi xuân: tuổi trẻ, nhiều hy vọng phía trước.  - Đồng dao mùa xuân: đồng dao về mùa xuân. |

**\*Hướng dẫn học ở nhà:** Đọc văn bản Gặp lá cơm nếp.

- Chuẩn bị tiết: Thực hành tiếng Việt: ôn về nghĩa của từ, các biện pháp tu từ

**Ngày dạy:**

**Tiết 17,18: Đọc văn bản 2: GẶP LÁ CƠM NẾP**

**( Thanh Thảo)**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà văn Thanh Thảo và văn bản “Gặp lá cơm nếp”

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu**

**a. Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về tri thức ngữ văn và giới thiệu được tên bài học.

**b. Nội dung**:

**GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**HS** quan sát hình ảnh , suy nghĩ cá nhân, kết nối tri thức tìm hiểu qua hình ảnh với tri thức trong thực tiễn với nội dung bài học

**c. Sản phẩm:** Cảm nhận của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

-Trả lời câu hỏi và cho biết bức tranh ẩn dấu sau mỗi câu hỏi là gì ?

-Sau khi bức tranh được lật mở toàn bộ cho học sinh nêu cảm nhận về bức tranh.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**HS** suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.

**GV** hướng dẫn HS trả lời câu hỏi và gợi mở bức tranh phía sau câu hỏi.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

**GV** chỉ định HS trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

**Câu 1: Tác giả bài thơ “ Đồng giao mùa xuân**

Nguyễn Khoa Điềm

**Câu 2: Kể tên các thể loại mà em đã học ở lớp 6?**

- Các bài thơ thuộc thể 5 chữ:

Chuyện cổ tích về loài người (Xuân Quỳnh)

Bắt nạt (Nguyễn Thế Hoàng Linh)

- Thơ lục bát:

Chuyện cổ nước mình (Lâm Thị Mỹ Dạ)

**Câu 3: Ý nghĩa của bài “Đồng dao mùa xuân”?**

- Khúc đồng dao về tuổi thanh xuân của người lính, về sự bất tử của hình ảnh người lính trẻ.

- Hình ảnh các anh còn sống mãi trong trái tim nhân dân như mùa xuân trường tồn cùng vũ trụ.

**Câu 4: Thái độ, tình cảm của nhà thơ với người lính được nhắc tới trong bài thơ “ Đồng dao mùa xuân”?**

Nhà thơ ca ngợi những người anh hùng trẻ tuổi, bày tỏ sự ghi nhớ, biết ơn sự hi sinh của các anh.

Nguyễn Khoa Điềm

**- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.**

Bức tranh trong phần trò chơi kiểm tra bài cũ gợi cho em biết về món ăn nào?

Xôi là một món ăn dân dã quen thuộc của người dân Việt Nam. Xôi được nấu từ hạt gạo nếp thơm lừng và kết hợp các món ăn khác như lạc, gấc, ngô,… để làm nên những hương vị đặc trưng. Xôi là một món ăn gần gũi, dân dã và gợi nhiều thương nhớ vì món xôi gắn liền với mỗi nhà trong những mâm cỗ gia đình, là món ăn quen thuộc của mỗi trẻ em trong suốt hành trình lớn lên, xôi còn gắn bó với người nông dân Việt Nam và để lại hương vị khó quên với mùi thơm nồng nàn của gạo nếp. Xôi vừa là món ăn ngon bổ dưỡng, vừa gắn liền với những kỉ niệm tuổi thơ ngọt ngào và ăm ắp tình thương.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***I. Tìm hiểu chung***

**a) Mục tiêu:** Học sinh tìm hiểu được một vài nét về tác giả Thanh Thảo và những nét cơ bản về bài thơ “Gặp lá cơm nếp "

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy và trò*** | ***Nội dung*** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Yêu cầu học sinh thuyết trình phần đã được giao nhiệm vụ ở nhà.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  *- Thuyết trình phần đã chuẩn bị bằng cách trình chiếu các slide trên bảng.*  *- Từ những nội dung thu nhận được từ phần trình bày của bạn hoàn thành phiếu học tập số 1.*  **B3: Thảo luận, báo cáo**  *Nghe, suy nghĩ, trao đổi, nhận xét*  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời và câu nhận xét của HS  - Chốt nội dung (sản phẩm).  - Chuyển dẫn sang nội dung sau.  ***Phiếu học tập số 1***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tên khai sinh** |  | **Hoàn cảnh sáng tác – Xuất xứ** |  | | **Quê quán** |  | **Thể thơ** |  | | **Học vấn** |  | **Bố cục** |  | | **Sự nghiệp** |  | **Phương thức biểu đạt** |  | | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Tác giả***  **-Thanh Thảo** tên thật là Hồ Thành Công.  -Ông sinh năm 1946, trong một gia đình có truyền thống cách mạng ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.  - Sau khi tốt nghiệp Khoa Ngữ văn Trường đại học Tổng hợp Hà Nội, ông đã vào chiến trường miền Nam làm báo và sáng tác văn học. |
| Sản phẩm dự kiến | **2. Tác phẩm**  -Trích *Dấu chân qua tràng cỏ*  - Thể thơ: Năm chữ  **- Phương thức biểu đạt:** Biểu cảm.  **- Chủ đề:** Thông qua hình ảnh nồi xôi mới, bài thơ thể hiện tình cảm sâu sắc của tác giả dành cho quê hương và cho người mẹ kính yêu của mình.  - Hình ảnh: Gần gũi, thân thuộc, bình dị, gợi lên những tình cảm quê hương, gia đình cao đẹp.  **- Bố cục**: 2 phần  *Phần I: 2 khổ thơ đầu: Nhớ quê hương qua hình ảnh thân thuộc.*  Phần II: *2 khổ còn lại. Cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ qua nỗi nhớ.* |

|  |  |
| --- | --- |
| ***II. Tìm hiểu chi tiết***  **a) Mục tiêu:** HS nhận biết và nhận xét được những đặc điểm của bài thơ năm chữ thể hiện qua: vần, nhịp, yếu tố tự sự, yếu tô miêu tả, biện pháp tu từ,...   * HS phần tích, suy luận được những nội dung ý nghĩa của bài thơ: tình cảm gia đình gắn với tình yêu quê hương, đất nuớc.   **b) Nội dung:** -Gv sử dụng kĩ thuật mảnh ghép cho Hs thảo luận.  -HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **Vòng chuyên sâu: (4 phút)**  Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu theo các nội dung sau:  Nhóm 1: Tìm hiểu khổ thơ 1  Nhóm 2: Tìm hiểu khổ thơ 2  Nhóm 3: Tìm hiểu khổ thơ 3-4  Nhóm 4: Tìm hiểu về thể thơ và ý nghĩa thơ năm chữ trong việc thể hiện nội dung bài thơ.  GV có thể đưa gợi ý cho hs theo mỗi nhóm bằng cách chiếu câu hỏi trên máy chiếu.  **Nhóm 1:**  **Câu 1:** Số tiếng trong một dòng, cách gieo vần, ngẳt nhịp và chia khổ của bài thơ *Gặp lá cơm nếp* có gì khác so với bài thơ *Đồng dao mùa xuân?*  **Câu 2:** Theo em, thể thơ năm chữ có tác dụng gi trong việc thể hiện cảm xúc của nhà thơ?  **Nhóm 2:**  **Câu 1.**Em có nhận xét gì về cách dùng từ *gặp*trong nhan đề bài thơ *Gặp lá cơm nếp*?  **Câu 2:** Em hãy nêu nhận xét về hoàn cảnh đã gợi nhắc người con nhớ về mẹ của mình?  **Nhóm 3:**  **Câu 2:** Em hãy nêu nhận xét về hoàn cảnh đã gợi nhắc người con nhớ về mẹ của mình và hình ảnh mẹ trong kí ức người con? Hình dung hình ảnh người mẹ trong kí ức của người con  **Câu 2.** Nêu cách hiểu của em về cụm từ *thơm suốt đường con*trong khổ thơ thứ 2?  **Nhóm 4:**  **Câu 1**  Trong khổ thơ thứ ba, người con thể hiện những tình cảm, cảm xúc gì? Vì sao những tình cảm, cảm xúc ấy lại cùng trào dâng trong tâm hồn người con khi “gặp lá cơm nếp”?  **Câu 3**  Ta thường gặp những cụm từ như mùi vị thức ăn, mùi vị trái chín, mùi vị của nước giải khát,… Nghĩa của mùi vị trong những trường hợp đó có giống với nghĩa của mùi vị trong cụm từ mùi vị quê hương hay không? Vì sao?  **Câu 4** Nêu nhận xét về cách kết hợp giữa các từ trong hai dòng thơ Mẹ già và đất nước/ Chia đều nỗi nhớ thương. Theo em, hiệu quả của cách kết hợp đó là gì?  **Câu 5:** Em cảm nhận như thế nào về hình ảnh người con trong bài thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs thảo luận trong 3 phút (vòng chuyên gia)  HS đã được đặt số theo tổ vì vậy giáo viên yêu cầu hs đảo mảnh ghép. Tất cả các em có số 1 trong các nhóm tạo thành nhóm 1. Tương tự số 2 tạo thành nhóm 2 cho đến đủ số lượng thành viên trong lớp  Sau khi có nhóm mới hs có 5 phút để truyền đạt nội dung các nhóm vừa thảo luận.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  Hết thời gian hs về lại chỗ ngồi, GV sử dụng phương thức rút thẻ bài để gọi hs trả lời, sau đó cho các bạn khác nhận xét bổ sung.  Mỗi phần gọi 1 học sinh trả lời sau đó bổ xung và chốt lại kiến thức.  **B4: Kết luận, nhận định**  GV rút ra kết luận nếu hs đã trả lời đầy đủ hoặc bổ sung thêm nội dung  Sản phẩm dự kiến  **Nhóm 1Câu 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | ***Gặp lá cơm nếp*** | ***Đồng dao mùa xuân*** | | Số tiếng | 5 tiếng | 4 tiếng | | Cách gieo vần | vần liền (chữ cuối của hai dòng kế tiếp vần với nhau). | vần cách (chữ cuối của dòng chẵn vần với nhau). | | Nhịp thơ | nhịp 2/3; 1/4; 3/2 tùy theo từng câu. | nhịp 2/2; 1/3 tùy theo từng câu. | | Chia khổ thơ | Mỗi khổ có 4 câu thơ, có trường hợp đặc biệt có khổ chỉ 2 câu và 3 câu. Cách chia này nhằm tạo điểm nhấn và sự suy tư cho văn bản. | |   **Câu 2:** Thể thơ 5 chữ ngắn với cách ngắt nhịp linh hoạt giúp tác giả dễ dàng truyền đạt những suy tư của tác phẩm đến người đọc. Đồng thời thể thơ này cũng là thể thơ quen thuộc của người Việt Nam, mang đến sự gần gũi, dễ đọc, dễ nhớ và dễ truyền tải tình cảm của tác giả trong bài thơ.  **Câu 3:** . Những dòng thơ ngắn gọn. không diễn tả chi tiết, cụ thể mà chỉ khơi gợi tâm tình của người con nhưng người đọc vẫn có thể cảm nhận được tình cảm sâu nặng của anh dành cho quê hương và người mẹ. Tình cảm ấy đã được hiện thực hóa thành hành động thực tiễn. Người con cầm súng ra đi bảo vệ đất nước, bảo vệ quê hương, cũng là bảo vệ cuộc sống bình yên cho gia đình, cho người mẹ của mình. Và đây mói là biểu hiện cao quý nhất cúa tình yêu thương.  **Nhóm 2**: **Câu 1.** Việc dùng từ *gặp* trong nhan đề *Gặp lá cơm nếp* là một sự lựa chọn hợp lí. Từ *gặp* ở đây cho thấy việc chủ thể trữ tình trông thấy lá cơm nếp là một chuyện tình cờ. Nếu sử dụng từ *bắt gặp* hay *phát hiện*, số tiếng của nhan đề sẽ bị thay đổi, không còn tạo được nhạc tính và chất thơ như *gặp lá cơm nếp*. Cách dùng từ *gặp* trong nhan đề bài thơ *Gặp lá cơm nếp* là cách dùng từ sáng tạo và mang giá trị nghệ thuật của tác giả. Thường từ “gặp” dùng để chỉ cuộc gặp gỡ giữa người với người nhưng ở đây lại dùng trong trường hợp “gặp lá cơm nếp”. Đây là dụng ý đầy nghệ thuật của tác giả nhằm nhấn mạnh sự vật, sự  **Câu 2:** Hoàn cảnh người con thổ lộ tâm tư tình cảm: Trên đường hành quân ra mặt trận, anh gặp lá cơm nếp - một loài cây nhỏ, mọc hoang, có hương thơm giống cơm nếp nên được đặt tên là lá cơm nếp. Chính hương vị của lá cơm nếp đã gợi cho anh nhớ làn khói xôi bay ngang tầm mắt, thèm bát xôi mùa gặt có hương thơm lạ lùng, từ đó nhớ đến hình ảnh thân thương của người mẹ bên bếp lửa đang nấu xôi.  Đây là một hoàn cảnh đặc biệt mà người lính trải qua trong những năm chiến tranh. Thông qua hoàn cảnh đó, người đọc nhận thấy ở anh sự tinh tế trong cảm nhận thiên nhiên, thế giới tình cảm phong phú và ý thức trách nhiệm lớn lao với gia đình, quê hương, đất nước. **Nhóm 3:**  **Câu 1: -** Hoàn cảnh đã gợi nhắc người con nhớ về mẹ: Tình cờ ngửi thấy mùi xôi và hương khói bếp.  - Hình ảnh người mẹ trong kí ức con: hình ảnh hiền từ, đảm đang, chịu thương chịu khó, thương con với hành động nhặt lá về đun bếp để thổi nồi xôi thơm lừng cho con ăn.  **Câu 2:** Cụm từ *thơm suốt đường con* ở đây có những ý nghĩa:  + Mùi hương của cơm nếp phảng phất theo dọc con đường mà người con hành quân.  + Mùi hương của cơm nếp phảng phất dọc con đường không phải là một mùi hương có thật, đang hiện hữu mà là mùi hương ở trong nỗi nhớ, tâm tưởng của người con, cứ bám lấy người con trên những chặng hành quân. Cụm từ “thơm suốt đường con” trong khổ thơ trên là một cách nói ẩn ý. “Thơm suốt đường con” ở đây có thể hiểu là nỗi nhớ, tình yêu mà tác giả dành cho món ăn dân dã ở quê và tình cảm dành cho mẹ mình.  **Nhóm 4:**  **Câu 1:** Trong khổ 3, người con đã dành những tình cảm nhớ thương và kính yêu dạt dào dành cho mẹ và đất nước thể hiện qua các câu thơ “Con quên làm sao được… Chia đều nỗi nhớ thương”. Đó là tình cảm thiêng liêng của người con dành cho cội nguồn, cho dân tộc, cho người mẹ kính yêu đã sinh ra và yêu thương mình.  - Những tình cảm, cảm xúc ấy cùng trào dâng trong tâm hồn người con khi “gặp lá cơm nếp” vì đây chính là mũi vị của quê hương anh. Người lính ấy biết tới hương vị của xôi nếp từ những ngày thơ bé, khi được mẹ nấu cho và thưởng thức trên chính miền quê yêu dấu của mình. Chính vì vậy mùi xôi đã mang đậm dấu ấn của tình mẹ, của quê hương để rồi sau này khi đi đâu về đâu, tình cờ ngửi thấy hương vị quen thuộc ấy, anh cũng nhớ tới quê hương và người mẹ kính yêu của mình.  **Câu 2:** - Nghĩa của mùi vị trong những trường hợp mùi vị thức ăn, mùi vị trái chín, mùi vị của nước giải khát,… không giống với nghĩa của mùi vị trong cụm từ mùi vị quê hương.  + Trong những trường hợp mùi vị thức ăn, từ “mùi vị” dùng để nói về hương vị của món ăn mà người nói đã dùng vị giác, khứu giác để cảm nhận vị ngon của món ăn đó.  + Trong trường hợp mùi vị quê hương: từ “mùi vị” dùng để nói về cảm nhận bằng trái tim, tâm hồn của tác giả đối với quê hương thân yêu của mình.  **Câu 3:** Cách kết hợp giữa các từ ngữ trong hai dòng thơ trên tạo nên mối liên kết chặt chẽ giữa các câu. Từ “đất nước” kết hợp với từ “mẹ già” tạo nên dòng cảm xúc sâu xa, lắng đọng mà tác giả muốn gửi đến bạn đọc. Cả mẹ già và đất nước đều quan trọng và đều gợi nên những nỗi nhớ, niềm thương trong lòng người quân nhân.  **Câu 4** Nêu nhận xét về cách kết hợp giữa các từ trong hai dòng thơ Mẹ già và đất nước/ Chia đều nỗi nhớ thương. Theo em, hiệu quả của cách kết hợp đó là gì?  **Câu 5:** Em cảm nhận như thế nào về hình ảnh người con trong bài thơ? | ***1. Nhớ quê hương qua hình ảnh thân thuộc.***  Hoàn cảnh: Trên đường hành quân ra mặt trận, anh gặp lá cơm nếp  -Trong kí ức của người con có *bát xôi mùa gặt,* có cả mùi *cơm nếp* nơi góc bếp nhỏ của mẹ,  -Hình ảnh người mẹ trong kí ức con: hiền từ, đảm đang, chịu thương chịu khó, thương con.  - Cụm từ “thơm suốt đường con” là nỗi nhớ, tình yêu mà tác giả dành cho món ăn dân dã ở quê và tình cảm dành cho mẹ mình.  ***2. Cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ qua nỗi nhớ****.*  - Người con đã dành những tình cảm nhớ thương và kính yêu dạt dào dành cho mẹ và đất nước.  - Mùi vị quê hương: từ “mùi vị” dùng để nói về cảm nhận bằng trái tim, tâm hồn của tác giả đối với quê hương thân yêu của mình.  ***=>Tình cảm sâu nặng của người lính dành cho quê hương và người mẹ.*** |

***Tổng kết***

**a) Mục tiêu:** -HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của bài thơ

**b.** **Nội dung hoạt động**:

-GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

-HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 2  - Giao nhiệm vụ nhóm:  *? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?*  *? Ý nghĩa của văn bản.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Suy nghĩ cá nhân 1’ và ghi ra giấy.  - Làm việc nhóm 2’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  Phiếu học tập số 2   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Nội dung chính |  | | Đặc điểm nghệ thuật | | | | Thể thơ | Vần | Nhịp | Hình ảnh | Biện pháp tu từ | |  |  |  |  |  |  | | **III. TỔNG KẾT**  **1.Nghệ thuật**:  - Thể thơ 5 chữ, cách gieo vần chân, nhịp thơ linh hoạt, nghệ thuật ẩn dụ , nhân hóa tác giả đã bày tỏ cảm xúc của người lính khi bắt gặp lá cơm nếp trên đường hành quân.  **2.ND, Ýnghĩa**: Thông qua hình ảnh nồi xôi mới, bài thơ thể hiện tình cảm sâu sắc của tác giả dành cho quê hương và cho người mẹ kính yêu của mình. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện được các bài tập nhằm hoàn thiện kiến thức vừa lĩnh hội.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, hoàn thiện bài tập .

**c. Sản phẩm**: Bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| Luyện tập  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Cho hs tham gia trò chơi “ Đấu trường” Với 5 câu hỏi khái quát kiến thức, mỗi câu hỏi trả lời trong vòng 15s . HS trả lời sai ở câu hỏi nào sẽ dừng lại bằng cách cho tên hs biến mất. Số hs còn lại sẽ giúp GV đánh giá mức độ hiểu bài của hs.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Ghi câu trả lời vào giấy nháp và trả lời câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên  **B3: Báo cáo, thảo luận**  Trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét mức độ học sinh nắm được nội dung bài học không qua mức độ trả lời câu hỏi. | **Câu 1: Bài thơ “Gặp lá cơm nếp ” được làm theo thể thơ nào?**  *-Thể thơ 5 chữ*  **Câu 2: Người lính nhớ về mẹ trong hoàn cảnh nào?**  *-Trên đường hành quân bắt gặp lá cơm nếp, nhớ đến món ăn của me. => nhớ mẹ*  **Câu 3: Hình ảnh nào của người mẹ trong tâm trí của con?**   * Đảm đang, tần tảo   **CÂU 4: Mùi cơm nếp được tác giả gọi là mùi vị gì?**  *Mùi vị quê hương*  **Câu 5: Qua hình ảnh lá cơm nếp người con bộc lộ tình cảm gì?**  *- Tình yêu thương, kính trọng mẹ*  *-Tình yêu với quê hương đất nước.* |

Bài tập 2: Viết đoạn văn (khoảng 5 -7 câu) nêu cảm nghĩ của em về nỗi nhớ thương mẹ của người con trong bài thơ Gặp lá cơm nếp.

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “Trở gió”

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày soạn:**

**Tiết 19**

**ĐỌC VĂN BẢN 3. TRỞ GIÓ**

(Nguyễn Ngọc Tư)

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- KHBD, SGK, SGV, SBT.

- PHT số 1,2,3,4,5,6.

- Tranh ảnh.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ.

- Dự án giới thiệu về tác giả, tác phẩm (tranh vẽ, video, Iforgraphic, ppt...).

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động mở đầu:**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**- Phương pháp, kĩ thuật:** Cá nhân.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  ? Các hiện tượng thời tiết lúc giao mùa thường gợi cho chúng ta rất nhiều cảm xúc, hãy ghi lại một vài cảm xúc của em ở những thời điểm giao mùa trong năm.  ? Em đã đến tỉnh nào của miền Tây nam Bộ chưa.  ? Gió chướng là gì.  ? Em đã bao giờ được trực tiếp đón gió chướng về hoặc được nghe nói đến gió chướng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe, quan sát, hoạt động cá nhân  - GV quan sát, lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài:  **Gió chướng là** tên khác của **gió mùa** Đông Bắc và **gió** tín phong được người dân tại Nam Bộ sử dụng. Việt Nam và các nước Đông Nam Á nói chung, nằm trong vùng nhiệt đới **gió mùa** với 2 **mùa** rõ rệt trong năm **là mùa** mưa và **mùa** khô. Trong đó, **mùa** mưa từ tháng 5 đến tháng 10, **mùa** khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau.  Gió chướng đã đi vào thơ văn Nam Bộ qua các bài ca dao:  “ Hoa thơm trồng dựa cành rào,  Gió Nam, gió chướng gió nào cũng thơm.”  “Gió chướng lạnh lùng mưa rung lá hẹ,  Cảm thương nàng có mẹ không cha  Gió chướng lao xao khúc sông nào sóng nấy  Xuồng em bơi giữa dòng anh thấy anh thương.”  Gió chướng đi vào các tác phẩm thơ ca:  Thơ Ngọc Hiệp:  “Em nhận ra dòng sông quen thuộc quá  Hương phù sa châu thổ của quê mình  Mùa gió chướng hoa lục bình nở rộ  Chuyến đò chiều chở tím cả hoàng hôn.  Thơ Phùng Quang Thuận:  Con về thăm mẹ mùa gió chướng  Gió từ đồng xa thổi mát lòng  Nghe trong ngọn gió mùi rơm rạ  Có chút mùi hương tóc mẹ già.  Mùa gió chướng về dưới ngòi bút của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư như thế nào cô trò chúng ta cùng cảm nhận nhé! | - HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức:**

**2.1: Tìm hiểu chung:**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc văn bản; nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của hS, báo cáo dự án

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Phương pháp, kĩ thuật:** Cá nhân, thảo luận nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **NV1: Hướng dẫn hs đọc, tìm hiểu chú thích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng một số đoạn trong văn bản.*  *+ GV hướng dẫn HS về chiến lược đọc theo dõi và dự đoán (các hộp chỉ dẫn)*  *+ Gv tổ chức cuộc thi ô chữ bí mật. HS sẽ lần lượt chọn các ô chữ, mỗi ô là một từ khóa là những chú thích. Chọn trúng từ khóa nào thì học sinh sẽ giải nghĩa từ khóa đó. (có ppt kèm)*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân, tham gia trò chơi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức  **-NV2: Tìm hiểu về Tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Đ*ại diện các nhóm (3 nhóm) lên báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức bằng Infographic.  **NV3: Tìm hiểu về, thể loại, bố cục, phương thức biểu đạt.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ**  *+ GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: thể loại văn bản, phương thức biểu đạt, văn bản có bố cục mấy phần, nội dung từng phần?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  - Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976, quê Cà Mau.  + Sáng tác thành công ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tản văn, tiểu thuyết …  + Văn của ông trong sáng mộc mạc, thể hiện một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, giàu yêu thương..   1. **Tác phẩm:**   - Văn bản được in trong “Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư” NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr7-10  **- Đọc:**  + HS biết cách đọc thầm, đọc thủ thỉ thể hiện tâm trạng của nhân vật khi đón gió chướng về.  + Trả lời được các câu hỏi dự đoán, theo dõi.  **-** **Chú thích:**  + Mừng húm  + Gấp rãi  + Linh đình  + Xà quần  - Thể loại: tản văn  - Phương thúc biểu đạt: tự sự  - Bố cục*: 2 phần*  + Phần 1: Từ đầu đến…Ôi! Gió chướng” – Hình ảnh gió chướng.  + Phần 2: Phần còn lại: Tình cảm cảm xúc của nhân vật tôi khi gió chướng về. |

**2.2:Tìm hiểu chi tiết:**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết những chi tiết, hình ảnh miêu tả gió chướng

- Một số biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá miêu tả gió chướng, tác dụng của các biện pháp tu từ đó làm gió chướng hiện lên sống động, giống như con người

- Cảm nhận tâm trạng của nhân vật tôi khi đón gió chướng về.

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu quê hương, đất nước, sự gắn bó tha thiết với con người, cảnh sắc quê hương, tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, có khả năng cảm nhận được những thay đổi rất nhỏ, rất khẽ của tạo vật cũng như tâm trạng của con người trước sự thay đổi của thiên nhiên.

**b. Nội dung:** Nhận biết những chi tiết, hình ảnh miêu tả gió chướng

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của hS, phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Phương pháp, kĩ thuật: Cá nhân, thảo luận nhóm (sơ đồ tư duy, phiếu học tập)**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **1. NV1: Tìm hiểu về hình ảnh gió chướng.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  + Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn thầm đoạn đầu của văn bản *thảo luận theo Phiếu học tập số 1* ***(phần phụ lục)*** *liệt kê các chi tiết, hình ảnh miêu tả gió chướng.*  *?Âm thanh của gió chướng được miêu tả như thế nào.*  *?Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào để miêu tả gió chướng, tác dụng của biện pháp tu từ đó.*  *? Những từ ngữ, hình ảnh nào để là nổi bật “tính cách”, “tâm trạng”, “cảm xúc” của gió chướng.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **GV bổ sung: “Gió chướng”** cái tên quen thuộc đổi với đồng bào Tây Nam Bộ được nhà văn Nguyễn Ngọc Tư nhân hoá làm nó trở lên sống động, giống như con người, hơi thở của gió rất gần, âm thanh ấy sẽ sàng từng giọt tình tang, thoảng và e dè, như ai đó đứng đằng xa ngoắc tay nhẹ một cái, như đang ngại ngần không biết người xưa có còn nhớ ta không, mừng húm, hừng hực, dạt dào, cồn cào nồng nhiệt, dịu dàng,..  **NV2: Tình cảm, cảm xúc của nhân vật tôi khi đón gió chướng về.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV yêu cầu HS thảo luận theo Phiếu học tập số 2* ***(phần phụ lục)***  *?Em hãy chỉ ra những biểu hiện của tâm trạng “lộn xộn, ngổn ngang”của nhân vật “tôi” khi đón gió chướng về.*  *?Lí do nào khiến nhân vật “tôi”luôn mong ngóng, chờ đợi “gió chướng”.*  *?Vì sao tác giả khẳng định: Mùa gió chướng là mùa thu hoạch.*  *? Câu văn cuối cùng của văn bản gợi cho em suy nghĩ gì.(hoạt động cá nhân)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  + Tâm trạng “lộn xộn”, “ngổn ngang” của nhân vật “tôi” biểu hiện: mừng đó rồi bực đó, chờ đợi gió về nhưng khi gió về lại buồn vì gió về có nghĩa là sắp hết năm, sắp già thêm một tuổi, mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được.  + Nhân vật “tôi” luôn mong ngóng, chờ đợi vì với nhân vật “tôi” gió chướng là gió Tết, mà mùa gió chướng cũng là mùa thu hoạch. Không chỉ vậy, gió chướng đối với tác giả còn gợi nhắc đến quê hương, gắn liền với quê hương.  + Mùa gió chướng là mùa thu hoạch: gió chướng về mùa màng bội thu, cây trái sum xuê quả ngọt, gió chướng vào mùa thì mùa màng cũng chín tới, liếp mía đại gió mới chịu già, nước ngọt và trĩu, vú sữa chín cây lúc lỉu, căng bóng.  Gv bổ sung: Khi gió chướng về, con người đón nhận rất nhiều niềm vui và đó chính là lí do vì sao người viết lại mong ngóng, chờ đợi gió chướng nhiều đến thế.  Đối với câu hỏi: Câu văn cuối cùng của văn bản gợi cho em suy nghĩ gì? Gv kiểm tra khả năng phân tích, suy luận của học sinh, giúp học sinh nhận ra tình cảm của tác giả ẩn chứa đằng sau câu hỏi: Ở đó siêu thị chất đầy dưa hấu, dưa kiệu, dưa hành, bánh chưng, bánh tét hiện lên ở đó, có ai bán một mùa gió cho tôi.  Gv gợi ý học sinh bằng những câu hỏi nhỏ:  ?Khi đi xa, tác giả thấy trong siêu thị có những gì.  ?Khi nhìn thấy ở siêu thị chất đầy những món ăn đó tác giả vẫn cảm thấy thiếu điều gì.  ?Qua câu hỏi “Có ai bán một mùa gió cho tôi, em cảm nhận được tình cảm gì của tác giả.  Gv khuyến khích học sinh chia sẻ những cảm nhận của mình trước lớp.  Gv phân tích: Khi đi xa, tác giả vẫn thấy trong siêu thị chất đầy những dưa hấu, dưa kiệu, dưa hành, bánh chưng, bánh tét,…Đó là những món ăn truyền thống. Thế nhưng, tác giả vẫn thấy thiếu mùa gió chướng, thiếu gió chướng tức là thiếu hương vị quê hương xứ sở.  Gv khái quát: Câu hỏi cuối tác phẩm đã thể hiện nỗi nhớ da diết của tác giả với gió chướng và cũng chính là nỗi nhớ quê hương mỗi khi đi xa  **NV3: Cảm xúc và suy nghĩ của bản thân về tình cảm cảm xúc của tác giả được thể hiện trong văn bản.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv phát PHT số 3 để hướng dẫn học sinh làm việc cá nhân tìm các câu văn làm cơ sở để suy luận, khái quát lên tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện trong tác phẩm.*   |  | | --- | | - Khi còn nhỏ:  - Khi lớn lên, bắt đầu viết văn:  - Khi xa quê: |   *+ Gv tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm bằng kĩ thuật khăn trải bàn: Đọc văn bản em có suy nghĩ gì mỗi khi gió mùa về trên quê hương. Em có nhận xét gì về đặc sắc nghệ thuật trong văn bản “Trở gió”?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  **- Gv quan sát, gợi mở**  - HS làm việc cá nhân sau đó thảo luận nhóm để thống nhất kết quả.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động: gọi 3-4 nhóm chia sẻ kết quả.  - HS trình bày sản phẩm thảo luận; nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - Khi còn nhỏ: Sao tôi lại chờ đợi nó, chẳng phải năm nào cũng vậy[...] Nhưng tôi vẫn mong gió chướng về. Sự chờ đợi đã thành thói quen của thời thơ dại.  - Khi lớn lên bắt đầu viết văn: Gió chướng với tôi, một đứa bập bõm với văn chương nó “gợi” khủng khiếp  - Khi xa quê: Tôi vẫn thường hình dung một mai mình đi xa, xa lắm, xa cả những mùa gió, hoặc đọc hoặc ai đó nhắc chỉ gọn lỏn hai từ “gió chướng”, ngay lập tức tôi sẽ chết giấc trong nỗi nhớ quê nhà.[…] Ở đó, siêu thị chất đầy những dưa hấu, dưa kiệu, dưa hành, bánh chưng, bánh tét, liệu ở đó, có ai bán một mùa đó cho tôi?  **NV4: Bài học rút ra từ văn bản.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Gv phát PHT số 4 để học sinh làm việc nhóm đôi: Theo em, từ văn bản trên em thể hiện tình yêu của mình như thế nào với quê hương, đất nước.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thảo luận để hoàn thiện PHT  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Tìm hiểu chi tiết:**  **1. Hình ảnh gió chướng**  - Biện pháp tu từ nhân hoá  - Âm thanh: sẽ sàng từng giọt tình tang.  - Tâm trạng, cảm xúc: mừng húm, hừng hực, dạt dào, cồn cào, nồng nhiệt, dịu dàng,…  -> Gió chướng hiện lên sống động giống như con người.  **2.Tâm trạng của nhân vật “tôi” khi gió chướng về.**  - Tâm trạng: lộn xộn, ngổn ngang,  + Biểu hiện: mừng đó rồi bực đó, chờ đợi gió về nhưng khi gió về lại buồn vì gió về có nghĩa là sắp hết năm, sắp già thêm một tuổi, mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất một cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được,…  - Mong ngóng, chờ đợi:  + Biểu hiện: gió chướng là gió Tết, mùa gió chướng là mùa thu hoạch.  ->Gió chướng gợi nhắc đến quê hương, gắn liền với quê hương.  - Tình cảm với gió chướng cũng chính là tình cảm của tác giả với quê hương. Đó chính là tình yêu, sự gắn bó tha thiết với con người, cảnh sắc quê hương và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, có khả năng cảm nhận được những thay đổi rất nhỏ, rất khẽ khàng của tạo vật cũng như của tâm trạng con người mỗi khi gió chướng về. |
|  | |
| **NV5: Tổng kết**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + *Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - GV chuẩn kiến thức: | **III. Tổng kết:**  ***1. Nội dung – Ý nghĩa:***  - Tình yêu, sự gắn bó với quê hương của người viết đối với quê hương.  - Khơi gợi tình yêu quê của người đọc trước những khoảnh khắc thay đổi của quê hương.  ***2. Nghệ thuật:***  - Ngôn ngữ giàu tính biểu cảm.  - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu, cách sử dụng các biện pháp tu như điệp ngữ, so sánh, nhân hoá,… |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập:**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** hoàn thiện phiếu học tập số 2,3

**c. Sản phẩm:** câu trả lời trong phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Phương pháp, kĩ thuật: Cá nhân, cặp đôi.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV Tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm theo hình thức nhóm đôi, PHT số 2; làm cá nhân PHT số 3 |  |
| **PHT số 5**   |  |  | | --- | --- | | **Những điều em nhận biết và làm được** | **Những điều em còn băn khoăn** | |  |  | | |
| - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ hoàn thiện phiếu học tập.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động: Gọi 4-5 học sinh chia sẻ PHT, sau đóGv thu phiếu, đọc lướt.  - Chia sẻ, lắng nghe.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh băn khoăn, chốt lại kiến thức. | - Hs chia sẻ những điều mình nhận biết và làm đc, những điều còn băn khoăn |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng:**

**a. Mục tiêu:** - Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn ngắn.

**b. Nội dung:** *Viết đoạn văn (khoảng 7- 10 dòng) cảm nghĩ về đầu mùa thu*

**c.Sản phẩm:** đoạn văn

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Phương pháp, kĩ thuật: Cá nhân.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu  *Viết đoạn văn (khoảng 7- 10 dòng) cảm nghĩ về đầu mùa thu*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, viết  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs báo báo kết quả  - Hs khác lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Gv bổ sung:   |  | | --- | |  | | - HS viết đúng hình thức và dung lượng, đảm bảo hình thức và nội dung của đoạn văn.  Gợi ý  Tiếng trống khai trường đã điểm - mùa thu ơi! Gió heo may xôn xao gọi mùa thu về. Mùa của những ngày tựu trường náo nức, hân hoan. Nắng khô và hanh hao, dát vàng trên những con đường tới trường đầy lá rụng. Chút se se lạnh của buổi sáng đầu thu đùa nhẹ qua vai áo. Lại được nghe tiếng trống trường rộn rã, gióng giả vang lên trong nắng sớm. Mùa khai trường đến cũng là lúc mùa thu cũng vừa sang. Tiết trời mùa thu mát mẻ, dịu dàng hòa nhịp cùng những cảm xúc tinh khôi, thanh khiết, sáng trong của lứa tuổi học trò trong buổi tựu trường, làm nên bản nhạc thu nhẹ nhàng, man mác mà cũng rất đỗi vui tươi. Ai cũng trải qua thời tuổi thơ, hẳn lòng sẽ nao nao mỗi độ thu về. Mùa thu, mùa của hương cốm, hương ổi hòa quyện trong không gian se se lạnh, mùa của nồng nàn hoa sữa. Và mùa thu, mùa dệt nên những ước mơ, khát vọng, đam mê của tuổi học trò. |

**Ngày dạy:**

**Tiết 20**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**HOẠT ĐỘNG 1: Hình thành kiến thức**

**1. Nghĩa của từ**

**a**. **Mục tiêu**:

- HS được khắc sâu các cách giải nghĩa của từ.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập vào phiếu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 1, 2 3, 4, trang 47 nêu yêu cầu của bài  **HÌNH THỨC CÁ NHÂN**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, xác định 2 yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.   * Tìm ra câu văn có dùng từ * Ý nghĩa của các cụm từ * Việc kết hợp các từ có ý nghĩa gì?   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Kết luận, nhận định** | **I.Nghĩa của từ**  **Bài tập 1/tr 47**  Việc dùng từ *gặp* trong nhan đề Gặp lá cơm nếp là khá hợp lí. Từ gặp ở đây cho thấy việc chủ thể trữ tình trông thấy lá cơm nếp là một chuyện tình cờ. Nếu sử dụng từ bắt gặp hay phát hiện, số tiếng của nhan đề sẽ bị thay đổi, không còn tạo được nhạc tính và chất thơ như gặp lá cơm nếp.  **Bài tập 2/tr 47**  - Ý nghĩa của cụm từ thơm suốt đường con ở đây:  + Mùi hương của cơm nếp phảng phất theo dọc con đường mà người con hành quân.  + Mùi hương của cơm nếp phảng phất dọc con đường không phải là một mùi hương có thật, đang hiện hữu mà là mùi hương ở trong nỗi nhớ, tâm tưởng của người con, cứ bám lấy người con trên những chặng hành quân.  **Bài tập 3/tr 47**  Ta thường gặp những cụm từ như mùi vị thức ăn, mùi vị trái chín, mùi vị của nước giải khát,... Nghĩa cả mùi vị trong những trường hợp đó vừa giống, vừa không giống với nghĩa của mùi vị trong cụm từ mùi vị quê hương. Vì:  - Giống ở chỗ, mùi vị quê hương cũng bao gồm mùi vị thức ăn, trái chín, nước giải khát,...  - Khác ở chỗ thức ăn, trái chín, nước giải khát là những sự vật (đồ ăn, thức uống) xác định cụ thể, có mùi vị cụ thể, thực chất. Còn quê hương là một khái niệm trừu tượng, không phải đồ ăn. Mùi vị quê hương là cách chuyển đổi cảm giác để nói về những đặc trưng của quê hương.  **Bài tập 4/tr 47**  Cách kết hợp giữa các từ ngữ trong hai dòng thơ trên tạo nên mối liên kết chặt chẽ giữa các câu. Từ “đất nước” kết hợp với từ “mẹ già” trong mối tương quan ngang hàng, tạo nên dòng cảm xúc sâu xa, lắng đọng mà tác giả muốn gửi đến bạn đọc. Cả mẹ già và đất nước đều quan trọng và đều gợi nên những nỗi nhớ, niềm thương trong lòng người quân nhân. |

**2. Biện pháp tu từ: Điệp ngữ, So sánh, nhân hóa**

**a**. **Mục tiêu**:

- HS củng cố kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ qua việc tìm những câu văn có sử dụng phép tu từ điệp ngữ, so sánh, nhân hóa và tác dụng của biện pháp này.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc nhóm, kĩ thuật trình bày 1 phút, hoàn thành bài tập .

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

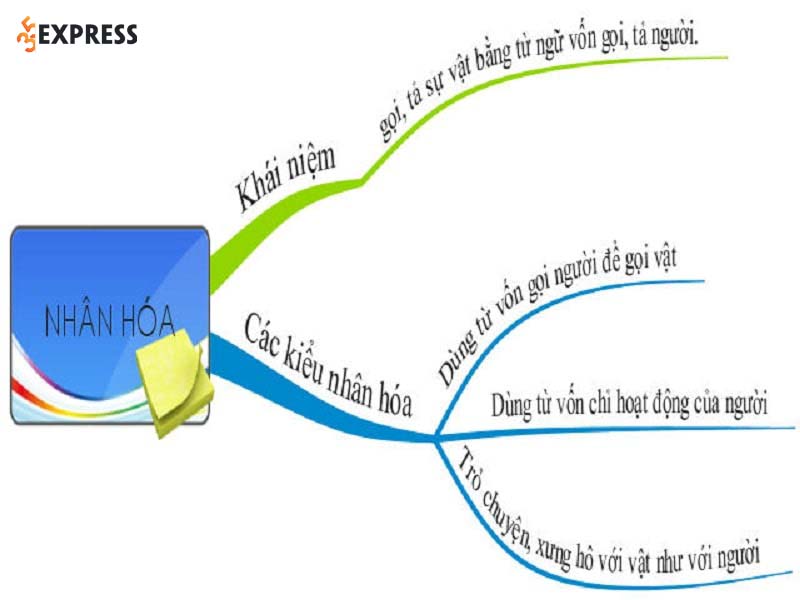
|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 5, 6, trang 47, tìm yêu cầu của bài  kĩ thuật trình bày 1 phút: HS có 1 phút để trình bày về 1 câu có điệp ngữ, so sánh, nhân hóa và tác dụng của điệp ngữ, so sánh, nhân hóa trong các câu đó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HSnhận diện câu có dùng điệp ngữ (Tháo gỡ nếu HS gặp khó khăn)  - Điệp ngữ là gì, so sánh là gì, nhân hóa là gì?  - Em cần căn cứ vào đâu để xác định câu văn có điệp ngữ, so sánh, nhân hóa?  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chú ý cho HS tác dụng của điệp ngữ, so sánh, nhân hóa. | **II.Biện pháp tu từ**  **Bài tập 5/ tr 47**  a. Biện pháp tu từ điệp ngữ: gấp rãi...=> Tác dụng: nhấn mạnh vào tính chất gấp gáp, vội vã của hành động.  b. Biện pháp tu từ: so sánh. => Tác dụng: làm cụ thể hóa âm thanh của gió, tăng sức gợi hình, gợi cảm cho gió, khiến gió cũng giống như con người.  **Bài tập 6/ tr 47**  a. Biện pháp tu từ nhân hóa trong câu (a) có tác dụng làm cho các sự vật, hiện tượng thiên nhiên cũng trở nên có hồn, như con người. Từ đó làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  b. Biện pháp tu từ nhân hóa trong câu (b) có tác dụng làm cho gió cũng có hơi thở, sức sống như con người, tăng sức gợi hình, gợi cảm cho không gian mà gió đến. |

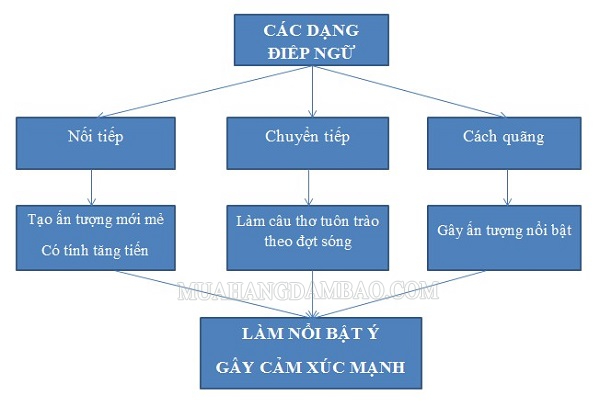
**Hoạt động: Vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Kĩ thuật viết tích cực**  *Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) có dùng biện pháp tu từ đã học.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, xác định yêu cầu của đoạn văn, lựa chon chủ đề, thể loại mình thích. Việt nhanh ý tưởng ra giấy nháp (Có thể giao về nhà)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS bày tỏ quan điểm, ý tưởng về đoạn văn, dấu chấm phẩy sử dụng chỗ nào.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). | Viết đoạn văn:  \* Nội dung đoạn văn  **+ VD1:** Sau khi học xong VB Gặp lá cơm nếp theo em vì sao chúng ta cần có tình yêu thương con người, cuốc sống.- Thể loại: nghị luận. Hs lí giải được vai trò của tình yêu thương con người, cuộc sống. Từ đó, con người phải gìn giữ và phát huy vì điều đó chính là nhân cách và cách sống của chính mình.  \* Hình thức đoạn văn: 5-7 câu, có dùng các biện pháp tu từ |

**Hướng dẫn học ở nhà:** Vẽ sơ đồ tư duy về Điệp ngữ, so sánh, nhân hóa.

- Chuẩn bị tiết: viết tập làm thơ bốn chữ





\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày dạy:**

**Tiết 21: VIẾT**

**TẬP LÀM MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ HOẶC NĂM CHỮ**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng kiểm tra chấm bài trình bày của HS.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:**

-Học sinh vận dụng những kiến thức về thể thơ để tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

**b) Nội dung:**

**- GV hỏi, HS trả lời.**

**c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.**

**d) Tổ chức thực hiện**

***Gv nêu mục đích của tiết :***Thế giới xung quanh ta thật đẹp và có biết bao điều thú vị khiến ta mong muốn được lưu giữ lại. Những bức tranh, bức ảnh, bản nhạc, trang văn và cả những vần thơ có thể giúp ta thực hiện điều đó. Ở phần Đọc, em đã được làm quen với những bài thơ bốn chữ và năm chữ, nhận biết được những đặc điểm cơ bản của các thể thơ này. Hãy vận dụng những hiểu biết đó để tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ về một sự vật, cảnh sắc, câu chuyện,... khơi gợi trong em nhiều cảm hứng nhất.

*\*Gv chuyển giao nhiệm vụ*

Em có thể đọc một bài thơ bốn chữ, hoặc năm chữ mà em yêu thích?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, báo cáo kết quả hoạt động*

\* Thực hiện nhiệm vụ: HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời

- Dự kiến sản phẩm: Hs đọc bài thơ 4 chữ, 5 chữ mình thích

\* Báo cáo kq:

\* Đánh giá kết quả

HS, Gv nhận xét đánh giá

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng những kiến thức về thể thơ để tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS:  *+ Đọc lại 2 bài thơ: đồng giao mùa xuân, gặp lá cơm nếpcho biết biết một số hình thức ( số tiếng, gieo vần…) của thơ bốn chữ, năm chữ?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS nêu ý kiến cá nhân  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS:  *+ Dựa vào phần tri thức ngữ văn bài 2 hãy cho biết một số hình thức của thơ bốn chữ, năm chữ?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS nêu ý kiến cá nhân  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Gv cho hs quan sát đoạn thơ 4 chữ, chỉ ra cách gieo vần trong những khổ thơ sau  HĐ nhóm  **GV** cho Hs quan sát một đoạn thơ 4 chữ  1. Cháu đi đường cháu                Chú lên đường ra                Đến ngày tháng sáu            Chợt nghe tin nhà.                                    ( Tố Hữu)                  2.Nghé hành nghé hẹ                  Nghé chẳng theo mẹ                 Thì nghé theo đàn                  Nghé chớ đi càn                  Kẻ gian nó bắt.  3.Mặt trời thổi lửa  Sông biển bốc hơi  Hơi bay cao vút  Thành mây lưng ***đồi***  Mây hồng nhẹ trôi  Mây xanh đằm thắm  Dịu dàng mây trắng  Thẩn thơ mây vàng  Mây đen lang ***thang***  Thân mình nặng trĩu  Gió trêu tí xíu  Đã vội khóc oà.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc và trả lời câu hỏi  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  - Dự kiến sản phẩm  - Vần liền được gieo liên tiếp ở các vần thơ  - Vần cách không được gieo liên tiếp, thường bị cách quãng  1.- Vần liền: cháu- sáu, ra- nhà  2.- Vần cách: hẹ- mẹ, đàn- càn  3. Vần hỗn hợp  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **Hs hoàn thành bảng gợi ý**   |  |  | | --- | --- | | Em lựa chọn chủ đề gì | ................................. | | Tìm hình ảnh để thể hiện cảm xúc đó | ............................... | | Tập gieo vần | ................................ |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu bài tập  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.  GV Hướng dẫn  a. Xác định đề tài và cảm xúc  Có thể chọn bất cứ đề tài nào mà em yêu thích như nhà trường, gia đình, thiên  nhiên, quê hương, đất nước,... và ghi lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng được nói đến.  b. Tìm hình ảnh để biểu đạt cảm xúc  - Sau khi đã xác định được đề tài và tình cảm, cảm xúc, em hãy tìm hình ảnh để  thể hiện cảm xúc đó.  - Liên tưởng, tưởng tượng, kết nối sự vật, hiện tượng trong mối quan hệ với nhau và với con người để mạch cảm xúc, suy nghĩ được thể hiện và phát triển một cách tự nhiên.  - Thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của mình về sự vật, hiện tượng đó, chẳng hạn niềm  xúc động trước sự mong manh của áng mây trước gió, suy ngẫm về vòng tuần hoàn  của các hiện tượng thiên nhiên,...  c. Tập gieo vần  Chọn thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ và tìm vần thích hợp.  Hs viết bài, Gv quan sát, giúp đỡ hs nếu cần.  GV KL: Đặc điểm: Số dòng trong mỗi bài không hạn chế, có thể chia theo khổ hoặc không.  \*Thể thơ : 4 chữ.  Thể thơ 5 chữ.  \*Hiệp vần:  -Vần liền được gieo liên tiếp ở hai câu thơ.  -Vần cách: gieo cách 1 dòng thơ.  - Vần chân:Được gieo ở cuối dòng thơ.  -Vần lưng: Được gieo ở giữa dòng thơ.  \* Thanh điệu:  Theo luật bằng trắc  Nếu chữ thứ 2 là thanh bằng thì chữ thứ 4 là thanh trắc và ngược lại.  \*Nhịp trong thơ bốn chữ có thể là nhịp 2/2 hoặc 3/1.  \*Nhịp trong thơ năm chữ: 2/3 hoặc 3/2.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét theo bẳng kiểm  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ  - HS làm viện theo nhóm  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  **Bảng kiểm**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Tiêu chí | Đạt | Không đạt | | 1 | Số tiếng trong mỗi dòng thơ: bốn tiếng hoặc năm tiếng |  |  | | 2 | Các dòng thơ bắt vần với nhau (vần liền, vần cách, vần hỗn hợp) |  |  | | 3 | Nhịp thơ phù hợp với tình cảm, cảm xúc |  |  | | 4 | Hình ảnh để biểu đạt cảm xúc |  |  | | 5 | Biện pháp tu từ để tăng tính gợi hình, gợi cảm |  |  | | 6 | Tình cảm, cảm xúc của em |  |  | | 7 | Thông điệp mà em gửi gắm qua bài thơ |  |  | | ***1.Giới thiệu kiểu bài***  ***2. Yêu cầu đối với một bài thơ 4 chữ, 5 chữ:***  - thơ 4 chữ, 5 chữ là thể thơ được gọi theo số chữ trong mỗi dòng thơ. Số câu trong bài không hạn định. Các khổ, đoạn trong bài được chia linh hoạt tuỳ theo nội dung hoặc cảm xúc. - Thích hợp với kiểu kể chuyện (Vè, đồng dao, hát ru).  Hình ảnh thơ gần gũi, dung dị  - Thơ 4 chữ ngắt nhịp 2/2.  Thơ 5 chữ ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2  - Vần : Kết hợp các kiểu vần: Chân( vần cuối dòng thơ), vần liền( gieo liên tiếp ),vần cách(cách quãng) ,vần hỗn hợp( phối hợp nhiều kiểu gieo vần trong một bài thơ).  **3.ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI THAM KHẢO**  1.- Vần liền: cháu- sáu, ra- nhà  2.- Vần cách: hẹ- mẹ, đàn- càn  3. Vần hỗn hợp  **4.THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC**  **a.Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài;  - Tìm ý( tìm hình ảnh để biểu đạt cảm xúc)  - Lập dàn ý( tập gieo vần)  **b.Viết bài**  c**. Chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại đoạn văn theo những yêu cầu trong sách giáo khoa.  **d. Trả bài**  HS tự đánh giá theo bảng kiểm |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Đọc bài thơ sau chỉ ra số chữ, vần nhịp, cách gieo vần , nội dung của bài thơ sau

Em yêu màu đỏ

Như máu con tim

Lá cờ tổ quốc

Khăn quàng đội viên

Em yêu màu xanh

Đồng bằng, rừng núi

Biển đầy cá tôm

Bầu trời cao vợi

Em yêu màu vàng

Lúa đồng chín rộ

Hoa cúc mùa thu

Nắng trời rực rỡ

(*Sắc màu em yêu* - Phạm Đình Ân)

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc bài thơ, tìm theo yêu cầu

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS.

**HĐ 4: Củng cố, mở rộng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Em hãy sưu tầm một bài thơ 4 chữ, 5 chữ em yêu thích, vì sao em thích bài ấy?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**Ngày dạy:**

**TIẾT 22,23,24:**

**VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ**

**HOẶC NĂM CHỮ.**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Rubic chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

- Phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Hình thành kiến thức mới**

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Theo em, một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ 4 chữ, 5 chữ cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  - GV gợi ý:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ 4 chữ, 5 chữcần phải giới thiệu được về bài thơ, bao gồm: tên bài thơ, tên tác giả;  + Phải chỉ ra được các yếu tố tự sự, miêu tả và phân tích được tác dụng của chúng đối với việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ;  + Nêu được ý kiến cá nhân, đồng tình hay không đồng tình, có góp ý gì với cách thể hiện của nhà thơ hay không.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi:  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **1. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ thơ bốn chữ hoặc năm chữ**    - Giới thiệu được bài thơ và tác giả. Nêu được ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.  - Diễn tả được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ.  - Khái quát được cảm xúc về bài thơ. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 2. ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO | | |
| a) Mục tiêu:  - Bài viết tham khảo : Đồng dao mùa xuân- một bài thơ xúc động về người lính.  - Biết yêu cầu của đoạn văn nêu cảm nhận về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.  - Chỉ ra được các phần của đoạn văn (mở đoạn, thân đoạn , kết đoạn).  b) Nội dung:  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra  c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ  GV hỏi: Đoạn văn nêu cảm nhận về bài đồng dao bốn chữ ?  GV chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  1. Đoạn văn gồm mấy câu, hình thức đoạn như thế nào?  2. Những câu nào giới thiệu tác giả bài thơ.  3. Những câu nào nêu cảm xúc và ấn tượng về nội dung chính của bài ca dao. Em hãy tái hiện lại nội dung ấy.  4. Những câu nào nêu cảm nhận về một số yếu tố nghệ thuật của bài ca dao. Chỉ rõ các yếu tố nghệ thuật ấy.  5. Câu nào nêu khái quát cảm xúc của cả bài thơ.  GV yêu cầu: HS đọc bài tham khảo và tìm câu trả lời.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  GV:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  B3: Báo cáo thảo luận  HS:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  B4: Kết luận, nhận định  GV:  - Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | | Bài mẫu:  - Đoạn văn nêu cảm nhận bài thơ đồng dao bốn chữ.  - Đoạn văn gồm 12 câu. Hình thức tính từ chữ cái viết hoa lùi đầu dòng đến dấu chấm xuống dòng.  -Câu 1: Giới thiệu tác giả.  -Câu 2- 5: Cảm nhận về ấn tượng cảm xúc chung về nét đặc sắc nổi bật của bài thơ.  -Câu 6,7,8,9,10,11: Diễn tả cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  Câu 12: Khái quát về cảm xúc của bài thơ. |
| 3.THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC | | |
| a) Mục tiêu: Giúp HS  - Biết viết đoạn văn theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Tập trung vào những đặc sắc nội dung, nghệ thuật bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.  b) Nội dung:  - GV sử dụng KT công não để hỏi HS về việc lựa chọn đề tài.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  c) Sản phẩm: Câu trả lời, bài viết của HS.  d) Tổ chức thực hiện: | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  GV chiếu bài đồng dao mùa xuân lên bảng.  Ba lô con cóc  Tấm áo màu xanh  Làn da sốt rét  Cái cười hiền lành  Anh ngồi lặng lẽ  Dưới cội mai vàng  Anh ngồi rực rỡ  Màu hoa đại ngàn  Mắt như suối biếc  Vai đầy núi non….  Phát phiếu tìm ý  Gọi HS đọc bài đồng dao mùa xuân.  ? Tìm ý, lập dàn ý và viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về bài đồng dao mùa xuân trên bằng cách điền vào phiếu tìm ý.  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  GV:  - Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.  - Lập dàn ý ra giấy và viết bài theo dàn ý.  - Sửa lại bài sau khi viết.  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.  HS:  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  Hãy rà soát bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải:   |  |  | | --- | --- | | **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** | | Giới thiệu được tác giả và bài thơ, nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ. | Nếu còn thiếu, hãy bổ sung | | Diễn tả được những cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ | Đối chiếu với mục tìm ý xem đoạn văn đã nêu được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ chưa. Nếu còn thiếu hoặc diễn đạt chưa rõ, chưa phù hợp, hãy bổ sung, điều chỉnh. | | Khái quát được cảm xúc về bài thơ | Đọc lại câu văn cuối đoạn, kiểm tra xem đã khái quát được cảm xúc về bài thơ chưa. Hãy bổ sung nếu còn thiếu. | | Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt. | Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu và chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi. |   B4: Kết luận, nhận định (GV)  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | 1. Trước khi viết  a) Lựa chọn bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ về tình cảm gia đình hoặc tình yêu con người quê hương đất nước…  b) Tìm ý   |  |  | | --- | --- | | Đọc bài thơ đó nhiều lần để có cảm nhận chung về bài thơ. |  | | Nêu cảm xúc của em về những nét đặc sắc trên 2 phương diện nội dung và nghệ thuật( vần , nhịp , yếu tố miêu tả, hình ảnh, từ ngữ…) của bài thơ |  | | Ghi lại cảm xúc chung về bài thơ. |  |   c) Lập dàn ý  - *Mở đoạn* giới thiệu tác giả , nêu ấn tượng cảm xúc chung về bài thơ .  - *Thân đoạn*: Trình bày cảm xúc về bài thơ.  + Nêu ấn tượng chung về nội dung bài thơ.  + Nêu ý nghĩa, chủ đề của bài thơ.  + Nêu cảm nhận về từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, thông điệp của tác giả…..  - *Kết đoạn*: Khái quát lại những ấn tượng, cảm xúc về bài thơ.  2. Viết bài  - Viết đoạn văn theo dàn ý một đoạn văn hoàn chỉnh.  3. Chỉnh sửa bài viết  - Đọc và sửa lại đoạn văn theo những yêu cầu trong sách giáo khoa. | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ ĐOẠN VĂN** | | | |
| Tiêu chí | Mức độ | | |
| Chưa đạt | Đạt | Tốt |
| 1. 1.Đúng hình thức, bố cục đoạn văn | Không đúng hình thức đoạn văn, không có bố cục | Đúng hình thức đoạn văn, có ít nhất phần mở đoạn và thân đoạn | Đúng hình thức đoạn văn, đầy đủ bố cục 3 phần |
| 2. Nội dung | Chưa đưa ra được cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ | Cảm nhận được cơ bản về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ nhưng chưa sâu sắc. | Cảm nhận được sâu sắc về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ, ngôn ngữ diễn đạt cảm xúc. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:*** Nêu cách viết một đoạn văn nêu cảm nhận về một bài thơ 4 chữ, 5 chữ

***\* Thực hiện nhiệm vụ****: HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

***\* Báo cáo kq:***

***\* Đánh giá kết quả***

***HS, Gv nhận xét đánh giá***

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết đoạn văn, giám sát các ý đã lập;

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ***

Viết đoạn từ 7-10 câu nêu cảm nhận của em về bài thơ “ Gặp lá cơm nếp”

Gợi ý: Trình bày đúng hình thức của đoạn văn: viết lùi đầu dòng từ đầu tiên của đoạn văn và chữ cái đầu của từ đó phải viết hoa; kết thúc đoạn văn bằng một dấu chấm câu. Các câu trong đoạn cần tập trung vào chủ đề chung, giữa các câu có sự liên kết. Đoạn văn khoảng 7 -10 câu.

***\* Thực hiện nhiệm vụ****: HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

***\* Báo cáo kq:***

***\* Đánh giá kết quả***

***HS, Gv nhận xét đánh giá***

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý;

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**.Hướng dẫn học bài ở nhà.**

Xem lại cách làm một bài thơ bốn và năm chữ.

Viết và chỉnh sửa hoàn chỉnh đoạn văn .

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày dạy:**

**Tiết 25: NÓI VÀ NGHE:**

**TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG (ĐƯỢC GỢI RA TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC ĐÃ ĐỌC)**

**I.THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU.**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

- Chuẩn bị dàn ý bài nói

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để liên hệ với vấn đề trong tác phẩm

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xem video “Thời hoa đỏ” và cho biết: video sau gợi cho em nhớ tới bài thơ nào vừa mới học? Em hãy nêu cảm nhận về bài thơ đó.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  - GV quan sát, lắng nghe  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày trải nghiệm cá nhân  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài: |  |

***→ Giáo viên vào bài***: *Qua các văn bản đọc ở bài 2 Khúc nhạc tâm hồn, các con có thể thấy thơ ca cùng với văn chương đã quyện hòa vào nhau làm nên giá trị đích thực của văn học đối với đời sống con người. Nhà thơ Xuân Diệu từng nói“Thơ là hiện thực, là cuộc đời, thơ còn là thơ nữa” có thể thấy một tác phẩm thơ hay, giàu sức gợi phải bắt nguồn từ cuộc sống và đọc thơ ca nghệ thuật sẽ cho ta cái nhìn chân thực về các vấn đề của cuộc sống.Trong bài học ngày hôm nay cô sẽ giúp các con rèn kĩ năng trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc.*

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hđ 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **NV: Hướng dẫn học sinh chuẩn bị bài nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định các bước chuẩn bị trước khi nói.*  *+ GV hướng dẫn HS xác định vấn đề đời sống được rút ra từ văn bản: “Đồng dao mùa xuân” ;*  *+ GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Trước khi nói:**  a. Chuẩn bị nội dung nói  b. Tập luyện |

**Hđ 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **NV: Hướng dẫn Hs trình bày bài nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Nhắc học sinh một số lưu ý*  *+ Gv gọi một số học sinh trình bày trước lớp*  *+ Phát phiếu đánh giá theo tiêu chí để học sinh đánh giá bài nói của bạn (có thể dùng nhiều màu mực khác nhau để đánh giá được nhiều bạn)*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Trình bày bài nói**  - Tự tin, thoải mái. Chú ý chào hỏi khi bắt đầu và cảm ơn khi kết thúc bài nói.  - Bám sát vào mục đích nói  - Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói cho phù hợp, trang nghiêm nhưng cũng có lúc cần thay đổi linh hoạt cho phù hợp với nội dung vấn đề trình bày. Khi nói cần chú ý kết hợp ngôn ngữ cơ thể (điệu bộ, ánh mắt, cử chỉ…)  - Không nên kể dàn trải nên tập trung vào những ý quan trọng, chú ý cách chuyển tiếp giữa luận điểm để tạo sự kết nối liền mạch của bài nói  - Có thể sử dụng các ghi chú  - Khuyến khích sử dụng các phương tiện sẵn có (tranh ảnh, kỉ vật…) về các địa danh liên quan đến bài nói |

**Hđ 3: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **NV: Hướng dẫn HS trao đổi về bài nói**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Người nghe: có nhiệm vụ hoàn thiện phiếu đánh giá theo tiêu chí và nhận xét bài nói của bạn*  *+ Người nói: phản hồi các ý kiến nhận xét, cảm ơn và tiếp thu những nhận xét*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Gv quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trao đổi  - Gv tổ chức hoạt động  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Trao đổi về bài nói** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| Nhóm/ cá nhân: | | | |
| Tiêu chí | Mức độ | | |
| Chưa đạt (0 điểm) | Đạt (1 điểm) | Tốt (2 điểm) |
| 1. 1.Thể hiện ý kiến   của người nói về một vấn đế mà mình quan tâm. | Chưa thể hiện được ý kiến của người nói vể một vấn đề đời sống. | Thể hiện được ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống. | Thể hiện được ý kiến của người nói về một vấn đề đời sống một cách rõ ràng, ấn tượng. |
| 2. Đưa ra được các lí lẽ và bằng  chứng. | Chưa đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng phù hợp với vấn đề bàn luận. | Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng phù hợp với vấn đề bàn luận. | Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, sâu săc, tiêu biểu, phù hợp với vấn đề bàn luận. |
| 3. Nói rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. | Nói rõ nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói rõ, truyền cảm, hầu như không lặp lại hay ngập ngừng. |
| 4. Sử dụng ngôn ngữ cơ thể (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...) phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, chưa có sự tương tác (ánh mắt, cử chỉ,...) với người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp với nội dung trình bày. | Điệu bộ tự tin, có sự tương tác (ánh mắt, cử chỉ,...) với người nghe; nét mặt biểu cảm khá phù hợp với nội dung trình bày. | Điệu bộ rất tự tin, có sự tương tác tích cực (ánh mắt, cử chỉ,...) với người nghe; nét mặt biểu cảm rất phù hợp với nội dung trình bày. |
| 5. Trao đổi tích cực với người nghe. | Chưa trao đổi được với người nghe. | Trao đổi được với người nghe một số nội dung cơ bản. | Trao đổi tích cực về các nội dung mà người nghe đặt ra. |
| TỔNG ĐIỂM /10 | | | |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai nhân vật người con trong bài thơ “ Gặp lá cơm nếp ”, kể lại cảm xúc của nhân vật sau khi gặp cây cơm nếp

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đóng vai nhân vật, kể lại những suy nghĩ và cảm xúc của mình

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học tương tự lập đề cương cho bài nói cho các vấn đề rút ra từ bài thơ: “Gặp lá cơm nếp”

b) Nội dung: Áp dụng phương pháp học tập trong nội dung cụ thể

c) Sản phẩm: Đề cương bài nói

d) Tổ chức hoạt động:

***B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:***

Tìm và xác định vấn đề đời sống được gợi ra từ bài thơ “Gặp lá cơm nếp”

Lựa chọn một vấn đề, xây dựng nội dung và đề cương bài nói

***B2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS thực hành dựa trên những góp ý và đánh giá của GV và các bạn trong lớp qua bài “Đồng dao mùa xuân”

*-* GV hỗ trợ (nếu cần)

***B3: Báo cáo thảo luận:***

- HS trình bày cá nhân.

***B4: Đánh giá kết quả:***

- HS đánh giá lẫn nhau

- Giáo viên nhận xét đánh giá.

**\* GV hướng dẫn học bài ở nhà:**

1. Quay lại video bài nói về vấn đề đời sống được rút ra từ bài “Đồng dao mùa xuân” và “Gặp lá cơm nếp”
2. Ôn lại kiến thức đã học
3. Chuẩn bị **bài 3 Cội nguồn yêu thương: Soạn văn bản : “**Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”

**Ngày kí duyệt:**

**Nguyễn Thị Huệ**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ngày soạn:**

**BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Nhận biết tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể.

***-*** Đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

- Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể.

- Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện.

- Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

- Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

***2. Về phẩm chất:*** Bồi đắp, trân trọng tình yêu thương.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**GV:**

- KHBD, sách GV

- Bảng phụ, phiếu học tập.

- Tranh ảnh liên quan đến bài học

- Các tài liệu tham khảo liên quan đến từng bài học

**Học sinh**

- Đọc trước bài học trong SGK.

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong sgk

- Sưu tầm tư liệu liên quan đến bài học và dụng cụ học tập (nếu cần) theo yêu cầu của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV**tổ chức cho học sinh xem video về tình yêu thương và nêu suy nghĩ, cảm nhận của bản thân sau khi xem vieo.

**HS** chú ý quan sát, lắng nghe, suy ngẫm và nêu cảm nhận.

**GV** kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV: Em hãy chia sẻ những việc làm của những người thân trong gia đình dành cho em? Em cảm nhận như thế nào về những hành động đó?

**Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, chia sẻ, cảm nhận.

**Báo cáo, thảo luận**

**GV**khuyến khích HS giơ tay phát biểu cảm nhận.

**HS** chia sẻ

**Kết luận, nhận định**

- GV gợi dẫn, tạo cảm hứng đến HS chuẩn bị vào bài học mới.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 26: GIỚI THIỆU BÀI HỌC; KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Hoạt động 2.1. GIỚI THIỆU BÀI HỌC**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS xác định rõ nội dung chủ đề và thể loại văn bản chính của bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ.

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **I. Giới thiệu bài học** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Làm việc cá nhân:  - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học (SGK/tr.58) và cho biết:  *1)* *Bài học 3 gồm những văn bản đọc chính nào?*  *2) Các VB đọc chính cùng thuộc thể loại gì?*  *3) VB đọc kết nối chủ đề thuộc thể loại gì?*  *4) Vì sao các VB đọc chính và VB3 (đọc kết nối chủ điểm) lại cùng xếp chung vào bài học 3?*  *5) Từ loại nào được học trong phần thực hành tiếng Việt? Nội dung phần viết, nói và nghe?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trả lời câu hỏi của GV  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.  - GV dẫn dắt giới thiệu vào nội dung bài học. | **\* VB đọc**  **- VB đọc chính:**  **+** VB1: *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần)  + VB 2: *Người thầy đầu tiên* (Ai-tơ-ma-tốp)  + VB 4 thực hành đọc: *Trong lòng mẹ* (Nguyên Hồng)  *Các VB đọc chính đều thuộc thể loại truyện.*  **-VB 3 đọc kết nối chủ điểm** thuộc thể loại thơ: *Quê hương (Tế Hanh)*  Cả 4 VB đọc chính và đọc kết nối chủ điểm cùng xếp chung vào bài 1 vì đều viết về những kí ức, những trải nghiệm thời tuổi thơ của mỗi người.  **\*Thực hành tiếng Việt:** Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ, từ láy; mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.  **\* Viết:** Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.  **\* Nói và nghe:** Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học) |

**Hoạt động 2.2. KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được chủ đề của bài học; HS bước đầu nắm được thế nào là thay đổi kiểu người kể chuyện và tác dụng của nó, số từ, phó từ

**b. Nội dung:** GV giới thiệu, dẫn dắt, yêu cầu HS thực hiện một số nhiệm vụ học tập để nắm được kiến thức cơ bản về thay đổi kiểu người kể chuyện.

**c. Sản phẩm:** Kết quả làm việc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **II. Tri thức ngữ văn** | |
| **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS theo dõi SGK, đọc thầm phần tri thức ngữ văn về *Thay đổi kiểu người kể chuyện* (Tr.58) và trả lời câu hỏi:  1. Thế nào là thay đổi kiểu người kể chuyện?  2. Tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện?  3. Em đã từng đọc văn bản nào sử dụng việc thay đổi kiểu người kể chuyện chưa? Hãy chia sẻ một vài ví dụ?  4. Số từ là gì? Phó từ là gì?  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc cặp đôi, suy nghĩ và trao đổi, tìm ra câu trả lời.  **Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện 1-2 cặp đôi trình bày phần tìm hiểu của nhóm mình  - Các bạn khác chú ý lắng nghe, chuẩn bị câu hỏi hoặc nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Kết luận, nhận định:**  - HS nhận xét, đánh giá, bổ sung cho câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - HS ghi bài. | **1. Thay đổi kiểu người kể chuyện**  - Trong một truyện kể, nhà văn có thể sử dụng nhiều ngôi kể khác nhau. Có tác phẩm sử dụng hai, ba người kể chuyện ngôi thứ nhất; có tác phẩm lại kết hợp người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Sự thay đổi kiểu người kể chuyện luôn thể hiện ý đồ nghệ thuật của tác giả. Mỗi ngôi kể thường mang đến một cách nhìn nhận, đánh giá riêng, khiến câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa.  **2. Số từ và phó từ**  - Số từ: là những từ chỉ số lượng hoặc thứ tự của sự vật  - Phó từ: là những từ chuyên đi kèm để bổ sung ý nghĩa cho DT, ĐT, TT |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** HS dựa vào những kiến thức đã được tìm hiểu, trả lời các câu hỏi GV đưa ra.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Mèo đuổi chuột”

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS khi tham gia trò chơi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Hệ thống câu hỏi trong trò chơi:**

Câu 1. Điền từ còn thiếu vào chỗ trống: Trong một truyện kể, nhà văn có thể sử dụng nhiều…khác nhau.

Câu 2: Có mấy cách thay đổi kiểu người kể chuyện?

Câu 3: Có mấy ngôi kể thường được sử dụng trong tác phẩm truyện? Đó là những ngôi kể nào?

Câu 4: Điền vào chỗ trống: “Sự thay đổi … luôn thể hiện ý đồ nghệ thuật của tác giả”.

Câu 5: Người kể chuyện xưng tôi là ngôi kể nào?

Câu 6: Mỗi ngôi kể trong truyện thường mang đến cách nhìn nhận, đánh giá riêng. Đúng hay sai?

Câu 7: Trong một tác phẩm truyện, tác giả có thể sử dụng nhiều ngôi kể khác nhau, có tác phẩm sử dụng hai, ba ngôi kể thứ ba. Đúng hay sai?

Câu 8: Sự thay đổi kiểu người kể chuyện khiến câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa. Đúng hay sai?

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** HS dựa vào những kiến thức đã được tìm hiểu, phát hiện, sưu tầm được những tác phẩm truyện có sử dụng sự thay đổi kiểu người kể chuyện.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS sưu tầm và đọc những tác phẩm văn học có sử dụng sự thay đổi kiểu người kể chuyện.

**c. Sản phẩm:** Những tác phẩm học sinh sưu tầm được.

**d.Tổ chức thực hiện:** HS thực hiện ở nhà.

GV chuyển giao nhiệm vụ

Sưu tầm và đọc những tác phẩm văn học có sử dụng sự thay đổi kiểu người kể chuyện.

**…………………………………………………….**

**Ngày dạy:**

**BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG**

**Tiết 27,28: Đọc văn bản 1: VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ**

**(Nguyễn Ngọc Thuần)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** Nhận biết được tính cách nhân vật. Nhận xét đánh giá nhân vật trong tác phẩm truyện (1)

- Nhận biết được chủ đề của văn bản. (2)

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn. (3)

**2. Năng lực**

**a, Năng lực đặc thù**

**-** Nhận biết được tính cách nhân vật. Biết cách nhận xét đánh giá nhân vật trong tác phẩm truyện

- Nhận biết được chủ đề của văn bản.

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Nhận thức được cội nguồn yêu thương làm điểm tựa để con người hạnh phúc và luôn vững vàng trên hành trình trưởng thành ở mọi thời đại, biết trân trọng cảm phục những người sống biết yêu thương. (4)

**b, Năng lực chung**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu được nội dung của chủ đề.(5)

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để tìm hiểu được nội dung của chủ đề. (6)

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp. (7)

**3, Phẩm chất**

- Nhân ái: Có thái độ cảm thông, giúp đỡ những người nghèo khổ, bất hạnh. (8)

- Trung thực: Biết lên án thói xấu trong xã hội. (9)

- Trách nhiệm: Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng thiện. (10)

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những câu hỏi của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV** tổ chức cho học sinh trả lời câu hỏi phần trước khi đọc

**HS** trả lời câu hỏi

**GV** kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) **Kể tên các loài hoa mà em biết. Em có thể nhận ra chúng bằng cách nào?**

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và chia sẻ

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV chỉ định học sinh trả lời

- HS chia sẻ

B4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của học sinh

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

- GV dẫn dắt vào bài học: *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ - một cuốn sách để lại vô vàn tâm sự, cảm xúc cho người đọc khi qua những câu chuyện, những lời tự sự của sống ở nông thôn, và không hề có bất kỳ dấu chân nào của công nghệ internet ghé ngang. Một tuổi thơ gắn liền với những điều bình dị. Có thể khẳng định rằng, “Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” là một trong những tác phẩm đem đến giá trí giáo dục cao. Sức hút của tác phẩm không chỉ dừng lại ở đối tượng người đọc nhỏ tuổi mà còn lôi cuốn những người đọc lớn tuổi. Chúng ta cùng đi tìm hiểu những điều thú vị và lôi cuốn đó trong bài học ngày hôm nay –****Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ (trích, Nguyễn Ngọc Thuần).***

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | | |
| **Mục tiêu**: (2), (3), (5), (6), (7)  **Nội dung**: HS thuyết trình .  **Sản phẩm:** nội dung câu trả lời trong phiếu học tập của HS  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  Qua sự chuẩn bị phiếu học tập ở nhà, các nhóm lên thuyết trình về tác giả?   |  | | --- | | Phiếu học tập 1:  Tác giả: Nguyễn Ngọc Thuần  ……………………………………………………………………………………………………………… |   B2: Thực hiện nhiệm vụ  - Hs tìm hiểu thông tin về tác giả  B3: Báo cáo, thảo luận  - HS thuyết trình  - Các bạn lắng nghe và bổ sung  - Gv gợi và quan sát học sinh.  B4: Kết luận, nhận định  - Gv nhận xét, chốt kiến thức  - Chuyển dẫn mục sau  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ lời thoại tôi và bố cùng các nhân vật khác  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b, Tìm hiểu chung  Yêu cầu HS quan sát phiếu học tập số 2 đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi:   |  |  | | --- | --- | | Xuất xứ |  | | Thể loại |  | | Ngôi kể |  | | Người kể chuyện |  | | Nhân vật |  | | Bố cục |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **Nguyễn Ngọc Thuần** (1972) quê ở Tân Thiện - Hàm Tân, Bình Thuận, là một nhà văn trẻ đầy triển vọng trên địa hạt văn xuôi đương đại, là thành viên của Hội nhà văn Việt Nam.  - Chuyên sáng tác cho trẻ em  - Có cái nhìn tinh tế về thế giới trẻ thơ với thế giới trong trẻo, tươi mới và đầy chất thơ  - Tác phẩm tiêu biểu: ***Giăng giăng tơ nhện***, giải thưởng Văn học tuổi hai mươi lần II.  - ***Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ***, NXB Trẻ 2000, giải nhất cuộc thi Văn học Thiếu nhi lần III, giải Peter Pan (giải thưởng của Thụy Điển dành cho tác phẩm thiếu nhi hay nhất).  - ***Một thiên nằm mộng***, NXB Kim Đồng 2002, giải A cuộc vận động sáng tác Thiếu nhi2003 - ***Nhện ảo***, NXB Kim Đồng 2003  - ***Trên đồi cao chăn bầy thiên sứ***, giải B (không có giải A), sáng tác văn học dành cho Tuổi trẻ (NXB Thanh niên và báo Văn nghệ).  - ***Cha và con và...tàu bay*** - 2005.  **2. Tác phẩm**  a) Đọc và tóm tắt  - Cách đọc  - Tóm tắt: Nhà của tôi có một khu vườn rộng. Bố trồng rất nhiều hoa. Buổi chiều ra đồng về, hai bố con ra vườn thi nhau tưới. Bố thường bảo tôi nhắm mắt lại, sau đó dẫn tôi đi chạm từng bông hoa một rồi đoán xem đó là hoa gì. Tôi đã thuộc làu làu, chạm loài nào đều đoán tên được loài đó. Khi Tý đem tặng bố những trái ổi to mềm, bố rất trân trọng dù bố ít khi ăn ổi. Tôi nhận ra đó là vẻ đẹp của món quà mình cho đi hay mình được nhận. Tôi nhận ra khu vườn, người bố là món quà to lớn, quý giá của cuộc đời cậu. Sau đó, bố lại nghĩ ra một trò chơi khác, thay vì chạm thì bây giờ nhân vật tôi chỉ được ngửi rồi gọi tên. Khi đã thuần thục, bố khen cậu là người có chiếc mũi tuyệt nhất thế giới. Lúc đó, cậu nhận ra rằng chính những bông hoa là người đưa đường, dẫn lối cho cậu trong khu vườn.  **b, Tìm hiểu chung**  **\* Xuất xứ**: Đoạn trích rút từ chương 5 của tập truyện: *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, đạt giải nhất cuộc thi Văn học Thiếu nhi lần III, giải Peter Pan (giải thưởng của Thụy Điển dành cho tác phẩm thiếu nhi hay nhất).  **\* Thể loại:** Truyện ngắn  **\* Ngôi kể:** Ngôi thứ nhất.  \* **Người kể chuyện**: xưng “tôi”- Cậu bé Dũng- 10 tuổi  - Nhân vật:  + Chính: Tôi, bố  + Phụ: Tí, chú Hùng  \* **Bố cục:**2 phần  **-** P1: *Từ đầu đến “ Cháu có con mắt thần” :* Bố dạy “ tôi” cách nhắm mắt đoán các loài hoa trong vườn  **-** P2: *còn lại*: Bố dạy “ tôi” cách đón nhận, trân trọng tình cảm của mọi người xung quanh | | |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VB** | | | |
| **1. Nhân vật “tôi”** | | | |
| **Mục tiêu**: (1)-> (8)  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT mảnh ghép để HS tìm hiểu về nhân vật “ tôi”  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm:** nội dung câu trả lời trong phiếu học tập của HS  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* Vòng 1: Gv chia 3 nhóm nêu câu hỏi theo phiếu học tập 3 để HS thảo luận và trả lời  - Nhóm 1: Tìm những chi tiết thể hiện khả năng đặc biệt của nhân vật “tôi”. Nhờ đâu mà “tôi” có năng lực đó?  Phiếu học tập 3   |  |  | | --- | --- | | Những chi tiết thể hiện khả năng đặc biệt của “tôi” | Nhờ đâu mà tôi có năng lực đó | |  |  | |  |  |   - Nhóm 2: Tìm các chi tiết thể hiện cảm xúc suy nghĩ của nhân vật tôi về bố và Tí?  Phiếu học tập 4   |  |  | | --- | --- | | Cảm xúc, suy nghĩ của tôi về bố | Cảm xúc, suy nghĩ của tôi về Tí | |  |  |   - Nhóm 3: Những điều thú vị tôi cảm nhận được khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ? Ý nghĩa của những điều bí mật đó  Phiếu học tập 5:   |  |  | | --- | --- | | Những điều bí mật khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ | Nhận xét | |  |  |   \* Vòng 2: HS thảo luận trả lời câu hỏi:  Phiếu học tập 6   |  | | --- | | Nhận xét về nhân vật “tôi” |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Quan sát những chi tiết trong SGK  **Các nhóm thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 10 phút.**  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - Các nhóm còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  Tác giả Nguyễn Ngọc Thuần đã xây dựng hình ảnh nhân vật một cậu bé mười tuổi, sống ở nông thôn, và không hề có bất kỳ dấu chân nào của người khổng lồ internet ghé ngang. Điều hấp dẫn rất riêng của truyện là những câu thoại ngô nghê trong sáng, lại rất dí dỏm và ấm áp. Cậu có một gia đình tuyệt vời, nơi ấy, bố đã dạy cậu điều tuyệt vời nhất, bố dẫn cậu ra vườn bảo cậu nhắm mắt, rồi hướng dẫn cậu chạm vào từng bông hoa và đoán tên, lúc đầu cậu toàn đoán sai, bố nói không sao cả, dần dần con sẽ đoán đúng, mà thật vậy, từng ngày rồi từng ngày, cậu đã đoán đúng tên từng bông hoa trong vườn, rồi bố lại bày cậu tập đoán khoảng cách đến bông hoa, cậu thích chí mỗi khi đoán đúng, cậu đoán chính xác khoảng cách đến nỗi chú Hùng hàng xóm phải thốt lên “Thật không thể tin nổi, cháu có con mắt thần”. Cậu bé tự kể lại câu chuyện của mình một cách nhẹ nhàng nhưng đầy những cảm xúc hân hoan, hồ hởi khi trải nghiệm cùng bố qua những trò chơi nhỏ trong vườn. Nếu bố là một người tuyệt vời khi dạy con những bài học quý giá thì cậu bé là một đứa trẻ ngoan khi biết lắng nghe, lĩnh hội những điều hay mà bố cậu truyền dạy. Từ bài học của bố, cậu biết yêu những bông hoa, hiểu rằng món quà nào cũng đẹp và mỗi chúng ta phải biết ơn người trao tặng. Có ai đó đã từng nói rằng “người biết yêu thương cỏ cây, động vật là người mang trong mình hạt mầm của lòng nhân ái”. Đúng như vậy, với những bài học quý giá của bố, rồi đây cậu bé sẽ trở thành người tốt và có nếp sống đẹp. Qua hình ảnh nhân vật “tôi”, tác giả đã gửi gắm đến chúng ta bài học về sự biết ơn và yêu thương trong cuộc sống. Tình yêu thương sẽ khiến cho chúng ta hạnh phúc hơn mỗi ngày. | | | **1. Nhân vật “tôi”**  **a. Những khả năng đặc biệt của “tôi”**  **\* Có cách nhìn đặc biệt**  **Nhận ra những bông hoa trong vườn không phải bằng mắt mà bằng cách ngửi mùi hương của hoa và cảm nhận từ đôi bàn tay**  **“**Tôi có thể chạm bất cứ loại cây nào và nói đúng tên của nó”  “Tôi có thể vừa nhắm vừa đi mà không chạm vào vật gì”  **“**tôi nhận diện được tất cả mùi hương của các loài hoa”  “Tôi còn phân biệt đồng một lúc những hoa gì đang nở. Bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới!”  “Chú hùng nói: Thật không thể tin nổi, cháu có con mắt thần”  **\* Lắng nghe âm thanh tài tình**  “Bây giờ, khi đang còn vùi đầu trong mền, tôi vẫn biết bố đang cách xa tôi bao nhiêu mét khi chỉ cần nghe tiếng bước chân”  Biết chính xác tiến kêu cứu của bạn Tí vang lên từ bờ sông: “Mọi người nhìn quanh, không biết tiếng hét xuất phát từ hướng nào. Nhưng tôi đã nói ngay:  - Cách đây khoảng ba chục mét, hướng này!”  \* Khả năng đặc biệt của tôi được hình thành nhờ những trải nghiệm tuổi thơ thú vị cùng người cha bên khu vườn quen thuộc của mình và nhờ luyện tập  b. Cảm xúc suy nghĩ về Bố và Tí  Nhân vật người bố được kể qua cảm nhận cua nhân vật “tôi”. Việc lựa chọn người kể chuyện trong đoạn trích vừa có tác dụng miêu tả tính cách của nhân vật người bô vừa thể hiện được tình cảm của nhân vật “tôi”.  \* Về bố:  Đón nhận những cử chỉ chăm sóc của bó với lòng biết ơn  Tôi tin bố. Tôi hay gọi tên bố chỉ để nghe âm thanh.  Bố là món quà bự nhất của tôi  \*Về Tí:  - Coi Tí là người bạn thân nhất, sẵn sàng chia sẻ với bạn bí mật ngọt ngào, hạnh phúc của hai bố con;  - Thấy tên bạn Tí đẹp và hay hơn mọi ầm thanh, thích gọi bạn để được nghe cái tên ấy vang lên.  c. Những “bí mật” tôi cảm nhận được khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ  - Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, và bạn chợt hiểu khu vườn nói gì. Bạn hiểu bây giờ là mùa gì và bông hoa nào đang nở, tên gì. Từng tiếng bước chân trong vườn, bạn biết chính xác người có bước chân đó cách xa bạn bao nhiêu mét. Bạn còn biết tiếng chân đó là của ai, bố hay mẹ.   * Khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”, nhân vật “tôi” không chỉ thấy những bông hoa thơm hơn mà còn “nhìn” thấy nguyên cả khu vuờn, cả bông hồng ngay trong đêm tối,...   - Những “bí mật” ấy đã mang lại niềm vui, hạnh phúc cho cuộc sống hằng ngày và làm giàu có tâm hồn của nhân vật “tôi”.  => Nhân vật “tôi” cảm nhận thế giới tự nhiên một cách tinh tế, biết trân trọng vẻ đẹp của thế giới tự nhiên. Cậu tinh tế, nhạy cảm, biết quan tâm và yêu thương |
| **2. Nhân vật người bố** | | | |
| **Mục tiêu**: (1)-> (8)  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về nhân vật người bố  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm:** nội dung câu trả lời trong phiếu học tập của HS  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | **Nội dung** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - Chia nhóm cặp đôi.  - Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm  **PHIẾU HỌC TẬP 7**  1. Nhân vật người bố được miêu tả chủ yếu qua lời kể của nhân vật nào, việc lựa chọn người kể chuyện như vậy có tác dụng gì?  2. Bố đã làm những việc gì cho tôi, ý nghĩa những việc làm đó.  3. Sự hấp dẫn từ những trò chơi mà bố nghĩ ra   |  |  | | --- | --- | | Trò chơi | Cách chơi | |  |  | |  |  | |  |  | |  |  | |  | |   4. Nhận xét tình cảm của bố dành cho “tôi”  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **GV**:  - **Dự kiến KK**: HS khó xác định đủ các ý chính  - **Tháo gỡ KK** bằng cách đặt câu hỏi phụ (Bố đã trồng và chăm sóc hoa với tôi ra sao?  Bố đã nghĩ ra trò chơi gì với tôi?  Nhận xét về các trò chơi đó  Bố còn nói về ý nghĩa của những cái tên ra sao?  Bố đã nới gì với con về những món quà).  B3: Báo cáo, thảo luận  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau.  B3: Báo cáo, thảo luận  B4: Kết luận, nhận định  Người bố đã dành trọn thời gian sau những buổi làm việc để chơi cùng con trai và dạy con những bài học nhỏ bé trong cuộc sống. Bố trồng nhiều hoa trong khu vườn, dạy cậu bé nhận biết các loài hoa, bố còn làm bình tưới để cậu bé tự chăm sóc những bông hoa nhỏ. Có thể thấy, đây là hình ảnh một người bố tuyệt vời trong cách nuôi dạy con trẻ. Giữa thời đại quá nhiều lo toan, bận bịu và cám dỗ, con người thường dễ quên đi những điều gần gũi quanh mình. Người bố trong câu chuyện không những quan tâm con, mà ông còn dạy con bài học về sự yêu thương và biết ơn trong cuộc sống. Ông nâng niu từng bông hoa bé nhỏ. Ông đã dạy dỗ con trai những bài học cần thiết trong cuộc đời và cũng là tấm gương cho bạn đọc soi chiếu, nhìn lại chính mình. Đó là những bài học mà người lớn nhiều khi vô tình lãng quên đi – bài học về tình yêu con trẻ và sự quan tâm đến vạn vật quanh mình.  B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao phiếu học tập   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP 8** | | | Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm mà bố dành cho Tí |  | | Qua những chi tiết đó đã giúp thể hiện điều gì về bố |  |   ? B2: Thực hiện nhiệm vụ  Học sinh đọc văn bản và hoàn thiện phiếu học tập  B3: Báo cáo, thảo luận  Hs trả lời câu hỏi  B4: Kết luận, nhận định | | | **2. Nhân vật người bố**  **a. Tình cảm của bố với “tôi”**  **-** Bố trồng nhiều hoa. bố thường dẫn tôi ra vườn, hai bố con thi nhau tưới. Bố làm cho tôi một bình tưới nhỏ bằng cái thùng đựng sơn rất vừa tay. Bố lại lấy hộp lon gò thành cái vòi sen nữa.  - Bố nghĩ ra những trò chơi thú vị   |  |  | | --- | --- | | Trò chơi | Cách chơi | | **Trò chơi đoán tên các loài hoa** | con nhắm mắt lại và chạm từng bông hoa | | **Trò chơi nhắm mắt để tìm kiếm một vật** | Nhắm mắt vẫn có thể đi mà không chạm vật gì, vẫn biết được bố đứng cách mình bao xa. | | **Trò chơi ngửi rồi gọi tên các loài hoa** | Con nhắm mắt cảm nhận được mùi của các loài hoa | | **Nhận xét:**  - Các trò chơi ngày càng khó hơn, tạo ra được sự hấp dẫn với đứa con.  - Người bố luôn theo dõi, động viên, khích lệ dể đứa con tiến bộ hơn.  + Người bố muốn con được trải nghiệm từ thực tế cuộc sống để hình thành thói quen, sự gắn bó và biết trân trọng, nâng niu những giá trị của cuộc sống, cho dù là điều nhỏ nhất.  + Những bài học sâu sắc từ cuộc sống, biết yêu thương, lắng nghe và thấu hiểu từ thiên nhiên, biết trân trọng mọi thứ xung quanh mình | |   **- Nói về ý nghĩa những cái tên:** Bố tôi nói, mỗi cái tên là một âm thanh tuyệt diệu. Người càng thân với mình bao nhiêu thì âm thanh đó càng tuyệt diệu bấy nhiêu.  **- Nói về ý nghĩa những món quà:** Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó - Bố còn nói thêm - Một nụ hôn cũng là một món quà sang trọng. Một giấc ngủ của tôi cũng chính là một món quà, cả con người tôi đều là món quà cho bố.  **-> Biết cho và nhận những món quà cũng là cách thể hiện nét đẹp phẩm chất của mình**  **=>** Một người cha rất yêu thương con, luôn quan tâm, gần gũi với con  b, Tình cảm với “Tí”  - Yêu thương Tí: Bố không ngần ngại cứu Tí dưới sông, bố cõng tôi và Tí trên vai, bố làm xuồng để cả hai cưỡi trên lưng  - Trân trọng nâng niu món quà của Tí  Bố tôi ít khi nào ăn ổi, nhưng vì nó, bố ăn.  => Bố có trái tim giàu yêu thương và nhân hậu |
| **III. TỔNG KẾT** | | | |
| **Mục tiêu**: - HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của truyện *“Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”.*  **b.** **Nội dung hoạt động**:  - GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi  - HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.  **Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  **Phiếu học tập 8**   |  |  | | --- | --- | | Nhận xét nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? |  | | Nội dung chính và ý nghĩa của văn bản *“Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”.* |  |   B2: Thực hiện nhiệm vụ  **HS** suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt nội dung phần tổng kết lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung sau. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**   * Ngôi kể: ngôi thứ nhất. * Ngôn ngữ: mộc mạc, tự nhiên, chân thành. * Cách kể chuyện sinh động, hấp dẫn.   **2. Nội dung**  Truyện kể về những trò chơi của người bố và đứa con. Qua đó, người cha đã dạy cho đứa con cách yêu thương, trân trọng thiên nhiên và nâng niu những món quà từ cuộc sống.  **Ý nghĩa**  Hãy nhắm mắt và mở lòng - mở cánh cửa của chính mình - hãy nhìn cuộc sống bằng tất cả các giác quan để cảm nhận, để thấu hiểu, để yêu thương, để quan tâm và để nhớ | |

**3. HĐ 3: Viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu: (4), (5)**

**b) Nội dung:**

**HS viết đoạn văn**

**c) Sản phẩm**

**Đoạn văn của học sinh đã được chỉnh sửa**

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu về một món quà mà em yêu thích

B2: Thực hiện nhiệm vụ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét…

**B4: Kết luận, nhận định (**GV)

- Nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

Gợi ý viết:

Yêu cầu:

- Hình thức: Đoạn văn 5-7 câu

- Nội dung:

Đó là món quà gì? Của ai

Em được nhận khi nào

Điều gì khiến em đặc biệt yêu thích món quà đó

Món quà có ý nghĩa thế nào với em

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học thông qua trả lời câu hỏi.

**Nội dung:**HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Em đánh giá như thế nào về cách cảm nhận thế giới tự nhiên của nhân vật tôi trong câu chuyện? Theo em, cách cảm nhận ấy đem lại ý nghĩa gì cho cuộc sống của chúng ta?*

- HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

*+ Cách cảm nhận của nhân vật tôi trong câu chuyện đã dần dần thay đổi: ban đầu, nhân vật không thể đoán được tên loài hoa, dần dần đã thuộc tên và rồi khi nhắm mắt lại, ngửi mùi hoa cũng có thể đoán đúng tên. Như vậy, nhân vật đã cảm nhận thế giới tự nhiên bằng nhiều giác quan và khi càng hiểu, nhân vật càng trân trọng và thêm yêu thiên nhiên quanh mình.*

*+ Cách cảm nhận ấy đem lại ý nghĩa cho cuộc sống của chúng ta, đó là cách cảm nhận sâu sắc, không hời hợt. Khi ta cảm nhận bằng cả tâm hồn và tình yêu thương ta sẽ phát hiện được những vẻ đẹp, những giá trị từ những điều bình dị nhất.*

- GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**Mục tiêu:**Củng cố lại kiến thức đã học thông qua trả lời câu hỏi.

**Nội dung:**HS sử dụng SGK, kiến thức đã học, GV hướng dẫn (nếu cần thiết) để trả lời câu hỏi.

**Sản phẩm học tập:**Câu trả lời của HS.

**Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến chúng ta qua câu văn “những bông hoa chính là người đưa đường” là gì? Từ đó, em có nhận xét gì về thái độ của tác giả đối với thế giới tự nhiên?*

**-**HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ:

*+ Câu văn “những bông hoa chính là người đưa đường” cho ta hiểu “thế giới” chính là những điều thân thuộc, gần gũi với chính mình. Khi nhắm mắt lại và cảm nhận bằng mọi thứ bằng mọi giác quan, bạn sẽ thấy con đường đi của riêng mình.*

*+ Qua đó, chúng ta thấy tác giả đã thể hiện thái độ trân trọng, yêu thương thế giới tự nhiên.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

………………………………………………

**Ngày dạy:**

**TIẾT 29: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: SỐ TỪ**

**I.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

-SGK, SGV, bảng phụ và phiếu học tập.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được đặc điểm của số từ và hiểu được chức năng của số từ để sử dụng đúng và hiệu quả trong các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

**b. Nội dung:** GV gợi dẫn, yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ học tập để từ đó nắm được những kiến thức cơ bản về số từ.

**c. Sản phẩm:** Kết quả làm việc của HS thông qua các hoạt động học tập làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ học tập sau:  1. Đặc điểm cơ bản của số từ?  2. Có mấy loại số từ? Kể tên và nêu đậc điểm của các loại số từ đó?  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm bàn, nghiên cứu SGK phần Tri thức tiếng Việt và thống nhất câu trả lời.  **Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện 1 – 2 nhóm HS trình bày câu trả lời.  - HS khác chú ý theo dõi, chuẩn bị nhận xét.  **Kết luận, nhận định:**  - HS nhận xét, bổ sung câu trả lời cho nhóm bạn.  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - HS ghi bài.  **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS trả lời các bài tập trong SGK. (từ BT1 đến BT 4)  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS làm việc nhóm tổ, thảo luận, thống nhất câu trả lời.  **Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện mỗi nhóm lên trình bày câu trả lời.  - Các HS khác chú ý lắng nghe, quan sát, đối chiếu, chuẩn bị nhận xét.  **Kết luận, nhận định:**  - HS nhận xét câu trả lời của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả làm việc của HS.  - GV chốt kiến thức  - HS ghi bài. | **1. Lý thuyết (tri thức tiếng Việt)**  **Số từ**  - Đặc điểm cơ bản: Số từ là những từ chỉ số lượng hoặc thứ tự của sự vật.  - Phân loại: Số từ có thể được phân chia thành hai nhóm:  + Số từ chỉ lượng đứng trước danh từ, gồm số từ chỉ số lượng xác định (ví dụ: bốn quyển vở, năm học sinh,…) và số từ chỉ số lượng ước chừng (ví dụ: vài con cá, dăm cuốn sách, dăm bảy người, ba bốn trường,…).  + Số từ chỉ thứ tự thường kết hợp với các từ *thứ, hạnh, loại, số,* đứng sau danh từ trung tâm, thể hiện thứ tự của sự vật được nêu ở danh từ trung tâm.  - Lưu ý: Cần phân biệt số từ với danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng như: đôi, chục, tá,… Các từ này tuy cũng có ý nghĩa số lượng, nhưng có đặc điểm ngữ pháp của danh từ: có thể kết hợp với số từ ở trước và từ chỉ định ở sau. Ví dụ: *hai chục (trứng) này, ba đôi (tất) ấy,…*  **2. Thực hành tiếng Việt**  **Bài tập 1**  Số từ (từ in đậm) trong các câu là:  *a. hai bố con*  *b. một bình tưới*  *c. ba chục mét*  **Bài tập 2**  Số từ (từ in đậm) trong các câu là:  *a. mấy phút*  *b. vài ngày*  *c. một hai hôm*  **Bài tập 3**  Từ *Sáu* trong cầu là danh từ riêng chỉ tên một người. lền *Sáu* có lẽ được đặt theo thứ tự người con trong gia đình. Ở miền Nam, người con cả trong gia đình thường được gọi là Hai. Bà Sáu có thể là người con thứ năm trong gia đình. Vì thế, trong trường hợp này, số từ chỉ thứ tự đã được chuyển thành danh từ riêng nên phải viết hoa.  **Bài tập 4**  *Hai mắt - đôi mắt, hai tay - đôi tay, hai tai - đôi tai, hai cái sừng - đôi sừng hai chiếc đũa - đôi đũa.*  *- hai* là số từ chỉ số lượng, dùng để đếm các sự vật.  *- đôi* là danh từ chỉ một tập hợp sự vật có hai yếu tố cùng loại, tương ứng với nhau và làm thành một đơn vị thống nhất về mặt chức năng, công dụng. Có thể tính đếm tập hợp đó bằng số từ và đặt số từ đứng trước danh từ *đôi: một đôi, hai đôi, ba đôi,...* |

**HĐ LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:**GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”, thực hiện nhiệm vụ hoàn thành bài tập số 5 trong SGK.

**c) Sản phẩm:**Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chứcthực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”.  GV chia lớp thành 2 đội, thực hiện nhiệm vụ: tìm các thành ngữ có sử dụng số từ mang nghĩa biểu trưng, ước lệ.  Thời gian: 5 phút.  **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thảo luận nhóm, thống nhất câu trả lời.  **Báo cáo, thảo luận:**  - HS thay phiên nhau lên ghi kết quả trên bảng.  **Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, đánh giá thái độ và kết quả làm việc của HS.  - GV chấm điểm và trao quà cho đội thắng cuộc. | **Bài tập 5**  - Thành ngữ *ba chìm bảy nổi* có ý nghĩa chỉ nỗi gian truân, vất vả, long đong, liên tiếp gặp khó khăn, trắc trở.  - *Ăn một bát cháo, chạy ba quãng đồng*. Chỉ việc không đáng làm, để đạt được việc nhỏ bỏ công sức quá to.  - *Chín người mười ý.* Mỗi người mỗi ý, khó mà chiều theo cho đặng, cho đều.  - *Gươm hai lưỡi, miệng trăm hình.* Ý nói gươm đao sắc bén cũng không bằng miệng lưỡi nhân gian.  *- No ba ngày tết, đói ba tháng hè .*Hãy biết điều tiết chi tiêu để không phải túng thiếu.  *- Bắt cá hai tay.* Chỉ những người tham lam, cuối cùng cũng sẽ mất hết.  *- Một nghề thì sống, đống nghề thì chết.* Ý nói thà giỏi một lĩnh vực gì đó cho chuyên sâu còn hơn cái gì cũng biết mà chẳng biết tới đâu. |

**HĐ VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập GV giao.

**b) Nội dung:**GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ:

Xác định các số từ trong đoạn thơ sau:

*Chúng bay chỉ một đường ra:*

*Một là tử địa hai là tù binh […]*

*Nghe trưa nay, tháng năm mồng bảy*

*Trên đầu bay, thác lửa hờn căm!*

*Trông: bốn mặt, luỹ hầm sập đổ*

*Tướng quân bay lố nhố cờ hàng…*

**c) Sản phẩm:**Câu trả lời đúng của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:** HS thực hiện ở nhà

……………………………………………….

**Ngày dạy:**

**BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG**

**TIẾT 30,31: ĐỌC VĂN BẢN 2: NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN**

(Trích, Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp)

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về tác giả Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp và văn bản “Người thầy đầu tiên”.

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh ở nhà.

- Tài liệu tham khảo.

**2. Đối với học sinh:**

- Sách giáo khoa, vở bài tập.

- Soạn bài theo các câu hỏi trong sách giáo khoa.

- Chuẩn bị phiếu học tập theo yêu cầu đã hướng dẫn ở nhà.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**:

- Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- Học sinh khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**:

**- GV**: Đưa ra các câu hỏi đặt vấn đề.

**- HS**: Nghiên cứu và trả lời câu hỏi của GV đã đưa ra.

**c. Sản phẩm:** Cảm nhận, nhận thức và thái độ học tập của học sinh và lời chuyển ý của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

-**GV**:

+ Cho hs xem tranh ảnh : Hình ảnh về tình cảm thầy cô dành cho học sinh.

**+** Nêu cảm nhận của em về những bức tranh đó?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**- HS:** Quan sát những bức tranh vè nêu cảm nhận của mình.

**- GV:** Hướng dẫn học sinh quan sát tranh và gợi ý những câu hỏi.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

**- GV:** Gọi học sinh phát biểu trên tinh thần xung phong.

**- HS:** Trả lời các câu hỏi cảu GV đã đưa ra.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

*Đối với nhiều người, thời niên thiếu là một dấu ấn khó phai trong cuộc đời. Và trong những ngày chập chững bước đi đầu tiên ấy, người ta sẽ không thể nào quên những bàn tay đã dìu dắt họ đi trên con đường kiến thức của nhân loại. Cho dù ngày hôm nay, mỗi người trong chúng ta có thể đã thành đạt về một phương diện nào đó, có địa vị trong xã hội, song dù ở bất cứ nơi nào, trong sâu thẳm tâm hồn ta vẫn sáng chói hình ảnh của những người thầy đã từng dạy dỗ, dìu dắt ta trong mỗi chặng đường.*

*Tác phẩm “Người thầy đầu tiên” của Đại văn hào Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp là một tác phẩm nằm trong dòng cảm xúc đó. Tác phẩm này đã được đưa vào giảng dạy ở nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam. Vậy tình yêu thương của thầy Đuy-sen dành cho học trò và lòng biết ơn của An-tư-nai đối với người thầy đầu tiên của mình như thế nào, cô và các em cùng đi tìm hiểu bài học hôm nay.*

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | | |
| **Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm  **Nội dung**: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.  **Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | | **Nội dung** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - **GV** hỏi: Nội dung chính của Tiểu dẫn gồm những ý gì? Tóm tắt từng ý.  - Định hướng (GV nhấn mạnh một vài nét nổi bật)  B2: Thực hiện nhiệm vụ  + HS đọc nhanh Tiểu dẫn, SGK, tr. 71.  + HS lần lượt trả lời từng câu.  B3: Báo cáo, thảo luận  HS trình bày sản phẩm thảo luận  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét, bổ xung, chốt lại kiến thức  **- GV mở rộng:**  + Hoạt động văn học của Ai- tơ – ma-tốp bắt đầu từ năm 1952, khi ông là sinh viên Trường Đại học Nông nghiệp Cư-rơ-gư-xtan. Từ năm 1956 đến năm 1958 ông học Trường viết văn M. Goóc-ki ở Mát-xcơ-va. Sau khi tốt nghiệp (1959), Ai-ma-tốp làm phóng viên báo Sự thật thường trú tại Cư-rơ-gư-xtan.  + **Đề tài chủ yếu** trong các truyện ngắn của Ai- tơ - ma-tốp là cuộc sống khắc nghiệt nhưng cũng đầy chất lãng mạn của người dân vùng đồi núi Cư-rơ-gư-xtan, tình yêu, tình bạn, tinh thần dũng cảm vượt qua những thử thách hi sinh thời chiến tranh, thái độ tích cực đấu tranh của tầng lớp thanh niên, trước hết là nữ thanh niên để thoát khỏi sự ràng buộc của những tập tục lạc hậu.  **2. Tác phẩm**  B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và truyền cảm.  + Thể hiện rõ giọng điệu và ngôi kể thứ nhất xưng “tôi” trong 4 phần.  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  - Văn bản “Người thầy đầu tiên” viết về ai và về kể về những sự việc gì?  -Văn bản thuộc thể loại nào?  - Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết nhân vật chính trong văn bản này là ai?  - Nêu phương thức biểu đạt chính của tác phẩm?  - Văn bản sử dụng những ngôi kể nào? Nêu tác dụng của từng ngôi kể?  - Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | | **I.Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Ai- tơ – ma-tốp (1928-2008)  - Là nhà văn nước Cư-rơ-gư-xtan. – Tác phẩm: Cây phong non trùm khăn đỏ, Người thầy đầu tiên. – 2004: Ông được nhận danh hiệu “Giáo sư danh dự” của trường Đại học tổng hợp quốc gia Mat-xcơ-va.  **2. Tác phẩm**  a) Đọc và tóm tắt  - Đọc  - Tóm tắt  **b) Tìm hiểu chung**  **\* Bối cảnh:**  **-** Sáng tác năm 1962.  - Bối cảnh: truyện lấy bối cảnh cuộc sống ở một vùng quê miền núi còn rất lạc hậu ở Cư-rơ-gư-dơ-xtan vào những năm đầu thế kỉ XX.  \* **Tóm tắt:**  Truyện kể về nhân vật chính là An-tư-nai, một cô bé mồ côi, phải sống với gia đình chú thím, bị đối xử tàn nhẫn,... Thầy Đuy-sen đã kiên trì dạy An-tư-nai học chữ; hết lòng bảo vệ và giúp An-tư-nai có cơ hội lên thành phố tiếp tục việc học hành. An-tư-nai rất yêu quý thầy Đuy-sen nhưng do hoàn cảnh, thầy trò phải xa cách rồi bặt tin nhau. Mấy chục năm sau, An-tư-nai đã là một viện sĩ, trở về thăm làng và gặp lại người thầy đầu tiên của mình trong một tình huống rất éo le. Bà đã viết thư nhờ người họa sĩ đồng hương kể lại câu chuyện về thầy Đuy-sen như một hành động chuộc lỗi.  **\*Thể loại:** truyện ngắn  \* **Phương thức biểu đạt:** Tự sự  **\* Nhân vật chính:** An-tư-nai, một cô bé mồ côi.  **\* Ngôi kể:** thứ nhất xưng “tôi” ( có sự thay đổi nhân vật).  **\* Bố cục:** 4 phần  - Phần 1: Hình ảnh thầy Đuy-sen qua lời kể người họa sĩ đồng hương với An-tư-nai.  - Phần 2: Hình ảnh thầy Đuy-sen qua lời kể của An-tư-nai.  - Phần 3: Hình ảnh thầy Đuy-sen qua lời kể của An-tư-nai.  - Phần 4: Hình ảnh thầy Đuy-sen qua lời kể người họa sĩ đồng hương với An-tư-nai. |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VB** | | | |
| **1. Người kể chuyện và mối quan hệ giữa các nhân vật.** | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS nhận diện được người kể chuyện và tác dụng người kể trong từng phần của văn bản “ Người thầy đầu tiên”.  **Nội dung**:  **- GV:** Sử dụng KT đặt câu hỏi để HS nhận ra người kể chuyện ở từng phần và tác dụng của việc dùng ngôi kể đó.  **- HS:** Suy nghĩ và trả lời câu hỏi của GV.  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):  Xác định người kể chuyện và chỉ ra mối quan hệ giữa các nhân vật?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS: Học sinh đọc lại nhanh các phần và trả lời câu hỏi của GV.  - GV: hướng dẫn HS tìm hiểu bằng cách đặt các câu hỏi phụ (nếu HS không trả lời được).  - Người kể chuyện ở phần 1 là ai?  - Người kể chuyện ở phần 2 là ai?  - Người kể chuyện ở phần 3 là ai?  - Người kể chuyện ở phần 4 là ai?  - Họ đều sinh ra ở đâu?  B3: Báo cáo, thảo luận  - **GV:** Chỉ định học sinh trả lời các câu hỏi.  **- HS:** Trả lời câu hỏi của GV, những HS còn lại theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  B4: Kết luận, nhận định  GV nhận xét, đánh giá và bổ sung kiến thức, chuẩn kiến thức -> Ghi lên bảng. | | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Người kể chuyện và mối quan hệ giữa các nhân vật**  - Người kể phần (1)(4): người họa sĩ  - Người kể phần (2)(3): An-tư-nai  - Các nhân vật người kể chuyện trong đoạn trích có mối quan hệ đồng hương với nhau. Họ đều sinh ra và lớn lên ở làng Ku-ku-rêu; hiện cùng sống ở Mát-xcơ-va và có quen biết nhau. Họ cùng được mời về dự lễ khánh thành ngôi trường mới của quê hương  => Giúp người đọc có thể theo dõi linh hoạt câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn. | |
| **2. Hình ảnh thầy Đuy-sen hiện lên qua lời kể, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai** | | | |
| **Mục tiêu**: Nhận diện được hành động, tính cách của thầy Đuy-sen và tình cảm của An-tư-nai dành cho thầy.  **Nội dung**:  **- GV:** sử dụng KT chia sẻ nhóm bốn  **- HS:** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS trong phiếu học tập  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):  - Chia nhóm  - Các nhóm trao đổi sản phẩm đã chuẩn bị cho nhau để cùng nhau trao đổi về phiếu học tập đã chuẩn bị từ ở nhà, có thể chỉnh sửa nếu cần thiết.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện nhómtrình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  B4: Kết luận, nhận định  **HS:** Các nhóm nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức trên bảng và chuyển dẫn sang mục sau. | | **2. Hình ảnh thầy Đuy-sen hiện lên qua lời kể, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật An-tư-nai**  \* Những chi tiết tiêu biểu về nhân vật thầy Đuy-sen:  **- Ngôn ngữ đối thoại:**  + Trò chuyện, thuyết phục các em nhỏ đi học.  + Động viên, khích lệ An-tư-nai,...  **- Hành động:**  + Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học.  + Bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá.  + Kiên trì dạy chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, khắc nghiệt, sự đơn độc; mơ ước về một tương lai tươi sáng cho học trò  - **Tính cách thầy Đuy-sen:**  Thầy có mục đích sống cao đẹp, cương nghị, kiên nhẫn, nhân hậu, vị tha…  *=> Tình cảm yêu thương, hết lòng vì học trò.* | |
| **3. Nhân vật An-tư-nai** | | | |
| **Mục tiêu:** Giúp HS hiểu được hoàn cảnh, diễn biến tâm trạng khi thầy Đuy-sen và tình cảm dành cho thầy.  **Nội dung:**  **- GV:** Sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi  **- HS:** Thảo luận các câu hỏi theo yêu cầu của GV.  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| **Tổ chức thực hiên** | **Nội dung** | | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):  - Chia nhóm (lẻ, chẵn) bắt cặp với nhau.  - Chiếu câu hỏi cho các nhóm thảo luận.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  -**HS:** Đọc câu hỏi, thảo luận, đưa ra ý kiến cá nhân.  **- HS:** Chú ý thời gian GV đã yêu cầu, để hoàn thành câu hỏi.  B3: Báo cáo, thảo luận  - **GV** yêu cầu các nhóm báo cáo chéo sản phẩm.  - **HS** đại diện nhóm báo cáo kết quả.  B4: Kết luận, nhận định  **HS:** Các nhóm nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xétvề hình thức và nội dung các nhóm.  - Chốt kiến thức trên bảng và chuyển dẫn sang mục sau. | **3. Nhân vật An-tư-nai**  \* **Hoàn cảnh:**  - An-tư-nai là một đứa trẻ mồ côi.  - Cô sống với chú thím khắc nghiệt.  => Cuộc sống thiếu thốn cả vật chất và tình cảm; không được chăm sóc và yêu thương.  **\* Diễn biến tâm trạng khi gặp thầy Đuy-sen:**  - Ban đầu thấy xấu hổ, rụt rè.  - Sau thấy lòng ấm hẳn.  - Cuối cùng căm uất với những người đã nhạo báng thầy Đuy-sen.  **\* Tình cảm của An-tư-nai dành cho thầy:**  - An-tư-nai đã dành cho thầy Đuy-sen tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ và biết ơn vì tấm lòng nhân từ, những ý nghĩ tốt lành và những ước mơ của thầy về tương lai cô và những đứa trẻ.  - Cô ước thầy làanh ruột của mình, tình cảm thân thương như ruột thịt.  *=> Vì vậy, khi trở về thành phố An-tư-nai đã khẩn khoản người họa sĩ kể về thầy Đuy-sen.* | | |
| **4. Ý tưởng của người họa sĩ cho bức tranh vẽ thầy Đuy-sen** | | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS hiểu được ý tưởng của người họa sĩ khi vẽ bức tranh về thầy Đuy-sen  **Nội dung:**  **- GV:** Yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để trả lời các câu hỏi  **- HS:** Đọc lại phần cuối văn bản và trả lời các câu hỏi của GV.  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):  ? GV yêu cầu học sinh đọc phần cần chuẩn bị?  ? Học sinh thực hiện yêu cầu trong PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Những ý tưởng của người họa sĩ.  ? Hoàn thiện các yêu cầu trong phiếu PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Em ủng hộ ý tưởng nào? Vì sao?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  **GV**:  - Phát phiếu học tập số 1, 2  - Cử 1 học sinh chỉ huy điều khiển hoạt động nhóm  - Phát hiện các khó khăn học sinh gặp phải và giúp đỡ HS.  B3: Báo cáo, thảo luận  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện nhóm trình bày sản phẩm. Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  B4: Kết luận, nhận định  **HS:** Các nhóm nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức trên bảng và chuyển dẫn sang mục sau. | | **4. Ý tưởng của người họa sĩ cho bức tranh về thầy Đuy-sen**  **- Ý tưởng:**  + Vẽ hai cây phong thầy Đuy-sen và An-tư-nai trồng, cùng đứa trẻ với đôi mắt hân hoan nhìn vào cõi xa xăm kì ảo  + Vẽ cảnh tượng thầy Đuy-sen bế trẻ em qua con suối mùa đông  + Vẽ khoảnh khắc thầy Đuy-sen tiễn An-tư-nai lên tỉnh, sao cho bức tranh ấy diễn tả được tiếng gội cất lên từ tâm hồn Đuy-sen mà đến nay An-tư-nai vẫn còn nghe vẳng lại, sẽ vang dội mãi trong lòng mỗi người  - Em ủng hộ ý tưởng vẽ người thầy giáo tiễn An-tư-nai lên tỉnh vì nó thể hiện được mong muốn của người họa sĩ sao cho bức tranh ấy giống như tiếng gọi của thầy Đuy-sen mà cho đến nay vẫn còn vẳng lại, vang dội trong lòng mỗi người. | |
| **III. TỔNG KẾT** | | | |
| **Mục tiêu**: Nắm vững nội dung và nghệ thuật viết kí sự đặc sắc của tác phẩm  **Nội dung:** HS vận dụng sgk, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung** | |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):  + Giá trị nổi bật của đoạn trích là gì? Giá trị ấy thể hiện ở những khía canh nào?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  + HS tiếp nhận, suy nghĩ câu trả lời  + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.  B3: Báo cáo, thảo luận  + Đại diện HS trả lời câu hỏi  + HS khác đánh giá, bổ sung  B4: Kết luận, nhận định  + GV nhận xét, đánh giá và bổ sung kiến thức, chuẩn kiến thức -> Ghi lên bảng. | | **III. Tổng kết**  **- Nghệ thuật:**  + Sử dụng ngôi kể thứ nhất. Có sự thay đổi người kể giữa các phần, để nổi bật hình ảnh thầy Đuy-sen và tình cảm An-tư-nai.  + Lối viết hấp dẫn, thú vị.  + Khắc họa nhân vật giản dị, gần gũi. Được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ, tính cách.  **- Nội dung:**  + Tác phẩm cho người đọc cảm nhận được niềm tin vào cuộc sống, đó là câu chuyện không chỉ của người thầy mà còn của người cha có tấm lòng cao cả.  + Người thầy đầu tiên đã thành công khắc học nên một câu chuyện tuyệt đẹp về tình thầy trog cũng như phản ánh được chế độ phong kiến lạc hậu với những quan niệm sai trái, không kém phần nặng nề. | |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**

**Câu 1-D; Câu 2- C; Câu 3-D; Câu 4- D; Câu 5 - D**

**Câu 1**: Văn bản “Người thầy đầu tiên” là của tác giả nào?

A. Xéc-van-téc

B. An- đéc- xen

C. O-hen-ri

D. Ai- tơ- ma- tốp

**Câu 2.** Nhà văn Ai – tơ - ma – tốp là người nước nào?

A. Nga

B. Bồ Đào Nha

C. Cư – rơ – gư - xtan

D. Phần Lan

**Câu 3.** Trong văn bản “Người thầy đầu tiên”, thầy Đuy-sen có những hành động nào qua lời kể của An-tư-nai:

A. Một mình sửa sang nhà kho cũ thành lớp học.

B. Bế các em nhỏ qua suối giữa mùa đông buốt giá.

C. Kiên trì dạy chữ cho các em bất chấp hoàn cảnh thiếu thốn, khắc nghiệt, khắc nghiệt, sự đơn độc; mơ ước về một tương lai tươi sáng cho học trò.

D. Cả ba đáp án trên.

**Câu 4.** Trong truyện “Người thầy đầu tiên”, người họa sĩ đã có những ý tưởng nào khi vẽ về thầy Đuy-sen:

A. Vẽ hai cây phong của Đuy-sen và An-tư-nai, hoặc vẽ một đứa bé đi chân không, da rám nắng.

B. Vẽ lúc Đuy-sen bế trẻ con qua suối trên những con ngựa nô nê hung dữ, những con người đần độn chế giễu ông, hoặc vẽ người thầy giáo tiễn An-tư-nai lên tỉnh.

C. Vẽ thầy lúc dạy học những đứa trẻ bên hai cây phong.

D. Đáp án A, B

**Câu 5.** Nội dung chính văn bản “Người thầy đầu tiên” là:

A. Nói về tình mẫu tử

B. Nói về tình bạn

C. Nói về tình cảm gia đình.

D. Nói về tình thầy trò.

**d) Tổ chứcthực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Giáo viên giao bài tập cho HS

B2: Thực hiện nhiệm vụ

**GV:**Chiếu bài tập

**HS:**Đọc yêu cầu của bài và lựa chọn đáp án

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS lựa chọn đáp án.

- HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định

GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng.

**4. HĐ 4: Vận dụng viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:**GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:**Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chứcthực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ(GV)**

Em hãy viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) kể lại nội dung của phần (1) hoặc phần (4) văn bản Người thầy đầu tiên bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV**gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản.

**HS:**

**-** Đọc lại văn bản, đặc biệt trọng tâm phần (1) và phần (4).

- Chú ý xác định ngôi kể trong đoạn văn.

- Viết đoạn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên messenger.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống công nghệ thông tin mà GV đã hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS

- Chấm, chữa bài viết cho HS

- Bài viết nào chưa đạt yêu cầu, cần viết lại lần 2.

\****Dặn dò: HS về nhà soạn trước phần thực hành tiếng Việt (Phó từ), sgk trang 72***

***……………………………………………………***

**Ngày dạy:**

**BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG**

**Tiết 32: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

**PHÓ TỪ**

**I. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1.Giáo viên:**

- Giáo án; SGK, SGV.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

**2. Học sinh:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NHẬN BIẾT PHÓ TỪ**

**a. Mục tiêu:** nhận biết phó từ, các nhóm phó từ

**b. Nội dung:** hs phân tích ví dụ rồi rút ra kết luận

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Hoạt động 1: Hình thành kiến thức mới**  **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ**  **Đọc các VD sau và trả lời câu hỏi vào phiếu học tập.**  1. **Những** bức tranh ấy đẹp lắm.  2. **Hãy** nhìn tôi đây.  3. Em thông minh **lắm**.  - Tìm các từ bổ sung ý nghĩa cho từ in đậm trong câu trên:  **- Những từ được bổ sung ý nghĩa cho thuộc từ loại nào và cho biết chúng bổ sung ý nghĩa gì?**  **PHIẾU HỌC TẬP**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Từ in đậm** | **Từ được bổ sung nghĩa** | **Thuộc từ loại** | **Bổ sung ý nghĩa** | |  |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |   **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát hỗ trợ  - HS thảo luận nhóm hoàn thiện phiếu họctập  **B3. Báo cáo thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả  - Nhóm khác theo dõi, NX  **B4. Kết luận, nhận định**  - Hs nhận xét, đánh giá  -GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức.  **Hoạt động 2: Luyện tập**  **a. Mục tiêu:** vận dụng lí thuyết đã học để hoàn thiện các bài tập trong SGK  **b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân hoàn thiện bài 1,2,4. Hoạt động nhóm hoàn thiện bài 3 trong SGK  **c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS vào vở BT  **d. Tổ chức thực hiện**  **B1: GV chuyển giao nhiệm vụ**  Đọc và làm các bài tập trong SGK  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát hỗ trợ  - HS làm việc cá nhân hoàn thiện bài 1,2,4. Hoạt động nhóm hoàn thiện bài 3 trong SGK  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày kết quả  - HS khác theo dõi, NX  **B4. Kết luận, nhận định**  - Hs nhận xét, đánh giá  -GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức.  **Bài 1 SGK tr 72**  **c.**Tuy chúng tôi còn bé, nhưng tôi nghĩ rằng lúc đó chúng tôi đều đã hiểu được những điều ấy.  **Bài 2 SGK tr 72**  **c**. Chúng tôi cũng đứng dậy cõng những bao ki-giăc lên lưng và rảo bước về làng.  **d.** An-tư-nai, cái tên hay quá. Mà em thì chắc là ngoan lắm phải không?  **Bài 3: Trong phần kết của văn bản “Người thầy đầu tiên”, phó từ “hãy” được lặp lại nhiều lần cho biết tác dụng của việc lặp lại phó từ này?**  **Bài 4: Viết 1 đoạn văn (5-7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật thầy Đuy – Sen hoặc An – Tư – Nai trong VB “ Người thầy đầu tiên”, trong đoạn có sử dụng ít nhất 3 phó từ .** | **I. Nhận biết phó từ**  **a. Ví dụ:**  **VD 1.**  . những -> bức tranh  (những: bổ sung ý nghĩa về số lượng).  **VD 2.**  . hãy -> nhìn  (hãy: bổ sung ý nghĩa về ý cầu khiến)  Lắm-> thông minh (bổ sung ý nghĩa mức độ)  **b. Kết luận:**  Phó từ là những từ đi kèm danh từ, động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa về số lượng, đặc điểm, hoạt động, trạng thái của chúng.  **c. Phân loại**: 2 nhóm:  - **Phó từ đi kèm danh từ:** Phó từ làm thành tố phụ trước cho danh từ và bổ sung ý nghĩa về số lượng của sự vật. Đó là các từ: những, các, mọi, mỗi, từng  VD: Những bức vẽ ấy nhiều lắm  (những -> bức vẽ: bổ sung ý chỉ số lượng)  - **Phó từ đi kèm động từ, tính từ**: Phó từ làm thành tố phụ trước hoặc sau cho động từ, tính từ, bổ sung ý nghĩa liên quan đến hoạt động, trạng thái, đặc điểm nêu ở động từ hoặc tính từ (qh thời gian, sự tiếp diễn tương tự, sự phủ định, sự cầu khiến, mức độ, kết quả...)  VD: Hãy **nhìn** tôi đây!  ( hãy -> nhìn: bổ sung ý chỉ sự cầu khiến)  **II**. **Luyện tập**  **Bài 1 SGK tr 72**  a. mọi -> người  b. những ->lúc ấy  c. những -> điều ấy  ( những: bổ sung ý về số lượng)  **Bài 2 SGK tr 72**  a. không -> nghĩ => chỉ sự phủ định  b. lắm -> hay => chỉ mức độ  sẽ -> học tập => chỉ thời gian  c. cũng -> đứng dậy  (cũng: chỉ sự tiếp diễn)  d. quá -> hay  (quá: chỉ mức độ)  Lắm -> ngoan  (lắm: chỉ mức độ)  **Bài 3:**  Phó từ “hãy” lặp lại 6 lần.  Phó từ “ hãy” đứng trước ĐT, TT có ý nghĩa mệnh lệnh, cầu khiến, thuyết phục, động viên làm việc gì đó. Đoạn văn nói đến những suy tư, trăn trở của người kể chuyện . Câu chuyện xúc động về người thầy đầu tiên – thầy Đuy Sen đã thôi thúc người kể chuyện muốn đc sáng tác, muốn được vẽ lại một chi tiết trong câu chuyện hay về chân dung người thầy đặc biệt này để tỏ lòng biết ơn, yêu mến, kính trọng.  **Bài 4: Hướng dẫn:**  - Chọn nhân vật em định viết  -Viết nháp 1 vài từ mô tả đặc điểm nổi bật của nhân vật  -Tìm một vài từ nêu cảm nhận, suy nghĩ của em về nhân vật.  - Chú ý sử dụng ít nhất 3 phó từ, gạch chân các phó từ em đã sử dụng. |

**HĐ LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS tìm phó từ và ý nghĩa mà phó từ bổ sung

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: GV giao nhiệm vụ:** Tìm các phó từ và cho biết phó từ bổ sung ý nghĩa gì cho DT, ĐT, TT?  *a. Chúng tôi đều rất quý và thương thầy.*  *b. Mọi người đi lướt qua, chẳng ai để ý tới bức tranh của thầy.*  *c. Các em ạ…bức tranh ở triển lãm của tôi…cũng được một số người thích…*  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**  HS làm việc cá nhân vào vở BT  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  **-** HS đánh giá, nhận xét, bổ sung  - GV kết luận, chốt kiến thức | **a. đều rất ->quý và thương => chỉ mức độ**  **b. mọi ->người => chỉ số lượng**  **chẳng -> ai => chỉ sự phủ định**  **c. cũng -> được => chỉ sự tiếp diễn** |

**HĐ VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS tìm phó từ và ý nghĩa mà phó từ bổ sung trong một đoạn văn mà em thích

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS vào vở BT

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: GV giao nhiệm vụ:** Tìm các phó từ và cho biết phó từ bổ sung ý nghĩa gì cho DT, ĐT, TT trong một đoạn văn mà em thích?

**B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc cá nhân vào vở BT

**B3: Báo cáo thảo luận**

HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét bổ sung

**B4: Kết luận, nhận định**

**-** HS đánh giá, nhận xét, bổ sung

- GV kết luận, chốt kiến thức

……………………………………………

**Ngày dạy:**

|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG**  **tiết 33: ĐỌC Văn Bản 3: QUÊ HƯƠNG**  *- Tế Hanh-* |  |

**I. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- Bảng phụ và phiếu học tập

- Các hình ảnh, video liên quan (nếu có).

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: - Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về tình yêu quê hương của mỗi người khi xa quê.

**b. Nội dung:**

HS nghe nhạc, chia sẻ cá nhân để giải quyết một tình huống có liên quan đến bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, chia sẻ tình cảm của mình đối với QH

**d. Tổ chức hoạt động :**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** (PP vấn đáp, quan sát, lắng nghe)

* GV định hướng cho HS:
* *Chia sẻ cảm xúc khi nghe giai điệu bài hát*
* *Khi xa quê hương em nhớ những gì ?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:

- HS lắng nghe, xem, suy nghĩ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

- HS chia sẻ cá nhân.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận:**

* GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

**🡺GV dẫn vào bài:** Tình yêu quê hương là một tình cảm cao đẹp và phổ biến trong mỗi người. Xa quê, ai cũng nhớ quê. Nhớ những gì thân thuộc,gần gũi ,gắn bó .....Nhà thơ Tế Hanh đã thể hiện tình cảm sâu đậm với quê hương mình qua bài thơ “Quê hương”, cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: Tìm hiểu chung về tác giả Tế Hanh và VB Quê hương

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả và tác phẩm như: đề tài, ngôi kể, cốt truyện, bố cục…

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **I. Tìm hiểu chung** | |
| **NV1: Tìm hiểu về tác giả Tế Hanh**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  Trình bày dự án tìm hiểu về tác giả Tế Hanh ( Đã đưa lên trang Padlet)  **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS báo cáo kết quả  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày  -HS khác nhận xét bổ sung  **Bước 4:** **Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục 2. | **1. Tác giả:**  - Tế Hanh (1921- 2009) quê ở Quảng Ngãi.  - Ông đến với phong trào Thơ mới khi phong trào này đã có rất nhiều thành tựu.  - Tình yêu quê hương tha thiết là đặc điểm nổi bật của thơ Tế Hanh. |
| **NV2: Tìm hiểu chung về Tác phẩm**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  **\*Báo cáo kết quả tìm hiểu về tác phẩm**  (**Bài thơ Quê hương**)  **\*GV yêu cầu HS báo cáo kết quả theo sơ đồ tư duy**  *.***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  -GV chọn 1 kết quả bất kỳ trên trang Padlet  2. HS được chọn trình bày  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS được chỉ định trình bày  -HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau: Khám phá chi tiết văn bản | **2. Tác phẩm:**    **\* Xuất xứ :**  **\*Thể loại:** Thơ  **\* Thể thơ** : 8 chữ  **\*PTBĐ : biểu cảm**  **\*Bố cục:**  2 câu đầu: Giới thiệu về quê hương.  6 câu tiếp: Cảnh thuyền ra khơi đánh cá.  8 câu tiếp: Cảnh thuyền đánh cá trở về.  4 câu tiếp: Cảm xúc đối với quê hương**.** |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản**

**2.1 Giới thiệu về làng quê**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết về vị trí nghề nghiệp làng quê của tác giả

**b.** **Nội dung**: KT đặt câu hỏi, HS làm việc các nhân

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - GV yêu cầu HS quan sát 2 câu thơ đầu, lần lượt thực hiện các yêu cầu sau:  ? Tác giả giới thiệu về làng quê của mình như thế nào?  ? Nhận xét về cách giới thiệu đó?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS làm việc cá nhân, nghe câu hỏi, theo dõi văn bản và thực hiện yêu cầu.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**  - GV nhận xét, bình và chuyển sang mục khác. | 1. **1. Giới thiệu về làng quê.**   -Nghề nghiệp truyền thống: vốn nghề chài lưới  - Vị trí: bao bọc bởi sông nước di chuyển bằng thuyền.   * Cách giới thiệu tự nhiên, mộc mạc giản dị => thể hiện tình yêu quê hương của tác giả. |
| **Thao tác 2: Tìm hiểu cảnh đoàn thuyền ra khơi Và cảnh đoàn thuyền trở về.**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**Báo cáo kết quả PHT đã giao trên trang Padlet **Phiếu HT số 01**:  **Phiếu HT số 02:**  **Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.**  -Cử hai nhóm đại diện trình bày.  -Các nhóm khác theo dõi phần trình bày và nhận xét bổ sung  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  **-** Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.  -Các nhóm khác nhận xét góp ý  **Bước 4: Đánh giá, kết luận:**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của các nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.  - Bình và chốt nội dung | **2. Tìm hiểu cảnh đoàn thuyền ra khơi và cảnh đoàn thuyền trở về.**  **a. Cảnh đoàn thuyền ra khơi**  **PHIẾU HỌC TẬP số 01**:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **ĐTMT** | **Từ ngữ,chi tiết,hình ảnh** | **Cách sửdụng từ ngữ vàBPTT** | **Tácdụng** | **Tích** | | **Hoàn cảnh** |  |  |  |  | | **Con người** |  |  |  |  | | **Con thuyền** |  |  |  |  | | **Cánh buồm** |  |  |  |  | | **Nhận xét về cảnh đoàn thuyền ra khơi** | | | |  |   - Hoàn cảnh: Trờitrong, gió nhẹ, sớm mai =>Tính từ, liệt kê => Điều kiện thuận lợi  -Con người: Trai tráng, bơi thuyền => Người lao động mang vẻ đẹp khoẻ khoắn, vạm vỡ.  -Con thuyền: Hăng, phăng như con tuấn mã  - Hình ảnh so sánh kết hợp với các động từ mạnh, tính từ.  -> Con thuyền mang khí thế dũng mãnh khi ra khơi => vẻ đẹp hùng tráng.  Cánh buồm: giương, to  - NT so sánh, ẩn dụ  -> Cánh buồm trở nên lớn lao, thiêng liêng và thơ mộng. Đó chính là biểu t­ượng của làng quê, hồn người.  => Bức tranh thiên nhiên tươi sáng, hùng vĩ, cuộc sống lao động của con người vui vẻ, hào hứng, rộn ràng,khẩn trương, Một vẻ đẹp vừa thân quen, gần gũi, hoành tráng và thơ mộng biết bao.  **b. Cảnh đoàn thuyền trở về.**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **ĐT**  **MT** | **Từ ngữ,chi tiết,hình ảnh** | **Cách sử dụng từ ngữ và BPTT** | **Tác dụng** | **Tích** | | **Khung cảnh làng chài** |  |  |  |  | | **Con người** |  |  |  |  | | **Con thuyền** |  |  |  |  | | **Nhận xét bức tranh làng chài** | | | |  |   -Thời gian: Ngày hôm sau  - Cảnh đón thuyền về: ồn ào, tấp nập=> Không khí vui vẻ, rộn ràng, mãn nguyện  -Dân trai tráng : Làn da ngăm rám nắng ...  **=>** Hình ảnh người dân chài: khoẻ mạnh, rắn rỏi, vẻ đẹp lãng mạn phi thường.  -Con thuyền : im,bến mỏi, trở về nằm,nghe  NT nhân hóa, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.  -> Hình ảnh con thuyền là một phần sự sống làng chài  => Bức tranh làng chài tràn đầy niềm vui ấp áp ,gợi ra một cuộc sống bình yên. |

**3. Nỗi nhớ quê hương**

**a. Mục tiêu**: Học sinh cảm nhận được tình cảm tha thiết của tác giả đối với quê hương

**b. Nội dung**: HS thảo luận cặp đôi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
|  | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  ***-Thảo luận cặp đôi***  - GV yêu cầu HS quan sát 4 câu thơ cuối, lần lượt thực hiện các yêu cầu sau:  Tình cảm của nhà thơ với quê hương được thể hiện trong hoàn cảnh nào? Nỗi nhớ đó có điều gì đặc biệt?  ? Tại sao nhớ về quê hương tác giả lại nhớ tới những hình ảnh đó?  ? Nhận xét cách diễn đạt  ? Tình cảm của tác giả trong đoạn thơ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS làm việc cặp đôi, nghe câu hỏi, theo dõi văn bản và thực hiện yêu cầu.   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi HS trả lời. HS khác nhận xét bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**  - GV nhận xét, bình và kết luận | 1. **3. Nỗi nhớ quê hương của tác giả.**   Hoàn cảnh xa cách: Luôn tưởng nhớ.   * Da diết, thườngtrực, khôn nguôi   Nhớ: -Màu nước xanh   * Cá bạc * Chiếc buồm vôi * Hình ảnh con thuyền * Mùi nồng mặn của nước biển   => Những hình ảnh đó chính là hương vị riêng của làng chài, nơi tác giả đã từng gắn bó cả tuổi ấu thơ của mình  => Sử dụng những câu cảm thán, phép liệt kê.  => Tác giả là người rất yêu quê gắn bó sâu nặng với quê hương***.*** |

**Hoạt động 2.3: Hướng dẫn HS tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của đoạn trích.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng kĩ thuật viết 01 phút để yêu cầu HS hoạt động cá nhân, để hoàn thành PHT  tóm tắt những đặc sắc về nghệ thuật và nội dung  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày các nội dung tổng kết. HS khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**   * GV nhận xét, đánh giá, biểu dương, chuẩn kiến thức bài học. | **1. Nghệ thuật**  Ngôn ngữ bình dị mà gợi cảm, giọng thơ khỏe khoắn hào hùng  - Hình ảnh thơ phong phú, giàu ý nghĩa  - Nhiềuphép tu từ được sử dụng đạt hiệu quả nghệ thuật  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  Bài thơ đã vẽ ra một bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê miền biển. Trong đó nổi bật lên hình ảnh khỏe khoắn, đầy sức sống của người dân chài và cảnh sinh hoạt lao động chài lưới. Qua đó cho thấy thấy tình cảm quê hương trong sáng, tha thiết của nhà thơ |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Giúp học sinh vận dụng những kiến thức đã học về văn bản để làm bài tập.

**b. Nội dung**: HS cảm nhận và chia sẽ cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Ý kiến của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV sử dụng kĩ thuật viết  Qua bài thơ giúp em hiểu thêm gì về nhà thơ Tế Hanh?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 01 phút. * GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày chia sẽ HS khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận (GV):**   * GV nhận xét, đánh giá, và bình về tác giả Tế Hanh (là nhà thơ quê hương, bình thêm về hai câu đầu phụ đề ở đầu bài thơ) | - Tinh tế trong cảm thụ cuộc sống quê.  - Nồng hậu thuỷ chung với quê hương |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế, kết nối chi tiết trong VB với cảm xúc, tưởng tượng của bản thân.

**b. Nội dung**: [GV sử dụng kỹ thuật “Viết tích cực”](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CVi%E1%BA%BFt_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c%E2%80%9D), kĩ thuật công não; HS làm việc cá nhân, tự chọn một chi tiết trong VB làm đề tài, đưa ra suy nghĩ cảm nhận của bản thân trong hoạt động viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết đoạn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

**\*Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) Trình bày tỏ tình cảm đối với quê hương của mình .**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

**-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm, chỉnh sửa đoạn văn.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

**-** GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá, rút kinh nghiệm, đọc đoạn văn tham khảo:

**Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 7 – 10 câu. (MĐ-TĐ-KĐ) |  |  |
| **2** | Đoạn văn đúng chủ đề:  - Yêu quê hương, gắn bó với quê hương.  - Học tập chăm chỉ để mai này giúp ích cho quê hương. |  |  |
| **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  |  |
| **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  |  |

GV nhận xét và cho điểm HS.

**Ngày dạy:**

**BÀI 3: CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG**

**Tiết 34, 35, 36, 37: VIẾT:**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên :**

- Giáo án; SGK, SGV, máy chiếu.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Học sinh:**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**:

- Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- Học sinh khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**: HS quan sát tranh và nhớ một số kiến thức đã học.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  +Trong bài học 3 với chủ đề “*Cội nguồn yêu thương*” các em đã được học những văn bản nào?  *HS: Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, Người thầy đầu tiên, Quê hương*  + Nhìn vào bức tranh em hãy kể tên các nhân vật trong văn bản?   |  |  | | --- | --- | | C:\Users\Administrator\Videos\download (3).jpg | C:\Users\Administrator\Desktop\download.jpg |   HS trả lời: nv “tôi” trong vb “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, thầy Đuy-Sen trong VB “người thầy đầu tiên”  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.  **-** Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**   * HS đánh giá * GV nhận xét, dẫn dắt vào bài   Mỗi nhân vật trong tác phẩm văn học là 1 thế giới riêng với những đặc điểm hình dáng, tính tình khác nhau. Mỗi nhân vật cũng gợi ra cho chúng ta nhiều liên tưởng thú vị. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta hình dung kĩ hơn về các nhân vật đó. Tiết ...: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học |  |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu**:

- Nắm được yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- Phân tích bài viết tham khảo.

- Biết viết bài văn hoàn chỉnh

**b. Nội dung**: HS quan sát SGK, hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm hoàn thiện phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc thầm phần đầu trang 75/SGK và trả lời câu hỏi:  *? Bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học cần phải đáp ứng được yêu cầu gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **1. Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.**  + Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.  + Chỉ ra được đặc điểm nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.  + Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.  + Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật. |

**Hoạt động: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

a. Mục tiêu: Nắm được các đặc điểm của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: câu trả lời trong phiếu học tập

c. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài viết tham khảo SGK “Con mèo tuyệt nhất thế giới”  - GV giao nhiệm vụ thảo luận nhóm:  + Nhóm 1. Thảo luận câu hỏi sau: Phần nào, câu nào của bài viết giới thiệu nhân vật trong tác phẩm văn học?  + Nhóm 2. Quan sát đoạn 2,3 chỉ ra các câu nêu đặc điểm của nhân vật? Các câu nêu bằng chứng trong tác phẩm?  + Nhóm 3. Quan sát đoạn 4,5 chỉ ra các câu nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn?  + Nhóm 4. Tìm câu văn nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận theo nhóm và trả lời từng câu hỏi  + Dự kiến sản phẩm:  \*Nhóm 1. Phần mở đầu của bài viết giới thiệu nhân vật trong tác phẩm văn học  Câu văn giới thiệu nhân vật trong tác phẩm văn học: “Con mèo ấy tên là Gióc-ba…..; …. Gióc-ba luôn là nhân vật đáng yêu và thú vị nhất.”  \* Nhóm 2. Các câu nêu bằng chứng về đặc điểm của nhân vật: Con mèo mun to đùng, mập ú; đen từ đầu đến chân, trừ một túm lông trắng dưới cằm… ->dáng vẻ bề ngoài rất khác biệt; bộ lông đen óng như than; một chú mèo lười, béo ú, xấu xí….;  \* Nhóm 3. Nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ….; nhân hóa tài tình….; sáng tạo nhiều chi tiết có giá trị; lối kể chuyện giàu cảm xúc, hài hước….; mượn tiếng chim lời thú để gửi gắm bài học cho con người…  \* Nhóm 4. Câu văn nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật: Chú méo mun mang lại cho thiên truyện vẻ đẹp hồn nhiên….là con mèo tuyệt vời nhất thế giới.  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức....  \*Nhắc nhở: Xem lại các kiến thức vừa học; Đọc trước phần thực hành viết bài để lựa chọn nhân vật sẽ viết cho tiết học tiếp theo. | **2. Phân tích bài viết tham khảo** |

**Hoạt động: Thực hành viết theo các bước**

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết bài văn

b. Nội dung: biết viết bài văn theo các ý

c. Sản phẩm: bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| \*Trước khi viết:  Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài và đối tượng người đọc bài viết hướng tới.  - Hướng dẫn HS lựa chọn nhân vật.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau:  Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học (Chẳng hạn: thầy Đuy sen trong VB *Người thầy đầu tiên* ....)  PHIẾU TÌM Ý   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Cách miêu tả nhân vật* | *Chi tiết trong tác phẩm* | *Suy luận của em về nhân vật* | | Ngoại hình |  |  | | Hành động |  |  | | Ngôn ngữ |  |  | | Nội tâm |  |  | | Mối quan hệ với các nhân vật khác |  |  | | Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật |  |  |   - GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý SGK  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  \*Viết bài  - GV yêu cầu HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập, đọc những lưu ý khi viết bài trong SGK  - HS viết bài tại lớp  \*TRẢ BÀI  Mục tiêu: Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  Nội dung:  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  Tổ chức thực hiện  B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  - GV cho HS nhắc lại yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học và một vài lưu ý khi viết kiểu bài này.  - GV trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, chỉnh sửa bài viêt theo hướng dẫn SGK  B2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS làm viện theo nhóm  B3: Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  B4: Kết luận, nhận định (GV)  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, phân tích một số điểm tích cực và hạn chế trong bài làm để HS rút kinh nghiệm.  \* Nhắc nhở: HS chuẩn bị nội dung bài nói cho tiết nói và nghe. | **3.Thực hành viết theo các bước**  3.1 Trước khi viết  - Lựa chọn nhân vật  - Tìm ý  - Lập dàn ý  3.2 Viết bài  3.3 Chỉnh sửa bài viết  -Bài viết đã được sửa của HS |

**CHỈNH SỬA BÀI VIẾT THEO GỢI Ý SAU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học | Nếu chưa giới thiệu được nhân vật, hãy viết một vài câu giới thiệu nhân vật em sẽ phân tích |
| Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm | Gạch dưới những nhận xét, đánh giá của em về nhân vật. Nếu chưa đầy đủ cần bổ sung  Vẽ đường lượn dưới các bằng chứng được trích dẫn từ tác phẩm. Nếu chưa có hoặc chưa thuyết phục thì cần bổ sung |
| Nhận xét, đánh giá được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn | Đánh dấu những câu văn nhận xét, đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì cần viết thêm |
| Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật | Đánh dấu câu văn nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật. Nếu chưa có, hãy viết một vài câu nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật |
| Đảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt | Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu, liên kết câu, liên kết đoạn…). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi. |

**………………………………………..**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 38: ÔN TẬP GIỮA KÌ I**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

- Ôn lại kiến thức trọng tâm bài 1, 2

- Sử dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt: dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu, Các biện pháp tu từ, nghĩa của từ.

- Thực hành : tóm tắt văn bản theo yêu cầu, trình bày ý kiến về một vấn đề của đời sống trên cơ sở tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

- HS biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm, kỹ năng được học trong bài 1: Bầu trời tuổi thơ ( với các văn bản Bầy chim chìa vôi, Đi lấy mật), bài 2: Khúc nhạc tâm hồn ( với các văn bản Đồng dao mùa xuân, Gặp lá cơm nếp) để giải quyết các nhiệm vụ học tập trong tiết ôn tập.

- Sử dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt: dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu, Các biện pháp tu từ, nghĩa của từ.

- Thực hành : tóm tắt văn bản theo yêu cầu, trình bày ý kiến về một vấn đề của đời sống trên cơ sở tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt: biết sử dụng hệ thống ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng cá nhân một cách tự tin trong từng bối cảnh và đối tượng; thể hiện được thái độ biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.

- Năng lực sáng tạo: -biết nói giảm nói tránh trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể

- Năng lực giải quyết vấn đề: thu thập và phân tích ngữ liệu, chọn phương án tối ưu và biện giải về sự chọn lựa.

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Tích cực đọc , học ,làm bài tập.

- Trách nhiệm: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ học được giao

- Trung thực: Tự giác và báo cáo trung thực việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân, đảm bảo mỗi sản phẩm học tập đều do bản thân hs thực hiện, không sao chép hay coppy bài bạn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

**2. Học sinh:**

- Soạn bài.

- Thực hiện nhiệm vụ mà GV giao cho.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

*a) Mục tiêu:* Tạo hứng thú, tâm thế cho học sinh chiếm lĩnh kiến thức

*b) Nội dung:* HS chơi trò Ai nhanh, ai đúng.

*c) Sản phẩm:* Phần trả lời của HS

*d) Tổ chức hoạt động:*

**GV chuyển giao nhiệm vụ***:*

*- Kể tên những văn bản đã học? Phần thực hành tiếng Việt đã học những đơn vị kiến thức nào? Phần viết có những nội dung nào?*

**HS thực hiện nhiệm vụ**

HS làm việc theo nhóm sau đó lên bảng thi viết

**Báo cáo sản phẩm**

**Nhận xét, KL**

*GV dẫn dắt vào bài*

**HOẠT ĐỘNG 2. ÔN TẬP**

**A, VĂN HỌC**

***a) Mục tiêu:***Rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức và hướng dẫn của GV để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

***b) Nội dung:*** HS trình bày được nội dung, nghệ thuật tiêu biểu và những điều được rút ra từ tác phẩm của các văn bản đã học.

***c) Sản phẩm:***  Các sản phảm của HS

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **A. VĂN BẢN** | |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | *-* GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS hoạt động nhóm  Nêu những nét tiêu biểu về nội dung, nghệ thuật của các văn bản đã học (GV giao nhiệm vụ từ tiết học trước để HS chuẩn bị)  + Nhóm 1: Văn bản Bầy chim chìa vôi  + Nhóm 2: Văn bản Đi lấy mật  + Nhóm 3: Văn bản Đồng dao mùa xuân  + Nhóm 4: Văn bản Gặp lá cơm nếp |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - Nhóm trưởng điều hành  + Phân chia công việc.  + Hoàn thành sản phẩm: Trên giấy A0/ PP  + Tập luyện thuyết trình.  - GV đôn đốc hỗ trợ các nhóm khi thực hiện  - Các nhóm hoàn thiện sản phẩm. |
| **Báo cáo thảo luận** | - Nhóm cử đại diện thuyết trình sản phẩm.  - Nhóm khác chú ý lắng nghe ghi lại điều thắc mắc và nhận xét bài thuyết trình của nhóm trình bày  - GV nghe HS trình bày.  - Dự kiến đáp án:  **1. Văn bản: Bầy chim chìa vôi**  **\*. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ đối thoại.  - Miêu tả tâm lí nhân vật.  **\*. Nội dung**  - Kể về cuộc cất cánh của bầy chim chìa vôi non qua điểm nhìn của hai cậu bé Mên và Mon.  - Qua đó ca ngợi trái tim ngây thơ, tràn đầy tình yêu thương, nhân hậu của trẻ nhỏ.  **\*. Những điều rút ra từ tác phẩm**  - Đề tài gần gũi với cuộc sống của trẻ thơ ở chốn quê thanh bình.  - Ngôn ngữ đối thoại mộc mạc, gần gũi, tự nhiên.  - Ngôn ngữ kể tự nhiên.  - Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để kể/tả.  **2. Văn bản: Đi lấy mật**  **\*. Nghệ thuật**  -Kể chuyện theo ngôi thứ nhất  -Cách miêu tả tinh tế, sinh động.  **\*. Nội dung**  - Vẻ đẹp phong phú, hoang sơ, bí ẩn của rừng U Minh và tâm hồn trong sáng, tinh tế của nhân vật An  **\*. Những điều rút ra từ tác phẩm**  - Đề tài: Tuổi thơ của những đứa trẻ gắn bó với rừng U Minh ở vùng đất phương Nam  - Ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên.  - Lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để kể/tả.  **3. Văn bản: Đồng dao mùa xuân**  **\*. Nghệ thuật**  - Đặc điểm của thể thơ 4 chữ  - Yếu tố tự sự, miêu tả, hình ảnh thơ, biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh, điệp ngữ.  **\*. Nội dung:**  -Khắc họa những đặc điểm của người lính và sự dũng cảm hi sinh vì Tổ quốc khi tuổi đời còn rất trẻ  - Niềm tiếc thương, tự hào, cảm phục của tác giả về sự hi sinh của người lính.  - **\*. Những điều rút ra từ tác phẩm**  - Cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước, giáo dục lòng biết ơn những người góp phần làm nêuộc sống hôm nay và biết trân trọng những gì mà chúng ta đang có.  **4. Văn bản: Gặp lá cơm nếp**  **\* Nghệ thuật**  - Thể thơ năm chữ,ngắt nhịp linh hoạt, có sự kết hợp yếu tố tự sự miêu tả và biện pháp tu từ.  **\* Nội dung**  Tình cảm gia đình gắn liền với tình yêu quê hương đất nước  **\* Những điều rút ra từ tác phẩm**  Tình yêu quê hương đất nước được bắt nguồn từ chính tình cảm gia đình.  Tình yêu gia đình , tình yêu quê hương đất nước phải được cụ thể hóa bằng hành động cụ thể. |
| **Đánh giá kết quả** | - Học sinh nhận xét, bổ sung.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá |

**B. TIẾNG VIỆT**

***a) Mục tiêu:*** HS sử dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt đã học.

***b) Nội dung:*** dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu, Các biện pháp tu từ, nghĩa của từ.

***c) Sản phẩm:***  Các sản phẩm của HS

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | - Hs hoạt động cặp đôi, trả lời các câu hỏi: T/g 5 phút  H. Nêu tác dụng của việc mở rộng thành phần trạng ngữ, thành phần chính trong câu. Lấy ví dụ.  H. Nêu các cách nói giảm, nói tránh. Ví dụ. |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS thực hiện nhiệm vụ  *-* GV quan sát, hỗ trợ. |
| **Báo cáo thảo luận** | - HS trình bày  - GV nghe HS trả lời.  - Dự kiến sản phẩm  1. Mở rộng thành phần trạng ngữ bằng cụm từ có thể giúp câu cung cấp được nhiều thông tin cho người đọc, người nghe.  - VD  2. Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ, động từ, tính từ sẽ làm ý nghĩa của câu văn cụ thể hơn.  VD  3. Các cách nói giảm, nói tránh:  - Dùng các từ đồng nghĩa, gần nghĩa.  - Dùng cách nói phủ định tương đương về nghĩa kết hợp với từ trái nghĩa.  - Cách nói vòng, cách nói bóng gió.  - Hs lấy ví dụ. |
| **Đánh giá kết quả** | - Học sinh lắng nghe  - Giáo viên nhận xét, đánh giá |

**C. TẬP LÀM VĂN**

***a) Mục tiêu:*** HS Biết tóm tắt văn bản theo yêu cầu, trình bày ý kiến về một vấn đề của đời sống trên cơ sở tôn trọng các ý kiến khác biệt.

***b) Nội dung:*** Thực hành tóm tắt văn bản theo yêu cầu, trình bày ý kiến về một vấn đề của đời sống trên cơ sở tôn trọng các ý kiến khác biệt.

***c) Sản phẩm:***  Các sản phẩm của HS

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | GV tổ chức cho học sinh trình bày cá nhân tại chỗ  1. (HS Nhóm 1 + 2): Thực hành tóm tắt một văn bản đã học  2. (HS Nhóm 3 + 4): Trình bày ý kiến của em về lòng biết ơn. |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS chuẩn bị trước ở nhà  *-* GV quan sát, hỗ trợ. |
| **Báo cáo thảo luận** | - HS trình bày cá nhân.  - GV nghe HS trả lời.  - Dự kiến sản phẩm  1. Hs trình bày tóm tắt văn bản đã học.  2. Trình bày ý kiến của em về lòng biết ơn.  I. Mở bài:    Giới thiệu vấn đề cần bàn luận  II. Thân bài:  \* Giải thích thế nào là “lòng biết ơn”?  \* Biểu hiện của lòng biết ơn  - Luôn ghi nhớ công ơn của họ trong long   - Có những hành động thể hiện sự biết ơn   - Luôn mong muốn đền đáp công ơn của những người đã giúp đỡ mình   \* Tại sao phải có lòng biết ơn?   - Vì đó là nghĩa cử, truyền thống tốt đẹp của ông cha ta từ bao đời xưa.   - Lòng biết ơn là một tình cảm cao đẹp và thiêng liêng của mỗi con người.   - Mỗi công việc chúng ta thành công không phải tự nhiên mà có, dù lớn hay nhỏ cũng có sự giúp đỡ của ai đó, vậy nên ta cần phải có lòng biết ơn.   \* Mở rộng vấn đề   - Có một số người hiện nay không có lòng biết ơn.   VD: Ăn cháo đá bát, qua cầu rút ván, …   III. Kết bài:   - Nêu cảm nghĩ về lòng biết ơn   - Nêu những công việc và thể hiện lòng biết ơn. |
| **Đánh giá kết quả** | - Học sinh lắng nghe  - Giáo viên nhận xét, đánh giá |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

*a) Mục tiêu:* hS vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi

*b) Nội dung: Gv đưa ra đề yêu cầu học sinh làm vào vở*

*c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh

*d) Tổ chức hoạt động:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | **ĐỌC HIỂU**  ***Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:***  “Quê hương là vòng tay ấm  Con nằm ngủ giữa mưa đêm  Quê hương là đêm trăng tỏ  Hoa cau rụng trắng ngoài thềm.  ......  Quê hương mỗi người chỉ một  Như là chỉ một mẹ thôi  Quê hương nếu ai không nhớ  Sẽ không lớn nổi thành người người”  (Trích bài thơ *“Quê hương” -* Đỗ Trung Quân)  **Câu 1: (0.5 điểm)** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ?  **Câu 2: (0,5 điểm)** Xác định nội dung của đoạn thơ?  **Câu 3: (1,0 điểm)** Tìm và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ?  **Câu 4: (1.0 điểm)** Qua đoạn thơ tác giả muốn gửi tới người đọc thông điệp gì? |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS hoạt động cá nhân thực hiện yêu cầu.  *-* GV quan sát, hỗ trợ. |
| **Trình bày sản phẩm** | - HS trình bày cá nhân.  - GV nghe, quan sát HS trình bày (miệng hoặc trên bảng)  - Dự kiến sản phẩm:  **Đọc- hiểu:**  Câu 1.Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm.  Câu 2.Đoạn thơ đã thể hiện được tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết, sâu sắc của nhà thơ với quê hương yêu dấu.  Câu 3: Các biện pháp tu từ:  + Điệp ngữ “quê hương” được lặp lại 4 lần.  + So sánh: Quê hương là vòng tay ấm, là đêm trăng tỏ, như là chỉ một mẹ thôi.  - Tác dụng: nhấn mạnh tình yêu tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hương của tác giả. Đồng thời đã làm nổi bật hình ảnh quê hương thật bình dị, mộc mạc nhưng cũng thật ấm áp, gần gũi, thân thương, máu thịt, thắm thiết.  Câu 4:  - Trình bày thành một đoạn văn (từ 5-7 câu)  - Học sinh xác định thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân.  + Vai trò của quê hương.  + Giáo dục tình yêu quê hương. |
| **Đánh giá kết quả** | - HS đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét đánh giá. |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn tập các nội dung trên

- Chuẩn bị kiểm tra giữ kỳ I

……………………………………………………….

**Ngày dạy:**

**TIẾT 39, 40: KIỂM TRA GIỮA KÌ**

**(Kiểm tra theo kế hoạch và đề chung của trường)**

**I. MỤCTIÊU:**

**1. Kiến thức**

- Kiểm tra kiến thức thể loại của bài 1, 2

- Kiểm tra phần thực hành Tiếng việt đã học

- Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật

**2. Về năng lực:**

**\*Năng lực chung**

-Rèn ý thức tự giá, nghiêm túc làm bài cũng như kỹ năng làm bài tổng hợp, tự luận.

**-** Năng lực tự đánh giá, năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

**\*Năng lực đặc thù**

- Qua giờ kiểm tra hệ thống hoá được kiến thức đã học về các chủ đề: Bầu trời tuổi thơ, Khúc nhạc tâm hồn, Cội nguồn yêu thương

- Đánh giá được khả năng nhận thức, ghi nhớ, vận dụng bài học của mỗi học sinh.

**2. Về phẩm chất**: Giáo dục tính trung thực, sáng tạo

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Đề bài kiểm tra

- Ôn lại kiến thức về đặc trưng thể loại ,kiến thức tiếng Việt, văn nghị luận văn học

- Giấy kiểm tra

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ (Thơ 5 chữ) | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ (thơ năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ, phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ trong đoạn thơ.  - Nhận biệt được những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong đoạn thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của đoạn thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 3 TN | 5 TN | 2 TL |  |
| **2.** | **Viết** | Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | **Nhận biết:** Kiểu văn bản nghị luận văn học  **Thông hiểu:** Biết xác định đối tượng nghị luận  **Vận dụng:** Nắm được đặc điểm của nhân vật để phân tích  **Vận dụng cao:**  Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| **Tổng** | |  | | 3 TN | 5 TN | 2 TL | 1 TL |
| **Tỷ lệ %** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỷ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn thơ sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Chót trên cành cao vót Mấy quả sấu con con Như mấy chiếc khuy lục Trên áo trời xanh non.*  *Trời rộng lớn muôn trùng Đóng khung vào cửa sổ Làm mấy quả sấu tơ Càng nhỏ xinh hơn nữa.*  *Trái con chưa đủ nặng Để đeo oằn nhánh cong. Nhánh hãy giơ lên thẳng Trông ngây thơ lạ lùng.*  *Cứ như thế trên trời Giữa vô biên sáng*[*nắng*](https://ocuaso.com/tag/nang) *Mấy chú quả sấu non Giỡn cả cùng mây trắng...* |  |
|  | (Trích Quả sấu non trên cao – Xuân Diệu)) | |

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Đoạn thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Năm chữ

C. Bảy chữ

D. Tám chữ

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

A. Biểu cảm.

B. Miêu tả.

C. Nghị luận.

D. Tự sự.

**Câu 3:** Trong khổ thơ 2 có sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Nhân hóa

B. Ẩn dụ

C. So sánh

D. Hoán dụ.

**Câu 4:** Trong đoạn thơ, nhà thơ đã miêu tả những quả sấu non bằng những hình ảnh nào?

A. Những quả sấu non nhỏ xinh, ngây thơ.

B. Những quả sâu non nhí nhảnh.

C. Những quả sấu non như những chiếc khuy lục, nhỏ xinh, ngây thơ, đũa giỡn cùng mây trắng.

D. Những quả sâu non như chiếc khuy lục.

**Câu 5:** Tại sao tác giả lại cảm thấy những quả sấu tơ *“Càng nhỏ xinh hơn nữa*”?

A. Vì chúng ở trên cao.

B. Vì chúng là những quả sấu non.

C. Vì chúng chưa lớn.

D. Vì chúng là “*khuy lục”* của áo trời mà trời thì rộng lớn.

**Câu 6:** Em hiểu từ “Giỡn” trong câu thơ “*Giỡn cả cùng mây trắng*” có nghĩa là gì?

A. Vui

B. Đùa

C. Chơi

D. Nghịch

**Câu 7:** Khi gọi tên quả sấu bằng những tên khác nhau “*quả sấu con con*”, “*quả sấu tơ”*, “*trái con”, “mấy chú quả sấu con*” tác giả muốn thể hiện dụng ý gì?

A. Thể hiện những quả sấu còn non, nhỏ bé.

B. Thể hiện sự gần gũi.

C. Thể hiện sự vui đùa.

D. Thể hiện thân thiết.

**Câu 8:** Nhận xét nào sau đây nói đúng nhất nội dung của bài thơ trên?

A. Miêu tả quả sấu non.

B. Miêu tả quá trình phát triển của quả sấu.

C. Miêu tả sức sống kì diệu của quả sấu.

D. Miêu tả chân thực và sinh động hình ảnh chùm quả sấu non trên cao.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Viết đoạn văn từ 3 – 5 dòng trình bày cảm nhận của em về sự kì diệu của thiên nhiên.

**Câu 10:** Qua đoạn thơ, tác giả muốn nhắn nhủ tới người đọc điều gì?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Trong chương trình ngữ văn em đã được trải nghiệm rất nhiều cùng các nhân vật trong tác phẩm văn học. Trong số những nhân vật ấy em ấn tượng nhất với nhân vật nào nhất, hãy viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh có thể trình bày tự do, sáng tạo nhưng phải phù hợp với đoạn thơ và yêu cầu. (Thiên nhiên luôn ẩn chứa những điều kì diệu. Một bông hoa, một nhánh cỏ, một chồi non, một tiếng chim buổi sớm, đều có những vẻ đẹp, sự quyến rũ riêng, độc đáo bất ngờ, cần có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, tình yêu với thiên nhiên, tạo vật.), đủ dung lượng. | 1,0 |
|  | **10** | -HS nêu được lời nhắn nhủ mà tác giả muốn gửi tới người đọc:  *Qua hình ảnh quả sấu non, nhà thơ muốn giáo dục lòng yêu thiên nhiên say mê, khám phá những bí ẩn của tự nhiên xung quanh và lòng tự hào về cuộc sống dân tộc.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. | 0,25 |
|  | *c. Viết bài văn* phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.  - Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật  - Phân tích đặc điểm của nhân vật (chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm: ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, nội tâm…); NX, đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật; Nêu được ý nghĩa về hình tượng nhân vật  - Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |

**Ngày dạy:**

**BÀI 3: YÊU THƯƠNG CỘI NGUỒN**

**TIẾT 41: NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG**

**(ĐƯỢC GỢI RA TỪ MỘT NHÂN VẬT VĂN HỌC)**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Gv chuyển giao nhiệm vụ:*  ? Kể tên các tác phẩm văn học em đã đọc trong bài 3: *Yêu thương cội nguồn*?  ? Nhân vật nào trong các tác phẩm đó để lại ấn tượng nhất đối với em?  ? Bày tỏ ý kiến của em về nhân vật đó? (HS trình bày bằng 2, 3 ý kiến)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài:  *Nhân vật trong tác phẩm văn học rất phong phú, đa dạng (con người, loài vật, đồ vật, cây cối,…), nhưng đều được nhà văn sáng tạo nên để gửi gắm tình cảm và suy ngẫm về cuộc sống, qua đó tác động đến tình cảm, nhận thức của người đọc. Với em, vấn đề đời sống nào gợi ra từ một nhân vật văn học trong tác phẩm đã đọc được coi là gần gũi và thú vị nhất? Hãy trao đổi với các bạn ý kiến của em về vấn đề này.*  *Tiết học hôm nay, cô sẽ giúp các em rèn luyện kĩ năng này.* | Hs chia sẻ ý kiến:  - Các TPVH đã học:  1. *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*(Trích) Nguyễn Ngọc Thuần.  2. *Người thầy đầu tiên* (trích) Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tôp  3. *Quê hương,* Tế Hanh  - HS bày tỏ ý kiến riêng về nhân vật mà mình ấn tượng nhất,… |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trước khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **Nội dung** |
| * **Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị bài nói**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Xác định mục đích, người nghe, không gian và thời gian nói theo PHT số 1*  **PHT số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Yếu tố | Dự kiến của tôi | Cách thức trình bày phù hợp | | 1. Mục đích bài nói |  |  | | 2. Người nghe |  |  | | 3. Thời gian |  |  | | 4. Không gian |  |  |   + Lựa chọn đề tài theo gợi ý trong SGK. (khuyến khích HS có đề tài riêng).  + Sau khi HS có đề tài, yêu cầu HS thu thập tài liệu theo PHT số 2  **PHT số 2**   |  |  | | --- | --- | | **Tên đề tài: ................................** | | | **1. Vấn đề đời sống được gợi ra từ nhân vật đó là gì?** |  | | **2. Chi tiết, sự việc, lời nói, hành động nào của nhân vật cho thấy rõ vấn đề ấy?** |  | | **3. Ý kiến của em về vấn đề đó: Em đồng ý hay không đồng ý? Vì sao?** |  | | **4. Bằng chứng từ chính trải nghiệm của mình hoặc qua sách báo về vấn đề đang bàn luận.** |  | | **5. Bài học em rút ra từ vấn đề đó là gì?** |  |   + Dự kiến 1 số ý kiến trao đổi của các bạn trong lớp để chuẩn bị sẵn phương án phản hồi.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, chốt ý  **\* Nhiệm vụ 2: Tập luyện trước**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Một bài nói đạt kết quả tốt cần đảm bảo những yêu cầu nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS suy nghĩ cá nhân**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **-** HS phát biểu suy nghĩ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung  *Để bài phát biểu đạt kết quả tốt cần:*  *+ Nội dung bài nói phải chuẩn bị kĩ lưỡng*  *+ Kĩ năng nói: giọng điệu, cử chỉ, ánh mắt, quản lí thời gian,…*  *Để thực hiện tốt được bài nói, người nói cần phải tập luyện trước khi nói trước lớp bằng cách: nắm chắc nội dung bài nói, luyện tập ở nhà, nói trước gương, nói với người cụ thể để tự tin hơn,…* | **I. Trước khi nói**  **1. Chuẩn bị bài nói**  **(theo 4 bước)**  - Lựa chọn đề tài  - Thu thập tào liệu cho nội dung trình bày  - Lập đề cương cho bài nói  - Dự kiến các nội dung mà người nghe có thể trao đổi để phản hồi.   |  |  | | --- | --- | | **Tên đề tài:** Sự trân trọng lời hứa được gợi ra từ nhân vật mèo Gióc-ba *(Chuyện con mèo dạy hải âu bay)* | | | **1. Vấn đề đời sống được gợi ra từ nhân vật đó là gì?** | Sự trân trọng lời hứa | | **2. Chi tiết, sự việc, lời nói, hành động nào của nhân vật cho thấy rõ vấn đề ấy?** | Chú mèo Gióc-ba tinh cờ chửng kiến cái chết của chim hải âu mẹ đáng thương. Gióc-ba đã hứa với hải âu mẹ rằng sẽ không ăn quả trứng, chăm lo cho quả trứng đến khi chim non ra đời và dạy hải âu con bay. Bằng tình thương yêu lớn lao và lòng vị tha. Gióc-ba đă nỗ lực thực hiện được tất cả những lời hứa với hải âu mẹ. | | **3. Ý kiến của em về vấn đề đó: Em đồng ý hay không đồng ý? Vì sao?** | - Em đồng ý. Vì: Việc giữ lời hứa thể hiện trách nhiệm, uy tín, lòng tự trọng của mỗi người; sự tôn trọng đối với người khác. Người giữ lời hứa sẽ được mọi người tin tưởng... | | **4. Bằng chứng từ chính trải nghiệm của mình hoặc qua sách báo về vấn đề đang bàn luận.** | *(HS tự lấy bằng chứng bằng hiểu biết của bản thân)* | | **5. Bài học em rút ra từ vấn đề đó là gì?** | *(HS tự rút ra bài học cho mình)* |   **2. Tập luyện** |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv tổ chức buổi tọa đàm: HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.*  *+ GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.*  - Hs tiếp nhận  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS luyện nói  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  -HS trình bày sản phẩm  - HS khác chú ý lắng nghe và theo deo dựa vào bảng kiểm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét | **II. Trình bày bài nói**  - Cần dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị trước  - Trình bày từ khái quát đến cụ thể  - Kết nối các tư liệu trực quan  - Chú ý cách tương tác với khán giả |

**Hoạt động 3: Sau khi nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu các nhóm tiếp tục làm việc: thư kí đọc tóm tắt những ý kiến đã được trình bày trong buổi thảo luận, nhóm quyết định giải pháp tối ưu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, phản hồi ý kiến của mình với người nói.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét | **III. Sau khi nói** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để luyện nói

**b. Nội dung:** HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, học sinh quay video bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** Video của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Hs thực hiện ở nhà | - Hs quay video bài nói gửi cho giáo viên |

**Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn để trong cuộc sống**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/chưa đạt** |
| Bài trình bày cỏ đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc. |  |
| Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút. |  |
| Thể hiện được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe. |  |
| Người trình bày nói rõ ràng, rành mạch và đúng thời gian quy định. |  |
| Người trình bày tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí. |  |
| Người trình bày ghi nhận và phàn hồi thỏa đáng những câu hỏi, lí lẽ phản biện của khán giả. |  |

………………………………………………..

**Ngày dạy:**

**Tiết 42: ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.

**\* Năng lực đặc thù**

- Nội dung chính, đặc điểm nghệ thuật: nhân vật, ngôi kể, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong các tác phẩm truyện, thơ sưu tầm được.

– Thu thập và tìm hiểu một tác phẩm văn học

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1

- Tranh ảnh

- Bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi yêu cầu HS ghi ra giấy những bài thơ, truyện về chủ đề: *Yêu thương, cội nguồn* mà em đã sưu tầm được.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV gợi nhắc đến 1 số tác phẩm liên quan đến chủ đề và đặt câu hỏi: ? Kể tên các tác phẩm em sưu tầm được với chủ đề: *Yêu thương cội nguồn.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện đánh giá theo phiếu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV điều phối:

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận;

+ HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**B. HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học, mở rộng thêm vấn đề.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức thảo luận nhóm đôi kết hợp PHT để làm bài tập số 1, gợi mở để HS sáng tạo các sản phẩm liên quan đến chủ đề.

**c. Sản phẩm học tập:** PHT, sản phẩm sáng tạo của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: PHT để học sinh thảo luận theo hình thức nhóm đôi

**Bài 1:** Điền thông tin về đặc điểm của các tác phẩm em sưu tầm được vở chủ đề: Yêu thương cội nguồn. (mỗi HS hoàn thiện ít nhất được 1 tác phẩm sưu tầm được).

PHT số 1

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhan đề tác phẩm truyện | Nội dung chính | Chủ đề | Ngôi kể và tác dụng | Nhân vật ấn tượng |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhan đề bài thơ | Thể thơ | Nội dung chính | Chủ đề | Hình ảnh | Vần, nhịp, biện pháp tu từ đặc sắc |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**Bài 2:** Diễn tả nội dung một tác phẩm em đã đọc và tìm hiểu trong bài *Yêu thương cội nguồn* bằng một hình thức nghệ thuật mà em thích (tranh, truyện tranh, nhạc, kịch bản hoạt cảnh,…)

**Bài 3** Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi:

“Cháu chiến đấu hôm nay,

Vì tình yêu Tổ quốc,

Vì xóm làng thân thuộc,

Bà ơi! Cũng vì bà,

Vì tiếng gà cục tác,

Ổ trứng hồng tuổi thơ.”

(*Tiếng gà trưa*– Xuân Quỳnh)

Câu 1: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Xác định các phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên?

Câu 2: Theo lời thơ trên, “người cháu” đã chiến đấu vì những lí do nào?

Câu 3: Hãy chỉ ra một biện pháp tu từ nổi bật nhất trong đoạn thơ và cho biết hiệu quả diễn đạt của biện pháp tu từ đó?

Câu 4: Viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về thông điệp được gửi gắm qua đoạn thơ.

**Dự kiến sản phẩm**

Câu 1: Thơ 5 chữ. PTBD chính: biểu cảm

Câu 2: - Lí do chiến đấu của “cháu” là: tình yêu Tổ quốc, xóm làng, bà, tiếng gà, ổ trứng hồng tuổi thơ.

Câu 3: Biện pháp tu từ điệp ngữ: “vì” (4 lần)

* Tác dụng:

+ Tạo nhịp điệu nhịp nhàng, hài hòa cho lời thơ.

+ Nhấn mạnh vào lí do chiến đấu của người cháu. Cháu chiến đấu vì những thứ gần gũi, bình dị, thân thương nhất của mình. Tình yêu Tổ quốc xuất phát từ tình yêu những thứ bình dị, gần gũi nhất của mỗi con người.

+ Thái độ yêu quê hương, đất nước. Trân trọng tình cảm gia đình, làng xóm và cả những kỉ niệm tuổi thơ êm đềm.

Câu 4: Thông qua đoạn thơ trên, tác giả muốn gửi gắm thông điệp đó là:

– Đối với mỗi người, yêu đất nước xuất phát từ tình yêu quê hương, làng xóm, người thân và những thứ bình dị xung quanh mình.

– Con người phải có lí tưởng sống, chiến đấu tốt đẹp….

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện đánh giá theo phiếu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động

- HS trình bày sản phẩm thảo luận, nhận xét

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**(THỰC HÀNH ĐỌC)**

**a. Mục tiêu:** HS sưu tầm, đọc thuộc, ghi nhớ những bài thơ với chủ đề đã học.

**b. Nội dung:** Gv hướng cho HS thi đọc thơ với chủ đề: *Yêu thương cội nguồn*

**c. Sản phẩm học tập:** Bài đọc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ

+ Chia lớp thành 3 nhóm. Cho các nhóm thi đọc thơ.

+ Yêu cầu: Thơ 4 chữ hoặc 5 chữ viết về tình yêu con người, quê hương, đất nước.

Nhóm nào đọc được nhiều nhất, đọc hay, diễn cảm nhất sẽ giành chiến thắng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện, luân phiên đọc thuộc thơ một cách diễn cảm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức hoạt động

- HS trình bày sản phẩm thảo luận, nhận xét

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

**Ngày kí duyệt**:

**Nguyễn Thị Huệ**

**Ngày soạn:**

**Bài 4. GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

***-*** Nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

***-*** Khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh

- Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

- Trình bày được ý kiến vẽ một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh,

vần, nhịp, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.

- Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

- Trình bày được ý kiến vẽ một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

***2. Về phẩm chất:*** Yêu mến tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT.

- PHT số 1,2.

- Tranh ảnh.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe/ quan sát để chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *- GV: Đọc diễn cảm một bài thơ.*  *- Em hãy cho biết thể loại và những hiểu biết của em về thể loại của tác phẩm vừa được nghe.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS nghe và trả lời.  - GV quan sát, lắng nghe.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức, dẫn dắt vào bài:  **Thơ** là hình thức [nghệ thuật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_thu%E1%BA%ADt) dùng [từ](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%AB) trong [ngôn ngữ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4n_ng%E1%BB%AF) làm [chất liệu](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BA%ADt_li%E1%BB%87u), và sự chọn lọc từ cũng như tổ hợp của chúng được sắp xếp dưới hình thức [lôgíc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Logic) nhất định tạo nên [hình ảnh](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%ACnh_%E1%BA%A3nh) hay gợi cảm [âm thanh](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C3%82m_nh%E1%BA%A1c) có tính [thẩm mỹ](https://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt) cho người đọc, người nghe. Thơ còn trở nên hình thức để bày tỏ tâm tư và chứa đựng tính sáng tạo của con người. Có thể nói, sự tồn tại của thơ đi song song với sự tồn tại của ngôn ngữ. Còn ngôn ngữ tức là còn thơ. | - Nghe và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ  - Quan sát và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc  cá nhân. |

**TIẾT 43: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được chủ đề của bài học.

**b. Nội dung:** Gv sử dụng phương pháp gợi mở để hướng dẫn HS tìm hiểu giới thiệu bài học

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu học sinh *quan sát SGK và cho biết:*  *+ Tên bài, đề từ của văn bản hướng chủ đề nào? Qua đó con hiểu gì về chủ đề?*  *+ Chủ đề được thể hiện qua các tác phẩm thuộc thể loại văn học nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu giới thiệu bài học**  - Chủ đề: GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC.  - Ngữ liệu:  + Mùa xuân nho nhỏ.  + Gò Me.  + Bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn**

1. **Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại (tình cảm, cảm xúc, hình ảnh và nhịp điệu trong thơ.)

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *hoàn thành bảng kiến theo mẫu.*   |  |  | | --- | --- | | **CÁC YẾU TỐ** | **ĐẶC ĐIỂM CHÍNH** | | **1. Tình cảm, cảm xúc trong thơ:** |  | | **2. Hình ảnh trong thơ** |  | | **3. Nhịp thơ** |  | | **4. Ngữ cảnh** |  |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  (\*) Từ phiếu học tập, Gv hướng học sinh đến  + Khái niệm thơ trữ tình.  + Đặc điểm cơ bản của thơ trữ tình. | **II. Tri thức Ngữ văn**  **1. Tình cảm , cảm xúc \* Tình cảm:** là cội nguồn làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của thơ trữ tình.  **\* Cảm xúc của nhà thơ** trước cuộc đời thuộc thế giới tình cảm riêng nhưng lại có những điểm đồng điệu với cảm xúc chung của nhiều người  **2. Hình ảnh trong thơ**  - là yếu tố quan trọng, là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, tư tưởng.  **3. Nhịp thơ**  - Là phương tiện quan trọng để cấu tạo hình thức nghệ thuật đặc thù của văn bản thơ.  **4. Ngữ cảnh**  - Là bối cảnh ngôn ngữ trong đó một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả PHT của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Hoàn thành phiếu học tập theo mẫu ( Phụ lục 1)*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi hoàn thiện PHT  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Luyện tập.**  Bài tập. Chỉ ra các yếu tố:  **1. Tình cảm và cảm xúc trong thơ.**   * **2. Hình ảnh trong thơ.** * **3. Nhịp thơ.**   **4. Ngữ cảnh.**  Có trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của nhà thơ Thanh Hải. |

**Dự kiến sản phẩm.**

**\* Phụ lục 1. Đặc điểm của thơ trữ tình.**

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁC YẾU TỐ** | **ĐẶC ĐIỂM CHÍNH** |
| **1. Tình cảm, cảm xúc trong thơ:** | - Tình cảm chính là cội nguồn làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của thơ trữ tình. Gốc của thơ là tình cảm, nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời.  - Cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời thuộc thế giới tình cảm riêng, nhưng lại có những điểm đồng điệu với cảm xúc chung của nhiều người. Chính vì thế, người đọc đến với thơ để tìm sự đồng cảm, chia sẻ. Người đọc có thể cảm nhận như nhà thơ đang nói hộ nỗi lòng mình. |
| **2. Hình ảnh trong thơ** | - Hình ảnh là một yếu tố quan trọng trong thơ trữ tình, là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, tư tưởng. Hình ảnh trong thơ có nguồn gốc từ đời sống (con người, thiên nhiên,...) nhưng luôn mang dấu ấn của sự hư cấu, tưởng tượng, in đậm tình cảm, cảm xúc chủ quan của nhà thơ. |
| **3. Nhịp thơ** | - Nhịp thơ là phương tiện quan trọng để cấu tạo hình thức nghệ thuật đặc thù của văn bản thơ. Người đọc có thể nhận biết nhịp thơ qua hệ thống những điểm ngắt, ngừng được phân cha trên dòng thơ hoặc giữa các dòng thơ, theo sự chi phối của nội dung cảm xúc và quy định riêng của từng thể thơ. |
| **4. Ngữ cảnh** | - Ngữ cảnh là chai cảnh ngôn ngữ trong đó một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Đó có thể là chai cảnh trong văn bản, gồm những đơn vị ngôn ngữ (từ, cụm từ, câu) đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh); hoặc là chai cảnh ngoài văn bản, gồm người nói, người nghe, địa điểm, thời gian,... mà một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. |

**\* Phụ lục 1. Các yếu tố trong bài Mùa xuân nho nhỏ.**

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁC YẾU TỐ** | **ĐẶC ĐIỂM CHÍNH** |
| **1. Tình cảm, cảm xúc trong thơ:** | - Ngợi ca quê hương đất nước  - Cảm xúc nâng niu, trân trọng, ước nguyện chân thành. |
| **2. Hình ảnh trong thơ** | - Mùa xuân của đất trời, cuộc sống… |
| **3. Nhịp thơ** | - Nhịp thơ: 3/2; 2/3 sôi nổi, tha thiết. |
| **4. Ngữ cảnh** | - Ngữ cảnh: đất nước đang hồi sinh. |

**Ngày dạy:**

**BÀI 4: GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC**

**TIẾT 44,45: Đọc văn bản 1: MÙA XUÂN NHO NHỎ**

**– *Thanh Hải* –**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy tính, bảng phụ.

- Tranh ảnh về nhà thơ Thanh Hải và văn bản “ Mùa xuân nho nhỏ ”.

- Các phiếu học tập.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ1: Xác định vấn đề**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của văn bản đọc – hiểu.

**b. Nội dung**

**GV** sử dụng KT động não để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**HS** quan sát video, suy nghĩ, trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV cho HS nghe ca khúc Mùa xuân đầu tiên

? Cảm nhận của em khi nghe ca khúc này

? Mùa xuân trong cảm nhận của em có gì đáng nhớ? Hãy đọc một đoạn thơ, câu thơ mà em thích viết về mùa xuân

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** lắng nghe lời trong video và suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc - hiểu văn bản.

Các em thân mến! Đất nước Việt Nam với non sông tươi đẹp, truyền thống lịch sử hào hùng, con người thân thiện luôn là niềm tự hào của mỗi chúng ta. Tình yêu đất nước là nguồn cảm hứng dạt dào tạo nên những tác phẩm lay động lòng người. Hôm nay, cô và các em cùng tìm hiểu văn bản Mùa xuân nho nhỏ của nhà thơ Thanh Hải để lắng nghe, cảm nhận những giai điệu đất nước ngọt ngào.

**2. HĐ2: Hình thành kiến thức mới**

**2.2 Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **Mục tiêu**: HS trình bày được thông tin về tác giả, tác phẩm  **Nội dung**: **GV** sử dụng KT sơ đồ tư duy để khai thác phần tìm hiểu chung  **HS** dựa vào sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành nhiệm vụ nhóm  **Sản phẩm:** HS đã chuẩn bị bài ở nhà  **Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của Gv và HS** | **Nội dung** |
| **1. Tác giả**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi  **PHIẾU HỌC TẬP**  Họ và tên:…………  Lớp:………………  Ngày:………………  **TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN MÙA XUÂN NHO NHỎ**  *Hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét khái quát về nhà thơ Thanh Hải và văn bản Mùa xuân nho nhỏ*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi sơ đồ tư duy => cùng nhau chia sẻ và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** nhận xét, bổ sung  **GV**: Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  a. Đọc  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  ? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ  ? Tìm hiểu ý nghĩa nhan đề “ Mùa xuân nho nhỏ”  ? Xác định thể loại và phương thức biểu đạt của bài thơ  ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**Hướng dẫn HS cách đọc văn bản  - Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  - Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS:** Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái đọc tập của HS  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **I.ĐỌC VÀ TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả**  **-** Thanh Hải (1930 – 1980)  - Tên thật Phạm Bá Ngoãn  - Quê: huyện Phong Điền Thừa Thiên – Huế.  - Cây bút có công lớn trong việc xây dựng nền VHCM miền Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.  - Phong cách sáng tác: Ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, cảm xúc chân thành, thắm thiết  **2. Tác phẩm**  a) Đọc  b) Tìm hiểu chung  \* Hoàn cảnh sáng tác: Tháng 11/ 1980 khi tác giả đang nằm trên giường bệnh.  b. Ý nghĩa nhan đề  - Nghĩa thực: Tả cảnh mùa xuân của đất trời, của thiên nhiên  - Nghĩa biểu tượng: bài thơ thể hiện khát vọng, lí tưởng muốn cống hiến tất cả những gì đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất của cuộc đời cho quê hương, đất nước của nhà thơ.  c. Thể loại, PTBĐ  - Thể loại : thơ 5 chữ  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm.  d. Bố cục  - Khổ thơ đầu: Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên đất trời  - Khổ thơ 2,3: Mùa xuân của đất nước, con người  - Khổ thơ 4,5: Suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ  - Khổ thơ cuối: Lời ngợi ca quê hương đất nước |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT VB** | |
| **1. Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên** | |
| **Mục tiêu**: Học sinh cảm nhận được bức tranh mùa xuân và tâm trạng của tác giả.  **Nội dung**: **GV** sử dụng KT khăn trải bàn để hướng dẫn HS tìm hiểucảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.  **Sản phẩm:** câu trả lời trong phiếu học tập  **Tổ chức thực hiện** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớpvà giao nhiệm vụ: HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi sau  1. Trong khổ thơ đầu, nhà thơ miêu tả mùa xuân qua những hình ảnh nào? Những hình ảnh đó gợi cho em cảm nhận gì về mùa xuân  2. Cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân được thể hiện như thế nào qua những dòng thơ:  *Ơi con chim chiền chiện*  *Hót chi mà vang trời*  *Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng.*  3. Xác định và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật độc đáo trong hai câu thơ cuối  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Quan sát chi tiết trong SGK; suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  *Gv bình: Chỉ với 6 câu thơ, với vài nét phác vẽ đơn sơ mà đặc sắc, bằng những hình ảnh nho nhỏ, thân quen, bình dị, nhà thơ đã vẽ lên một lên một bức tranh xuân tươi tắn, thơ mộng, mang đậm phong vị xứ Huế - quê hương của tác giả. Đặc biệt là âm thanh của tiếng chim chiền chiện – sứ giả của mùa xuân vang ngân lên từng tiếng một, thật trong, thật tròn làm xao xuyến tâm hồn để rồi nhà thơ đón nhận với tất cả sự đắm say, trân trọng bằng cả tâm hồn qua hành động “hứng”...* | **1. Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên**  \* Hình ảnh  + dòng sông xanh  + bông hoa tím biếc  \* Âm thanh  + tiếng chim chiền chiện lảnh lót, vang trời  \* Nghệ thuật đảo ngữ, hình ảnh chọn lọc, tiêu biểu.  =>Bức tranh xuân, cao rộng, thoáng đãng; màu sắc tươi thắm, hài hòa; âm thanh rộn rã, vang vọng. Mùa xuân xứ Huế đẹp, thơ mộng, đầy sức sống.  \* Nghệ thuật: Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: Hình ảnh giọt long lanh  -> âm thanh tiếng chim chiền chiện ngưng đọng lại long lanh trong ánh sáng mùa xuân.  + Kết hợp với 2 động từ đưa, hứng  -> Tâm trạng say sưa ngây ngất; thái độ trân trọng, nâng niu trân trọng vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế. |
| **2. Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước** | |
| **Mục tiêu**: HS cảm nhận được cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước  **Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS hoạt động cặp đôi để tìm hiểu cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước  HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của Gv và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  a. Hình ảnh mùa xuân đất nước được gợi lên qua hình ảnh thơ nào? Em có nhận xét gì về hình ảnh ấy?  **\*HĐ cặp đôi:** Vì sao khi nói về mùa xuân của đất nước, nhà thơ lại nhắc đến hai hình ảnh người cầm súng và người ra đồng  b. Xác định biện pháp nghệ thuật độc đáo trong đoạn thơ và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy*?*  c. Qua những hình ảnh, nghệ thuật đó em cảm cảm nhận được gì về tâm trạng cảm xúc của nhà thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: đọc ngữ liệu trong SGK suy nghĩ cá nhân, hoạt động cặp đôi để trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: trình bày sản phẩm.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau. | **2. Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước**  - Hình ảnh: + Người cầm súng  + Người ra đồng  + Lộc  -> Hình ảnh đa nghĩa *(vừa thực lại vừa có ý nghĩa tượng trưng cho hai nhiệm vụ quan trọng của đất nước: chiến đấu bảo vệ và lao động xây dựng đất nước).* …  - Điệp ngữ: *Tất cả*  -Từ láy *hối hả, xôn xao*; nhịp thơ rộn rã-> Khí thể tưng bừng, nhộn nhịp của đất nước vào xuân.  - Nhân hóa: *Đất nước ...vất vả, gian lao*  - So sánh: *Đất nước như vì sao*  => Hình ảnh đất nước hiện lên thật gần gũi, bình dị, trường tồn... đồng thời thể hiện niềm tự hào về đất nước, niềm tin vào tương lai của đất nước. |
| **3. Khát vọng và lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ**  **Mục tiêu**: HS cảm nhận được khát vọng và lí tưởng sống đẹp đẽ của nhà thơ  **Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS hoạt động cặp đôi để tìm hiểu khát vọng đẹp đẽ của nhà thơ  HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  a. Trước vẻ đẹp của mùa xuân đất nước mùa xuân cách mạng nhà thơ đã bộc lộ nguyện ước gì?  b. Vì sao tác giả muốn làm: con chim, cành hoa, nốt trầm…Em có cảm nhận gì về ước nguyện mà nhà thơ muốn gửi gắm qua những hình ảnh này  c. Ý nghĩa của việc thay đổi cách xưng hô: tôi -> ta  d. Chỉ ra nghệ thuật độc đáo mà nhà thơ sử dụng trong đoạn thơ? Nêu tác dụng?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau.  - Ước: ***Ta làm*** *con chim* hót  ***Ta làm*** một *cành hoa*  ***Ta nhập*** vào hòa ca/ Một *nốt trầm xao xuyến*  => Ước nguyện chân thành, muốn được cống hiến phần nhỏ bé nhưng có ích cho cuộc đời, muốn được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước.  - NT: Điệp ngữ *Ta làm,* *Dù là*  Ẩn dụ: *mùa xuân nho nhỏ*  *Hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc”*   * *Ước nguyên cống hiến, hòa nhập của nhà thơ: Muốn được cống hiến phần nhỏ bé, tốt đẹp, hữu ích cho cuộc đời cho đất nước. Nguyện ước của nhà thơ thật đáng trân trọng bởi diễn ra bền bỉ, cống hiến trọn đời* | **3. Khát vọng và lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ**  *- Ta làm: con chim hót*  *một cành hoa*  *nhập vào hoà ca*  *nốt trầm xao xuyến*  \* Điệp ngữ, có sự chuyển đổi cách xưng hô “ta”, hình ảnh đẹp, lặp lại tạo sự đối ứng chặt chẽ.  => Ước nguyện chân thành, muốn được cống hiến phần nhỏ bé nhưng có ích cho cuộc đời, muốn được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước.  \* Ẩn dụ “*mùa xuân nho nhỏ”;* Điệp ngữ “*Dù là”; hoán dụ “tuổi hai mươi”, “khi tóc bạc”*  => Ước nguyện dâng hiến nhỏ bé, khiêm nhường không ồn ào, khoa trương... nguyện cống hiến cả cuộc đời cho đất nước  -> Điều tâm niệm thật chân thành, tha thiết, bình dị rất đáng trân trọng, ngợi ca. |
| **4. Lời ngợi ca quê hương**  **Mục tiêu**: HS cảm nhận được lời ngợi ca quê hương đất nước của nhà thơ  **Nội dung**: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS hoạt động cặp đôi để tìm hiểu khát vọng đẹp đẽ của nhà thơ  HS làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  1. Nhận xét về âm hưởng của đoạn thơ? Tình cảm mà tác giả gửi gắm ở đây là gì?  ? Đặt bài thơ trong hoàn cảnh ra đời, em có suy nghĩ gì về lí tưởng sống của tác giả?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | **4. Lời ngợi ca quê hương**  \* Âm hưởng của khúc dân ca xứ Huế: Làn điệu Nam ai, Nam bình ngọt ngào sâu lắng  Điệp khúc như lời hát.  => Lòng tự hào, thiết tha yêu quê hương, đất nước.  \* Đặt trong hoàn cảnh ra đời khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh và không lâu sau thì qua đời -> Lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ của một con người trọn đời đi theo cách mạng trọn đời cống hiến... |
| **III. TỔNG KẾT** | |
| **Mục tiêu**: Học sinh trình bày được nội dung, nghệ thuật của văn bản  **Nội dung**:  - GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi để khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản  - HS HĐ cá nhân, cặp đôi và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm:** câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm theo bàn.  - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nêu nội dung chính của văn bản “ Mùa xuân nho nhỏ”  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Nhận xét và chốt sản phẩm | **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ năm chữ, cách gieo vần liền giữa các khổ thơ đã tạo ra sự liền mạch cảm xúc.  - Ngôn ngữ và hình ảnh thơ giản dị, trong sáng, giàu sức gợi  - Cảm xúc chân thành, tha thiết, cho nên bài thơ trở thành tiếng lòng của nhà thơ thanh Hải với đất nước, với cuộc đời.  **2. Nội dung**  Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” thể hiện thành công vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước. Qua đó bày tỏ lẽ sống cao đẹp là sẵn sàng dâng hiến cuộc đời mình cho đất nước. |

**3. HĐ3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:**

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Hình ảnh mùa xuân được khắc hoạ thật đẹp trong đoạn thơ sau:

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*….Tôi đưa tay tôi hứng.”*

Câu 1: Đoạn thơ trên nằm trong tác phẩm nào, của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời tác phẩm ấy?

Câu 2: Dựa vào đoạn thơ trên, em hãy viết một đoạn văn khoảng 5-7 với chủ đề: vẻ đẹp của mùa xuân, thiên nhiên

Câu 3: Cũng trong bài thơ trên có câu:

*“Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc giắt đầy trên lưng”*

Trong câu thơ trên từ “lộc” được hiểu như thế nào? Theo em, vì sao hình ảnh “người cầm súng” lại được tác giả miêu tả “Lộc giắt đầy trên lưng”?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:** Chiếu bài tập

**HS:** Đọc yêu cầu của bài và làm bài

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS

**4. HĐ4: Vận dụng ( VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC )**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Đoạn văn của học sinh (Sau khi đã được GV góp ý, nhận xét và chỉnh sửa).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? Viết đoạn văn nêu cảm nhận về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn…

\* **Dặn dò**: Về học kĩ nội dung của bài học và đọc, chuẩn bị trước bài “ Gò Me”

------------------------------------------

**Ngày dạy:**

**TIẾT 46: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* GV đưa ra yêu cầu: *Em hãy chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ* ***áo nâu*** *trong câu thơ: “****Áo nâu*** *liền với áo xanh/Nông thôn cùng với thị thành đứng lên” với nghĩa của từ* ***áo nâu*** *trong câu: “Tôi mua biếu bà chiếc* ***áo nâu.****”. Em dựa vào đâu để nhận biết nghĩa của từ* ***áo nâu*** *trong từng ví dụ đó?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong những ngữ cảnh khác nhau, từ ngữ sẽ mang những nét nghĩa khác nhau. Để hiểu rõ hơn về ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài học.*

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Hiểu được khái niệm ngữ cảnh và nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:  ? Đọc ngữ liệu SGK/92 và chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ “*thơm*” trong “*thị thơm*” và “*người thơm*”. Em dựa vào đâu để nhận biết nghĩa của từ “*thơm*” trong từng ví dụ đó?  ? Vậy thế nào là ngữ cảnh?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc phần ngữ liệu (SGK/92), suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi.  - Đọc khái niệm ngữ cảnh (SGK/89).  **GV:**  **-** Hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.  - Hướng dẫn HS cách trả lời (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho câu trả lời của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình. | **I. NGỮ CẢNH VÀ NGHĨA CỦA TỪ NGỮ TRONG NGỮ CẢNH**  **1. Ngữ liệu (SGK/92)**  ***Thị thơm*** *thì giấu* ***người thơm***  *Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà*  (Lâm thị Mỹ Dạ, *Chuyện cổ nước mình*)  **2. Nhận xét**  - Thơm (thị thơm): có mùi hương dễ chịu.  - Thơm (người thơm): phẩm chất tốt đẹp, thơm thảo, được mọi người yêu mến, ca ngợi.  🡪 Trong những ngữ cảnh khác nhau, từ ngữ sẽ mang những nét nghĩa khác nhau.  \* ***Ngữ cảnh*** *là bối cảnh ngôn ngữ trong đó có một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Đó có thể là bối cảnh trong văn bản, gồm những đơn vị ngôn ngữ (từ, cụm từ, câu) đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh); hoặc là bối cảnh ngoài văn bản, gồm người nói, người nghe, địa điểm, thời gian, ... mà một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng.* |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức. | **II. LUYỆN TẬP**  **1. Nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh**  **Bài tập 1 (SGK/92)**  **a.**  - ***Lộc*** (trong từ điển): chồi lá non.  - ***Lộc*** (trong ***Lộc*** *giắt đầy quanh lưng* và ***Lộc*** *trải dài nương mạ*):  + Nghĩa thực: chồi non, lá non.  + Nghĩa ẩn dụ: may mắn, hạnh phúc.  🡪 Tác dụng: Với các sử dụng từ ***lộc***, nhà thơ Thanh Hải đã diễn tả được: Người cầm súng như mang theo sức xuân trên đường hành quân, người ra đồng như gieo mùa xuân trên từng nương mạ. Chính *người cầm súng* và  *người ra đồng* đã làm nên mùa xuân hạnh phúc cho đất nước.  **b.**  **- *Đi*** (trong từ điển): di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác.  - ***Đi*** (trong *Đất nước như vì sao/Cứ* ***đi*** *lê phía trước*): tiến lên, phát triển.  🡪 Tác dụng: Với việc sử dụng từ ***đi***, nhà thơ đã thể hiện được niềm tin vào nước tiến vững vàng của đất nước trong tương lai.  **c.**  - ***Làm*** (trong từ điển): dùng công sức vào những việc khác nhau, nhằm mục đích nhất định nào đó.  - ***Làm*** (trong *ta* ***làm*** *con chim hót/Ta* ***làm*** *một cành hoa*): hóa thành, biến thành.  🡪 Tác dụng: Với các sử dụng từ ***làm***, nhà thơ Thanh Hải đã thể hiện ước nguyện hóa thân thành con chim hót, thành một cành hoa... để dâng hiến cho cuộc đời, làm đẹp cho đời.  **Bài tập 2 (SGK/93)**  **- *Giọt***(trong từ điển): chỉ lượng rất nhỏ chất lỏng, có dạng hạt.  - ***Giọt***(trong ***giọt*** *long lanh*): giọt âm thanh – tiếng chim hót.  🡪 Vì có từ *long lanh* – chỉ tính chất sáng, đẹp của giọt mà không có từ chỉ sự vật cụ thể như *mưa*, *sương*, *nước* hay *tiếng chim* nên có thể gợi liên tưởng đến *giọt mùa xuân* – sức sống của mùa xuân đang dâng trào, dào dạt.  **2. Biện pháp tu từ**  **Bài tập 3 (SGK/93)**  - Biện pháp tu từ ***ẩn dụ***: *mùa xuân nho nhỏ*, *một cành hoa*, *một nốt trầm*, ...  🡪 Tác dụng: Thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ: được cống hiến những gì tốt đẹp, dù nhỏ bé, đơn sơ cho cuộc đời.  - Biện pháp tu từ **so sánh**: *Đât nước* ***như*** *vì sao/ Cứ đi lên phía trước.*  🡪 Tác dụng: *Vì sao* gợi lên nguồn sáng lấp lánh, vẻ đẹp vĩnh hằng của vũ trụ. Việc so sánh *đất nước* với *vì sao* gợi lên hình ảnh rạng ngời của lá cờ Tổ quốc và niềm tự hào của tác giả về đất nước, về tương lai tươi sáng của dân tộc.  - Biện pháp tu từ **điệp ngữ**: ***Dù là*** *tuổi hai mươi/****Dù là*** *khi tóc bạc.*  🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh sự quyết tâm, khát khao được cống hiến của tác giả.  - Biện pháp tu từ **điệp ngữ**: ***Nước non ngàn dặm*** *mình/****Nước non ngàn dặm*** *tình.*  🡪 Tác dụng: Nhấn mạnh, làm nổi bật niềm tin yêu, tự hào của tác giả với đất nước, với quê hương. |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, viết đoạn văn có sử dụng các biện pháp tu từ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và các đoạn văn nói và viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận về biện pháp tu từ có vị trí nổi bật nhất trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*.

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

------------------------------------------------

**Ngày dạy:**

**BÀI 4: GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC**

**TIẾT 47,48: ĐỌC VĂN BẢN 2: GÒ ME**

***(****Trích* ***– Hoàng Tố Nguyên)***

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về bài thơ và tác giả Hoàng Tố Nguyên

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

- Đa phương tiện.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu.**

*a/ Mục tiêu:* HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

*b/ Nội dung:* GV hỏi, HS trả lời.

*c/ Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.

*d/ Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| \* **Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Phương án 1:** GV giao nhiệm vụ cho HS bằng câu hỏi: Đọc lại một đoạn của bài ***Cửu Long Giang ta ơi*** của Nguyên Hồng mà em thích nhất? Hãy chia sẻ cảm xúc và suy nghĩ , những điếu em biết vế vẻ đẹp của miền đất này ?  **- Phương án 2:** cho học sinh nghe một đoạn bài hát: Quê hương – Phương Anh ( Bài Quê tôi – Thùy Chi)  + Nêu cảm xúc, suy nghĩ của bản thân sau khi nghe bài hát.  \* **Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ cá nhân  - Ghi lại ý kiến (ngắn gọn)  \* **Báo cáo, thảo luận:**  - Chia sẻ ý kiến của cá nhân.  \* **Kết luận, nhận định:**  - Nêu ý kiến, quan điểm về sự chia sẻ của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới. |  |

**2. Hoạt động 2:** **Hình thành kiến thức mới**.

*a/ Mục tiêu:*

**-** Xác định được thể loại; nhận biết được các chi tiết miêu tả thiên nhiên và con người Gò Me Từ đó, hình dung được đặc điểm vẻ đẹp của thiên nhiên và con người nơi đây

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm của thiên nhiên và con người Gò Me cùng cảm xúc của tác giả

*b/ Nội dung:*

- Tìm hiểu chung về tác giả Hoàng tố Nguyên và văn bản Gò Me

- Đặc điểm thiên nhiên và con người Gò Me, cảm xúc của tác giả

- Đánh giá tổng kết, khái quát những nét đặc sắc về giá trị nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

*c/ Sản phẩm:*

- Thông tin về tác giả, tác phẩm: *Phiếu học tập, poster, sơ đồ tư duy, clip...*

- Câu trả lời của HS: *Phiếu học tập,* *bài trình bày dưới dạng văn bản, slide...*

*d/ Tổ chức thực hiện:*

- Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| \* ***Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV giao nhiệm vụ cho HS: Thu thập thông tin, hình ảnh, sách, giới thiệu về:  + Tác giả Hoàng Tố Nguyên  + Tác phẩm ***Gò Me***  + Tham gia trình bày sản phẩm học tập đã chuẩn bị.  \* ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - Thu thập, trao đổi thông tin, hình ảnh, sách.  - Phân công trình bày, giới thiệu.  - Tham gia phần trình bày.  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  - Giới thiệu tác giả, tác phẩm (có sử dụng hình ảnh, sách... để bài giới thiệu phong phú và thuyết phục)  \* ***Kết luận, nhận định:***  **-** Đánh giá về hoạt động của học sinh. | **I. Đọc và tìm hiểu chung.**  **1. Tác giả.**  - Hoàng Tố Nguyên (1929-1975)  - Tên khai sinh là Lê Hoằng Mưu, quê ở xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông, [tỉnh Tiền Giang](https://nguoinoitieng.tv/tinh-tp/tien-giang-viet-nam).  - Ông là nhà thơ lớn của đất nước. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1957).  - Tham gia kháng chiến và hoạt động văn nghệ ở chiến khu Tây Nam Bộ từ những năm kháng chiến chống thực dân Pháp.  \* Các tác phẩm đã xuất bản:  - Gò Me 1957  - Quê chung 1962  - Truyện thơ Đổi đời (1955)  - Từ nhớ đến thương 1980  - Đất nước (1956)  - Từ nhớ đến thương 1950.  - Gửi chiến trường chống Mỹ 1966  - Tên quê hương 1976  …  **2. Tác phẩm.**  - Thể loại: thơ trữ tình  - PTBĐ: biểu cảm kết hợp miêu tả.  - Trích trong tập thơ cùng tên.  - Tập thơ “Gò Me” của Hoàng Tố Nguyên gồm 13 bài, xuất bản năm 1957 đã gây được tiếng vang lớn, tạo nên tên tuổi Hoàng Tố Nguyên. Nội dung tập thơ chủ yếu thể hiện tấm lòng thương nhớ quê hương của tác giả |
| \* ***Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV giao nhiệm vụ cho HS:  + Tìm, lựa chọn các chi tiết miêu tả *thiên nhiên Gò Me*  + Sự vật được miêu tả, đặc điểm mầu sắc, âm thanh, ánh sáng…  + Hình ảnh, từ ngữ, phép tu từ.  + Phân tích tác dụng của việc sử dụng Hình ảnh, từ ngữ, phép tu từ.  - Cảm nhận chung về vẻ đẹp của thiên nhiên Gò Me trong nỗi nhớ của nhà thơ.  - Phân tích mạch cảm xúc và nỗi nhớ của nhà thơ về quê hương.  (**Phụ lục 1**)  \* ***Thực hiện nhiệm vụ:***  **-** Tham gia các hoạt động cá nhân, nhóm.  **-** Lần lượt thực hiện các nhiệm vụ được giao.  **-** GV theo dõi, phát hiện những khó khăn, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ học sinh trong quá trình học tập.  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  - GV yêu cầu các nhóm lần lượt báo cáo kết quả.  - Trình bày ý kiến cá nhân, kết quả nhóm.  - GV tổ chức HS các nhóm, lớp tương tác bằng một hệ thống câu hỏi gợi mở.  - Nhận xét, đánh giá, góp ý, bổ sung ý kiến.  \* ***Kết luận, nhận định:***  - GV đánh giá hoạt động, khen ngợi những câu trả lời hay, những cá nhân xuất sắc trong giờ học.  - Nhận xét, đánh giá: *nội dung kiến thức, tác phong, hình thức trình bày, năng lực diễn đạt*…  - Chốt kiến thức theo từng nội dung tìm hiểu. Bình luận, kết nối các phần nội dung kiến thức với nhau. | **II. Tìm hiểu văn bản.**  **1. Vẻ đẹp của c*ảnh sắc thiên nhiên và con người.***  *\** **C*ảnh sắc thiên nhiên.***  *-**Con đê cát đỏ cỏ viền*  *Ruộng vây quanh, bốn mùa gió mát*  *Lúa nàng keo chói rực mặt trời*  *Ao làng trăng tắm, mây bơi*  *Nước trong như nước mắt người tôi yêu;*  *Me non cong vắt lưỡi liềm*  *Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ;...*  - Hình ảnh sinh động, giàu sức gợi  ***->*** Vẻ đẹp nên thơ, xanh mát.  ***\* Vẻ đẹp con người.***  *Những chị, những em má núng đồng tiền*  *Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên.*  *Véo von điệu hát cổ truyền;*  *Chị tôi má đỏ, thẹn thò*  *Giã me bên trã canh chua ngọt ngào*  -> Hình ảnh những con người lao động chần chất, khoẻ khoắn, duyên dáng, yêu đời, gắn bó với quê hương xứ sở,...  ***2/ Cảm xúc của nhà thơ.***  - Tình yêu và nỗi nhớ da diết đối với quê hương, với những sinh hoạt văn hoá truyền thống của quê hương. Chính điệu hò đã góp phần quan trọng làm nên vẻ đẹp, bản sắc của vùng đất này, nên người đi xa khi nhớ về qué hương thường nhớ về những cầu hò thân thương. |
| \* ***Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV giao nhiệm vụ cho HS:  + Khái quát những giá trị chung về nghệ thuật, nội dung và ý nghĩa của văn bản *(thông qua hình thức trò chơi/ hoặc SĐTD)*  \* ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  - Trình bày ý kiến/ tham gia trò chơi/ vẽ SĐTD  \* ***Kết luận, nhận định:***  - Đánh giá hoạt động của HS/ đánh giá về hình thức, nội dung của SĐTD. | **III. Tổng kết.**  **1. Nghệ thuật.**  - Thể thơ trữ tình, sử dụng hình ảnh, ngôn ngữ giầu sức gợi.  **2. Nội dung.**  **-** Vẻ đẹp thiên nhiên và con người.  **-** Tình yêu, nỗi nhớ da diết, niềm tự hào đối với quê hương. |

**3. Hoạt động 3:** **Luyện tập.**

*a/ Mục tiêu:*

*-* Củng cố kiến thức đã học trong văn bản.

- HS hiểu được một số ý kiến, quan điểm của tác giả trong bài viết.

*b/ Nội dung:*

- Kể văn bản.

- Trình bày suy nghĩ, kiến giải cá nhân về một quan điểm, một bài học học sinh cho là thấm thía nhất, làm bài tập liên hệ thực tiễn

- Thông điệp của tác phẩm.

*c/ Sản phẩm:*

- Bài trình bày dưới dạng văn bản (*nói hoặc viết*) về một quan điểm, bài học, thông điệp.

*d/ Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ.***  - GV giao cho cá nhân HS thực hiện.  BT1. nhớ lại một số tác phẩm mà em đã học, đã đọc trong đó tác giả cũng lấy tên một vùng đất làm nhan đề tương tự như bài thơ *Gò Me*  BT2. viết đoạn văn nêu cảm nhận về đoạn thơ từ  “ *Ổi, thuở ấu thơ*  …  *Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ.”*  ***\* Thực hiện nhiệm vụ.***  - HS suy nghĩ cá nhân  - Ghi lại câu trả lời.  - Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  - HS chia sẻ ý kiến của cá nhân.  - GV tổ chức HS tương tác.  - Nhận xét, đánh giá, góp ý, bổ sung ý kiến.  \* ***Kết luận, nhận định:***  - Nhận xét hoạt động của HS, đánh giá kết quả bằng điểm. | **IV. Luyện tập.**  **BT1.**  - HS có thể nêu tên các tác phẩm như: *Cô Tô, Hang Én, Cửu Long Giang ta ơi,...*  **BT2.**  - Yêu cầu: viết được đoạn văn nêu cảm nhận về đoạn thơ  + C*ảm nhận về tình cảm của tác giả thể hiện trong đoạn thơ.*  *+ Cái hay, nổi bật của ngôn ngữ, giọng điệu của đoạn thơ.*  *tình cảm đoạn thơ đã khơi gợi trong lòng người học…* |

**4. Hoạt động 4:** **Vận dụng.**

*a/ Mục tiêu:*

- Rút ra được suy nghĩ, hành động của bản thân đối với quê hương mình.

*b/ Nội dung:*

- Suy nghĩ, hành động của bản thân đối với quê hương mình.

*c/ Sản phẩm:*

- Bài nói, bài viết của HS

*d/ Tổ chức thực hiện:*

- Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| \* ***Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV giao nhiệm vụ cho HS:  1. Ghi lại cảm xúc, suy nghĩ của em về quê hương mình.  2. Lập kế hoạch hành động của cá nhân trong việc thể hiện tình cảm, trách nhiệm với quê hương.  \* ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS suy nghĩ cá nhân  - Ghi lại ý kiến (làm ở nhà)  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  - Chia sẻ ý kiến của cá nhân (*dự kiến giờ học sau*).  \* ***Kết luận, nhận định:***  - Nhận xét câu trả lời của HS, đánh giá bằng điểm số. |  |

**PHỤ LỤC**

**1. Bảng kiến thức.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hình ảnh, từ ngữ tiêu biểu** | **Cảm nhận của bản thân** |
| **Cảnh sắc thiên nhiên** | *-**Con đê - cát đỏ cỏ viền*  *- Lúa nàng keo- chói rực mặt trời*  *- Ao làng- trăng tắm, mây bơi*  *- Nước - trong như nước mắt người tôi yêu;*  *- Me non - cong vắt lưỡi liềm*  *- Lá - xanh như dải lụa mềm lửng lơ;...* | - Hình ảnh sinh động, giàu sức gợi  ***->*** Vẻ đẹp nên thơ, xanh mát. |
| **Vẻ đẹp con người** | *- Những chị, những em - má núng đồng tiền*  *Nọc cấy, tay tròn, nghiêng nón làm duyên.*  *Véo von điệu hát cổ truyền;*  *- Chị tôi - má đỏ, thẹn thò*  *Giã me bên trã canh chua ngọt ngào* | -> Hình ảnh những con người lao động chần chất, khoẻ khoắn, duyên dáng, yêu đời, gắn bó với quê hương xứ sở,... |
| **Cảm xúc của nhà thơ** | - Hò ơ... Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me.  ... | - Tình yêu, sự gắn bó với quê hương, nỗi nhớ da diết khi phải xa quê và niếm tự hào về vẻ đẹp của quê hương - vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, văn hoá, lịch sử,... |

**----------------------------------**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 49:** **THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*-* GV đưa ra yêu cầu:

*? Em hãy cho biết công dụng của dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép. Với mỗi loại dấu câu, em hãy lấy một ví dụ?*

*? Em hãy nhắc lại dấu hiệu nhận biết và tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, ... Lấy ví dụ để làm rõ đặc điểm, tác dụng của từng loại?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời.

- Từ chia sẻ của HS, GV củng cố kiến thức về công dụng của các loại dấu câu và các biện pháp tu từ.*.*

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức.  🡪 *Ngôn ngữ trong văn bản văn học, đặc biệt là trong văn bản thơ mang tính hình tượng; nhà thơ thường sử dụng các biện pháp tu từ như nhân hóa, ẩn dụ, so sánh,... để làm tăng thêm gia trị gợi hình, gợi cảm cho câu thơ. Chính vì thế, để hiểu nghĩa của từ trong văn bản thơ, ta không thể chỉ xem xét nghĩa trong từ điển mà phải dựa vào ngữ cảnh văn bản, từ đó khám phá được cá hay, cái đẹp của ngôn ngữ trơ và tài năng của tác giả.* | **I. NGHĨA CỦA TỪ NGỮ**  **Bài tập 1 (SGK/95)**  **- *Thở*** (*Mái lá khoan thai* ***thở*** *làn khói nhẹ*): phả ra, tỏa ra.  **- *Thở*** (*Em bé* ***thở*** *đều đều khi ngủ say*): hoạt động của con người – hít không khí vào lồng ngực, vào cơ thể rồi đưa trở ra qua mũi, miệng. |

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK, thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  - GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung và chốt lại kiến thức. | **I. NGHĨA CỦA TỪ NGỮ**  **Bài tập 2 (SGK/95)**  **-** Các từ láy trong bài thơ: *leng keng, lao xao*, *xao xuyến*, *thẹn thò*, ...  **- *Xao xuyến*** (*Gió dìu vương xao xuyến bờ tre*):trạng thái xúc động kéo dài, khó dứt  🡪 Tác dụng: Giúp cho câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm. Nhà thơ đã gợi nên được trạng thái bâng khuâng của sự vật, giúp cho sự vật thêm gần gũi với con người, cũng có những nỗi niềm cảm xúc như con người, ...  **II. DẤU CÂU**  **Bài tập 3 (SGK/95)**  *Véo von điệu hát cổ truyền*  *(Tre thôi khúc khích, mây chìm lắng nghe)*  - Dấu ngoặc đơn: có công dụng đánh dấu phần bổ sung thêm thông tin cho phần trước đó.  *“- Hò... ơ... Trai Biên Hòa lụy gái Gò Me*  *Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò...”.*  - Dấu ngoặc kép: có tác dụng đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp.  **III. BIỆN PHÁP TU TỪ**  **Bài tập 4 (SGK/96)**  - Biện pháp tu từ **nhân hóa**:*tắm*, *bơi*, *thổi sáo*, *khúc khích*, *lắng nghe*, ... (những từ ngữ vốn được dùng để chỉ hoạt động của con người nhưng ở đây lại được sử dụng để miêu tả hoạt động của sự vật).  🡪 Tác dụng: Tác giả đã làm cho trăng, tre, mây hiện lên sống động như con người, cũng có những hành động, tâm trạng như con người. Qua đây, ta cảm nhận được tình yêu quê hương, sự gắn bó của tác giả với những cảnh sắc thiên nhiên của quê hương. Thiên nhiên đã trở thành người bạn thân thiết của nhà thơ.  - Biện pháp tu từ **so sánh**:*Nước trong* ***như*** *nước mắt người tôi yêu*  🡪 Tác dụng: Tác giả đã làm cho hình ảnh mặt nước ao làng – vốn chỉ là không gian thiên nhiên – trở thành một thế giới của tâm hồn, thế giới của kỉ niệm và đặc biệt gần gũi. Điểm chung của hai hình ảnh *nước trong* và *nước mắt người tôi yêu* là vẻ đẹp trong sáng. Dù vui hay buồn, dù là nước mắt hạnh phúc hay đau khổ thì vẫn là vẻ đẹp “trong” – trong vắt, trong trẻo, trong sáng.  - Biện pháp tu từ **so sánh**: *Mẹ non cong vắt lưỡi liềm/Lá xanh* ***như*** *dải lụa mềm lửng lơ*  🡪 Tác dụng: Cảm nhận được vẻ đẹp nên thơ, mềm mại của cảnh sắc thiên nhiên cũng như tình yêu của nhà thơ gửi gắm trong đó. |

**HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, viết đoạn văn có sử dụng các biện pháp tu từ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời và các đoạn văn nói và viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận về biện pháp tu từ mà em thích nhất được sử dụng trong đoạn thơ từ *Ôi, thuở ấu thơ* đến *Lá xanh như dải lụa mềm lửng lơ.*

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

------------------------------------------

**Ngày dạy:**

**BÀI 4: GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC**

**TIẾT 50: ĐỌC VĂN BẢN 3: BÀI THƠ *ĐƯỜNG NÚI* CỦA NGUYỄN ĐÌNH THI**

***(Vũ Quần Phương)***

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh, video... về bài thơ Đường núi và tác giả Vũ Quần Phương.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập, sản phẩm học tập ( sản phẩm thể hiện bài thơ Đường núi: đọc diễn cảm, ngâm thơ...)

- Đa phương tiện.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu.**

*a/ Mục tiêu:* HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

*b/ Nội dung:* GV hỏi, HS trả lời.

*c/ Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.

*d/ Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| \* **Chuyển giao nhiệm vụ**  **- Phương án 1:** thi đọc diễn cảm / ngâm thơ bài Đường núi. Trình bày cảm nhận của em về tình yêu quê hương của Nguyễn Đình Thi được thể hiện trong tác phẩm?  **- Phương án 2:** giáo viên đọc diễn cảm / ngâm thơ bài Đường núi. Yêu cầu học sinh trình bày cảm nhận về tình yêu quê hương của Nguyễn Đình Thi được thể hiện trong tác phẩm?  \* **Thực hiện nhiệm vụ:**  - Thi đọc diễn cảm / ngâm thơ bài Đường núi.  - Ghi lại ý kiến (ngắn gọn) cảm nhận của mình về tình yêu quê hương của tác giả được thể hiện trong tác phẩm  \* **Báo cáo, thảo luận:**  - Chia sẻ ý kiến của cá nhân.  \* **Kết luận, nhận định:**  - Nêu ý kiến, quan điểm về sự chia sẻ của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới. |  |

**2. Hoạt động 2:** **Hình thành kiến thức mới**.

*a/ Mục tiêu:*

**-** Xác định được thể loại, bố cục; nhận biết ý kiến của tác giả trong văn bản.

- Xác định và phân tích được cách triển khai luận điểm, luận cứ của tác giả.

- Đánh giá được cái hay, đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của Vũ Quần Phương.

*b/ Nội dung:*

- Tìm hiểu chung về tác giả Vũ Quần Phương và văn bản ***Bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi.***

- Luận điểm, luận cứ của văn bản.

- Cái hay, đặc sắc trong nghệ thuật nghị luận của văn bản.

- Giá trị nội dungg và nghệ thuật.

*c/ Sản phẩm:*

- Thông tin về tác giả, tác phẩm: *Phiếu học tập, poster, sơ đồ tư duy, clip...*

- Câu trả lời của HS: *Phiếu học tập,* *bài trình bày dưới dạng văn bản, slide...*

*d/ Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| \* ***Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV giao nhiệm vụ cho HS: Thu thập thông tin, hình ảnh, sách, giới thiệu về:  + Tác giả Vũ Quần Phương  + Tác phẩm ***Bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi.***  + Tham gia trình bày sản phẩm học tập đã chuẩn bị.  \* ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - Thu thập, trao đổi thông tin, hình ảnh, sách, chuẩn bị thành sản phẩm hoàn chỉnh ( Bài thuyết trình/ Hệ thống câu hỏi liên quan).  - Phân công trình bày, giới thiệu/ Phân công MC dẫn chương trình tổ chức cho cả lớp tìm hiểu thoogn tin về tác giả, tác phẩm.  - Tham gia phần trình bày.  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  - Phương án 1: Giới thiệu tác giả, tác phẩm (có sử dụng hình ảnh, sách... để bài giới thiệu phong phú và thuyết phục).  - Phương án 2: Giáo viên giao việc cho MC dẫn chương trình, sử dụng hệ thông câu hỏi để các bạn nêu được các thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.  ***\* Câu hỏi gợi ý.***  1. Bạn hãy cho biết năm sinh và tên khai sinh của tác giả?  2. Cha mẹ của tác giả có cùng quê không?  3. Ngoài làm thơ, viết phê bình văn học ông còn tham gia hoạt động nào liên quan đến văn học?  4. Năm 2007 có sự kiện gì trọng đại trong cuộc đời của ông?  5. Tác phẩm viết theo thể loại nào?  6. Tác phẩm có bố cục 2 phần: đúng hay sai?  7. Bài viết sử dụng ngôn ngữ như thế nào?  \* ***Kết luận, nhận định:***  **-** Đánh giá về hoạt động của học sinh.  **\* Hướng dẫn đọc văn bản.**  - Giọng đọc trầm, nhẹ, chú ý nhịp của câu văn, cảm xúc của tác giả. | **I. Đọc và tìm hiểu chung.**  **1. Tác giả.**  - Vũ Quần Phương (1940) tên thật là Vũ Ngọc Chúc  - Quê quán: sinh ra ở quê mẹ tại Từ Liêm, Hà Nội, quê cha ở Hải Hậu, Nam Định  - Là nhà thơ, nhà báo và nhà phê bình văn học  - Ngoài làm thơ và viết phê bình văn học, ông còn dịch thơ đăng trên các sách, báo và tạp chí văn học. Ông được nhận giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007.  - Các tác phẩm tiêu biểu: Cỏ mùa xuân (1966), Hoa trong cây (1977), Vầng trăng trong xe bò (tập thơ, 1988)...  **2. Tác phẩm.**  - Trích Thơ hay có lời bình 100 bài, Vân Long tuyển chọn  \* Bố cục  - Phần 1 (từ đầu đến "say đắm của người viết"): Khái quát giá trị của bài thơ Đường núi  - Phần 2 (tiếp theo đến "xao xuyến, bay múa, ca hát"): Giá trị nội dung, nghệ thuật của bài thơ Đường núi  - Phần 3 (còn lại): Khẳng định cái tài của Nguyễn Đình Thi  \* Thể loại: Văn bản nghị luận  \* Phương thức biểu đạt: nghị luận  \* Đọc văn bản. |
| \* ***Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV giao nhiệm vụ cho HS:  + Tìm câu văn khát quát chủ đề của bài thơ?  + Sau khi khái quát chủ đề của bài thơ, tác giả đã làm rõ cái hay, cái đẹp, cái tình của bài thơ. Em hãy chỉ rõ cái hay, cái đẹp đó và dẫn chứng mà tác giả sử dụng để minh chứng cho cái hay, cái đẹp của bài thơ?  + Vì sao tác giả khẳng định: *“Cái tài của Nguyễn Đình Thi ở bài thơ này là tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh. Phong cảnh bỗng mang vị tâm hồn của tác gia’.*  + Nhận xét, đánh giá về nghệ thuật nghị luận của tác giả?  \* ***Thực hiện nhiệm vụ:***  **-** Tham gia các hoạt động cá nhân..  **-** Lần lượt thực hiện các nhiệm vụ được giao.  **-** GV theo dõi, phát hiện những khó khăn, hướng dẫn, hỗ trợ, giúp đỡ học sinh trong quá trình học tập.  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  - GV yêu cầu học sinh lần lượt báo cáo kết quả.  - Trình bày ý kiến cá nhân.  - GV tổ chức HS tương tác bằng một hệ thống câu hỏi gợi mở.  - Nhận xét, đánh giá, góp ý, bổ sung ý kiến.  \* ***Kết luận, nhận định:***  - GV đánh giá hoạt động, khen ngợi những câu trả lời hay, những cá nhân xuất sắc trong giờ học.  - Nhận xét, đánh giá: *nội dung kiến thức, tác phong, hình thức trình bày, năng lực diễn đạt*…  - Chốt kiến thức theo từng nội dung tìm hiểu. Bình luận, kết nối các phần nội dung kiến thức với nhau.  \* Tổ chức thảo luận nhóm ( 5 -7 phút).  - Hình thức: nhóm lớn.  - Nội dung: tìm những minh chứng thể hiện sự đồng cảm của người bình với bài thơ? Ý ngĩa của sự đồng cảm đó?  \* Thực hiện nhiệm vụ thảo luận.  - Tìm chi tiết trong văn bản.  - Suy nghĩ, trao đổi về ý nghĩa của sự đồng cảm.  - Báo cáo kết quả thảo luận.  - Trao đổi, tương tác dưới sự hướng dẫn của giáo viên.  \* Giáo viên chốt kiến thức và nâng cao.  - Người bình thơ cảm nhận, thấu hiểu được những rung động, tình cảm tinh tế, kín đáo của nhà thơ dành cho thiên nhiên, con người nơi đầy; cảnh vật trong bài thơ được điểm xuyết, lướt qua khá nhanh và vội, cái tạo nên tính liền mạch ở đầy chính là cảm xúc của người viết,... Cũng chính nhờ sự đồng cảm sâu sắc với bài thơ nên nhà phê bình mới có sự phát hiện rất tinh tế là âm điệu câu thơ chính là âm điệu của nội tâm chứ không phải âm điệu được tạo nên bởi cách hiệp vần, vần đã bị bỏ rơi.  - GV gợi ý để HS nhận xét được sự đồng cảm này có ý nghĩa rất quan trọng. Nó giúp cho nhà phê bình có thể cảm nhận được một cách sâu sắc, tinh tế những tư tưởng, cảm xúc của nhà thơ gửi gắm trong bài thơ, từ đó có thể lan toả tình cảm này đến với người đọc.  - GV cũng nhấn mạnh thêm, khi đọc bài viết của Vũ Quần Phương, ta không chỉ cảm nhận được sự tài hoa, tinh tế trong cách cảm nhận thơ của ông mà còn cảm nhận được tình yêu tha thiết của ông đối với thiên nhiên, với quê hương, đất nước. Có như thế, ông mới có thể có được những rung động mãnh liệt và những trang viết tài hoa về bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi. | **II. Tìm hiểu văn bản.**  **1. Cảm nhận của tác giả về bài thơ**  ***“ Đường núi”.***  *\** **Cảm nhận chung.**  *- Bài thơ là bức tranh chấm phá, thiếu cả nét lẫn mầu lại nổi rõ lòng yêu đất đai, thôn bản say đắm.*  ***\* Cái hay, cái đẹp của bài thơ.***  *- Nhịp điệu: ngất ngây, rì rào, reo vui lặng thầm.*  *- Âm điệu: âm điệu của nội tâm, lắng lại, chơi vơi, thanh nhẹ.*  *- Hình ảnh ấm lòng, độ dài như một sự ngưng đọng, ngân nga.*  *- Cảnh: chỉ được vẽ một và nét, tốc độ chuyển cảnh rất nhanh.*  *- Nội dung nằm bên ngoài dòng chữ.*  *- Từ trường cảm xúc làm chúng ta xúc động.*  ***\* Kết luận.***  *Cái tài là tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh. Phong cảnh bỗng mang vị tâm hồn của tác giả.*  *=> Nghệ thuật nghị luận: triển khai luận điểm, luận cứ mạch lạc, thuyết phục; sử dụng lối viết giầu sức gợi.*  ***2. Sự đồng cảm của tác giả.***  - Cảm nhận, thấu hiểu được những rung động, tình cảm tinh tế, kín đáo của nhà thơ dành cho thiên nhiên, con người nơi đây; cảnh vật trong bài thơ được điểm xuyết, lướt qua khá nhanh và vội, cái tạo nên tính liền mạch ở đầy chính là cảm xúc của người viết. |
| \* ***Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV giao nhiệm vụ cho HS:  + Khái quát những giá trị chung về nghệ thuật, nội dung và ý nghĩa của văn bản*: hướng dẫn học sinh vẽ và trình bày SĐTD trực tiếp trên lớp.*  \* ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản qua SĐTD.  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  - Trình bày ý kiến bằng SĐTD  \* ***Kết luận, nhận định:***  - Đánh giá hoạt động của HS/ đánh giá về hình thức, nội dung của SĐTD. | **III. Tổng kết.**  **1. Nghệ thuật.**  - Cách triển khai ý kiến, lí lẽ mạch lạc, rõ ràng  - Ngôn từ bình dị, gần gũi  - Lối viết hấp dẫn, thuyết phục  - Cách lựa chọn từ ngữ, hình ảnh giàu sức gợi tả, gợi cảm.  **2. Nội dung.**  - Bài bình thơ của Vũ Quần Phương giúp người đọc tiếp nhận bài thơ Đường núi ở nhiều khía cạnh hơn, cảm nhận của tác giả thực sự sâu sắc và đủ đầy về những khía cạnh dù nhỏ nhất của bài thơ. |

**3. Hoạt động 3:** **Luyện tập.**

*a/ Mục tiêu:*

*-* Củng cố kiến thức đã học trong văn bản.

- HS hiểu được một số ý kiến, quan điểm của tác giả trong bài viết.

*b/ Nội dung:*

- Kể văn bản.

- Trình bày suy nghĩ, kiến giải cá nhân về một quan điểm, một bài học học sinh cho là thấm thía nhất, làm bài tập liên hệ thực tiễn

- Thông điệp của tác phẩm.

*c/ Sản phẩm:*

- Bài trình bày dưới dạng văn bản (*nói hoặc viết*) về một quan điểm, bài học, thông điệp.

*d/ Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ.***  - GV giao cho cá nhân HS thực hiện.  BT1. Chọn một đoạn văn, tổ chức cho học sinh thi đọc diễn cảm.  BT2. Sau khi học xong văn bản, em đã rút ra được điều gì cho mình trong việc tạo lập văn bản nghị luận văn học.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ.***  - HS suy nghĩ cá nhân  - Ghi lại câu trả lời.  - Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  - HS chia sẻ ý kiến của cá nhân.  - GV tổ chức HS tương tác.  - Nhận xét, đánh giá, góp ý, bổ sung ý kiến.  \* ***Kết luận, nhận định:***  - Nhận xét hoạt động của HS, đánh giá kết quả bằng điểm. | **IV. Luyện tập.**  **BT1.** Thi đọc diễn cảm một đoạn văn.  - Đoạn văn: “ ***Cảnh trong bài thơ này …. lòng như ca hát***”  **BT2.**  - Gợi ý:  + C*ảm nhận được đầy đủ nội dung, chủ đề tư tưởng của tác phẩm; cái hay, cái đặc sắc trong việc sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, phép tu từ…*  *+ Xây dựng, sắp xếp hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng, hợp lí.*  *+ Lựa chọn ngôn từ có sức gợi.*  *+ Kết hợp được các PTBĐ khác nhau để tạo sự hấp dẫn cho bài viết* |

**4. Hoạt động 4:** **Vận dụng.**

*a/ Mục tiêu:*

- Vận dụng kiến thức của bài viết, phát huy tính sáng tạo của người học.

*b/ Nội dung:*

- Phần bổ sung lời bình cho bài thơ.

*c/ Sản phẩm:*

- Bài nói, bài viết của HS

*d/ Tổ chức thực hiện:*

- Hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện hoạt động của học sinh.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| \* ***Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV giao nhiệm vụ cho HS:  1. Nếu được bổ sung cho bài viết, em sẽ viết tiếp những gì?  \* ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS suy nghĩ cá nhân  - Ghi lại ý kiến (làm ở nhà)  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  - Chia sẻ ý kiến của cá nhân (*dự kiến giờ học sau*).  \* ***Kết luận, nhận định:***  - Nhận xét câu trả lời của HS, đánh giá bằng điểm số |  |

**Ngày dạy:**

**TIẾT 51,52,53: VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC.**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu.**

*a/ Mục tiêu:* Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình

*b/ Nội dung:* GV hỏi, HS trả lời.

*c/ Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.

*d/ Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| \* ***Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV cho học sinh xem Video* ***“Những hành động đẹp”***  - Lưu ý học sinh khi xem video ghi lại suy nghĩ và cảm xúc về việc làm của một số nhân vật trong video.  - Sau khi xem video, học sinh chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình.  \* ***Thực hiện nhiệm vụ:***  *- Xem Video “ Những hành động đẹp”*  - Ghi lại suy nghĩ và cảm xúc về việc làm của một số nhân vật trong video.  \* ***Báo cáo, thảo luận:***  - Học sinh chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình.  \* ***Kết luận, nhận định:***  - Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới. |  |

**Hoạt động :** **Hình thành kiến thức mới**.

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của một bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân:  ? Bài văn biểu cảm về con người và sự vật cần có những yêu cầu gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tìm hiểu SGk và ghi vào vở câu trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - 1 HS trình bày câu trả lời.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Kết nối với đề mục sau. | **I. Yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc**  - Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó.  - Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người, sự việc để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em.  - Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.  - Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

*a/ Mục tiêu:*

- Phân tích được nội dung, cấu trúc, các yếu tố được sử dụng trong bài viết tham khảo “ Người phụ nữ hết lòng làm thiện nguyện”.

- Thực hiện được các bước viết bài văn biểu cảm về con người/sự vật; có sử dụng kết hợp yếu tố tự sự và miêu tả.

*b/ Nội dung:*

- Tìm hiểu nội dung, cấu trúc, các yếu tố được sử dụng trong bài viết tham khảo “ Người phụ nữ hết lòng làm thiện nguyện”.

- Thực hành các bước viết bài văn biểu cảm về con người/sự vật; có sử dụng kết hợp yếu tố tự sự và miêu tả.

*c/ Sản phẩm:*

*-* Câu trả lời của HS.

- Dàn ý, bài viết của học sinh.

*d/ Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **Nội dung** |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  - Hướng dẫn đọc văn bản.  - Ghi lại ý kiến cá nhân theo mẫu bảng gợi ý (Phụ lục 1.)  - Dùng kết quả học tập của cá nhân, thống nhất trong nhóm (4 học sinh)  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  - Hướng dẫn đọc văn bản.  - Ghi lại ý kiến cá nhân theo mẫu bảng gợi ý (Phụ lục 1.)  - Thống nhất kết quả học tập của cá nhân trong nhóm.  ***\* Báo cáo, thảo luận***  - Báo cáo kết quả học tập của nhóm.  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  ***\*Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **II. Phân tích bài viết tham khảo.**  **VB:** “Người phụ nữ hết lòng làm thiện nguyện”. |
| ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - Hướng dẫn HS tìm ý.  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, lựa chọn đối tượng, tìm ý cho bài viết mẫu (Phụ lục 2)  - Xây dựng thành dàn ý chi tiết.  - Tập viết từng đoạn.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ***  - Tìm ý tưởng cho bài viết.  - Lựa chọn đối tượng, tìm ý cho bài viết mẫu (Phụ lục 2)  - Xây dựng thành dàn ý chi tiết.  - Tập viết từng đoạn.  ***\* Báo cáo, thảo luận***  - HS báo cáo sản phẩm.  - Tổ chức học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhhau.  ***\*Kết luận, nhận định***  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng. | **III. Thực hành viết theo các bước*.***  **1. Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài;  - Tìm ý;  - Lập dàn ý.  **2. Viết bài**  **3. Chỉnh sửa bài viết** |

**PHIẾU RÀ SOÁT VÀ GỢI Ý CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| Giới thiệu được người hoặc sự việc mà em muốn bộc lộ tình cảm, suy nghĩ | Nếu chưa có, hãy bổ sung thông tin cho lời giới thiệu để người đọc có được hình dung ban đầu về người hoặc sự việc |
| Nêu được đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc để lại ấn tượng, cảm xúc sâu đậm trong em | Nếu chưa có hoặc chưa đủ, hãy bổ sung nội dung để người đọc hiểu rõ những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc đã để lại ấn tượng trong em |
| Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ của em đối với người hoặc sự việc đó. Chú ý sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc | Đánh dấu những từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm, suy nghĩ về người hoặc sự việc được nói tới. Nếu chưa có hoặc chưa đủ, cần bổ sung |
| Bảo đảm yêu cầu về chính tả, diễn đạt | Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu... và chỉnh sửa nếu phất hiện lỗi |

**Hoạt động 4:** **Vận dụng.**

*a/ Mục tiêu:* Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

*b/ Nội dung:* Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

*c/ Sản phẩm:* Bài làm của HS

*d/ Tổ chức thực hiện:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **Nội dung** |
| \* ***Chuyển giao nhiệm vụ***  *- GV yêu cầu HS:* Trong gia đình em, ai cũng hết lòng thương yêu em. Em hãy viết bài văn biểu cảm về một người thân em yêu quý và kính trọng  *\** ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - Học sinh viết bài hoàn chỉnh ở nhà  *\** ***Báo cáo, thảo luận:***  - Chia sẻ bài làm của cá nhân ở tiết học sau.  *\** ***Kết luận, nhận định:***  - Nhận xét , đánh giá bài làm của HS | **\* Dàn bài gợi ý.**  **a. Mở bài.**  - Giới thiệu đối tượng biểu cảm (ai) và tình cảm chung với đối tượng ( yêu quý, tự hào, biết ơn..)  **b. Thân bài.**  - Biểu cảm cụ thể về người đó.  - Biểu cảm về vẻ đẹp ngoại hình, tính tình, tài năng ( nét tiêu biểu) —> yêu, quý, khâm phục…  - Biểu cảm về đối tượng ở những kỉ niệm sâu sắc (kể lại hai, ba kỉ niệm) —> hiểu rõ hơn, yêu quý hơn, khâm phục…  - Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình ( quan trọng thế nào, nếu có, nếu không…)  **c. Kết bài.**  - Khẳng định lại tình cảm yêu quý của mình với đối tượng.  - Liên hệ mình cần làm gi để thự hiện tình cảm trên. |

**1. Phụ lục 1.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đối tượng biểu cảm** | **Tình cảm được biểu đạt** | **Bố cục bài viết** | **Các yếu tố được kết hợp.** |
| **Con người ( Bà Nhhung)** | **Cảm phục và kính trọng** | **- Mở bài: “ Bầu ơi… nhân cách cao đẹp này” -> Giới thiệu vấn đề “ tương thân tương ái” và lòng nhân hậu của bà Nhung.**  **- Thân bài: “** Bá Nhung hiện đang sống tại một căn nhá nhỏ… có lẽ không ai không câm thấy ấm áp vá xúc động**”. -> Tình cảm và việc làm của bà Nhung đối với những người con nuôi.**  **- Kết bài: Phần còn lại -> Tình cảm đối vói nhân vật và suy nghĩ của người viết.** | **- Tự sự: kể hoàn cảnh và việc làm của bà Nhung** |

**2. Phụ lục 2.**

|  |  |
| --- | --- |
| Đối tượng biểu cảm là ai? Sự việc nào? | ……………………………………………………………….. |
| Em sẽ biểu cảm về những khía cạnh nào của đối tượng? Ghi lại ngắn gọn đặc điểm của đối tượng và cảm xúc của mình. | ………………………………………………………………..  ………………………………………………………  ………………………………………………………… |
| Em dự kiến sử dụng các chi tiết tự sự, miêu tả không? Em sẽ kể chuyện/việc gì trong bài viết và ý nghĩa của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của em. | ………………………………………………………………..  …………………………………………………………  …………………………………………………………  ………………………………………………………… |

**3. Phụ lục 3.**

**\* Dàn bài gợi ý 1.**

**a. Mở bài.**

- Giới thiệu đối tượng biểu cảm (ai) và tình cảm chung với đối tượng ( yêu quý, tự hào, biết ơn..)

**b. Thân bài.**

- Biểu cảm cụ thể về người đó.

- Biểu cảm về vẻ đẹp ngoại hình, tính tình, tài năng ( nét tiêu biểu) —> yêu, quý, khâm phục…

- Biểu cảm về đối tượng ở những kỉ niệm sâu sắc (kể lại hai, ba kỉ niệm) —> hiểu rõ hơn, yêu quý hơn, khâm phục…

- Biểu cảm về vai trò của người đó đối với mình ( quan trọng thế nào, nếu có, nếu không…)

**c. Kết bài.**

- Khẳng định lại tình cảm yêu quý của mình với đối tượng.

- Liên hệ mình cần làm gi để thự hiện tình cảm trên.

**\* Dàn bài gợi ý 2.**

**a. Mở bài.**

- Vai trò của gia đình (nếu đối tượng biểu cảm là cha mẹ, anh chị…) đối với mỗi người.

- Giới thiệu về người thân mà em yêu quý: Người đó là ai?

- Khái quát những tình cảm mà em dành cho người thân đó: yêu quý, kính trọng, ngưỡng mộ,… (ông bà, cha mẹ,…) / yêu mên, cảm phục (anh chị, bạn bè,…)

**b. Thân bài**

- Cảm nghĩ những nét ấn tượng nhất về ngoại hình người thân đó. (kết hợp biểu cảm trực tiếp với biểu cảm gián tiếp).

- Biểu cảm những nét tiêu biểu về tính cách, sở thích, lối sống

- Cảm nghĩ về những tính cách của người thân (nêu lên những tình cảm, cảm xúc đối với những đặc điểm tính cách của người thân). Chẳng hạn, kỉ niệm về một lần mắc lỗi được mẹ bảo ban, nhắc nhở / được cha động viên về một thành công trong học tập.

- Cảm nghĩ về ảnh hưởng của người đó tới cuộc sống của em và những thành viên khác trong gia đình

- Gợi lại những kỉ niệm của em với người ấy

**c. Kết bài**

- Những cảm xúc về tình mẫu tử / tình phụ tử,… và khẳng định tình yêu, lòng quý trọng, sự tôn kính,… đối với người thân của mình.

- Liên hệ bản thân.

**---------------------------------------**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 54: NÓI VÀ NGHE**

**Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng sao cho lan tỏa được tới người nghe, biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tôn trọng người nói; ghi nhận những suy nghĩ của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

***2. Về năng lực:***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác .

- Biết trình bày ý kiến, cảm nhận của bản thân về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

***3. Về phẩm chất:***

- Hăng hái tham gia các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng

- Tương thân, tương ái, sống giàu tình yêu thương.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Giấy A4.

- Tranh vẽ minh họa sách hoặc truyện tranh.

- Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm.

- Bài giới thiệu các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng dưới các hình thức

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú học tập cho học sinh.

- Kích thích học sinh tìm hiểu thông điệp gợi ra từ video về các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

**b. Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video về thông điệp cuộc sống và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe và trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung là trình bày ý kiến về một vấn đề được gợi ra từ video.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video về “ các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng” và giao nhiệm vụ cho HS.

? Nội dung của đoạn video? Thông điệp mà đoạn video muốn truyền đạt đến chúng ta?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân.

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng** | |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  *? Chuẩn bị nội dung một bài nói em cần chuẩn bị những gì? Các bước chuẩn bị?*  *? Dàn ý một bài nói gồm những phần nào?*  *? Những hoạt động thiện nguyện tiêu biểu?*  *? Đối tượng được giúp đỡ của các hoạt động thiện nguyện là ai?*  *? Bản chất, vai trò của những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng?*  *?**Những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng có ý nghĩa như thế nào trong cuộc sống?*  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK/102).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS tập nói trước nhóm/tổ. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY BÀI NÓI** | |
| **a)** **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng trình bày bài nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  **b)** **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý đã chuẩn bị trước.  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của đã chuẩn bị trước  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **SAU KHI NÓI** | |
| **a**) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c) Sản phẩm:** Bài nói vànhận xét về HĐ nói của từng HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Giới thiệu một số những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng đang diễn ra?

Bài tập 2: Trình bày ý kiến về một *hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng* mà em cho rằng có ý nghĩa nhất hiện nay(trình bày trực tiếp hoặc qua đoạn phim ngắn).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV .

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**Ngày kí duyệt:**

**Nguyễn Thị Huệ**

**Ngày soạn:**

**BÀI 5: MÀU SẮC TRĂM MIỀN**

**I. MỤC TÊU   
 1. Về kiến thức**

**-** Chất trữ tình, cái tôi của tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.

**-** Sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.

- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống

**2. Về năng lực:**

**\*Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi của tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.

- Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.

- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**\*Năng lực chung**

- Nhận biết tình cảm, cảm xúc của bản thân và hiểu được ảnh hưởng của tình cảm, cảm xúc đến hành vi).

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; nhận biết được ngữ cảnh giao tiếp và đặc điểm, thái độ của đối tượng giao tiếp.

**2. Về phẩm chất**

- Có thái độ yêu mến, trân trọng nền văn học Việt Nam, trong đó có thể tùy bút, tản văn

- Yêu thiên nhiên quê hương, đất nước; có ý thức trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền

- Luôn có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị lớn lao của văn học dân tộc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

- Tranh, video liên quan đến nội dung văn bản truyện.

- Phiếu học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**Ngày dạy:**

**Tiết 55: Giới thiệu bài học, Khám phá tri thức ngữ văn**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khám phá tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

Trò chơi: Nhìn tranh đoán tên vùng miền

|  |  |
| --- | --- |
| Hoan Kiem,Ha Noi Viet Nam | Việt nam, Phong cảnh, Hình ảnh | https://tse3.mm.bing.net/th?id=OIP._eiRotJ9boO9XF3pgDo3ogHaE8&pid=Api&P=0&w=247&h=164 |
|  |  |

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

- Bức tranh 1: Tháp Rùa Hồ Gươm Hà Nội

- Bức tranh 2: Cầu Tràng Tiền, sông Hương xứ Huế

- Bức tranh 3: Cầu Vàng Đà Nẵng

- Bức tranh 4: Thành Phố Hồ Chí Minh

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**GV** tổ chức trò chơi: Nhìn tranh đoán tên vùng miền

- Yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học ngữ văn trong SGK.

- GV chiếu yêu cầu cần đạt lên màn hình, gọi HS đọc và nhấn mạnh những nội dung HS cần ghi nhớ.

- Yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn/SGK

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS:** HS quan sát 4 bức tranh, trả lời câu hỏi của GV.

- Đọc phần Giới thiệu bài học, Tri thức Ngữ văn.

- Nghe, ghi nhớ các yêu cầu cần đạt.

**GV:**

- Quan sát và lắng nghe.

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Trả lời câu hỏi của GV.

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ( câu trả lời của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

***Giáo viên dẫn:***

“Việt Nam đất nước ta ơi

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

Cánh cò bay lả rập rờn

Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều”

(*Việt Nam quê hương ta* – Nguyễn Đình Thi)

Thế giới thật rộng lớn, mỗi vùng miền cỏ thể được ví như một mảnh ghép làm nên bức tranh muôn màu có những vẻ đẹp riêng. Nhưng con người lại luôn có ước mơ khám phá, tìm hiểu những nẻo đường, những chân trời mới, và không phải ai cũng thực hiện ngay được. Văn học sẽ giúp chúng ta khám phá những chân trời mới, mở rộng tầm nhìn, để mỗi con người được hòa nhập mình với thế giới rộng lớn. Cô hi vọng với các VB ở bài 5, các em sẽ được đến, khám phá những màu sắc trăm miền của đất nước, để các em biết rằng đất nước Việt Nam của chúng ta rộng lớn và xinh đẹp như thế nào.

-GV Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1. TÌM HIỂU GIỚI THIỆU BÀI HỌC**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS xác định rõ nội dung chủ đề và thể loại văn bản chính của bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ suy nghĩ.

**c. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **I. Giới thiệu bài học** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Làm việc cá nhân:  - GV yêu cầu HS đọc phần Giới thiệu bài học (SGK/tr.105) và cho biết:  *1)* *Bài học 1 gồm những văn bản đọc chính nào?*  *2) Các VB đọc chính cùng thuộc thể loại gì?*  *3) VB đọc kết nối chủ đề thuộc thể loại gì?*  *4) Vì sao các VB đọc chính và VB3 (đọc kết nối chủ điểm) lại cùng xếp chung vào bài học 5?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS đọc, suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trả lời câu hỏi của GV  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.  - GV dẫn dắt giới thiệu vào nội dung bài học. | | **- VB đọc chính:**  **+** VB1: *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt –* Vũ Bằng (Tùy bút)  + VB 2: *Chuyện cơm hến –* Hoàng Phủ Ngọc Tường (Tản văn)  + VB 3: Hội lồng tồng – Trần Quốc Vượng, Lê Văn Hảo, Dương Tất Từ (Văn bản thông tin)  **- VB 3 đọc kết nối chủ đề** thuộc thể loại Văn bản thông tin  - Cả 3 VB đọc chính và đọc kết nối chủ điểm cùng xếp chung vào bài 1 vì đều là những màu sắc cuộc sống của nhiều nơi trên đất nước Việt Nam. |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu**: **-** HS nắm được chủ đề, nội dung của bài học, nhận biết được hình thức ghi chép, chất trữ tình trong văn bản tùy bút.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trao đổi nhóm về nội dung được nêu trong SHS, trình bày một phút để tìm hiểu thể tùy bút, tản văn, đặc điểm văn bản tường trình và ngôn ngữ vùng miền

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| 1. **Giao nhiệm vụ học tập**   - GV yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn trong sgk sau đó trả lời câu hỏi  *? Tùy bút và tản văn là loại tác phẩm văn học chú trọng điều gì? Các tác phẩm tùy bút và tản văn thường viết để làm gì?*  *? Vậy em đã từng viết một văn bản nào thuộc thể tùy bút và tản văn chưa, hãy chia s .*  *? Em hiểu gì về văn bản tường trình và ngôn ngữ vùng miền.*  **2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe, nghiên cứu SGK, hoạt động cá nhân  - GV quan sát hoạt động của HS  - Dự kiến sản phẩm:  ………..  **3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày 1 phút  **4. Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức, ghi lên bảng | **II. Tri thức ngữ văn**  **1. Tùy bút**  - Là thể loại văn xuôi thuộc loại hình kí  -Đặc điểm:  +Điểm tựa của tùy bút là cái tôi  +Ghi chép về con người, sự kiện cụ thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ, đậm chất trữ tình  + Ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu chất thơ  **2. Tản văn**  - Là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm xúc  -Đặc điểm:  +Người viết thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến của mình  +Tự do trong cách biểu hiện, kết hợp tự sư, trữ tình, miêu tả, nghị luận..  + Ngôn ngữ gần gũi đời thường, như lời chuyện trò tâm sự  **3.Văn bản tường trình**  - Là loại văn bản thông tin được tổ chức theo thể thức riêng  -Đặc điểm:  + Nội dung trình bày về một vụ việc, cần xem xét, làm rõ  + Người viết tường trình có liên quan đến vụ việc  **4.Ngôn ngữ vùng miền**  - Là biến thể theo mỗi địa phương của một ngôn ngữ  - Đặc điểm:  +Thể hiện ở phương diện ngữ âm và từ vựng  + Mỗi phương ngữ thường có một số từ ngữ có nghĩa tương đương hoặc không tương đương với ngôn ngữ toàn dân |

**Ngày dạy:**

**TIẾT 56,57. Đọc văn bản 1:**

**THÁNG GIÊNG, MƠ VỀ TRĂNG NON RÉT NGỌT**

**(Vũ Bằng)**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên**

- Máy tính, máy chiếu

- Giáo án; ppt;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học sinh:**

- SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

- Hoàn thành các câu hỏi, phiếu học tập cô giáo giao.

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

Giúp HS tạo khí thế hứng khởi bước vào bài học

**b. Nội dung:** chuẩn bị ở nhà của HS

**c. Sản phẩm**: kết quả chuẩn bị ở nhà

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**1.Giao nhiệm vụ trước giờ học:**

*-Sưu tầm và chép lại một số đoạn văn, câu thơ hay về mùa xuân?*

***2. Thực hiện nhiệm vụ***

- HS làm việc cá nhân (1 em viết lên bảng)….

\*. Dự kiến sản phẩm:

*Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi! Con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai muơi*

*Dù là khi tóc bạc*

(Mùa xuân nho nhỏ- Thanh Hải)

*Ôi tiếng hót say mê con chim chiền chiện.*

*Trên đồng lúa chiêm xuân nó chao mình bay liệng*

*Xuân ơi xuân vui tới mênh mông*

*Biển vui dâng sóng trắng đầu ghềnh*

                  (Bài ca xuân 61 – Tố Hữu)

***3. Báo cáo, thảo luận:*** Gọi học sinh nhận xét bài làm trên bảng của bạn

-> Chữa từng câu

**-** Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.

***4. Kết luận, nhận định:***- GV nhận xét, đánh giá, dẫn vào bài

- GV nhận xét, hướng vào bài: Các em ạ, mùa xuân là mùa đầu tiên của một năm hứa hẹn bo điều tốt đẹp. Tác giả của “***Thương nhớ mười hai*** „cũng bắt đầu cuốn sách của mình bằng nỗi nhớ miền Bắc với tháng giêng mùa xuân, với *trăng non, rét ngọt* giữa đất trời Sài Gòn nắng nóng và mưa rào. Để tìm hiểu những giá trị đặc sắc của văn bản trước tiên chúng ta sẽ cùng đi vào phần Tri thức ngữ văn.

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\* Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm**

**a. Mục tiêu:**

Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Vũ Bằng và văn bản “Mùa xuân của tôi”.

**b. Nội dung**: Dựa trên sgk và phần chuẩn bị ở nhà học sinh thảo luận và trình bày được kiến thức cơ bản về tác giả và văn bản

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập trình bày kết quả làm việc của hs ở nhà và nội dung hs thuyết trình trước lớp

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **1. Giao nhiệm vụ học tập:**  Giáo viên yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân:  *Qua việc chuẩn bị ở nhà, em hãy trình bày hiểu biết về tác giả Vũ Bằng và văn bản “Mùa xuân của tôi”?*  *- Em hãy nêu xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm? Văn bản được viết theo thể loại nào? Phương thức biểu đạt?*  *- Bài văn viết về cảnh sắc và không khí mùa xuân ở đâu ? Hoàn cảnh và tâm trạng của tác giả khi viết bài này như thế nào?*  *- Bài văn có thể chia thành mấy đoạn? Mỗi đoạn từ đâu đến đâu, nội dung của mỗi đoạn là gì?*  - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện  **2 .Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: Đọc chú thích, nghiên cứu sgk  , suy nghĩ, trình bày  - Giáo viên: Quan sát, động viên, lắng nghe học sinh trình bày  \*. Dự kiến sản phẩm:  - Tác giả: **Vũ Bằng**([1913](https://vi.wikipedia.org/wiki/1913) - [1984](https://vi.wikipedia.org/wiki/1984)), tên thật là **Vũ Đăng Bằng**, là một [nhà văn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_v%C4%83n), [nhà báo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_b%C3%A1o) của [Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam). Ông là người có sở trường về viết [truyện ngắn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Truy%E1%BB%87n_ng%E1%BA%AFn), [tùy bút](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%C3%B9y_b%C3%BAt&action=edit&redlink=1), [bút ký](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%BAt_k%C3%BD). Ông đã vào [Sài Gòn](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) sau [1954](https://vi.wikipedia.org/wiki/1954) để làm báo và hoạt động tình báo. Ngoài bút hiệu Vũ Bằng, ông còn ký với các bút hiệu khác: *Tiêu Liêu, Vịt Con, Thiên Thư, Vạn Lý Trình, Lê Tâm, Hoàng Thị Trâm.*  - Văn bản:  + Trích trong tập tùy bút bút kí “Thương nhớ mười hai”  + Viết trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt.  + Thể loại: Tùy bút  HD đọc: Giọng chậm rãi, da diết, sâu lắng, mềm mại, hơi buồn  - Bài văn viết về cảnh sắc và không khí mùa xuân ở HN và MB qua nỗi nhớ thương da diết của 1 người xa quê đang sống ở SG trong vùng kiểm soát của Mĩ-nguỵ, khi đất nước còn bị chia cắt.  **3. Báo cáo, thảo luận:**  Tổ chức học sinh trình bày, báo cáo kết quả theo từng nội dung, yêu cầu.  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung  **4. Kết luận, nhận định:**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, mở rộng kiến thức cho hs  -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng- Hs tự ghi vở  **\* Tìm hiểu phần 1 văn bản**  **a.Mục tiêu**:Hs nêu được quy luật tình cảm của con người đối với mùa xuân  **b. Nội dung**: Học sinh nghiên cứu phần thứ nhất của văn bản nêu được cảm xúc của tác giả đối với mùa xuân  **c. Sản phẩm**: Câu trả lời của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện**:  ***1. Chuyển giao nhiệm vụ***  Gv yêu cầu học sinh hoạt động cặp đôi trả lời câu hỏi sau:  *- Đọc đoạn 1 cho biết tg đã diễn tả tình cảm của con người đối với mùa xuân qua những chi tiết nào?*  *- Biện pháp nghệ thuật nào đã được sử dụng ở đoạn này? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó ?*  - *Đoạn văn bình luận trên đã bộc lộ được thái độ, tình cảm gì của tác giả đối với mùa xuân quê hương?*  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ: Lắng nghe yêu cầu, nắm được nhiệm vụ  ***2. Thực hiện nhiệm vụ:***  - Học sinh làm việc cá nhân -> trao đổi với bạn và thống nhất ý kiến  - Gv quan sát, động viên, hướng dẫn học sinh làm việc, hỗ trợ nếu cần  ***\*. Dự kiến sản phẩm:***  - Những chi tiết diễn tả tình cảm của con người đối với mùa xuân:  - Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân.  - Ai bảo được.....mê luyến mùa xuân.  - Các biện pháp nghệ thuật: điệp ngữ “*ai”, đừng thương,ai cấm được.* Điệp câu: *ai cấm được mẹ yêu con*.  - Sử dụng nhiều dấu chấm, dấu phẩy.  - Tác dụng: Khẳng định quy luật rất tự nhiên tất yếu của tình cảm con người: ai cũng yêu, cũng chuộng ... mùa xuân.  ***3. Báo cáo, thảo luận:***  - Tổ chức cho học sinh đại diện một số cặp trình bày, báo cáo kết quả  - Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu 1 hoặc 2 cặp lên trình bày kết quả  - Học sinh nhóm khác bổ sung  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung  ***4. Kết luận, nhận định:***  - Giáo viên nhận xét, đánh giá => chốt kiến thức cơ bản ghi bảng -> hs tự ghi vào vở | **I. Tìm hiểu chung**   1. **Tác giả**   ***-*** Vũ Bằng (1913-1984), quê Hà Nội.  - Có sở trường về truyện ngắn, tuỳ bút, bút kí.  **2. Văn bản**  a. Xuất xứ, thể loại  - Trích từ tập tuỳ bút “Thương nhớ mười hai”  - Thể loại: tuỳ bút.  - PTBĐ: Biểu cảm  b. Đọc, chú thích, bố cục:  *- Bố cục: 2 phần*  - Từ đầu -> "mê luyến mùa xuân": Cảm nhận về qui luật tình cảm của con người đối với mùa xuân.  - Tiếp -> hết: Cảnh sắc, không khí mùa xuân và gia đình  **II.Tìm hiểu chi tiết:**  **1. Quy luật tình cảm của con người đối với mùa xuân**  -Sử dụng điệp từ, điệp ngữ, điệp kiểu câu, ngôn ngữ giàu cảm xúc  🡪Nhấn mạnh tình cảm của con người đối với mùa xuân là tất yếu, thể hiện sự nâng niu, trân trọng, say mê mùa xuân |

**HẾT TIẾT 1**

**\*Tìm hiểu mục 2 của văn bản**

**a.Mục tiêu**:Hs nêu được cảm xúc về những nét riêng của cảnh sắc thiên nhiên, không khí của mùa xuân Hà Nội, về miền Bắc qua nỗi lòng “ sầu xứ”, tâm sự nhớ thương da diết của tác giả

**b. Nội dung**: Học sinh nghiên cứu phần thứ hai của văn bản nêu được cảm xúc của tác giả đối với cảnh sắc và không khí mùa xuân miền Bắc

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Phiếu học tập số 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Không gian thiên nhiên và không gian gia đình trước mùa xuân** | |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| - Tìm chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rẳm tháng Giêng) |  |
| - Tìm được những chi tiết miêu tả không gian gia đình. |  |
| - Nhận xét về không gian mùa xuân của thiên nhiên và không gian gia đình. |  |

**Phiếu học tập số 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Sức sống của thiên nhiên, con người trước mùa xuân** | |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| - Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của thiên nhiên trước mùa xuân. |  |
| - Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của con người trước mùa xuân. |  |
| - Nhận xét về sức sống của thiên nhiên và con người trước mùa xuân.  - Nhận xét từ ngữ sử dụng của tác giả |  |

**Dự kiến trả lời**

**Phiếu học tập số 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| - Tìm chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rẳm tháng Giêng) | - Không gian Hà Nội vào mùa xuân khoảng đầu tháng Giêng: *mưa riêu riêu; gió lảnh lạnh; tiếng nhạn kêu trong đêm xanh; tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa; câu hát huê tình, đất trời mang mang; đường sá không còn lấy lội nữa; cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa;...*  - Không gian Hà Nội vào mùa xuân khoảng sau rằm tháng Giêng: *đào hơi phai nhưng nhuỵ vẫn còn phong, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu Giêng, nhưng trái lại lại nức một mùi hương man mác; mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu pha lê mờ; bầu trời đã có những vệt xanh tươi; đã có hoa thiên lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa; nến trời trong có những làn sáng hổng;...* Đặc biệt, khung cảnh đêm trăng tháng Giêng  *xanh biêng biếc, có mưa dầy, nhìn rõ từng cánh sếu bay, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ, có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc.* |
| - Tìm được những chi tiết miêu tả không gian gia đình. | *nhang trầm, đèn nến, bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ Tổ tiên, bữa cơm giản dị có cà om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh...* |
| - Nhận xét về không gian mùa xuân của thiên nhiên và không gian gia đình. | - Không gian mùa xuân: đẹp, thanh bình, mang những nét đặc trưng của miền Bắc.  - Không gian gia đình ấm cúng, sum vầy, chuyển dịch về với sinh hoạt đời thường êm đềm sau ngày rằm tháng giêng |

**Phiếu học tập số 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| - Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của thiên nhiên trước mùa xuân. | - Sức sống của thiên nhiên: *rạo rực nhựa sống trong cảnh mai, gốc đào. chổi mận ở ngoải vườn; đồi núi chuyền mình, sông hồ rung động; sông xanh, núi tím; máu cũng căng lên trong lộc của loài nai; mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ;...* |
| - Tìm những chi tiết miêu tả sức sống của con người trước mùa xuân. | - Sức sống của con người*: lòng mình say sưa một cái gì đó - có lẽ là sự sống; nhựa sổng ở trong người căng lên; tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, đập mạnh hơn; “sống” lại và thèm khát yêu thương, thấy ai cũng muốn yêu thương; trong lòng như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng mở hội liên hoan; cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa;...* |
| Nêu nhận xét:  - Tác động của mùa xuân tới thiên nhiên, con người  - Nhận xét từ ngữ sử dụng của tác giả | - Mùa xuân gợi sức sống mãnh liệt cho thiên nhiên và gợi niềm yêu cuộc sống, hướng con người đến những giá trị tinh thần tốt đẹp, truyền thống.  - Tác giả diễn tả những cảm giác vô hình, khó nắm bắt bằng những hình ảnh cụ thể, giàu sức gợi; bằng những so sánh dễ hình dung; bằng cách nói mới lạ, thú vị,... |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| **1.Giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau:  - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện vào phiếu học tập  ***2.Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh làm việc cá nhân -> trao đổi, thảo luận trong nhóm -> thống nhất ý kiến trên phiếu học tập  - Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh  \*. Dự kiến sản phẩm:  ***3. Báo cáo, thảo luận:***  - Gv gọi đại diện 1 số nhóm trình bày kết quả thảo luận  - Các nhóm khác bổ sung  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung  ***4. Kết luận, nhận định:***  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, mở rộng kiến thức cho hs  -> Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng | **2. Cảnh sắc, không khí mùa xuân và gia đình**  - Không gian mùa xuân: đẹp, thanh bình, mang những nét đặc trưng của miền Bắc.  - Không gian gia đình ấm cúng, sum vầy, chuyển dịch về với sinh hoạt đời thường êm đềm sau tết  - Tác giả diễn tả những cảm giác vô hình, khó nắm bắt bằng những hình ảnh cụ thể, giàu sức gợi; bằng những so sánh dễ hình dung; bằng cách nói mới lạ, thú vị,...  🡪Mùa xuân gợi sức sống mãnh liệt cho thiên nhiên, hướng con người đến những tình cảm yêu thương, khát vọng cao đẹp |

**\*Tìm hiểu mục tổng kết**

**a. Mục tiêu**: Giúp học sinh khái quát được những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản.

**b. Nội dung** của hoạt động: Học sinh nêu được nội dung, nghệ thuật chính của văn bản, nêu được ý nghĩa nổi bật của văn bản.

**c. Sản phẩm** hoạt động: Học sinh trình bày miệng bằng kĩ thuật trình bày 1 phút

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **Nội dung** |
| ***1. Giao nhiệm vụ học tập:***  *Nêu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?*  *? Tìm một số chi tiết để chứng tỏ bài tùy bút mang đậm dấu ấn cá nhân tác giả.*  - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện  ***2 .Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh làm việc cá nhân suy nghĩ trả lời câu hỏi hoặc bổ sung ý kiến  - Giáo viên: Nêu câu hỏi, gọi hs trả lời, gợi ý, động viên hs  \*. Dự kiến sản phẩm:  ***- Nghệ thuật:***  + Lựa chọn từ, ngữ, câu văn linh hoạt, biểu cảm, giàu hình ảnh.  + Trình bày nội dung văn bản theo mạch cảm xúc lôi cuốn, say mê.  + Có nhiều so sánh, liên tưởng phong phú, độc đáo, giàu chất thơ.  ***- Nội dung***  ***-*** Văn bản thể hiện sự gắn bó máu thịt giữa con người với quê hương, xứ sở - một biểu hiện cụ thể của tình yêu đất nước.  - ***Dấu ấn cá nhân***  Các câu văn :  +*Mùa xuân của tôi, mùa xuân thần thánh, mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến🡪* Tình cảm, gắn bó sâu nặng với quê hương, xứ xở của một người con xa quê  +*Ơi ơi người em gái xoã tóc bên cửa sổ 🡪* Câu văn như lời tâm tình, thủ thỉ  ***3. Báo cáo, thảo luận:***  - Gv gọi hs lần lượt trình bày câu trả lời theo câu hỏi phát vấn  - Hs trả lời câu hỏi, bổ sung cho nhau  - Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung  ***4. Kết luận, nhận định:***  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, mở rộng kiến thức cho hs | **III. Tổng kết:**   1. **Nghệ thuật**   - Lựa chọn từ, ngữ, câu văn linh hoạt, biểu cảm, giàu hình ảnh  - Trình bày nội dung văn bản theo mạch cảm xúc lôi cuốn, say mê.  - Có nhiều so sánh, liên tưởng phong phú, độc đáo, giàu chất thơ.  **2. Nội dung**  ***-*** Văn bản thể hiện sự gắn bó máu thịt giữa con người với quê hương, xứ sở - một biểu hiện cụ thể của tình yêu đất nước. |

**\* Viết kết nối với đọc ( 10’** )

**Mục tiêu**:- Giải quyết vấn đề , tư duy sáng tạo, tự học , sử dụng ngôn ngữ .

\_ Vận dụng từ văn bản tùy bút “ Tháng giêng , mơ về trăng non rét ngọt ” cảm nhận của tác giả qua cảnh sắc thiên nhiên, con người , không khí gia đình trước rằm tháng giêng , và sau rằm tháng giêng .

**Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) Em hãy nêu cảm nhận của em khi mùa xuân đến

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét…

**B4: Kết luận, nhận định (**GV)

- Nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) đoạn văn mẫu.

Xuân về cũng là lúc con người đón chào năm mới, đây cũng là thời điểm có dịp Tết cổ truyền của vô cùng quan trọng của dân tộc. Đã bao đời nay, tết trở thành một lễ hội nằm trong niềm mong đợi và không thể thiếu của con người Việt Nam. Mỗi khi Tết đến, mỗi người trong gia đình đều có những công việc riêng, tuy ai cũng bận rộn, nhưng tất cả đều cảm thấy vui vẻ. Đặc biệt nhất là khi cả nhà cùng gói bánh chưng. Những chiếc lá rong xanh, hạt đỗ vàng, thịt mỡ và gạo trắng thơm, bố bận rộn dọn dẹp nhà cửa, mẹ thì đi chợ mua đồ chuẩn bị cho những ngày tết, anh trai ra chợ hoa mua cây quất, cây đào về trang trí nhà cửa. Em cũng phụ giúp mọi người hoàn thành công việc của mình. Đêm ba mươi, cả nhà em cùng quây quần bên mâm cơm, rồi ngồi xem chương trình văn nghệ. Những ngày đầu năm mới, mọi người mặc quần áo thật đẹp để đi chúc tết họ hàng, em cũng chúc Tết ông bà, bố mẹ và nhận được phong bao lì xì đỏ thắm, không khí hân hoan, vui tươi khiến bao trùm lấy mỗi người.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**:Củng cố kiến thức đã học vào việc thực hành luyện tập làm các bài tập

**b. Nội dung:** Học sinh nghiên cứu yêu cầu của từng bài tập làm việc cá nhân và hợp tác với bạn để giải bài tập

**c. Sản phẩm**: Học sinh trình bày miệng, trình bày vào phiếu học tập thuyết trình trước lớp

**d. Tổ chức thực hiện:**

***1. Giáo viên chuyển giao nhiệm vụ:***

*Hãy viết một đoạn văn ngắn (5-7 câu) nêu cảm xúc về mùa xuân trên quê hương em?*

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ: Nắm vững yêu cầu của mỗi bài tập

***2. Thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh làm việc cá nhân, trình bày vào vở

- Gv quan sát, động viên, hướng dẫn học sinh làm việc

***\*. Dự kiến sản phẩm:***

Mùa xuân - mùa sinh sôi, nảy nở của cây cối. Làn mưa xuân nhè nhẹ, lất phất bay như những bàn tay mềm mại, âu yếm vuốt ve những mầm non mới nhú giúp chúng mau lớn nhanh để chuẩn bị đón những tia nắng đầu năm. Khắp nơi nơi đều được phủ một lớp màu đặc sắc của tất cả những loài hoa. Dường như mùa xuân cũng là mùa thi "sắc" của hoa, bông nào cũng cố gắng vươn mình trong nắng mai để khoe sắc. Mùa xuân cũng không thể thiếu sắc hồng của đào, sắc vàng của mai Chao ôi! Mùa xuân thật đẹp, thật tuyệt vời, nó đã trở thành biểu tượng đặc sắc nhất trong những ngày Tết hàng năm.

***3. Báo cáo, thảo luận:***

- Giáo viên gọi học sinh trình bày

- Học sinh khác nhận xét,bổ sung

- GV nhận xét, đánh giá, cho điểm

***4. Kết luận, nhận định:***

- Giáo viên nhận xét hướng dẫn học sinh tiếp tục hoàn thiện nội dung

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học vào tình huống thực tế.

**b. Nội dung**: GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh, giao nhiệm vụ cho học sinh từ giờ trước

**c. Sản phẩm**: Học sinh trình bày trên giấy

**d. Tổ chức thực hiện**:

**1*. Giao nhiệm vụ học tập****:*

*? Hãy vẽ một bức tranh về mùa xuân theo cảm nhận riêng của em.*

Học sinh làm việc cá nhân

- Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ: Nắm vững yêu cầu của mỗi bài tập

***2. Thực hiện nhiệm vụ***

- HS làm việc ở nhà ( nhiệm vụ đã giao từ giờ trước)

\*. Dự kiến sản phẩm:

……..

***3. Báo cáo, thảo luận:***

- Gọi học sinh các nhóm lên trưng bày sản phẩm

**-** Học sinh nhận xét, đánh giá, bổ sung.

- GV nhận xét, đánh giá, cho điểm

***4. Kết luận, nhận định:***

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận về yêu cầu nội dung của sản phẩm

**Ngày dạy:**

**TIẾT 58: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**(Dấu gạch ngang, biện pháp tu từ: So sánh, nhân hoá, điệp ngữ)**

**1. Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung**:GV hỏi, HS trả lời.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

***GV cho HS nghe bài hát: “Cuộc sống mến yêu”, sau đó tìm biện pháp so sánh, nhân hoá.***

***? Tìm ít nhất một câu văn có sử dụng so sánh và một câu văn có sử dụng nhân hoá có trong bài hát?***

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**Dự kiến sản phẩm:**

**\*Câu văn nhân hoá:** Này chú chim non nho nhỏ.

**\*Câu văn so sánh:** Cất tiếng hát líu lo như muốn ngỏ.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a) Mục tiêu**: ôn lại kiến thức công dụng của dấu câu, biện pháp tu từ.

**b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS

**d) Tổ chức hoạt động:**

**1. Ôn tập lý thuyết (Tri thức tiếng Việt)**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV cho HS nhắc lai kiến thức công dụng dấu gạch ngang, biện pháp tu từ đã học

\*Dấu gạch ngang thường được đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói của nhân vật hoặc để liệt kê; đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong cầu; nối các từ trong một liên danh.

\*- Biện pháp tu từ được nói đến trong các bài tập là so sánh, nhân hoá, điệp ngữ…

\*GV chia lớp làm 3 nhóm điền phiếu: Nối cột A (Tên biện pháp tu từ và cột B (Khái niệm) sao cho phù hợp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CỘT A** | **NỐI** | **CỘT B** |
| 1.So sánh |  | a.Là lặp lại từ ngữ để nhấn mạnh, khẳng định, liệt kê |
| 2.Nhân hoá |  | b.Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt |
| 3.Điệp ngữ |  | c.gắn cho đồ vật, cầy cối, con vật,... những đặc điểm, thuộc tính của người, nhằm làm cho đối tượng được miêu tả gần gũi, sinh động |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ hoàn thiện yêu cầu

**B3: Báo cáo thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

Sau 2p, Gv thu phiếu, chốt kiến thức.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CỘT A** | **NỐI** | **CỘT B** |
| 1.So sánh | 1-b | a.Là lặp lại từ ngữ để nhấn mạnh, khẳng định, liệt kê |
| 2.Nhân hoá | 2-c | b.Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt |
| 3.Điệp ngữ | 3-a | c.Gắn cho đồ vật, cầy cối, con vật,... những đặc điểm, thuộc tính của người, nhằm làm cho đối tượng được miêu tả gần gũi, sinh động |

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

**3. HĐ 3: Luyện tập** (**Thực hành tiếng Việt)**

**3.1 Thực hành tiếng Việt về dấu gạch ngang.**

**Bài tập 1*: Đọc hai câu văn sau và thực hiện những yêu cầu bên dưới:***

|  |
| --- |
| *a.Mùa xuân của tôi- mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ nhừng thôn xóm xa xa. có càu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*  b.*Đẹp quá đi. mùa xuân ơi- mùa xuân của Hà Nội thân yêu. của Bắc Việt thương mến.*   1. Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong các càu văn trên. 2. Theo em. nếu không có các cụm từ được tách ra bởi dấu gạch ngang thì nội dung của những câu văn trên sẽ thay đổi như thế nào? |
| 1. Hai dấu gạch ngang (câu a) và phần sau dấu gạch ngang (câu b) đánh dấu bộ phận giải thích, chú thích  2- Nếu bỏ các cụm từ tách ra từ dấu gạch ngang thì ý nghĩa của câu sẽ không đầy đủ. |

**3.2 Thực hành tiếng Việt về biên pháp tu từ**

**Bài tập 2*: Chỉ ra biện pháp tu từ so sánh trong các câu sau. Cho biết điểm tương đồng giữa các đối tượng được so sánh với nhau trong mỗi trường hợp và nêu ý nghĩa của sự tương đồng đó:***

*a.Tôi yêu sông xanh, núi tím: tôi yêu đôi mày ai như trăng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ. nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vi thế.*

*b.Cuối tháng Giêng có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc, chỉ chừng mười giờ tối thì trăng mọc cao lên đỉnh đầu.*

Đáp án: Cặp so sánh *đôi mày ai - trăng mới in ngần* chỉ sự thanh tần, tươi trẻ, dịu dàng; *trời sáng lung linh - ngọc* chỉ vẻ đẹp của ánh sáng trong, thanh khiết, có sắc màu ảo diệu. Chính sự tương đổng này sẽ tạo ra hiệu quả thẩm mĩ cho câu văn. Ở đây, nhà văn bộc lộ tài năng sáng tạo qua việc tạo ra những liên tưởng bất ngờ, kết nối những sự vật tưởng như rất khác nhau.

**Bài tập 3,4.** ***Hãy chỉ ra biện pháp tu từ được dùng trong các câu văn sau và nêu tác dụng của chúng:***

a. Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiễn nhau, chàng tưởng như nghe thấy đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời?

b. Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa.

c.(bài 4) Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con, ai cấm được cô gái còn son nhớ chổng thi mới hết được người mê luyến mùa xuân.

\*GV chia lớp làm 3 nhóm điền phiếu:

Nhóm 1: câu a bài 3

Nhóm 2: câu b bài 3

Nhóm 3: câu c bài 4

Sau 5p, Gv thu phiếu, chốt kiến thức, các Nhóm nhân xét

a,b.Những cụm từ chứa biện pháp tu từ nhân hoá trong hai cầu văn :*đôi mùa giao tiễn nhau, đồi núi chuyển mình, sông hồ rung động, vài con ong siêng năng.* Biện pháp tu từ nhân hoá thể hiện những rung động của nhà văn lan toả vào cảnh vật, thiên nhiên phóng chiếu nội tâm con người.

c.Biện pháp tu từ điệp ngữ ở những cụm từ in đậm và ở những cụm từ khác như “đừng thương”,

Tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ:

+Tao nhịp điệu câu văn

+Trong việc tạo cảm xúc cho người đọc: Nhấn mạnh tình yêu mùa xuân tha thiết của tác giả và khẳng định tình yêu mùa xuân luôn là tình cảm không thể thiếu trong mỗi người

**Bài 5**.***Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn sau và cho biết cách so sánh trong câu này có gì khác so với cách so sánh trong những câu văn ở bài tập 2 (THẢO LUẬN NHÓM BÀN)***

*Nhựa sống ở trong người căng lên như máu cũng căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ ti ti giơ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh.*

-Đây là biện pháp so sánh tầng bậc. Vế một là một cảm giác: *nhựa sống ở trong người căng lên* (hoàn toàn trừu tượng). Vế hai là hai hiện tượng: *máu cũng căng lên trong lộc của loài nai* (cũng trừu tượng nhưng còn có hình ảnh *lộc nai* để hình dung), mầm non của cầy cối *trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti* (dễ hình dung).

-Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong cầu này: Gợi lên sự tươi trẻ và nhiệt huyết và tình yêu tha thiết trong tâm hồn tác giả và những người yêu mùa xuân.

-Sự khác nhau : cách so sánh 1 - 1 ở bài tập 2 là so sánh giữa hai sự vật , chỉ có một vế so sánh. ở bài tập này là cách so sánh tầng bậc: Bài tập này có nhiều vế so sánh, làm cho đối tượng được so sánh hiện lên đa dạng, phong phú, sâu sắc hơn.

**Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của từng bài tập.

- Từ nội dung bài tập, hãy nhắc lại tri thức tiếng Việt.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS**: xác định yêu cầu của từng bài tập và làm việc cá nhân ở bài 1,2,; làm việc nhóm ở bài tập 3, 4.

**GV** theo dõi, hướng dẫn và hỗ trợ HS làm bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm cá nhân & hướng dẫn các em cách trình bày (nếu cần).

**HS** chữa bài tập, Hs khác nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, làm việc nhóm của HS.

- Chốt đáp án của bài tập 1,2,3,4 lên bảng/ màn hình và chốt nội dung tri thức tiếng Việt.

**\*Bài tập bổ sung:** GV cho HS chơi trò chơi **“ Thu hoạch cà rốt”**

**Trò chơi gồm 4 câu hỏi**

**Hình thức:** Cả lớp cùng tham gia giúp bạn Thỏ thu hoạch cà rốt và có bữa ăn no bằng cách trả lời các câu hỏi:

**Câu 1. *Dấu gạch gang trong câu sau có tác dụng gì ?***

**Tuyến đường Hà Nội- Hải Phòng là tuyến đường giao thông quan trọng của cả nước.**

A. Nối các từ trong một liên danh (X)

B. Liệt kê

C. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

D. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích

**Câu 2.*Dấu gạch gang trong câu sau có tác dụng gì ?***

**Hà-Lớp trưởng 7A học rất giỏi**

A. Nối các từ trong một liên danh

B. Liệt kê

C. Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.

D. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích(X)

**Câu 3. *Câu văn sau sử dụng biện pháp tu từ gì ?***

**Bàng non khúc khích cười đùa với gió**

A.So sánh B. Nhân hoá(X)

C.Điệp ngữ D. Ẩn dụ

**Câu 4.** Có bạn cho rằng trong câu: **“Cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ”** là sử dụng so sánh. Theo em đúng hay sai?

A.Đúng (X) B. Sai

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:**

+ Câu văn có sử dụng dấu gạch ngang - chỉ ra tác dụng

+Viết đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa hoặc điệp ngữ

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

+ Câu văn có sử dụng dấu gạch ngang - chỉ ra tác dụng

+Viết đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa hoặc điệp ngữ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và Hoàn thành bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm (trả lời ngắn nếu còn thời gian, viết đoạn văn rồi đăng lên Padlet , zalo...

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà.

+ Đọc và soan nội dung văn bản “Chuyện cơm hến”

+ Giao phiếu học tập và yêu cầu HS đọc lướt, đọc theo thẻ văn bản “Chuyện cơm hến

**Ngày dạy:**

**BÀI 5: BẦU TRỜI TUỔI THƠ**

**TIẾT 59,60: Đọc văn bản 2: CHUYỆN CƠM HẾN**

**– *Hoàng Phủ Ngọc Tường* –**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

***-*** Ấn tượng chung về nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường và văn bản “Chuyện cơm hến” [4].

- Các chi tiết tiêu biểu trong văn bản “Chuyện cơm hến”

***-*** Phân tích được cái tôi trữ tình của tác giả, thông điệp thể hiện trong văn bản”

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp [2].

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo [3].

***\* Năng lực đặc thù***

- Nêu được ấn tượng chung về nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường và văn bản “Chuyện cơm hến” [5].

- Xác định được hiện tượng chính xuyên suốt văn bản [6].

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu trong văn bản “Chuyện cơm hến” [7].

- Nhận biết và phân tích được cái tôi trữ tình của tác giả, thông điệp thể hiện trong văn bản” [8].

***3. Về phẩm chất:***Yêu nước thể hiện qua việc yêu quý những món ăn của quê hương và trân trọng giá trị văn hóa của quê hương.

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường, hình ảnh của Huế và văn bản “Chuyện cơm hến”.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được những nội dung liên quan đến bài đọc – hiểu dựa trên video của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV** tổ chức cho học sinh xem video giới thiệu về các món ăn đặc sắc nhất của miền Tây.

<https://youtu.be/HI31m9tBd2s>

**HS** xem video và trả lời các câu hỏi.

**GV** kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- HS xem video và ghi lại một số món ăn được giới thiệu trong video.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** GV chiếu video, hỏi: Em hãy kể tên một số món ăn được giới thiệu trong video. Trong các món ăn đó em đã thưởng thức món nào chưa? Cảm nhận của em về món ăn đó.

- HS xem video và ghi lại một số món ăn được giới thiệu trong video và trả lời câu hỏi của giáo viên.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** chỉ định cá nhân học sinh trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi của GV.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Chốt đáp án.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về tác giả, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản.  **HS** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV.  **Sản phẩm**: câu trả lời chuẩn bị ở nhà của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà trên nhóm zalo (hoặc Padlet) và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.  **Phiếu học tập số 1**  (Phiếu học tập giao về nhà)  ? Trình bày những hiểu biết của em về nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng rõ ràng và lưu loát.  + Đọc theo lối đàm đạo, chuyện trò của thể loại tản văn.  Chú ý một số câu tác giả như đang trò chuyện với bạn đọc: Tôi xin giới thiệu một ngày “Hạnh phúc trời hành” của dân Huế tui; bạn nhậu; “cay dễ sợ”; “túi mắt túi mũi”; tôi rất ghét; tôi thất kinh; xúc động tận chân răng…  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  ? Văn bản “Chuyện cơm hến” thuộc thể loại gì?  ? Văn bản “Chuyện cơm hến” viết về đề tài gì?  ? Dựa vào tri thức Ngữ văn hãy cho biết hiện tượng chính xuyên suốt văn bản là gì?  ? Ngôi kể được sử dụng trong văn bản là ngôi kể thứ mấy?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **1. Tác giả**  - Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937.  - Quê: Quảng Trị, sống và làm việc nhiều năm ở Huế.  - Sáng tác của ông toát lên cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp đất nước và con người trên khắp mọi miền Tổ quốc, đặc biệt là Huế. Trong mảng tản văn, nhà văn thể hiện vốn văn hoá sâu rộng, cách tiếp cận đời sống độc đáo, tâm hồn nhạy cảm, ngòi bút tài hoa, cái tôi công dân giàu trách nhiệm với xã hội..  **2. Tác phẩm**  a) Đọc  b) Tìm hiểu chung  - Thể loại: tản văn  - Đề tài: viết về món ăn đặc sản  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất  - Giọng điệu: kết hợp giọng điệu hài ước và trữ tình.  - Hiện tượng chính trong văn bản: món cơm hến trong cuộc sống đời thường của người Huế. |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| **1. Giới thiệu về món cơm hến** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [7]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về món cơm hến.  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.  **Sản phẩm**: câu trả lời trong phiếu học tập của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5.  - Thời gian: 7 phút  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**    \* GV gợi ý bằng cách chiếu hình ảnh của món cơm hến lên màn hình.  1. Trong văn bản, nhà văn đã giới thiệu nguyên liệu của món cơm hến là gì?  2. Em có nhận xét gì về những nguyên liệu dùng làm món cơm hến?  3. Món cơm hến hướng đến những đối tượng nào?  4. Món cơm hến thường được bán ở đâu? Giá thành như thế nào?  5. Em có nhận xét gì về món cơm hến?  ***Dự kiến tình huống khó khăn***: HS gặp khó khăn trong câu hỏi số 2, số 5.  **Tháo gỡ**: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em bằng câu hỏi gợi mở: Nguyên liệu đó có dễ tìm không? Em có gặp những nguyên liệu đó trong các món ăn hàng ngày không? Món cơm huế dành cho những người bình dân hay người giàu, sang trọng).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - **GV** hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 (đặc biệt là đoạn văn: “*Mặt hến này… mỗi thứ một ít*”.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | - **Những nguyên liệu chính:**  ruột hến, cơm nguội, bún tàu, măng khô, rau sống, thịt heo.  🡪những thứ đơn giản, dễ kiếm, có thể được tận dụng lại.   * **Gia vị:**   da heo, tóp mỡ, ớt tương, ớt dầm nước mắm, ớt màu, muối, mẻ, đậu phộng, ruốc, bánh tráng, vị tinh…  🡪nguyên liệu rẻ, dễ kiếm, có thể dùng nguyên liệu thừa sau khi chế biến các món ăn hằng ngày.   * **Nơi bán**: bán rong trên đường phố. * **Người thưởng thức**: mọi người, cả người giàu và người nghèo * **Giá thành**: giá rẻ. * Cơm hến là một món ăn bình dân. | |
| **2. Đặc điểm của phong cách người Huế thể hiện qua món cơm hến** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [8]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về phong cách người Huế thể hiện qua món cơm Huế.  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi.  - Phát phiếu học tập (phụ lục đi kèm) và giao nhiệm vụ cho các nhóm.  GV hướng dẫn HS đọc lại đoạn văn từ “*Hương vị bát ngát suốt đời người của tô cơm hến là mùi ruốc thơm dậy tận óc, và vị cay đến trào nước mắt…* đến…*bền bỉ theo bước chân người.*    ***Dự kiến tình huống khó khăn***: HS gặp khó khăn trong câu hỏi *Nhận xét về thái độ của người dân Huế với món ăn đặc sản của địa phương*.  **Tháo gỡ**: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em bằng câu hỏi gợi mở: Nhận xét về thái độ của người Huế đối với đặc sản của địa phương qua hình ảnh của chị bán hàng, lời nói của chị, thái độ của chị…).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **GV**: quan sát hoạt động của học sinh, hỗ trợ khi cần thiết.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau. | * **Khẩu vị**: người Huế thích ăn cay. Trong cơm hến có tới 3 loại ớt: ớt tương, ớt dầm mắm, ớt màu.   🡪 món cơm hến tiêu biểu cho phong cách *ăn cay dễ sợ*, *cay trào nước mắt* của người Huế.   * **Chị bán hàng**: *dáng gầy mỏng manh, chiếc áo đài đen cũ kĩ, chiếc nón cời và tiếng rao lanh lảnh; gánh cơm hến rẻ nhưng vẫn đủ vị, tỉ mỉ, cầu kì*   🡪 hình ảnh của người bán hàng nghèo nhưng không lam lũ, khổ sở mà vẫn tươm tất, giữ cốt cách nền nã của người cố đô. Chị bán hàng mưu sinh đi liền với niềm vui được tiếp nối truyền thống.   * **Gia vị thứ mười lăm** “bếp lửa”:   + là một gia vị đặc biệt để tạo nên vị đặc trưng cho bát cơm hến.  + Vị của lửa, vị của sự ấp iu, của tinh thần giữ gìn bản sắc văn hóa.  → Người Huế luôn cố gắng để giữ gìn và phát triển món ăn đậm đà bản sắc dân tộc, để khi nhắc đến cơm hến là mọi người đều nhớ đến Huế. | |
| **3. Ý kiến của tác giả về món ăn đặc sản** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [7]; [8]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT khăn phủ bàn để tìm hiểu ý kiến của tác giả về món ăn đặc sản.  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm**: câu trả lời trong phiếu học tập của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV phát phiếu học tập số 4 (*phụ lục đi kèm*).    - Giao nhiệm vụ cho các nhóm:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc vb và tìm chi tiết trong tác phẩm.  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS báo cáo, GV nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | \*Câu văn thể hiện ý kiến của tác giả về món ăn đặc sản:  - *“Tôi rất ghét những lối cải tiến tạp nham như vậy. Bún đã có bún bò, ai có giang sơn ấy, việc gì phải cướp bản quyền sáng chế của người khác.”*  *- “Tôi nghĩ rằng trong vấn đề khẩu vị, tính bảo thủ là một yếu tố văn hóa hết sức quan trọng, để bảo toàn di sản.”*  - “*Với tôi, một món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hóa, cứ phải giống như ngày xưa, và mọi ý đồ cải tiến đều mang tính phá phách, chỉ tạo nên những “đồ giả!”*  => Cái tôi của tác giả được thể hiện trong “Chuyện cơm hến” là cái tôi yêu quê hương, yêu những nét văn hóa ẩm thực độc đáo của quê hương mình. Đồng thời, đó cũng là cái tôi bày tỏ quan điểm về cải tiến, phá cách món ăn quê hương, ông mong muốn những món ăn này vẫn giữ nguyên được hương vị và giá trị của mình. | |
| **III. TỔNG KẾT (5 phút)** | | |
| **Mục tiêu**: [2]; [3]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung và những điều rút ra từ văn bản.  **HS** làm việc cá nhân để trả lời câu hỏi của giáo viên.  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung** | |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản.  ? Nội dung chính của văn bản “Chuyện cơm hến”.  ? Sau khi học xong văn bản “Chuyện cơm hến”, theo em thông điệp tác giả muốn gửi đến mọi người là gì.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt nội dung phần tổng kết lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung sau. | **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng ngôn ngữ địa phương.  - Giọng điệu hài hước kết hợp với trữ tình.  **2**. **Nội dung**  Nhà văn giới thiệu về món ăn đậm đà bản sắc xứ Huế- cơm hến, đồng thời thể hiện những suy nghĩ của tác giả về việc “cải tiến” món ăn dân tộc. Từ đó thể hiện tình yêu quê hương da diết của tác giả.  **3. Thông điệp**  Hãy trân trọng, giữ gìn những đặc sản của địa phương, nuôi dưỡng những nét đẹp văn hoá của quê hương. | |

**2.2 Viết kết nối với đọc (10’)**

**Mục tiêu**:[3]; [8]

**Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) về một nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hoá nơi em đang sống.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi, nhận xét…

**B4: Kết luận, nhận định (**GV)

- Nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

**3. HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập .

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

- Chỉ ra đặc trưng thể loại tản văn thể hiện trong văn bản “Chuyện cơm hến”

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:**

- Hướng dẫn chỉ ra đặc trưng thể loại tản văn thể hiện trong văn bản “Chuyện cơm hến”.

**HS:**

Chỉ ra đặc trưng thể loại tản văn thể hiện trong văn bản “Chuyện cơm hến”.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Bài học của học sinh rút ra sau khi học văn bản. Phần giới thiệu về đặc sản địa phương của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

Câu 1: Em sẽ làm gì để thể hiện sự yêu quý, trân trọng những món ăn đặc sản của quê hương?

Câu 2: Hãy giới thiệu một món ăn đặc sản của vùng đất em đang sinh sống.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ.

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và suy nghĩ câu trả lời.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm: trả lời ngắn (câu hỏi 1); quay video hoặc viết bài giới thiệu (câu hỏi 2) rồi đăng lên Padlet.

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống Padlet mà GV đã hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà.

+ Đọc và học kĩ nội dung văn bản “Chuyện cơm hến”

+ Giao phiếu học tập và yêu cầu HS đọc lướt, đọc theo thẻ văn bản “Hội lồng tồng” của Trần Quốc Vượng - Lê Văn Hảo - Dương Tất Từ.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày dạy:**

**TIẾT 61: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- KHBD, máy chiếu

- Phiếu bài tập

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu về nôn ngữ vùng miền hay còn gọi la từ ngữ địa phương

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- Giao nhiệm vụ trước giờ học:** Hãy tìm một số từ ngữ địa phương Hà Nam và chỉ ra từ ngữ toàn dân tương ứng.

**- Dự kiến sản phẩm:**

|  |  |
| --- | --- |
| Từ ngữ địa phương Hà Nam | Từ ngữ toàn dân tương ứng |
| U  Thầy  Ông, bà chú  Ông bà cậu  Cái phẫn  Qủa trứng gà | * Mẹ * Cha, bố * Ông bà nội * Ông bà ngoại * Cái nắp xoong * Quả đào tơn |

**- GV kết nối**: GV nêu mục tiêu của tiết học và phạm vi kiến thức trong tiết học mà HS được tìm hiểu: Từ ngữ địa phương

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Nhận biết về từ ngữ địa phương**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về từ ngữ địa phương; cách sử dụng từ ngữ địa phương.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Phần trả lời câu hỏi của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ tập thể**  - GV đưa ra ví dụ và yêu cầu*:* Các em đã biết, từ “mẹ” chỉ người phụ nữ sinh ra con. Vậy em có biết từ “ mẹ” còn có cách gọi nào khác? Từ đó em rút ra nhận xét gì về ngôn ng  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm: Từ “ mẹ” còn có cách gọi khác:  Miền bắc : U  Miền Trung: bầm  Miền Nam: má  Miền núi: mế, mạ  HS rút ra kết luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức : ( Nhận diện từ ngữ địa phương- SGK)  . | **I. Nhận diện từ ngữ địa phương**  1. Ví dụ: Từ “mẹ”, có có cách gọi khác.  Miền bắc : U  Miền Trung: bầm  Miền Nam: má  Miền núi: mế, mạ  2. Nhận xét: ( Trình chiếu)  \* Đặc điểm:  Mỗi vùng miền có một số từ ngữ địa phương riêng biệt gọi là từ ngữ địa phương.  - Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương chỉ dùng ở một vùng, miền nhất định  \* Cách sử dụng  - Trong tác phẩm văn học sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tạo sắc thái địa phương cho nhân vật, sự việc  - Không nên lạm dụng từ ngữ địa phương mà chỉ dùng trong trường hợp trò chuyện thân mật với người cùng địa phương |

**Hoạt động 2: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức lí thuyết làm các bài tập

**b. Nội dung:** Các bài tập SGK

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập, phần trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **Nội dung** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 116 ( có thể gợi ý bằng 1 số câu hỏi:  *Những từ ngữ nào trong câu văn khó hiểu đối với em? Những từ ngữ đó đượcgiải thích trong phần chú thích như thế nào? Hãy tìm từ ngữ khác có thể thay thế cho từ ngữ đó...)*  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;   * Dự kiến sản phẩm   +Các từ địa phương: *thẫu, vịm, trẹc,* ơ  +Vì gây cảm giác khó hiểu, cần dựa chú thích giải nghĩa  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức (lưu ý phân biệt từ ngữ địa phương với những từ mới lạ: gáo mù u – gáo làm từ loại cây có tên mù u)  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: thảo luận nhóm**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 SGK  - GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm: Phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HĐ cặp đôi**  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 3 SGK trang 116 ( có thể hỏi: *Đọc từ ngữ địa phương mang lại cho em cảm nhận như thế nào về bài viết? Từ ngữ địa phương gợi cho em ấn tượng gì về Huế?...)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  Trong *Chuyện cơm hến,* nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường sử dụng từ ngữ địa phương nhằm khắc hoạ không khí, sắc thái riêng của Huế, miêu tả lối nói riêng của người Huế. Tính chất địa phương của bài tản văn góp phần tạo ấn tượng sầu đậm về Huế và văn hoá Huế. Nói về không gian văn hoá Huế bằng một số từ ngữ Huế thì sẽ nêu bật được sắc màu của Huế.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến : GV lưu ý HS: có những loại VB không được dùng từ ngữ địa phương. Tuy nhiên, VB văn học lại chấp nhận việc dùng từ ngữ địa phương. Việc dùng từ ngữ địa phương trong văn học thường không phải do thói quen ngôn ngữ của người viết mà có chủ ý. Nhà văn muốn tạo ấn tượng về vùng miền hoặc khắc hoạ những đặc điểm văn hoá, xã hội mang tính địa phương của nhân vật, sự việc.  Trong *Chuyện cơm hến,* nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường sử dụng từ ngữ địa phương nhằm khắc hoạ không khí, sắc thái riêng của Huế, miêu tả lối nói riêng của người Huế. Tính chất địa phương của bài tản văn góp phần tạo ấn tượng sầu đậm về Huế và văn hoá Huế. Nói về không gian văn hoá Huế bằng một số từ ngữ Huế thì sẽ nêu bật được sắc màu của Huế  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HS làm bài ở nhà**  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 4 SGK trang 116 (Từ ngữ địa phương chỉ sự vật, con vật, đồ vật  Mẫu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ địa phương** | **Vùng, miền** | **Từ ngữ toàn dân** | | Trái | Miền bắc | Quả | | (Con) Heo | Miền nam | (Con)Lợn | | Cái quẹt | Miền Nam | Cái bật lửa | | ... | ... | ... |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | **Bài tập 1 SGK trang 116**   * Các từ địa phương: *thẫu, vịm, trẹc,* ơ * Vì gây cảm giác khó hiểu,cần dựa chú thích giải nghĩa  |  |  | | --- | --- | | Từ ngữ địa phương (Huế) | Từ ngữ toàn dân  tương ứng | | Lạt | Nhạt | | Duông | Đưa xuống | | tui | tôi | | Mặt hến | Ruột hến | | Mõn bạc hà | Dọc mùng | | Đậu phụng | Lạc | | mè | Vừng | | Thất kinh | Sợ đến mất tinh thần | | (cái)chi | (Cái )gì | | ... | ... |   **Bài tập 2 SGK trang 116**  **Bài tập 3 SGK trang 47**   * Nhằm khắc hoạ không khí, sắc thái riêng của Huế, miêu tả lối nói riêng của người Huế   **Bài tập 4 SGK trang 116** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Tìm một số văn bản có sử dụng từ ngữ địa phương, cho biết Vb sử dụng từ ngữ vùng miền nào?

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS làm bài ở nhà

**Ngày dạy:**

**BÀI 5: MÀU SẮC TRĂM MIỀN**

**Tiết 62: Đọc văn bản 3: HỘI LỒNG TỒNG**

**(Trần Quốc Vượng – Lê Văn Hảo – Dương Tất Từ)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

***-*** Ấn tượng chung về lễ hội lồng tồng trong văn hóa của Việt Nam[4].

- Các chi tiết tiêu biểu trong văn bản “Hội lồng tồng” .

- Phân tích được các thông tin mà văn bản “ Hội lồng tồng” cung cấp cho người đọc.

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp [2].

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt [3].

***\* Năng lực đặc thù***

- Nêu được ấn tượng chung về lễ hội lồng tồng trong văn hóa của Việt Nam[5].

- Tóm tắt văn bản một cách ngắn gọn [6].

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu trong văn bản “Hội lồng tồng” [7].

- Nhận biết và phân tích được các thông tin mà văn bản “ Hội lồng tồng” cung cấp cho người đọc. [8].

- Viết được đoạn văn cảm nhận về lễ hội [9].

***3. Về phẩm chất:***HS thêm yêu mến, trần trọng những nét văn hoá truyền thống của người Việt Nam.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Tranh ảnh về một số lễ hội ở Việt Nam.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**- GV** tổ chức vấn đáp học sinh, đặt câu hỏi về các lễ hội HS từng tham gia.

- GV gợi dẫn HS tìm hiểu vùng Việt Bắc trên bản đồ Việt Nam và những kiến thức văn hoá liên quan đến vùng Việt Bắc.

**GV** kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

GV: Em hãy nêu các lễ hội dân gian mà em đã từng được trực tiếp tham gia hay được biết thông qua các kênh thông tin.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS lắng nghe, suy nghĩ trả lời.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.

**HS** trả lời.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét, bổ sung.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5]; [6]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về tác phẩm, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản.  **HS** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV.  **Sản phẩm**: câu trả lời trong phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung** |
| **1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho học sinh thực hành đọc văn bản theo hướng dẫn.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung** |  | | **Thể loại** |  | | **Nội dung** |  | | **PT biểu đạt** |  | | **Xuất xứ** |  | | **Bố cục và nội dung từng phần** |  |   (Phiếu học tập giao về nhà)  ? Trình bày những hiểu biết về văn bản **Hội lồng tồng**?  ? Văn bản “Hội lồng tồng” thuộc thể loại nào? Nội dung chính của văn bản là gì?  ? Văn bản sử dụng PTBĐ nào?  ? Văn bản được trích dẫn từ đâu?  ? Có thể chia văn bản này ra làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  1. Hướng dẫn HS cách đọc.  2. Theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:** 1. Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc.  2. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  a. Đọc  Cách đọc  - Tóm tắt  b) Tìm hiểu chung  - Thể loại: VB thuyết minh  **- Nội dung chính:**Những nét đặc sắc trong hôi lồng tồng vùng Việt Bắc.  - PTBĐ: thuyết minh  - Xuất xứ: rút trong tập “*Mùa xuân và phong tục Việt Nam*”.  - Bố cục: 2 phần:  - Phần 1 (từ đầu đến “một cách tài tình”): Giới thiệu về hội lồng tồng.  - Phần 2 (còn lại): Các hoạt động và ý nghĩa của hội lồng tồng.  (Hoặc có thể chia nhỏ thành 4 phần như sau)  Bố cục: 4 phần:  + Phần 1: từ đầu đến *múa sư tử và lượn lồng tồng:* giới thiệu khái quát về hội lồng tồng.  + Phần 2: từ *Trò chơi ném còn* đến *cuộc vui tiếp tục* : giới thiệu về trò chơi ném còn.  + Phần 3: từ *Múa sư tử* đến *đọ tài với đối phương:* giới thiệu vế trò múa sư tử.  + Phần 4: từ *Nhân dịp hội lồng tồng* đến hết: giới thiệu về hoạt động hát lượn). |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| **1. Giới thiệu khái quát về hội lồng tồng** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [7]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về lễ hội lồng tồng  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.  **Sản phẩm**: câu trả lời trong phiếu học tập  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 1  - Thời gian: 5 phút  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  - Đọc đoạn văn: “*có lẽ bố chúng nói đúng… bắt đầu mùa sinh nở của chúng*”).  **GV** hướng dẫn HS chú ý đoạn 1 (đặc biệt là đoạn văn: “*có lẽ bố chúng nói đúng… bắt đầu mùa sinh nở của chúng*”.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | - Thời gian tổ chức:  + Sau tết Nguyên đán đến tết Thanh minh  - Địa điểm tổ chức:  + Vùng Việt Bắc  - Vùng miền có lễ hội:  + Tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang  - Phần cúng tế – lễ:  + Người dân mang cỗ đến cúng thần nông  + Sau khi cúng lễ, người ta ăn cỗ: thịt gà, thịt lợn, bánh chưng, …  - Phần vui chơi – hội:  + Trò chơi dân gian: đánh vật, kéo co, thi bắn, múa sư tử, lượn lồng tồng, … | |
| **2. Các hoạt động và ý nghĩa của hội lồng tồng (15’)** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi, KT thảo luận cặp đôi để HS tìm hiểu về các hoạt động và ý nghĩa của hội lồng tồng  **HS** làm việc cá nhân, thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi.  - Giao nhiệm vụ: hoàn thiện phiếu học tập số 2 bằng cách trả lời các câu hỏi 2, 3, 4,  - Thời gian: 5 phút  - Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ cho các nhóm   |  |  | | --- | --- | | Sản vật cúng tế trong hội lồng tồng |  | | Hoạt động của cư dân trong phần hội |  | | Mong ước của người dân khi tổ chức hội lồng tồng |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: làm việc cá nhân, làm việc nhóm cặp đôi để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **GV**:  Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, hỗ trợ nếu cần.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm cặp đôi khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc, ý kiến nhận xét và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang nội dung sau. | - Sản vật cúng tế trong hội lồng tồng có liên quan với tục mở hội xuống đồng và tục thờ thành hoàng – thần nông:  + Những sản vật cúng tế như: thịt lợn, thịt gà, bánh chưng, hoa quả ở hội lồng tồng giống ở hội xuống đồng và tục thờ thành hoàng – thần nông  - Văn bản miêu tả những hoạt động của cư dân trong phần hội:  + Trò chơi ném còn  + Múa sư tử  + Lượn lồng tồng  - Những hoạt động đó biểu thị những phẩm chất và khả năng của con người:  + Vui vẻ, tinh tế, duyên dáng, nhạy bén, sáng tạo và khéo léo  - Người dân gửi gắm mong ước khi tổ chức hội lồng tồng, đó là: sự may mắn, tốt lành, ca ngợi cái đẹp của thiên nhiên, của mùa xuân, của tình yêu, của cuộc sống lao động.  → Người viết thấu hiểu sâu sắc và yêu mến, trân trọng trò chơi dân gian lượn của hội lồng tồng. | |
| **III. TỔNG KẾT (5’)** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [8]  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và báo cáo sản phẩm.  **Sản phẩm**: câu trả lời của Hs  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1 Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Hội lồng tồng”?  ? Người dân gửi gắm mong ước gì khi tổ chức hội lồng tồng?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** suy nghĩ cá nhân và ghi câu trả lời ra giấy.  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt nội dung phần tổng kết lên màn hình và chuyển dẫn sang nội dung sau. | **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng phương thức thuyết minh, bày tỏ thái độ đánh giá của người viết về vấn đề được nói tới thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, nhất là tính từ.  - Miêu tả chi tiết hội lồng tồng  - Kiến thức xã hội sâu sắc  thể hiện qua ngôn ngữ  thuyết minh của tác giả.  **2. Nội dung**  - Văn bản thuyết minh về hội lồng tồng ở vùng Việt Bắc, hội được mở từ sau tết Nguyên Đán đến tết Thanh minh.  - Qua đó, ngợi ca, đề cao vẻ đẹp văn hóa, sinh hoạt văn hoá dân gian phổ biến của đổng bào Tày, Nùng trong mùa xuân.  **3. Những điều rút ra từ tác phẩm**  - Khi tổ chức hội lồng tồng, người dân gửi gắm mong ước về mùa màng tươi tốt, sự may mắn tốt lành, ca ngợi cái đẹp của thiên nhiên, của mùa xuân, của tình yêu, của cuộc sống lao động. | |

**3. HĐ 3: Luyện tập – Củng cố (5’)**

**Mục tiêu**:[3]; [8]

**Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**Sản phẩm:**  Cảm nhận của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

*Lượn, tiếng nói của tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời xuân Việt Bắc.*

*Em cảm nhận như thế nào về thái độ đánh giá của người viết qua câu văn trên?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, viết đoạn văn cảm nhận, GV theo dõi, hỗ trợ (nếu cần).

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn, những HS khác theo dõi,

nhận xét…

**B4: Kết luận, nhận định (**GV)

- Nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

- Chiếu (đọc) câu trả lời.

Thái độ đánh giá của người viết qua câu văn trên là yêu thương, sự trân trọng, sự ca ngợi hát lượn. Thể hiện một tình yêu nồng nàn của tác giả dành cho điệu hát đậm đà bản sắc dân tộc

- Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà.

+ Đọc và học kĩ nội dung văn bản “Hội lồng tồng”

+ Giao phiếu học tập và yêu cầu HS chuẩn bị cho tiết sau học bài: Viết văn bản tường trình.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập trong sách bài tập Ngữ văn 7.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*GV gợi ý HS làm bài tập về nhà; chuẩn bị trước phần viết tiết sau*

………………………………………

**Ngày dạy:**

**Tiết 63,64,65: VIẾT:**

**VIẾT VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

***-*** Thể thức mang tính quy phạm của VB tường trình

***2. Về năng lực***

***\* Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm [1].

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc xem video bài giảng, đọc tài liệu và hoàn thiện phiếu học tập của giáo viên giao cho trước khi tới lớp [2].

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong thực hành tiếng Việt, tạo lập văn bản [3].

***\* Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được tri thức Ngữ văn (thể thức mang tính quy phạm của VB tường trình - loại VB hết sức thông dụng trong đời sống.) [4].

- HS biết cách viết VB tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách [5].

***3. Về phẩm chất:***

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, máy tính, bảng phụ và phiếu học tập.

- Các phiếu học tập (Phụ lục đi kèm).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được nội dung chính của bài đọc – hiểu dựa trên những ngữ liệu của phần khởi động.

**b. Nội dung**:

**GV** vấn đáp HS về hiểu biết của HS về văn bản tường trình.

**GV** kết nối với nội dung của văn bản đọc – hiểu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của giáo viên.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV nêu nhiệm vụ:

*Tường trình nghĩa là gì? Đã bao giờ em phải viết bản tường trình chưa? Nếu từng viêt, hãy cho biết em đã thực hiện nó như thế nào.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ cá nhân để trả lời.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** gọi 2-3 HStrả lời câu hỏi.

**HS** trả lời câu hỏi.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét, bổ sung.

- Kết nối vào nội dung bài học.

*Tường trình là một loại văn bản thông tin được dùng rất phổ biến trong đời sống. Nhiều khi chúng ta phải viết, đọc hay xử lí các văn bản tường trình về một vụ việc nào đó, nhằm giải quyết kịp thời, đúng đắn những vấn đé đáng tiếc nảy sinh. Do vậy, biết cách viết văn bản tường trình đúng thể thức là điều mà mọi người đều phải quan tâm. Bài học hôm nay, cô sẽ giúp các em làm tốt được một văn bản thuộc thể loại này.*

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (40’)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. THỂ THỨC CỦA VĂN BẢN TƯỜNG TRÌNH (10’)** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3]; [4]; [5];  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT chia sẻ nhóm đôi để tìm hiểu về thể thức của văn bản tường trình, KT đặt câu hỏi để HS tìm hiểu.  **HS** dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV.  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà trên nhóm zalo (hoặc Padlet) và đổi phiếu cho bạn cùng nhóm để trao đổi, chia sẻ.  HS trả lời phiếu học tập sau:  **Phiếu học tập số 1**   |  |  | | --- | --- | | Phía trên cùng văn bản | ............ | | Góc bên phải | ............ | | Tên văn bản | ............ | | Dưới tên văn bản | ............ | | Thông tin về người viết tường trình |  | | Nội dung chính | ............ | | Lời cam đoan | ............ | | Trình kí |  | | Lưu ý hình thức trình bày | ............ |   (Phiếu học tập giao về nhà)  - Vì *sao phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ trong bản tường trình?* (Để xác định đầy là VB giao tiếp hành chính.)  - Vì *sao phải thuật lại vụ việc với đầy đủ thông tin về thời gian, địa điểm, những người có liên quan, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, người chịu trách nhiệm?* (Để người hoặc cơ quan đảm nhiệm chức năng giải quyết vụ việc có đủ cơ sở để xem xét, giai quyết vấn đề.)  *- Vì sao cần có lời cam đoan cuối bản tường trình?* (Để nêu cao trách nhiệm của người làm bản tường trình.)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | | - Phía trên cùng văn bản ghi quốc hiệu và tiêu ngữ (chính giữa dòng).  - Tiếp đó, ghi địa điểm và thời gian viết tường trình (góc bên phải).  - Tên văn bản tường trình ghi chính giũa. Dòng trên ghi ba chữ BẢN TƯỜNG TRÌNH (chữ in hoa), dòng dưới ghi: *về việc…*  - Dưới tên văn bản, ghi tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình sau cụm từ *Kính gửi.*  - Nêu thông tin về người viết tường trình (họ và tên: chức danh: chức vụ: đơn vị học tập, công tác;...), có thể bắt đầu bằng cụm từ *Tôi tên là…,* hoặc *Tôi là…*  - Ghi nội dung chính: thuật lại vụ việc với đây dù thông tin vé thời gian, địa điểm, những người có liên quan, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, người chịu trách nhiệm.  - Ghi lời cam đoan về sự khách quan, trung thực của nội dung tường trình cùng lời hứa hoặc đề nghị đối với người (cơ quan) xử lí vụ việc.  - Sau cùng, người viết tường trình kí và ghi đầy đủ họ, tên.  *Lưu ý:*  Nếu bản tường trình được viết tay, chú ý chừa lề hợp lí: không viết sát mép giấy bên trái, bên phải; không để phần trên trang giấy có khoảng trống quá rộng. Nếu bản tường trình được đánh máy, cần dùng khổ giấy A4; phông chữ tiếng Việt Times New Roman: cỡ chữ thường là 13 - 14; lề trang cách mép trên và mép dưới 20 - 25 mm. cách mép trải 30 - 35 mm, cách mép phải 15-20 mm. |
| **II. PHÂN TÍCH BẢN TƯỜNG TRÌNH (15’)** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3];  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về văn bản tường trình mẫu.  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV gọi HS đọc văn bản tường trình (SGK)  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ:  1. Hãy liên hệ với những bản tường trình em đã viết hoặc đã đọc trước đây để biết được đầu là phần hay loại thông tin bắt buộc phải có trong bản tường trình.  2. Hãy chỉ ra bố cục của văn bản tường trình trên?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  **GV** hướng dẫn HS tìm hiểu thế thức và bố cục của văn bản mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | Quốc hiệu và tiêu ngữ.  Đia điểm và thời gian viết bản tường trình.  Tên văn bản tường trình  Người hoặc cơ quan nhận bản tường trình.  Tên người viết tường trình.  Nội dung tường trình (thời gian, địa điểm xảy ra vụ việc, nguyên nhân, hậu quả, người chịu trách nhiệm).  Kí tên hoàn tất bàn tường trình. | |
| **III. THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC (15’)** | | |
| **Mục tiêu**: [1]; [2]; [3];  **Nội dung**:  **GV** sử dụng KT khăn phủ bàn để hoàn thành văn bản tường trình mẫu.  **HS** làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trình bày sản phẩm.  **Sản phẩm**: câu trả lời trong phiếu học tập của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV gọi HS đọc văn bản tường trình (SGK)  - Chia nhóm lớp.  - Giao nhiệm vụ:  1. Mục đích viết văn bản tường trình?  2. Ai là người tiếp nhận văn bản tường trình?  3. Nêu những việc cần làm trước khi viết văn bản tường trình.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**  - Quan sát những chi tiết trong SGK (GV đã chiếu trên màn hình).  **GV** hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện trước khi viết văn bản tường trình.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**    - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV giao nhiệm vụ:  Để viết hoàn chỉnh một văn bản tường trình, cần thực hiện những nhiệm vụ nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát văn bản mẫu trong SGK và hiểu biết của mình về thể thức của văn bản tường trình để trả lời câu hỏi của GV.  **GV** hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết văn bản tường trình.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV giao nhiệm vụ:  Dựa vào phần *Thể thức của văn bản tường trình* đề tự rà soát và chỉnh sửa.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát văn bản tường trình đã viết của mình để chỉnh sửa theo bảng.  **GV** hướng dẫn HS thực hiện các thao tác khi chỉnh sửa văn bản tường trình để tự đánh giá mức độ hoàn thành ( GV có thể yêu cầu HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát) .  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS thực hiện và trình bày bản rà soát của mình  **HS:**  - HS trình bày  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Trước khi viết**  a. Mục đích vỉết  Cung cấp thông tin một cách trung thực vồ vụ việc mà minh cổ liồn quan.  b. Người đọc  Người yêu cầu làm bản tường trình, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết và những người quan tàm đến vụ việc.  - Hình dung lại mọi chuyện đã xảy ra theo những gì em biết và còn nhớ rõ  - Nếu vụ việc được tường trình chỉ mang tính chất giả định, hãy chú ý đến tư cách tường trình của bản thân, thông qua việc tự đặt các câu hỏi  - Để xác định được những thông tin cụ thể cho bản tường trình, em có thể nghĩ đến những vụ việc thường xảy ra như: mất xe đạp nơi gửi xe của trường; làm hư hại đồ dùng học tập của bạn khiến bạn không hoàn thành công việc được giao; khởi xướng một cuộc dã ngoại với các bạn trong lớp khi chưa xin phép gia đình…  **2. Viết bản tường trình**  - Viết phần mở đầu theo đúng thể thức  - Tên văn bản tường trình phải thể hiện được nội dung khái quát nhất của vụ việc  - Đề tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình  - Trình bày vụ việc ngắn gọn như rõ ràng, đảm bảo có đủ các thông tin về thời gain, địa điểm, người liên quan, nguyên nhân, diễn biến và hậu quả để lại… Cần nói rõ tư cách, trách nhiệm của em trong vụ việc  - Nêu cam kết về tính trung thực của nội dung tường trình  - Nêu lời hứa hoặc lời đề nghị  - Kí và ghi đầy đủ họ tên ở phần dưới cùng, lệch góc phải trang giấy  **3. Chỉnh sửa bản tường trình**   |  |  | | --- | --- | | Nội dung rà soát | Hướng chỉnh sửa | | Tên văn bản đã phản ánh đúng nội dung chính được tường trình chưa? | Nếu chưa thì phải sửa lại cho phù hợp. | | Các chi tiết của vụ việc được tường trinh có mối liên hệ với nhau như thế nào? | Nếu thấy chi tiết nào thừa thì lược bỏ, chi tiết nào thiếu thi bổ sung. Cán sắp xếp các chi tiết theo một mạch thống nhất. | | Tư cách, vai trò của bản thân trong vụ việc đã được xác định rõ ràng chưa? | Nếu chưa, cán sửa lại để làm rõ: bản thân là người gây hậu quả hay chịu hậu quả, là người phải chịu trách nhiệm hay chỉ là người làm chứng. | | Có chỗ nào diễn đạt như văn nói không? | Loại bỏ những từ địa phương, những từ mang tính chất khẩu ngữ, những tiếng lỏng (nếu có). | | Hình thức bản tường trình đã được trinh bày đúng quy cách chưa? | Chỉnh sửa theo thể thức của văn bản tường trình đã giới thiệu và bản tường trình tham khảo ỏ trên. | | |

**3. HĐ 3: Luyện tập (90’)**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c) Sản phẩm:** HS viết được một văn bản tường trình hoàn thiện, đúng thể thức đảm bảo nội dung của một bản tường trình .

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**Đề bài:**Viết bản tường trình về một vấn đề tự chọn

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV:**

- Hướng dẫn HS viết văn bản tường trình theo yêu cầu.

**-** Hỗ trợ HS hoàn thiện bài tập.

**HS:**

**-** HS vận dụng những kiến thức đã học để hoàn thiện yêu cầu bài tập.

\* GV chiếu một văn bản mẫu để HS tham khảo:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**-------------------------------**

*…, ngày 16 tháng 9 năm 2022*

**BẢN TƯỜNG TRÌNH**

**Về việc mất xe đạp nơi gửi xe ở trường**

*Kính gửi:*- BGH nhà trường

                    - Cô Dương Thu H, giáo viên chủ nhiệm lớp 9E

   Em là Nguyễn Văn A, học sinh trường THCS …, xin phép tường trình với cô một việc như sau:

   Sáng 16 tháng 9 năm 2021, em đi xe đạp đến trường học như mọi ngày. Em đã lên lớp học và quên không khóa xe. Đến 17 giờ cùng ngày, em đã phát hiện chiếc xe đạp đã bị mất và không còn ở trong khu gửi xe của trường.

    Em xin cam đoan điều vừa tường trình là đúng sự thật. Em mong được BGH nhà trường và cô giáo chủ nhiệm giúp đỡ trong việc tìm lại chiếc xe đạp bị mất.

Người viết tường trình

                                                     (Kí tên)

Trần Văn A

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn

(nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**4. HĐ 4: Vận dụng ( 3’)**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** HS viết được văn bản tường trình có yêu cầu bất kì.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ** **(GV)**

? GV yêu cầu HS viết một văn bản tường trình cụ thể

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS làm bài, giao về nhà hoàn thiện

**HS** nghe hướng dẫn và thực hiện yêu cầu Gv giao.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV qua Zalo

**HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà.

+ Học bài, nắm chắc cách viết văn abnr tường trình.

+ Giao phiếu học tập và yêu cầu HS chuẩn bị bài sau: Nói và nghe: Trình bày ý kiến về vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại

**Ngày dạy:**

**BÀI 5: MÀU SẮC TRĂM MIỀN**

**TIẾT 66: NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

*-* Trình bày được một nét của văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về nét văn hóa đó

***2. Về năng lực:***

*\* Năng lực chung*

- Hợp tác trong làm việc nhóm [1].

- Phát triển khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ [2].

*\* Năng lực chuyên biệt*

*-* Xác định được mục đích nói và người nghe [3].

- Biết chuẩn bị những nội dung cần nói và luyện nói [4].

*-* Trình bày được một nét của văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại, thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về nét văn hóa đó [5].

- Tóm tắt được nội dung trình bày của người khác [6].

***3. Về phẩm chất:***

Bài học góp phần hình thành phẩm chất trách nhiệm, trân trọng với văn hóa truyền thống và yêu đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Khởi động**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**GV:**

**-** Chiếu bức tranh dân gian Đông Hồ “Thầy đồ Cóc”, bức tranh về các sản phẩm thủ công truyền thống mây tre đan

- Yêu cầu HS quan sát hai bức tranh và đặt câu hỏi.

**HS** quan sát bức tranh, suy nghĩ cá nhân để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:**

- Bức tranh một mô tả sinh động khung cảnh một lớp học thời xưa -> Qua bức tranh thấy hiện lên một lối giáo dục trong truyền thống mà ngày nay đã trở nên lạc hậu, phải loại bỏ: giáo dục bằng roi vọt!

- Bức tranh hai mô tả các sản phẩm thủ công truyền thống được đan từ mây tre -> Qua bức tranh thấy hiện lên một làng nghề truyền thống mà ngày nay vẫn được lưu giữ ở nhiều địa phương, nhiều làng nghề trên khắp cả nước.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV chiếu hai bức tranh và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của mỗi bức tranh?

? Trong bức tranh thứ nhất, em thấy một lối giáo dục gì trong truyền thống mà ngày nay đã trở nên lạc hậu, phải loại bỏ?

? Trong bức tranh thứ hai, em thấy nghề thuyền thống mây tre đan có còn tồn tại trong xã hội ta ngày nay không?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**HS** quan sát hai bức tranh và suy nghĩ cá nhân.

**GV** chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào các bức tranh (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** yêu cầu đại diện một HS trả lời, các em khác nhận xét và bổ sung.

**HS** đại diện trả lời, các em khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào bài học.

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU CỦA BÀI NÓI TRÌNH BÀY Ý KIẾN**  **VỀ VẤN ĐỀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI** | |
| **Mục tiêu:** [1]; [2]; [3]; [4]  **Nội dung:**  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để HS xác định các yêu cầu của bài nói trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại  **HS** thảo luận, bàn bạc, trả lời câu hỏi.  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Theo em, trong bài nói trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại, người nói nên xưng ở ngôi thứ mấy?  ? Bài nói trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại cần chú ý những yêu cầu nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời, hỗ trợ (nếu cần).  **HS** suy nghĩ, hoạt động cặp đôi, viết câu trả lời ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  **GV** yêu cầu HS trả lời  **HS** đại diện một số cặp đôi phát biểu, các em còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần)…  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS và chốt:  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **1**. **Định nghĩa**:  Trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại là nêu lên những suy nghĩ, đưa ra lí lẽ và dẫn chứng cụ thể về vấn đề ấy để làm sáng tỏ cho ý kiến của người viết.  **2. Yêu cầu chung:** Để trình bày ý kiến về một vấn đề, cần:  - Xác định vấn đề định trình bày ý kiến.  - Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói: Xác định hệ thống lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục mọi người.  - Thực hành trình bày ý kiến trước lớp.  - Chuẩn bị thêm tranh ảnh, video, thiết bị hỗ trợ nếu cần |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | | |
| **Mục tiêu:** [1]; [2]; [3]; [4]  **Nội dung:**  **GV** sử dụng KT đặt câu hỏi để HS xác định mục đích nói và đối tượng nghe trong bài nói của mình.  **HS** trả lời câu hỏi, chuẩn bị nội dung nói và luyện nói.  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nêu mục đích của bài nói.  ? Những người nghe là ai?  ? Không gian nào để trình bày bài nói?  ? Dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  - Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình  - Luyện nói trong nhóm để các bạn trong nhóm nhận xét dựa trên phiếu tiêu chí nói.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS trả lời, hỗ trợ (nếu cần).  **HS** suy nghĩ và viết câu trả lời ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  **GV** yêu cầu HS trả lời  **HS** trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung…  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS và chốt: Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **Đề bài:** Nhiều người cho rằng nên giữ gìn và phát huy các làng nghề truyền thống trong xã hội hiện đại. Ý kiến của em về vấn đề trên như thế nào?  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Mục đích: nói về một nét văn hóa truyền thống trong hiện tại, nói với người nghe.  - Người nghe: thầy (cô), bạn bè…  - Không gian: lớp học  - Thời gian: trình bày ý kiến trong khoảng 05 phút  - Lập dàn ý:  **\* Mở bài**:  + Lời chào hỏi mở đầu.  + Nêu vấn đề cần bàn luận.  \* **Thân bài**: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Kết hợp với đạo cụ, ngôn ngữ cơ thể khi trình bày bài nói.  Các lí lẽ, bằng chứng:  + Mỗi vùng miền đều có những làng nghề truyền thống, khiến vùng miền đó không bị trộn lẫn với vùng miền khác (vùng đất Bắc Giang: làng Đa Mai làm bún bánh, làng Kế làm bánh đa, …)  + Nêu các lí lẽ và bằng chứng về lợi ích của làng nghề truyền thống:  ++ Giữ gìn bản sắc  ++ Giải quyết việc làm cho lao động địa phương  ++ Giúp người dân làm giàu  ++ Tạo đòn bẩy phát triển địa phương …  + Đề xuất:  ++ Nên kết hợp phát triển làng nghề truyền thống với du lịch  ++ Nâng cao trình độ tay nghề cho các thợ trẻ  ++ Xử lý môi trường làng nghề để đảm bảo phát triển bền vững  \* **Kết bài:**  + Khẳng định lại ý kiến của em  + Lời kết  **2.** **Luyện tập nói**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. | |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | | |
| **Mục tiêu:** [1]; [2]; [5]  **Nội dung:** **GV** yêu cầu HS nói trước lớp  **HS**:  - Nói theo dàn ý đã được chuẩn bị.  - Các em khác theo dõi, ghi nhận xét ra giấy và cho điểm đối với bài của bạn trên zalo bằng cách kích tim (hoặc biểu quyết bằng tay) sau mỗi lượt nói.  **Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí.  **HS** xem lại dàn ý của HĐ viết.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  **GV:**  - Yêu cầu HS nói, kịp thời hỗ trợ các em (nếu cần).  *- Quay video một vài em và đưa lên Padlet (ở các tiết nói sau, GV quay video lần lượt các thành viên khác).*  **HS:** Đại diệnnói, các em còn lại theo dõi và ghi nhận xét ra giấy.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét chung về ý thức tham gia HĐ nói của HS và chuyển dẫn sang mục nhận xét HĐ nói. | | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (Trình bày một nét văn hóa truyền thống trong hiện tại).  + Bày tỏ rõ ý kiến, thái độ của mình về vấn đề được nói, có lí lẽ, dẫn chứng tiêu biểu, có giải pháp đề xuất  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **SAU KHI NÓI** | |
| **a)** **Mục tiêu:** [1]; [2]; [6]  **b) Nội dung:**  **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn dựa trên các tiêu chí nói.  **HS** trình bày bản nhận xét của mình.  **c) Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | | | **Nhóm**:………. | | | | | **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | | | ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** | | 1. Chọn được nét văn hóa truyền thống hay, có ý nghĩa | Chưa có nét văn hóa truyền thống để trình bày. | Có nét văn hóa truyền thống để trình bày nhưng chưa hay. | Có nét văn hóa truyền thống để trình bày hay và ấn tượng. | | 2. Nội dung nét văn hóa truyền thống phong phú, hấp dẫn | ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu nét văn hóa truyền thống. | Có đủ chi tiết để hiểu người nghe hiểu được nội dung nét văn hóa truyền thống. | Nội dung nét văn hóa truyền thống phong phú và hấp dẫn. | | 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. | | 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung trình bày. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. | | 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. | | **TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm** | | | | | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Nội dung** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  1. Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  2. Yêu cầu HS đánh giá các bạn nói theo tiêu chí.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  **HS** quan sát HĐ nói của bạn và ghi nhận xét ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **HS** thực hiện HĐ nói trình bày ý kiến của mình trước những ý kiến phản bác (nếu cần)  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Bài nói của HS sau khi đã được rút kinh nghiệm từ nhận xét sau khi nói.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Căn cứ vào góp ý của các bạn và phiếu đánh giá tiêu chí, hoàn thiện bài nói của em (nếu cần).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS hoàn thiện bài nói của mình.

GV hướng dẫn HS hoàn thiện (nếu cần).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

**HS** trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Vận dụng** (cho về nhà và nộp trên Padlet)

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản phẩm của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Sức hấp dẫn của các di tích lịch sử văn hóa với du khách.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

**HS** đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

**HS** làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ngày dạy:**

**TIẾT 67: ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

HS chia sẻ được với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài 4. *Giai điệu đất nước* và bài 5. *Màu sắc trăm miền.*

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- HS chia sẻ được với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài 4. *Giai điệu đất nước* và bài 5. *Màu sắc trăm miền.* Qua việc chia sẻ kết quả đọc mở rộng, HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kĩ năng được học để tự đọc những VB mới thuộc thể loại thơ, tuỳ bút, tản

- Nắm được những nét độc đáo về từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong một bài thơ và chất chữ tình, cái tôi của nhà văn, ngôn ngữ được sử dụng trong một bài tùy bút hay tản văn.

**3. Phẩm chất:**

- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1 : KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS tham gia trò chơi **“**Ai nhanh hơn**”**

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”, chia lớp thành các nhóm nhỏ để tham gia trò chơi với câu hỏi:  *+ Kể tên một số bài thơ, tùy bút, tản văn viết về tình yêu quê hương và vẻ đẹp đời sống ở các vùng miền trong và ngoài nước mà em biết?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời  - GV quan sát, lắng nghe  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS tham gia trò chơi  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | - HS liệt kê được tên bài thơ, tùy bút, tản văn  Vd:  - Tháng Giêng  - Tháng giêng, mơ về trăng non rét ngọt  - Chuyện cơm hến  - Sông Đà  - Cảnh sắc và hương vị đất nước  - Quê hương tôi...  - Cây tre Việt Nam |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 2.1: Trao đổi kết quả tự đọc**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những nét độc đáo về từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong một bài thơ và chất chữ tình, cái tôi của nhà văn, ngôn ngữ được sử dụng trong một bài tùy bút hay tản văn.

**b. Nội dung:** Hs trao đổi với các bạn trong nhóm .

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Học sinh nhắc lại khái niệm và đặc điểm của tùy bút, tản văn*  *+ GV yêu cầu HS: lựa chọn VB tự đọc và trao đổi với các thành viên trong nhóm.*  *- HS cần chú ý đến từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp biện pháp tu từ và tình cảm, cảm xúc của tác giá thể hiện trong bài thơ; chất trữ tình, cái* ***tôi*** *tác giả, ngôn ngữ của bài tuỳ bút hay tản văn*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời  - GV quan sát, lắng nghe  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày ý kiến  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  *- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài* | **1. Trao đổi kết quả tự học**  - Tuỳ bút là một thể loại văn xuôi thuộc loại hình kí.  - Tản văn là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc, giàu sức gợi  - Với bài thơ hs cần chỉ ra:  *+Những từ ngữ, hình ảnh nào trong bài thơ khiến em chú ý?*  *+ Cách gieo vần, ngắt nhịp trong bài thơ có gì đặc biệt?*  *+ Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong bài thơ?*  *+ Tác dụng biểu đạt của nó như thế nào?*  *+ Em có cảm nhận gì về tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện trong bài thơ?*  - Với tuỳ bút và tản văn, nội dung trao đổi, thảo luận có thể xoay quanh những câu hỏi như:  + *VB có điểm gì giống về mặt thể loại với các VB được học trong bài 5 (Các yếu tố cơ bản của VB có phải là cốt truyện, nhân vật...không hay là yếu tố nào khác?)*  *+ VB có gì thú vị?*  *+ Đó là VB hư cấu hay phi hư cấu?*  *+ Nó có gì khác so với các VB nghị luận và VB thông tin?* |

**Hoạt động 2.2: Trình bày kết quả tự đọc**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những nét độc đáo về từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong một bài thơ và chất chữ tình, cái tôi của nhà văn, ngôn ngữ được sử dụng trong một bài tùy bút hay tản văn.

**b. Nội dung:** Hs chia sẻ trước lớp những ý kiến và thông tin đã trao đổi trong nhóm.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ GV gọi một số HS chia sẻ trước lớp những ý kiến và thông tin thú vị đã trao đổi trong nhóm.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động  - Hs báo báo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **2. Trình bày kết quả** |

**Hoạt động 2.3: Nhận xét hoạt động đọc**

**a. Mục tiêu:** HS rút kinh nghiệm, trao đổi cho nhau những hiểu biết.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Hs nhận xét bài của các thành viên  - Gv nhận xét và khen ngợi những học sinh đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  - Gv lắng nghe, quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động  - Hs báo báo kết quả, Hs khác lắng nghe, quan sát, nhận xét  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **3. Nhận xét, rút kinh nghiệm** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: Đọc, hiểu hình ảnh nổi bật trong tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**

1. Tìm đọc một số bài thơ, tuỳ bút, tản văn viết về tình yêu quê hương và vẻ đẹp đời sống ở các vùng miền trong và ngoài nước. Ghi vào nhật kí đọc sách những nội dung đáng chú ý của các văn bản mà em đã đọc.

2. Trao đổi với các bạn về:

 - Nội dung chính và chủ đề của mỗi văn bản.

 - Những nét độc đáo về từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong một bài thơ.

- Chất trữ tình, cái tôi của nhà văn và ngôn ngữ được sử dụng trong một bài tuỳ bút hay tản văn.

3. Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ em yêu thích.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS làm việc cá nhân

- Dự kiến sản phẩm:

1.Một số bài thơ, tuỳ bút, tản văn viết về tình yêu quê hương và vẻ đẹp đời sống ở các vùng miền trong và ngoài nước là:

- Đất nước (Nguyễn khoa Điềm).

- Mùi của kí ức (Nguyễn Quang Thiều).

2.Trả lời:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Đất nước | Mùi của kí ức |
| Nội dung chính | Bài thơ thể hiện cách nhìn mới mẻ, độc đáo về đất nước trên nhiều góc độ khác nhau: văn hóa, lịch sử, địa lí...Từ đó, làm nổi bật tư tưởng “Đất nước của nhân dân” | Nói về hương vị ẩm thực của quê hương làng Chùa. Đồng thời thể hiện nỗi nhớ của tác giả về hương vị thân thuộc của tuổ thơ. |
| Chủ đề | Tình yêu quê hương, đất nước. | Tình yêu quê hương. |
| Từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, BPTT | - Từ ngữ, hình ảnh bình dị, gần gũi, giàu chất liệu văn hóa dân gian  - Thể thơ tự do  - Giọng thơ trữ tình, chính luận.  - BPTT: điệp cấu trúc, liệt kê. |  |

3.

Đoạn thơ em yêu thích có thể:

Trong anh và em hôm nay

Đều có một phần Đất Nước

Khi hai đứa cầm tay

Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm

Khi chúng ta cầm tay mọi người

Đất Nước vẹn tròn, to lớn

Mai này con ta lớn lên

Con sẽ mang Đất Nước đi xa

Đến những tháng ngày mơ mộng

Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hoà thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên Đất Nước muôn đời

**\* Báo cáo, thảo luận:** thuyết trình cá nhân

**\* Kết luận nhận định:**

- GV khen ngợi những HS có câu trả lời chính xác

**Ngày dạy:**

**TIẾT 68, 69: ÔN TẬP HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Ôn lại kiến thức trọng tâm bài 3, 4, 5

- Ôn kiến thức:Số từ, phó từ, dấu câu, các biện pháp tu từ, nghĩa của từ.

- Viết bài văn biểu cảm

**2. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

- HS biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm, kỹ năng được học trong bài 3,4,5 để giải quyết các nhiệm vụ học tập trong tiết ôn tập.

- Sử dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt: Số từ, phó từ, dấu câu, các biện pháp tu từ, nghĩa của từ.

- Thực hành : viết bài văn biểu cảm về con người và sự việc.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt: biết sử dụng hệ thống ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng cá nhân một cách tự tin trong từng bối cảnh và đối tượng; thể hiện được thái độ biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.

- Năng lực sáng tạo: biết sử dung ngôn ngữ trong hoàn cảnh giao tiếp cụ thể

- Năng lực giải quyết vấn đề: thu thập và phân tích ngữ liệu, chọn phương án tối ưu và biện giải về sự chọn lựa.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Tích cực đọc , học ,làm bài tập.

- Trách nhiệm: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ học được giao

- Trung thực: Tự giác và báo cáo trung thực việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân, đảm bảo mỗi sản phẩm học tập đều do bản thân hs thực hiện, không sao chép hay coppy bài bạn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Kế hoạch bài học.

- Thiết bị: Máy tính, máy chiếu

**2. Học sinh:**

- Soạn bài.

- Thực hiện nhiệm vụ mà GV giao cho.

**III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP**

**A, VĂN HỌC**

***a) Mục tiêu:***Rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức và hướng dẫn của GV để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

***b) Nội dung:*** HS trình bày được nội dung, nghệ thuật tiêu biểu và những điều được rút ra từ tác phẩm của các văn bản đã học.

***c) Sản phẩm:***  Các sản phảm của HS

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **A. VĂN BẢN** | |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | *-* GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu HS hoạt động nhóm  Nêu những nét tiêu biểu về nội dung, nghệ thuật của các văn bản đã học (GV giao nhiệm vụ từ tiết học trước để HS chuẩn bị)  + Nhóm 1: Mùa xuân nho nhỏ  + Nhóm 2: Gò Me  + Nhóm 3: Tháng giêng, mơ về trăng non rét ngọt  + Nhóm 4: Chuyện cơm hến |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - Nhóm trưởng điều hành  + Phân chia công việc.  + Hoàn thành sản phẩm: Trên giấy A0/ PP  + Tập luyện thuyết trình.  - GV đôn đốc hỗ trợ các nhóm khi thực hiện  - Các nhóm hoàn thiện sản phẩm. |
| **Báo cáo thảo luận** | - Nhóm cử đại diện thuyết trình sản phẩm.  - Nhóm khác chú ý lắng nghe ghi lại điều thắc mắc và nhận xét bài thuyết trình của nhóm trình bày  - GV nghe HS trình bày.  - Dự kiến đáp án:  **1. Văn bản: Mùa xuân nho nhỏ**  **\* Nghệ thuật**  - Thể thơ năm chữ, cách gieo vần liền giữa các khổ thơ đã tạo ra sự liền mạch cảm xúc.  - Ngôn ngữ và hình ảnh thơ giản dị, trong sáng, giàu sức gợi  - Cảm xúc chân thành, tha thiết, cho nên bài thơ trở thành tiếng lòng của nhà thơ thanh Hải với đất nước, với cuộc đời.  **\*Nội dung**  Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” thể hiện thành công vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước. Qua đó bày tỏ lẽ sống cao đẹp là sẵn sàng dâng hiến cuộc đời mình cho đất nước.  **2.Văn bản: Gò Me**  **\* Nghệ thuật.**  - Thể thơ trữ tình, sử dụng hình ảnh, ngôn ngữ giầu sức gợi.  **\* Nội dung.**  **-** Vẻ đẹp thiên nhiên và con người.  **-** Tình yêu, nỗi nhớ da diết, niềm tự hào đối với quê hương.  **3. Văn bản: Tháng giêng mơ về trăng non rét ngọt**  **\*Nghệ thuật**  - Lựa chọn từ, ngữ, câu văn linh hoạt, biểu cảm, giàu hình ảnh  - Trình bày nội dung văn bản theo mạch cảm xúc lôi cuốn, say mê.  - Có nhiều so sánh, liên tưởng phong phú, độc đáo, giàu chất thơ.  **\*Nội dung**  ***-*** Văn bản thể hiện sự gắn bó máu thịt giữa con người với quê hương, xứ sở - một biểu hiện cụ thể của tình yêu đất nước.  **4. Văn bản: Chuyện cơm hến**  **\* Nghệ thuật**  - Ngôn ngữ bình dị, đậm chất địa phương  - Lối viết lôi cuốn, hấp dẫn  - Cái tôi yêu quê hương, yêu văn hóa ẩm thực  **\* Nội dung**  - Chuyện cơm hến không phải chỉ đơn giản là văn bản giới thiệu một món ăn. Tác giả còn giới thiệu đến người đọc những câu chuyện xung quanh món cơm hến và đặc biệt là khẳng định giá trị văn hóa tinh thần của món ăn |
| **Đánh giá kết quả** | - Học sinh nhận xét, bổ sung.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá |

**B. TIẾNG VIỆT**

***a) Mục tiêu:*** HS sử dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt đã học.

***b) Nội dung:*** Số từ, phó từ, dấu câu, Các biện pháp tu từ, nghĩa của từ.

***c) Sản phẩm:***  Các sản phẩm của HS

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | - Hs hoạt động cặp đôi, trả lời các câu hỏi: T/g 5 phút  H. Số từ là gì? Số từ được chia thành mấy loại. Lấy ví dụ.  H. Phó từ là gì? Phó từ được chia thành mấy nhóm. Ví dụ. |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS thực hiện nhiệm vụ  *-* GV quan sát, hỗ trợ. |
| **Báo cáo thảo luận** | - HS trình bày  - GV nghe HS trả lời.  - Dự kiến sản phẩm  1. Số từ là từ chỉ số lượng và thứ tự.  + Số từ chỉ số lượng  + Số từ chỉ thứ tự  - VD  2. phó từ là những từ đi kềm DT, ĐT, TT bổ sung ý nghĩa cho ĐT, TT, DT.  + Phó từ đi kèm DT  + Phó từ đi kềm ĐT, TT  VD  3.Điệp ngữ  - Khái niệm  - Tác dụng  - Hs lấy ví dụ. |
| **Đánh giá kết quả** | - Học sinh lắng nghe  - Giáo viên nhận xét, đánh giá |

**C. TẬP LÀM VĂN**

***a) Mục tiêu:*** HS biết viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

***b) Nội dung:*** Thực hành viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc .

***c) Sản phẩm:***  Các sản phẩm của HS

***d) Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | GV tổ chức cho học sinh trình bày cá nhân tại chỗ  1. (HS Nhóm 1 + 2): Yêu cầu và dàn bài bài văn biểu cảm về con người và sự việc  2. (HS Nhóm 3 + 4): Biểu cảm về người hoặc sự việc em ấn tượng. |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS chuẩn bị trước ở nhà  *-* GV quan sát, hỗ trợ. |
| **Báo cáo thảo luận** | - HS trình bày cá nhân.  - GV nghe HS trả lời.  - Dự kiến sản phẩm  1. Yêu cầu  - Giới thiệu đối tượng biểu cảm, nêu ấn tượng ban đầu về đối tượng đó  - Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người, sự vật đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em  - Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến  - Sử dụng ngôn ngữ sinh động giàu cảm xúc  Dàn bài:  -MB:  + Giới thiệu người hoặc sự việc mà em muốn bày tỏ tình cảm, suy nghĩ  + Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về người và sự việc đó   * TB:   + Trình bày tình cảm, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc  + Nêu ấn tượng về người hoặc sự việc đó  -KB: Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người hoặc sự việc được nói tới  2. Biểu cảm về người hoặc sự việc để lại tình cảm trong em. |
| **Đánh giá kết quả** | - Học sinh lắng nghe  - Giáo viên nhận xét, đánh giá |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**

*a) Mục tiêu:* Học sinh biết làm một bài kiểm tra hoàn chỉnh với các kiến thức về văn bản, tiếng việt và viết một bài tập làm văn

*b) Nội dung: Gv đưa ra đề yêu cầu học sinh làm vào vở*

*c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh

*d) Tổ chức hoạt động:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyển giao nhiệm vụ** | *Yêu cầu học sinh làm đề bài sau:*  **PHẦN I: ĐỌC HIỂU**  ***Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:***  **ĐƯA CON ĐI HỌC**  *Sáng nay mùa thu sang*  *Cha đưa con đi học*  *Sương đọng cỏ bên đường*  *Nắng lên ngời hạt ngọc*  *Lúa đang thì ngậm sữa*  *Xanh mướt cao ngập đầu*  *Con nhìn quanh bỡ ngỡ*  *Sao chẳng thấy trường đâu?*  *Hương lúa tỏa bao la*  *Như hương thơm đất nước*  *Con ơi đi với cha*  *Trường của con phía trước*  (Tế Hanh)  **Câu 1:** Bài thơ viết theo thể thơ nào? Dựa vào đâu em nhận biết được?  **Câu 2**: Những hình ảnh nào đặc biệt gây ấn tượng với em? Từ những hình ảnh ấy hãy mô tả không gian nghệ thuật trong bài thơ  **Câu 3**: Trong câu thơ “Lúa đang thì ngậm sữa” nhà thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Chỉ ra tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.  **Câu 4**: Bài thơ thể hiện tình cảm của người cha giành cho con như thế nào?  **Câu 5**: Kể tên một số tác phẩm viết về tình cha con  **Câu 6**: Trong ngày đầu đến trường, em có cảm xúc như thế nào? Hãy chia sẻ với các bạn cảm xúc của mình trong ngày đặc biệt đó  **PHẦN II: Viết**  **Câu 1:**  Từ nội dung đoạn thơ phần đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ về tình cha con.  **Câu 2: (5,0 điểm)**  Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc |
| **Thực hiện nhiệm vụ** | - HS hoạt động cá nhân thực hiện yêu cầu.  *-* GV quan sát, hỗ trợ. |
| **Trình bày sản phẩm** | - HS trình bày cá nhân.  - GV nghe, quan sát HS trình bày (miệng hoặc trên bảng)  - Dự kiến sản phẩm:  **I. Đọc- hiểu:**  Câu 1.Thể thơ ngũ ngôn. Vì mỗi dòng thơ có 5 chữ  Câu 2. Những hình ảnh gây ấn tượng “Sương đọng cỏ bên đường/ Nắng lên ngời hạt ngọc/ Xanh mướt cao ngập đầu...=> không gian trong trẻo trong một buổi sáng mùa thu ở một miền quê  Câu 3: Sử dụng biện pháp nghệ thuật AD => trở nên sinh động gợi cảm:  Câu 4: Bài thơ thể hiện tình yêu thương, thấu hiểu của người cha trước đứa con bế bỏng của mình  Câu 5: Những cánh buồm; Lão Hạc; Tôi đi học  **II. Tạo lập văn bản**  **Câu 1:**  - Yêu cầu cụ thể:  Triển khai hợp lí nội dung đoạn văn: Học sinh có thể viết đoạn văn theo định hướng sau:  + Tình cảm cha con:  + Có thái độ phê phán trước những hành vi không kính trọng cha mẹ  Câu 2:  -MB:  + Giới thiệu người hoặc sự việc mà em muốn bày tỏ tình cảm, suy nghĩ  + Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về người và sự việc đó   * TB:   + Trình bày tình cảm, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc  + Nêu ấn tượng về người hoặc sự việc đó  -KB: Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người hoặc sự việc được nói tới |
| **Đánh giá kết quả** | - HS đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét đánh giá. |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Ôn tập các nội dung trên

- Chuẩn bị kiểm tra giữ kỳ I

**Ngày dạy:**

**TIẾT 70, 71: KIỂM TRA KÌ I**

**(Kiểm tra theo kế hoạch và đề chung của nhà trường)**

**I. MỤCTIÊU:**

**1. Về kiến thức:**

- Kiểm tra kiến thức đã học về các chủ đề: Cội nguồn yêu thương; giai điệu đất nước; Màu sắc trăm miền

- Đánh giá được khả năng nhận thức, ghi nhớ, vận dụng bài học của mỗi học sinh.

**2. Về năng lực:**

-Rèn ý thức tự giá, nghiêm túc làm bài cũng như kỹ năng làm bài tổng hợp, tự luận.

**-** Năng lực tự đánh giá, năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề.

**3. Về phẩm chất**: Giáo dục tính trung thực, sáng tạo

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Đề bài kiểm tra

- Ôn lại kiến thức về đặc trưng thể loại ,kiến thức tiếng Việt, văn biểu cảm

- Giấy kiểm tra

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra:**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7 - KNTTVCS**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ (Thơ 5 chữ) | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản biểu cảm về con người hoặc sự việc. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ (thơ năm chữ) | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể thơ, phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ trong đoạn thơ.  - Nhận biệt được những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong đoạn thơ.  **Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  **Vận dụng:**  - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.  - Đánh giá được nét độc đáo của đoạn thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | 3 TN | 5 TN | 2 TL |  |
| **2.** | **Viết** | Phát biểu cảm nghĩ về con người hoặc sự việc. | **Nhận biết:** Kiểu văn bản biểu cảm, cấu trúc  **Thông hiểu:** Biết xác định đối tượng biểu cảm  **Vận dụng:** Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu vé dối tượng đó.  - Nêu được những đậc điểm nổi bật khiến người, sự việc dó dể lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em,  **Vận dụng cao:**  • Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.  • Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc. | 1\* | 1\* | 1\* | 1 TL\* |
| **Tổng** | |  | | 3 TN | 5 TN | 2 TL | 1 TL |
| **Tỷ lệ %** | |  | | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỷ lệ chung** | |  | | **60%** | | **40%** | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc đoạn thơ sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | *Chót trên cành cao vót Mấy quả sấu con con Như mấy chiếc khuy lục Trên áo trời xanh non.*  *Trời rộng lớn muôn trùng Đóng khung vào cửa sổ Làm mấy quả sấu tơ Càng nhỏ xinh hơn nữa.*  *Trái con chưa đủ nặng Để đeo oằn nhánh cong. Nhánh hãy giơ lên thẳng Trông ngây thơ lạ lùng.*  *Cứ như thế trên trời Giữa vô biên sáng*[*nắng*](https://ocuaso.com/tag/nang) *Mấy chú quả sấu non Giỡn cả cùng mây trắng...* |  |
|  | (Trích Quả sấu non trên cao – Xuân Diệu)) | |

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1:** Đoạn thơ trên viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ

B. Năm chữ

C. Bảy chữ

D. Tám chữ

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

A. Biểu cảm.

B. Miêu tả.

C. Nghị luận.

D. Tự sự.

**Câu 3:** Trong khổ thơ 2 có sử dụng biện pháp tu từ gì?

A. Nhân hóa

B. Ẩn dụ

C. So sánh

D. Hoán dụ.

**Câu 4:** Trong đoạn thơ, nhà thơ đã miêu tả những quả sấu non bằng những hình ảnh nào?

A. Những quả sấu non nhỏ xinh, ngây thơ.

B. Những quả sâu non nhí nhảnh.

C. Những quả sấu non như những chiếc khuy lục, nhỏ xinh, ngây thơ, đũa giỡn cùng mây trắng.

D. Những quả sâu non như chiếc khuy lục.

**Câu 5:** Tại sao tác giả lại cảm thấy những quả sấu tơ *“Càng nhỏ xinh hơn nữa*”?

A. Vì chúng ở trên cao.

B. Vì chúng là những quả sấu non.

C. Vì chúng chưa lớn.

D. Vì chúng là “*khuy lục”* của áo trời mà trời thì rộng lớn.

**Câu 6:** Em hiểu từ “Giỡn” trong câu thơ “*Giỡn cả cùng mây trắng*” có nghĩa là gì?

A. Vui

B. Đùa

C. Chơi

D. Nghịch

**Câu 7:** Khi gọi tên quả sấu bằng những tên khác nhau “*quả sấu con con*”, “*quả sấu tơ”*, “*trái con”, “mấy chú quả sấu con*” tác giả muốn thể hiện dụng ý gì?

A. Thể hiện những quả sấu còn non, nhỏ bé.

B. Thể hiện sự gần gũi.

C. Thể hiện sự vui đùa.

D. Thể hiện thân thiết.

**Câu 8:** Nhận xét nào sau đây nói đúng nhất nội dung của bài thơ trên?

A. Miêu tả quả sấu non.

B. Miêu tả quá trình phát triển của quả sấu.

C. Miêu tả sức sống kì diệu của quả sấu.

D. Miêu tả chân thực và sinh động hình ảnh chùm quả sấu non trên cao.

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9:** Viết đoạn văn từ 3 – 5 dòng trình bày cảm nhận của em về sự kì diệu của thiên nhiên.

**Câu 10:** Qua đoạn thơ, tác giả muốn nhắn nhủ tới người đọc điều gì?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | C | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | A | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh có thể trình bày tự do, sáng tạo nhưng phải phù hợp với đoạn thơ và yêu cầu. (Thiên nhiên luôn ẩn chứa những điều kì diệu. Một bông hoa, một nhánh cỏ, một chồi non, một tiếng chim buổi sớm, đều có những vẻ đẹp, sự quyến rũ riêng, độc đáo bất ngờ, cần có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, tình yêu với thiên nhiên, tạo vật.), đủ dung lượng. | 1,0 |
|  | **10** | -HS nêu được lời nhắn nhủ mà tác giả muốn gửi tới người đọc:  *Qua hình ảnh quả sấu non, nhà thơ muốn giáo dục lòng yêu thiên nhiên say mê, khám phá những bí ẩn của tự nhiên xung quanh và lòng tự hào về cuộc sống dân tộc.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. | 0,25 |
|  | *c. Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.*  HS viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  • Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu vé dối tượng đó.  • Nêu được những đậc điểm nổi bật khiến người, sự việc dó dể lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em,  • Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.  • Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc. | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo, bài viết lôi cuốn, hấp dẫn. | 0,25 |

**Ngày dạy:**

**TIẾT 72: TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ I**

**I. Mục tiêu cần đạt**.

**1. Kiến thức**

Nhận xét ưu diểm, khuyết điểm của mình khi làm bài kiểm tra, từ đó rút kinh nghiệm làm bài tốt hơn.

**2.Năng lực*:***

- HS nhận thấy những ưu diểm, khuyết điểm của mình khi làm bài kiểm tra, từ đó rút kinh nghiệm làm bài tốt hơn.

- Có kỹ năng diễn đạt trôi chảy, có hình ảnh, cảm xúc.

***3.* Phẩm chất:**

-Nhân ái, yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị của cộng đồng

**II. Phương tiện và học liệu**

- Soạn bài, sgk, sgv, tài liệu chuẩn kiến thức kĩ năng, các sách tham khảo có liên quan đến bài học.

- Chuẩn bị bài, trả lời các câu hỏi bài tập SGK.

**III. Tiến trình tổ chức dạy học**

**Hoạt động 1: Khởi động**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Từ bài viết các em rút ra được cách làm bài văn nghị luận, trả lời câu hỏi…  **b) Nội dung**:  **GV** tổ chức trò chơi chia lớp làm hai nhóm sau đó thi nhau xem nhóm nào làm xong trước về cách làm bài văn nghị luận…  **c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được  - Cách làm bài văn nghị luận.  **d) Tổ chức thực hiện:** GV tổ chức trò chơi  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV hướng dẫn luật chơi.  - HS quan sát, lắng nghe & trả lời câu hỏi.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS tham gia trò chơi dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV. **-** Quan sát câu hỏi, suy nghĩ trả lời nhanh.  GV hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe.  - Theo dõi Hs trả lời, ghi điểm.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV.  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động trò chơi của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động ôn tập.  -Giáo viên dẫn vào bài: Viết tên bài học, nêu mục tiêu chung của bài học và chuyển dẫn vào trả bài |

- Các em đã làm bài kiểm tra tổng hợp cuối năm. bài học này chúng ta cùng chữa bài kiểm tra những đơn vị kiến thức các em đã thực hiện trong bài kiểm tra học kì để rút kinh nghiệm trong quá trình học.

- Các em đã làm bài kiểm tra tổng hợp cuối năm. bài học này chúng ta cùng chữa bài kiểm tra những đơn vị kiến thức các em đã thực hiện trong bài kiểm tra học kì để rút kinh nghiệm trong quá trình học.

Hoạt động hình thành kiến thức.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| HĐ 1. HDHS kiểm tra kết quả qua dáp án bài thi  - Gọi HS đọc các câu hỏi trong đề bài.  - HD hs lập dàn bài theo đề yêu cầu  - Trả lời các câu hỏi. | 1. Kiểm tra kết quả bài làm |
| HĐ 2. HDHS nhận xét và sửa lỗi:  - HS phát biểu về những yêu cầu cần đạt của đề tự luận và trình bày dàn ý khái quát của mình.  - GV bổ sung hoàn chỉnh dàn ý khái quát.  - GV chọn một bài khá và một bài yếu để đọc cho cả lớp nghe.  - HS gúp ý kiến nhận xét về các bài vừa đọc.  - Yêu cầu hs tự kiểm tra lỗi chính tả báo cáo và nhận xét. | 2. Hướng dẫn HS nhận xét và sửa lỗi phần tự luận:  - GV nhận xét bài làm của hs về các mặt:     + Năng lực và kết quả nhận diện kiểu văn bản.     + Năng lực và kết quả vận dụng lập luận, dẫn chứng, lời lẽ hướng vào giải quyết vấn đề trong đề bài.     + Bố cục đảm bảo tính cân đối và làm nổi từ trọng tâm..     + Năng lực và kết quả diễn đạt: Chữ viết, dựng từ, lỗi ngữ pháp thụng thường.  - HS phát biểu bổ sung, điều chỉnh và sửa chữa thêm. |

**4. Củng cố, luyện tập**

- Gv chốt lại nội dung của tiết trả bài

**5. Hướng dẫn về nhà**

- Ôn tập các thể loại nghị luận chứng minh, giải thích và biểu cảm.

**Ngày kí:**

Nguyễn Thị Huệ